BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

LÊ HỒNG MAI

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

HÀ NỘI, 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

LÊ HỒNG MAI

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

Chuyên ngành: **Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt**
Mã số: **62.14.01.11**
Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục
Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS Nguyễn Thanh Hùng**

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án này là kết quả nghiên cứu của cá nhân tôi, những số liệu và tài liệu được trích dẫn trong luận án là trung thực, nội dung và kết quả nghiên cứu này không trùng với bất cứ công trình nào được công bố trước đó.

Hà Nội, tháng 10 năm 2016

Tác giả luận án

Lê Hồng Mai

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

STT	Viết đầy đủ	Viết tắt
1.	Chương trình và Sách giáo khoa	CT và SGK
2.	Đọc hiểu văn bản	ĐHVB
3.	Đối chứng	ĐC
4.	Điểm trung bình	ĐTB
5.	Giáo viên	GV
6.	Hoàng Phủ Ngọc Tường	HPNT
7.	Học sinh	HS
8.	Kĩ năng đọc hiểu	KNĐH
9.	Kĩ năng học tập	KNHT
10.	Luận án	LA
11.	Nâng cao	NC
12.	Phương pháp dạy học	PPDH
13.	Phổ thông	PT
14.	Tác phẩm văn chương	TPVC
15.	Thực nghiệm	TN
16.	Trung học cơ sở	THCS
17.	Trung học phổ thông	THPT
18.	Văn bản	VB

MỤC LỤC

Trang

MỞ ĐẦU
1. Lí do chọn đề tài 1
2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 3
3. Mục đích nghiên cứu 4
4. Nhiệm vụ nghiên cứu 4
5. Phương pháp nghiên cứu 5
6. Giả thuyết khoa học 5
7. Những đóng góp mới của luận án 6
8. Cấu trúc của luận án 6

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU 7

1.1. Nghiên cứu về phương pháp và kĩ năng đọc sách nói chung 7

1.2. Nghiên cứu về đọc hiểu văn bản và dạy đọc hiểu văn bản 10

1.3. Nghiên cứu về rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản trong dạy học Ngữ văn 17

1.4. Nghiên cứu về kí và dạy học tác phẩm kí 20

Tiểu kết chương 1 22

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG 23

2.1. CƠ SỞ LÍ LUẬN 23

2.1.1. Kĩ năng và kĩ năng học tập 24

2.1.1.1. Quan niệm, bản chất của kĩ năng 24

2.1.1.2. Kĩ năng học tập 26

2.1.2. Đọc hiểu văn bản và kĩ năng đọc hiểu văn bản 27

2.1.2.1. Đọc hiểu văn bản 27

2.1.2.2. Kĩ năng đọc hiểu 31

2.1.3. Kí và đặc trưng loại hình văn bản kí 34

2.1.3.1. Kí và các tiểu loại kí 34

2.1.3.2. Một số đặc trưng loại hình kí 37

2.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN 46

2.2.1. Kí trong Chương trình và Sách giáo khoa hiện hành 46
2.2.2. Kí và sự phát triển phẩm chất, năng lực của HS trong thời đại mới 48
2.2.3. Thực tiễn đổi mới giáo dục theo xu thế toàn cầu hóa 49
2.2.4. Hiện trạng dạy học đọc hiểu văn bản và kĩ năng đọc hiểu văn bản kí của học sinh phổ thông 50
2.2.4.1. Mục đích, đối tượng và nội dung khảo sát 50
2.2.4.2. Kết quả khảo sát 52
2.2.4.3. Nhận xét chung từ kế quả khảo sát 60
2.3. NHIỆM VỤ ĐẶT RA TỪ CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN 60
Tiểu kết chương 2 62
CHƯƠNG 3: HỆ THỐNG KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ VÀ GIẢI PHÁP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG 63
3.1. HỆ THỐNG KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ 63
3.1.1. Kĩ năng đọc lướt để xác định mục tiêu và cách thức tổ chức hoạt động đọc hiểu văn bản kí 64
3.1.2. Kĩ năng đọc chính xác để nhận diện yếu tố sự thực, yếu tố hư cấu và tóm tắt nội dung thông tin 65
3.1.3. Kĩ năng đọc phân tích để đi tìm cảm hứng cội nguồn về quê hương đất nước và tình yêu cái đẹp, về con người và văn hóa Việt của văn bản kí 66
3.1.4. Kĩ năng đọc sáng tạo để đóng góp giá trị mới, mở rộng ý nghĩa nội dung và giá trị nghệ thuật cho tác phẩm kí 68
3.1.5. Kĩ năng đọc tích lũy để hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm kí và củng cố tri thức thể loại kí 69
3.1.6. Kĩ năng đọc kết nối để mở rộng ý nghĩa đời sống của văn bản 70
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG 73
3.2.1. Sử dụng chiến lược đọc hiểu để rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản kí 74
3.2.1.1. Rèn luyện kĩ năng đọc lướt bằng chiến lược toàn cảnh 76
3.2.1.2. Rèn luyện kĩ năng đọc chính xác bằng chiến lược xác định nội dung tầng cấu trúc ngôn từ của văn bản kí 79
3.2.1.3. Rèn luyện kĩ năng đọc phân tích bằng chiến lược đi tìm điểm sáng thẩm mĩ, xác định phương thức trình bày nghệ thuật, chiều sâu ý nghĩa của 83

văn bản kí
3.2.1.4. Rèn luyện kĩ năng đọc sáng tạo bằng chiến lược đồng sáng tạo 86
3.2.1.5. Rèn luyện kĩ năng đọc tích lũy bằng chiến lược hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung và nghệ thuật của văn bản kí 90
3.2.1.6. Rèn luyện kĩ năng đọc kết nối bằng chiến lược liên hệ, vận dụng 92
3.2.2. Sử dụng hệ thống bài tập rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí 95
3.2.2.1. Bài tập nhận diện sự kiện, hiện tượng sự thực đời sống và thế giới nghệ thuật 97
3.2.2.2. Bài tập phân tích ý nghĩa các yếu tố nghệ thuật trong văn bản kí 98
3.2.2.3. Bài tập xác định "hiện thực văn hóa đa chiều" trong tác phẩm kí 98
3.2.2.4. Bài tập nhận diện và xác định tiểu loại kí 99
3.2.2.5. Bài tập vận dụng và liên hệ thực tế 100
Tiểu kết chương 3 104
CHƯƠNG 4: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM 105
4.1. GIỚI THIỆU CHUNG 105
4.1.1. Mục đích, nhiệm vụ thực nghiệm 105
4.1.2. Các bước tiến hành thực nghiệm 105
4.1.3. Định hướng thiết kế thực nghiệm 108
4.1.3.1. Các hoạt động trước giờ học (Bước chuẩn bị) 108
4.1.3.2. Các hoạt động trong giờ học đọc hiểu văn bản 108
4.1.3.3. Các hoạt động sau giờ học đọc hiểu văn bản 109
4.2. NỘI DUNG THỰC NGHIỆM 109
4.2.1. Đọc hiểu văn bản *Cây tre Việt Nam* 109
4.2.2. Đọc hiểu văn bản *Một thứ quà của lúa non: Cốm* 115
4.2.3. Đọc hiểu văn bản *Người lái đò Sông Đà* 122
4.3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM 129
4.3.1. Tiêu chí và nội dung đánh giá kết quả thực nghiệm 129
4.3.2. Nội dung đánh giá kết quả thực nghiệm 131
4.3.2.1. Đánh giá về mặt định tính 131
4.3.2.2. Đánh giá về mặt định lượng 131
4.3.3. Tổng hợp, xử lí và đánh giá kết quả bài kiểm tra 132

4.3.3.1. Tổng hợp, xử lí kết quả bài kiểm tra 132
4.3.3.2. Nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm 142
Tiểu kết chương 4 144
KẾT LUẬN 146
TAI LIỆU THAM KHẢO 152
PHỤ LỤC 160

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

1.1. Rèn luyện kĩ năng học tập là một trong những mục tiêu của đổi mới giáo dục và đào tạo

Gần đây, thuật ngữ "kĩ năng" đã trở nên rất quen thuộc với các khái niệm như là kĩ năng sống, kĩ năng mềm, kĩ năng chuyên môn, kĩ năng giao tiếp,… trong hoạt động học tập là kĩ năng học tập, kĩ năng đọc, kĩ năng viết, kĩ năng nói, kĩ năng giải toán, kĩ năng làm việc nhóm,... Bởi vì yếu tố "kĩ năng" có vai trò rất quan trọng đối với hiệu quả của hoạt động.

Bất cứ hoạt động nào muốn đạt được hiệu quả cao đều cần những kĩ năng cần thiết và phù hợp. Trong hoạt động dạy học, hình thành và rèn luyện hệ thống kĩ năng học tập cơ bản cho HS vừa là nội dung vừa là mục tiêu quan trọng. Mỗi môn học cần hệ thống kĩ năng riêng, mỗi nội dung học tập lại đòi hỏi hệ thống kĩ năng chuyên biệt. Bởi vậy, xác định đúng những kĩ năng phù hợp với nội dung học tập và có biện pháp hợp lí, hiệu quả để rèn luyện kĩ năng học tập cơ bản cho HS là vấn đề có tính chất lâu dài và cấp thiết. Nhất là hiện nay, vấn đề kĩ năng đang là điểm yếu của nội dung và chất lượng giáo dục. Hình thành và rèn luyện kĩ năng học tập là mục tiêu của toàn bộ quá trình học tập, góp phần phát triển năng lực và phẩm chất của người học một cách toàn diện, kéo dài đến cả khi HS tốt nghiệp phổ thông và tham gia các hoạt động lao động trong xã hội, bởi vì học tập là quá trình không bao giờ kết thúc. Đào tạo nên những thế hệ người học, người lao động có kĩ năng là mục tiêu thiết thực của giáo dục đào tạo. Chỉ khi có kĩ năng con người mới làm chủ được hoạt động, mới có cơ hội đạt được hiệu quả cao nhất của hoạt động. Đây cũng là một trong những quan điểm mới của định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục: "*Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học*. Học đi đôi với hành; lí luận gắn với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội" (Trích Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị TW 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo).

1.2. Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản là vấn đề then chốt của đổi mới phương pháp dạy học môn Ngữ văn ở trường phổ thông

Để đào tạo được những thế hệ HS có kĩ năng học tập tốt cần có sự quan tâm đồng bộ và đúng mức ở tất cả các môn học. Riêng với môn Ngữ văn, nhóm kĩ năng đọc hiểu của HS phổ thông hiện nay cần được quan tâm hơn nữa. Trong dạy học môn

Ngữ văn cần chú ý hình thành cho HS các kĩ năng cần thiết và phù hợp để HS có thể tự học, tự đọc hiểu các loại văn bản trong và ngoài chương trình học. Thực tế cho thấy HS hiện nay còn thiếu kĩ năng học tập, nhất là kĩ năng học tập môn Ngữ văn - môn học khó định lượng về hiệu quả, chất lượng về kiến thức, kĩ năng, thái độ bởi vì là môn học mang bản chất nghệ thuật trong nội dung khoa học và mang đặc điểm cá nhân người học cả về trí tuệ, tâm hồn. Do vậy, nếu kĩ năng yếu thì hoạt động học tập sẽ thiếu tính chủ động, sáng tạo, tự giác, HS thiếu tự tin, ỷ lại, học tập một cách máy móc, vay mượn kiến thức, thiếu khả năng vận dụng tri thức vào hoạt động học tập với các nội dung học tập khác nhau cũng như vận dụng kiến thức học được ở nhà trường vào cuộc sống thực tế.

1.3. Dạy đọc hiểu văn bản đúng đặc trưng thể loại là quan điểm khoa học cơ bản của dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông, góp phần phát triển năng lực tự học cho học sinh

Một trong những định hướng đúng đắn trong lịch sử khoa học nghiên cứu về lí luận và phương pháp dạy học Ngữ văn là dạy học theo đặc trưng thể loại. Mỗi thể loại văn có những đặc điểm riêng về cách thức tổ chức tác phẩm, về hiện tượng đời sống được miêu tả và mối quan hệ của nhà văn đối với đối tượng phản ánh. Những đặc điểm ấy chi phối cách tiếp cận văn bản của bạn đọc. Tiếp cận đúng hướng, hiểu đúng đặc trưng thể loại là tìm ra đúng chìa khoá để "mở cửa" bước vào thế giới nghệ thuật và các tầng lớp ý, nghĩa của tác phẩm.

Trong hệ thống văn bản được sử dụng làm ngữ liệu của hoạt động đọc hiểu trong CT và SGK, có mặt đầy đủ các loại hình văn học là tự sự, trữ tình, kịch và kí. Mỗi loại hình văn bản có những đặc trưng riêng về nội dung, đề tài, phương thức, phương tiện nghệ thuật đòi hỏi phương pháp, biện pháp tiếp cận riêng, phù hợp. Bởi vậy, kĩ năng ĐHVB đúng đặc trưng loại thể là một nội dung cần quan tâm của phương pháp dạy học ĐHVB ở trường PT, để giúp HS biết đọc, yêu thích việc đọc và biết vận dụng để đọc hiểu các văn bản tương đương, từ đó phát triển năng lực tự đọc, tự học. Để hình thành được kĩ năng cần có sự rèn luyện một cách bài bản trong nhà trường.

1.4. Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí góp phần phát triển kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghệ thuật cho học sinh

Kí không chỉ là văn bản nghệ thuật, kí còn mang trong nó đặc điểm của những loại văn bản quen thuộc trong đời sống hàng ngày – văn bản thông tin. Việc dạy đọc hiểu văn bản kí ít chú ý đến đặc trưng thể loại, sẽ không thể giúp học sinh thấy được sự hấp dẫn của tác phẩm kí sẽ khiến HS ít hứng thú với tác phẩm kí. Vì

vậy, rèn kĩ năng đọc hiểu kí, với đúng những đặc trưng thể loại của nó không chỉ giúp HS hứng thú hơn với các tác phẩm thuộc thể kí - thể loại đang rất phổ biến trong xã hội hiện đại - mà còn có tác dụng nâng cao hơn nữa tính thực hành, vai trò thực tế của môn Ngữ văn. Thực tiễn đời sống cho thấy vai trò hành dụng của môn Văn với tư cách là một môn học công cụ chưa được phát huy đúng mức, khả năng vận dụng kiến thức văn của HS còn nhiều hạn chế. Những cố gắng đổi mới PPDH dù đã đạt được những kết quả bước đầu, đã chú ý đến việc thúc đẩy hoạt động của HS trong giờ học song khả năng sáng tạo của HS thực sự chưa được phát huy.

Với đặc trưng riêng biệt của loại hình văn học kí, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí đồng thời dạy rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản thông tin và văn bản nghệ thuật.

Xã hội hiện đại với dung lượng tri thức khổng lồ, hàng ngày vẫn được tăng lên theo cấp số nhân càng đòi hỏi nâng cao năng lực tự học, tự đọc, tự thu nhận, chuyển hoá tri thức của mỗi người. Cung cấp tri thức nền tảng, tri thức công cụ và tri thức phương pháp để HS có khả năng tự đọc, tự học và độc lập sáng tạo là mục đích của dạy học Văn ở bậc phổ thông. Những ưu điểm của hoạt động dạy học ĐHVB cùng với những đặc trưng loại hình của thể kí, nếu được kết hợp một cách khoa học trong giờ đọc văn, sẽ góp phần hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc hiểu, kĩ năng tự học cho HS phổ thông, đáp ứng yêu cầu của giáo dục trong xã hội hiện đại. Chỉ khi có kĩ năng HS mới có thể tích cực, chủ động, sáng tạo làm chủ hoạt động học tập, là trung tâm của hoạt động dạy học theo tinh thần của lí luận dạy học hiện đại.

Chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài "*Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho học sinh phổ thông*" với mục đích tìm ra một số giải pháp phù hợp hiệu quả cho hoạt động dạy học văn bản kí để hình thành và rèn luyện cho HS hệ thống kĩ năng cần thiết giúp HS biết đọc, yêu thích đọc và biết cách ĐHVB thuộc loại hình kí nói riêng và các loại văn bản nói chung.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là đặc trưng loại hình văn bản kí, hệ thống KNĐH văn bản kí và các hình thức tổ chức dạy học, biện pháp dạy học hướng đến mục tiêu hình thành và rèn luyện KNĐH văn bản kí cho HS PT.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án nghiên cứu tính chất cơ bản của hệ thống kĩ năng học tập và tìm hiểu kĩ năng đọc hiểu văn bản khá phong phú, đa dạng nhằm lựa chọn, xác định hệ

thống kĩ năng đọc hiểu văn bản kí. Với mục đích và giới hạn nghiên cứu của đề tài, luận án tập trung nghiên cứu nhóm kĩ năng ĐHVB phù hợp với loại hình văn bản kí để đề xuất các giải pháp tổ chức dạy học phù hợp mục tiêu hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí cho HS PT.

Về phần văn bản sử dụng là ngữ liệu thực hiện các hoạt động rèn luyện kĩ năng đề xuất trong luận án, chúng tôi lựa chọn các văn bản thuộc loại hình văn học kí, bao gồm cả kí trung đại, hiện đại, kí báo chí, kí văn học, kí thông tin, kí nghệ thuật... Đó có thể là các văn bản trong hoặc ngoài Chương trình và SGK hiện hành.

Về đối tượng HS tham gia hoạt động TN: Chúng tôi thực hiện hoạt động dạy TN trên hai đối tượng HS THCS và HS THPT. Đối với HS tiểu học, do có những khác biệt về đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi, về yêu cầu, mục tiêu dạy học,… không thể áp dụng chung các phương pháp, biện pháp dạy học với HS cấp THCS, THPT, nên để đảm bảo tính tập trung và phù hợp với nội dung nghiên cứu của đề tài, luận án tạm thời chỉ đề cập đến đối tượng HS Tiểu học trong một số nội dung cần so sánh hoặc liên hệ để đảm bảo tính xuyên suốt và hệ thống của nội dung dạy học.

3. Mục đích nghiên cứu

Khi thực hiện đề tài này, người nghiên cứu hướng đến các mục đích sau:

3.1. Xác định đặc trưng loại hình văn bản kí

3.2. Xác định hệ thống kĩ năng đọc hiểu cơ bản cần và có thể hình thành, rèn luyện cho HS qua dạy học đọc hiểu văn bản kí.

3.3. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp tổ chức hoạt động dạy học ĐHVB kí hướng tới mục tiêu hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí cho HS PT. Góp phần vào việc phát triển năng lực đọc hiểu, năng lực tự học cho HS.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

4.1. Xác định cơ sở khoa học (bao gồm nội dung lí luận và thực tiễn) của việc hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho HS phổ thông.

4.2. Xác định hệ thống kĩ năng đọc hiểu văn bản kí, từ đó xây dựng các chiến lược dạy học và thiết kế bài tập thực hành hình thành, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho HS.

4.3. Vận dụng các giải pháp đã đề xuất vào việc thiết kế giáo án thực nghiệm và tổ chức dạy học thực nghiệm, đánh giá kết quả thực nghiệm, lấy ý kiến, rút kinh nghiệm cho giáo án và giờ dạy thực nghiệm. Từ đó điều chỉnh các nội dung đã đề xuất sao cho phù hợp, tăng tính khả thi và đưa ra các kiến nghị hợp lí.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, nghiên cứu sinh phối hợp sử dụng các nhóm phương pháp sau:

5.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí luận được dùng trong việc thu thập tư liệu, nghiên cứu các vấn đề lí luận làm cơ sở khoa học cho nội dung nghiên cứu. Đó là các phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh, hệ thống hóa các luận điểm khoa học của các chuyên ngành liên quan như tâm lí học, giáo dục học, xã hội học, văn hóa học, lí luận văn học, chiến lược dạy học, phương pháp dạy học… để có hệ thống cơ sở lí luận khoa học cho các đề xuất có ý nghĩa thực tiễn.

Nhóm các phương pháp nghiên cứu lí luận được sử dụng để nghiên cứu các vấn đề lí luận về kĩ năng, về đọc hiểu văn bản, về chiến lược học tập, về đặc trưng loại hình văn bản kí,... để tổng hợp hệ thống lí luận phù hợp làm cơ sở đề xuất các giải pháp dạy học hiệu quả.

5.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn gồm các phương pháp quan sát, điều tra, thực nghiệm, thống kê, tổng hợp ý kiến trên các phương tiện truyền thông, các hội thảo khoa học về đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp phỏng vấn, điều tra ý kiến… Mục đích của nhóm phương pháp này là thu thập thông tin, tìm hiểu và đánh giá thực trạng vấn đề rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản nói chung và văn bản kí nói riêng trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông. Từ kết quả nghiên cứu thực tiễn để tìm ra nguyên nhân thực trạng và nghiên cứu cách khắc phục. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn còn được sử dụng trong quá trình thực nghiệm, ở giai đoạn đánh giá kết quả thực nghiệm để đo lường hiệu quả và giá trị thực tiễn của kết quả nghiên cứu.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi còn kết hợp vận dụng một số phương pháp khác như phương pháp mô hình hóa, phương pháp thống kê, phân loại… để thực hiện các nội dung nghiên cứu phù hợp.

6. Giả thuyết khoa học

Kĩ năng đọc hiểu văn bản kí có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển năng lực tự học cho HS trong thời đại bùng nổ thông tin hiện nay. Kĩ năng đọc hiểu văn bản kí có liên quan và tác động trực tiếp đến chất lượng dạy học môn Ngữ văn. Vì vậy, nếu luận án nghiên cứu, đề xuất được các chiến lược dạy học và hệ thống bài tập đọc hiểu phù hợp với đặc trưng loại hình văn bản kí sẽ góp phần hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí nói riêng và kĩ năng ĐHVB nói chung cho học sinh phổ thông.

7. Những đóng góp mới của luận án

7.1. Về lí luận:

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề liên quan đến kĩ năng học tập, kĩ năng ĐHVB, luận án đề xuất hệ thống kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cần hình thành và rèn luyện cho HS phổ thông.

Từ hệ thống kĩ năng đọc hiểu văn bản phù hợp đặc trưng thể loại, luận án đề xuất các chiến lược đọc hiểu tương ứng và đề xuất một số dạng bài tập phù hợp để thực hiện mục tiêu rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho HS.

7.2. Về thực tiễn:

Luận án vận dụng các chiến lược dạy học đọc hiểu cụ thể và sử dụng các dạng bài tập cơ bản vào các hoạt động dạy học để hình thành, rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho HS, giúp HS rèn luyện kĩ năng ĐHVB, vận dụng kĩ năng vào việc đọc hiểu và tạo lập các văn bản cùng loại.

Luận án thiết kế một số giáo án TN theo tinh thần đổi mới, vận dụng các chiến lược và bài tập đọc hiểu đã đề xuất. Thông qua TN bước đầu cho thấy tính khả thi, hiệu quả của các giải pháp mà luận án đề xuất.

8. Cấu trúc của luận án

Luận án được cấu trúc thành 5 phần: phần mở đầu, phần nội dung, phần kết luận, phần phụ lục và thư mục tài liệu tham khảo. Nội dung chính của luận án được triển khai bốn chương như sau:

Chương 1: **Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Chương 2: **Cơ sở khoa học của việc nghiên cứu đề tài rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho học sinh phổ thông**

Chương 3: **Hệ thống kĩ năng đọc hiểu văn bản kí và giải pháp rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho học sinh phổ thông**

Chương 4: **Thực nghiệm sư phạm**

NỘI DUNG

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

Trong phần tổng quan, chúng tôi điểm lại những nghiên cứu về hoạt động đọc, hoạt động ĐHVB trong dạy học Ngữ văn và KNĐH văn bản kí. Chúng tôi cũng điểm một số ý kiến tiêu biểu về loại hình văn học kí và các quan điểm dạy học tác phẩm kí để làm cơ sở lí luận khi xác định hệ thống kĩ năng ĐHVB kí.

1.1. Nghiên cứu về phương pháp và kĩ năng đọc nói chung

Ngay từ thời cổ đại, khi bắt đầu có kí hiệu là các hình vẽ trên vách đá thì cũng là lúc có hoạt động đọc. Theo thời gian, cùng với sự tiến bộ của loài người, các hình thức ghi chép ra đời, các loại VB cũng ngày càng phức tạp, theo đó, hoạt động đọc cũng đa dạng, phong phú và phức tạp dần lên. Đúng quy luật, giống như mọi hoạt động khác của con người, hoạt động đọc trở thành đối tượng nghiên cứu của khoa học. Trải qua rất nhiều năm, nghiên cứu về hoạt động đọc trên thế giới đã có bề dày đáng kể trong những thành tựu của ngôn ngữ, của các môn khoa học xã hội và đặc biệt là văn học.

Vấn đề dạy cách đọc để con người biết đọc có văn hoá, có thái độ ứng xử đúng đắn với sách là vấn đề có ý nghĩa chiến lược trong sự phát triển của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia. Đó cũng chính là mục tiêu của dạy học hiện nay. Hoạt động đọc đã được quan tâm từ rất lâu trong lịch sử nghiên cứu khoa học. Các công trình nghiên cứu tập trung làm sáng tỏ các phương diện cơ bản nhất của hoạt động đọc: từ phương thức, mục đích, tác dụng đến bản chất của hoạt động đọc.

Cách đọc là vấn đề được quan tâm từ lâu trong lịch sử nghiên cứu về đọc. Các kinh nghiệm về phương pháp đọc sách, kĩ năng, kĩ xảo đọc sách, yêu cầu đối với việc đọc sách,… của C. Mác, F.Enghen, VI. Lênin,... đã được trình bày trong cuốn *Phương pháp đọc sách* của A.Primacôpxki (1976). Các kĩ thuật, kĩ năng đọc sách hiệu quả đã được tác giả tổng kết: "Một đặc điểm đặc trưng của văn hoá đọc sách là kĩ năng biết phân tích những điều đọc trong sách, biết tìm ra điểm chính, điểm quan trọng và quý giá nhất" hay "dấu hiệu quan trọng của trình độ cao của văn hoá đọc sách là sự vận dụng khéo léo các cách ghi chép khác nhau trong quá trình nghiên cứu một cuốn sách" [83; tr.11]. Tác giả đã khẳng định vai trò của các việc ghi chép, các mẹo ghi nhớ nội dung đọc,... Đọc lướt, kĩ thuật ghi chú, đánh dấu, kĩ thuật ghi chép, tóm tắt... của Mác, Ăng-ghen, Lênin được A.Primacôpxki

trình bày một cách chi tiết trong cuốn sách giúp người đọc có thể vận dụng tốt trong việc đọc sách của mình. Ngoài ra, khi điểm lại "kinh nghiệm đọc sách của những người cùng thời", A.Primacôpxki đã sắp xếp một cách hệ thống các yêu cầu, phương pháp, biện pháp làm việc với sách như phát huy sự chủ động, "tự lực" trong khi đọc, chọn sách và đọc sách có hệ thống, có trình tự một cách khoa học, kĩ thuật đọc sách,... Về các phương pháp đọc sách, tác giả đã trình bày một hệ thống trình tự đọc, các hoạt động cần thực hiện khi đọc một cuốn sách.

Bàn đến hoạt động đọc VB chung chung chứ không bàn sâu vào các hoạt động đọc hiểu các tầng nội dung và ý nghĩa của VB còn là nội dung được đề cập của các công trình nghiên cứu chung về đọc khác như *Đọc sách như một nghệ thuật* của Mortimer Adler ra đời từ những năm 40 của thế kỉ 20, đã được dịch và tái bản ở Việt Nam nhiều lần (đến khi Thaihabooks tái bản năm 2013 có tên là *Phương pháp đọc sách hiệu quả). Các phương diện đọc sách, Cấp độ đọc thứ ba – đọc phân tích, Tiếp cận những thể loại sách khác nhau và Mục đích cao nhất của việc đọc sách* được trình bày trong cuốn sánh đã tập trung giải quyết vấn đề quan niệm về cách học đọc với các mức độ đọc khác nhau đối với nhiều loại sách, cung cấp cho bạn đọc một hình dung bao quát về hoạt động đọc.

Phương pháp và kĩ năng đọc sách hiệu quả được nhìn nhận từ hành trình đọc sách, nâng cao tốc độ đọc, tạo khả năng tập trung tăng cường khả năng đọc hiểu, tăng khả năng ghi nhớ đến một số thao tác cơ bản nhằm giúp nâng cao kĩ năng, phát triển năng lực đọc cho người đọc được quan tâm đề cập trong công trình *Đọc sách siêu tốc* của Christian Gruning. Tác giả cuốn sách đã đưa ra những hướng dẫn cụ thể để nâng cao hiệu quả của hoạt động đọc như: thực hiện quy trình đọc, tập trung, luyện đọc nhanh. Tuy đề cập đến phương diện phương pháp, nhưng những biện pháp nêu trong cuốn sách chủ yếu nghiêng về phương diện kĩ thuật và trình tự thực hiện hoạt động, nên chỉ dừng lại ở giai đoạn tiếp cận với sách về mặt hình thức đọc văn bản ngôn từ, chưa đi sâu vào hoạt động tư duy của người đọc khi đọc sách. Đây cũng là đặc điểm chung của các cuốn sách bàn về phương pháp và kĩ năng đọc sách chung chung.

Kinh nghiệm quý giá về đọc sách của những người đi trước còn được tập hợp trong cuốn *Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách*. Trong đó có bài *Bàn về đọc sách* của Chu Quang Tiềm do tác giả Trần Đình Sử dịch, được in trong SGK *Ngữ văn 9*, tập một. Bài viết là kết quả của quá trình tích luỹ kinh nghiệm, dày công suy nghĩ, là những lời bàn tâm huyết, những kinh nghiệm quý báu của thế hệ

trước truyền lại cho thế hệ sau, được đúc kết bằng trải nghiệm của mấy mươi năm, bằng cả cuộc đời của một con người - cả một thế hệ, một lớp người đi trước. Bài viết trình bày rõ ba luận điểm: Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách; Những khó khăn, thiên hướng sai lệch dễ mắc phải của việc đọc sách; Bàn về phương pháp chọn sách và đọc sách. Dù chỉ là một bài viết ngắn nhưng với nội dung súc tích, lí lẽ rõ ràng, dẫn chứng cụ thể, tác giả đã đưa ra những vấn đề rất cơ bản của việc đọc sách, gợi mở nhiều suy nghĩ cho các nhà nghiên cứu về đọc và hữu ích với bạn đọc.

Phương pháp và kĩ năng đọc sách nói chung là vấn đề được quan tâm của toàn xã hội, nên có nhiều các trang mạng xã hội có nội dung bàn về sách, về phát triển văn hoá đọc và rèn luyện kĩ năng đọc sách.

Vào những thập kỉ cuối của thế kỉ 20 và đầu thế kỉ 21, khi vấn đề bạn đọc, nhất là bạn đọc HS được quan tâm hơn thì nghiên cứu về đọc tiếp tục được quan tâm. Các nhà giáo dục, các nhà nghiên cứu ở Việt Nam đã nghiên cứu, tiếp thu giới thiệu nhiều tư tưởng từ các công trình nghiên cứu về đọc trên thế giới.

Ở Việt Nam, hoạt động đọc sách được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Ngày nay, khi thị trường sách đang vô cùng đa dạng và phong phú, vấn đề đọc sách được đặc biệt chú ý. Nhiều công trình nghiên cứu, nhiều bài viết, nhiều chuyên luận bàn về đọc, cách đọc và văn hoá đọc được công bố cho thấy vấn đề đọc sách luôn là vấn đề đang được quan tâm bởi sách là kho báu của nhân loại, ý nghĩa của sách vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của mỗi người.

Gần đây, các hoạt động xã hội hướng đến mục đích nâng cao văn hoá đọc rất được xã hội quan tâm, các hoạt động cổ vũ việc đọc sách liên tục được các đơn vị, cá nhân tổ chức. Ông Nguyễn Mạnh Hùng (Giám đốc Công ty Sách Thái Hà), TS. Nguyễn Thuỵ Anh - Chủ nhiệm Câu lạc bộ *Đọc sách cùng con*, nhiều nhà văn nhà thơ nổi tiếng đều rất quan tâm đến vấn đề văn hóa đọc đã thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện, thuyết trình bàn về đọc sách, có các bài viết, bài nói chuyện, tổ chức nhiều hội thảo bàn về kĩ năng đọc sách như *Kĩ năng đọc siêu tốc, Đọc sách để thành công, Dự án Sách ơi mở ra,…* với mục đích tuyên truyền về văn hóa đọc và nâng cao năng lực đọc sách cho bạn đọc phổ thông. Tuy nhiên, các hình thức hoạt động này chủ yếu hướng đến mục tiêu là các hoạt động sách ở diện rộng, dành cho bạn đọc phổ thông và vấn đề đọc nói chung trong đời sống.

Trên các trang thông tin điện tử, báo điện tử, vấn đề đọc sách thường xuyên được quan tâm đề cập. Tìm kiếm bằng Google, cho rất nhiều kết quả là các bài viết,

ý kiến bàn về đọc sách. Trong đó có rất nhiều bài hướng dẫn chi tiết, cụ thể kĩ năng đọc, các bước đọc sách, mẹo đọc sách, phương pháp, biện pháp đọc sách cụ thể nhằm nâng cao kĩ năng đọc sách. Tuy nhiên, các ý kiến đó chủ yếu bàn về hoạt động đọc một sách nói chun, chưa đi sâu vào hoạt động ĐHVB trong nhà trường. Dù vậy, đó vẫn là những kinh nghiệm, những chỉ dẫn khoa học cho các nhà nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu sâu hơn về đọc VB, đặc biệt là đọc VB nghệ thuật.

Các công trình nghiên cứu và các hoạt động cộng đồng kể trên tập trung bàn về phương pháp đọc sách nói chung, đề cập đến các kĩ năng đọc tất cả các loại sách nên mới chỉ dừng lại ở phần nghiên cứu về đọc sách của bạn đọc PT. Bởi vậy, các ý kiến, kinh nghiệm đưa ra chủ yếu có giá trị ở hình thức của việc nâng cao văn hóa đọc, phổ biến kiến thức cơ bản về đọc, dừng lại ở trình độ tiếp cận và nắm bắt nội dung thông tin của sách, nâng cao kĩ thuật đọc, tốc độ đọc, kinh nghiệm ghi nhớ thông tin... chưa bàn đến các hoạt động tư duy diễn ra khi đọc các loại văn bản cụ thể như VB nghệ thuật, VB thông tin văn hoá, lịch sử,... Dù vậy, những ý kiến đó là gợi dẫn để các nhà khoa học chuyên ngành tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, chuyên biệt về hơn về hoạt động đọc trong phạm vi yêu cầu của khoa học chuyên ngành.

1.2. Nghiên cứu về đọc hiểu văn bản và dạy đọc hiểu văn bản

Đọc hiểu được nhắc đến từ hai trăm năm nay trong hoạt động giáo dục của các quốc gia phát triển. Vấn đề đọc hiểu đã được quan tâm từ nhiều phương diện nghiên cứu khác nhau và không phải lúc nào cũng đạt được sự thống nhất về quan điểm của các nhà khoa học.

Trước hết, hầu hết các tác giả nước ngoài đều quan niệm đọc hiểu như là một hoạt động nhận thức có quá trình từ đọc đến hiểu ý nghĩa của VB. Đọc hiểu được quan tâm đến như là một quá trình của hoạt động, trong bài viết "Way of teaching" (in trong "The teaching of reading", tạm dịch là "Dạy đọc" do Ban Thư kí Unessco ấn hành năm 1973), tác giả Marion D.Jenkinson chia đọc hiểu thành ba bước là: *nhận biết ý nghĩa, giải thích ý nghĩa và đánh giá ý nghĩa*. Tương tự, các tác giả của công trình *Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản* (nhóm tác giả thuộc Đại học Cần Thơ dịch) cũng cho rằng hoạt động đọc hiểu bắt đầu từ việc đọc từ, hiểu VB, xem xét các ý nghĩa khác nhau của VB và đánh giá VB theo quan điểm của bạn đọc.

Chia đọc hiểu thành ba cấp độ, tác giả cuốn *Teaching content reading and writing* (tạm dịch là *Nội dung dạy đọc và viết*) quan niệm: 1- hiểu nghĩa đen là cấp độ đòi hỏi người đọc hiểu biết về ý tưởng thể hiện trực tiếp trong VB; 2- cấp độ hiểu

nghệ thuật diễn đạt, người đọc hiểu mối quan hệ giữa các yếu tố mà VB không thể hiện một cách trực tiếp; 3- hiểu ứng dụng, người đọc hiểu được các quan hệ mới giữa các thông tin trong VB và các thông tin trong sự hiểu biết từ trước [121; tr.118].

Đọc hiểu là quá trình "kiến tạo ý nghĩa văn bản" từ nội dung VB, từ kiến thức của bạn đọc và từ sự kết nối của bản đọc với cuộc sống xung quanh là quan điểm của nhà nghiên cứu Frank Smith (2004). Ông cho rằng nghĩa gốc của thuật ngữ "đọc" (reading) là giải thích, hiểu (interpretation) và nó được dùng để chỉ tất cả những hành động của chúng ta nhằm để hiểu, kiến tạo nghĩa cho những gì chúng ta thấy, những gì diễn ra xung quanh chúng ta. Như vậy, "đọc" chính là kiến tạo nghĩa (making sense). Việc kiến tạo nghĩa lại dựa trên việc chúng ta liên hệ tình huống mới với những gì chúng ta đã biết (relating the situation you are in to everything you know already) [122; tr.13]. Cũng về vấn đề này, nhà nghiên cứu Langer (1992) cũng cho rằng đọc VB là hành động tạo nghĩa (sense making) hơn là tìm sự kiện (fact finding). Nếu như Frank Smith cho rằng việc đọc VB là một quá trình không ngừng của việc đoán nghĩa và dựa trên kiến thức nền để tìm câu trả lời thì Langer cũng mô tả cách đọc văn chương như là hướng tới chân trời của những khả năng (reaching toward a horizon of possibilities). Chân trời này là vô tận, luôn ở phía trước. Hoạt động đọc không chỉ xảy ra ngay khi đang đọc mà ngay cả sau khi đọc thì người đọc vẫn tiếp tục suy nghĩ về VB và những ý tưởng về VB đó vẫn có thể nảy sinh thêm hoặc thay đổi. Vì vậy, việc không hiểu hết, chưa hiểu rõ phải được coi như là một phần bình thường của việc đọc VB. Khi một điều gì đó làm cho nhận thức của người đọc thay đổi thì cách hiểu, cách giải thích trước đây của họ về văn bản cũng có thể thay đổi. Hơn nữa, Langer (1995) còn nhấn mạnh rằng mỗi người đọc, với những kiến thức nền riêng sẽ có thể có những hình dung, tưởng tượng (envisionment) khác nhau về cùng một VB.

Đọc hiểu được coi là một thao tác của đọc sách hiệu quả là quan niệm của Tony Buzan trong công trình *Tăng tốc độ đọc hiểu* (đã được dịch sang tiếng Việt). Tác giả chú trọng đến việc hướng dẫn bạn đọc các kĩ thuật để tăng tốc độ đọc, chưa chú ý nghiên cứu bản chất của hoạt động đọc như là một quá trình đi tìm các phương diện ý nghĩa của VB. Việc coi "đọc hiểu là một thao tác" cho thấy quan niệm này thiên về hành động đọc bên ngoài, chưa chú ý bản chất của quá trình tư duy khi thực hiện hoạt động đọc.

Trên thế giới, sau khi các nghiên cứu về lí thuyết tiếp nhận văn chương, về bản chất của hoạt động đọc đạt được nhiều thành tựu thì việc dạy học văn trong nhà trường cũng có những chuyển biến. Tuy nhiên, không phải bất cứ lúc nào và nơi nào việc dạy đọc cũng tuân theo đúng những quy luật của hoạt động đọc văn. Bàn về việc dạy đọc văn bản văn học trong nhà trường, hai nhà nghiên cứu Ronald Carter và Michael N. Long (1991) trong công trình nghiên cứu về "Việc dạy học văn chương" quan niệm dạy học Văn không phải là giúp HS tích lũy kiến thức về văn học mà là giúp cho HS biết cách sử dụng văn học như một tài nguyên. Từ đó đề cao vai trò trung tâm của HS trong hoạt động học.

Các thành tựu nghiên cứu về lí luận dạy học, về bản chất của hoạt động đọc văn đã giúp cho việc dạy học Văn tiến đến xu hướng giúp đưa việc dạy đọc văn trong nhà trường gần với bản chất của hoạt động đọc văn. Dạy học theo xu hướng này, GV không chỉ quan tâm đến việc tạo sự quan tâm, hứng thú đọc cho HS mà còn giúp các em dựa trên kiến thức nền của mình để tự kiến tạo nghĩa cho VB.

Cũng nhấn mạnh vai trò chủ động của bạn đọc (HS, SV) trong quá trình đọc hiểu, tác giả Camilie Blacchowicz và Donna Ogle cho rằng quá trình đọc hiểu trải qua ba bước trong hoạt động tư duy của bạn đọc: bước 1- *before read* (trước đọc) là *think* (nghĩ) và *predict* (dự đoán); bước 2 - *as read* (khi đọc) là *picture in mind* (hình dung, tưởng tượng, xây dựng bức tranh trong tâm trí) và *questions* (tự đặt câu hỏi); bước 3 - *after read* (sau đọc) là *retell* (nói lại), *think to connect* (nghĩ để kết nối) và *reread* (đọc lại).

Từ góc độ mục đích của hoạt động dạy học, theo quan niệm của PISA (quan niệm được nhiều nhà nghiên cứu ở Việt Nam tham khảo) thì đọc hiểu được coi là một trong những yếu tố cơ bản cấu thành năng lực của người học, hay còn gọi đọc hiểu là một năng lực cần đào tạo và bồi dưỡng, theo đó dạy đọc hiểu là phải hình thành cho HS năng lực "hiểu nghĩa, nghĩa rộng, hẹp, nghĩa tường minh và hàm ý từ bài học. Điều này căn bản như việc hiểu nghĩa các từ, hoặc có thể phức hợp hơn là đọc hiểu được ý nghĩa tiềm ẩn của một luận điểm dài hoặc tường thuật" [7; tr.11]

Quan tâm đến phương pháp dạy đọc hiểu cho HS ở nhà trường PT, các tác giả Marion D. Jenkinson (Canada), H. Alan Robinson, Taffy E. Raphael, Efrieda H.Hiebert và Micheal Pressley đều đề xuất các cách thức, biện pháp tổ chức các hoạt động dạy học, trong đó các tác giả đều chú ý đến các biện pháp đặt câu hỏi hay hướng dẫn HS tự đặt câu hỏi, sử dụng các bài tập, kích thích HS chủ động tư

duy, huy động tri thức nền khi đọc hiểu. Các nhà nghiên cứu cũng đặc biệt nhấn mạnh việc dạy cho HS các thủ thuật, kĩ thuật đọc phù hợp với các đối tượng văn bản đọc khác nhau.

Ý kiến của các nhà khoa học trên thế giới về vấn đề đọc hiểu là cơ sở để các nhà nghiên cứu giáo dục, nghiên cứu phương pháp dạy học Văn ở Việt Nam tiếp tục nghiên cứu cụ thể hơn về hoạt động dạy học ĐHVB ở trường PT.

Ở Việt Nam, trong lĩnh vực dạy học ngoại ngữ, đọc hiểu đã được sử dụng từ lâu để chỉ một trong bốn hoạt động nghe – nói – đọc – viết khi học ngôn ngữ. Nhưng tới những năm cuối thế kỉ 20, trong nhà trường Việt Nam thuật ngữ "đọc hiểu" mới chính thức được sử dụng với tư cách là một thuật ngữ khoa học của chuyên ngành phương pháp dạy học Văn. Đến đầu thế kỉ 21, tiếp thu thành tựu của các nền giáo dục tiên tiến, nhằm chuyển tập trung sự chú ý từ hoạt động dạy của GV sang hoạt động học của HS trong dạy học Văn ở nhà trường, khi chương trình cải cách được ban hành và SGK cải cách được thực hiện, giờ học Văn trở thành giờ "đọc hiểu văn bản" thì đọc hiểu đã trở thành một vấn đề thời sự khoa học được quan tâm của ngành giáo dục và khoa học phương pháp dạy học môn Ngữ văn.

Là vấn đề thời sự nên đọc hiểu nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Các tác giả đã có các công trình công bố kết quả nghiên cứu về đọc hiểu ở Việt Nam là các nhà nghiên cứu Nguyễn Thanh Hùng, Trần Đình Sử, Đỗ Ngọc Thống, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Thị Hạnh, Lê Phương Nga, Nguyễn Thái Hoà, Phạm Thị Thu Hương, Nguyễn Trọng Hoàn, Bùi Minh Đức,...

Đọc hiểu văn bản là hoạt động cơ bản và quan trọng nhất trong dạy học Văn vì vậy các nhà nghiên cứu khi bàn về phương pháp dạy học Văn đã rất quan tâm bàn đến hoạt động đọc.

Những vấn đề về đọc hiểu, từ quan niệm "Đọc hiểu là vấn đề cơ bản của nội dung và phương pháp dạy học tác phẩm văn chương" đến "Cách thức dạy học đọc hiểu tác phẩm văn chương theo loại thể ở trung học" đều được bàn đến trong các công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Hùng, sau được tinh tuyển trong cuốn "Kĩ năng đọc hiểu Văn". Công trình đã thể hiện một cách khá đầy đủ, rõ ràng các nội dung liên quan đến vấn đề lí luận như lịch sử đọc hiểu, khái niệm đọc hiểu, các bình diện của đọc hiểu, nội dung và cách thức đọc hiểu, kĩ năng đọc hiểu. Từ các vấn đề cơ bản của đọc hiểu đã được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, tác giả đề xuất bốn KNĐH cơ bản là: kĩ năng đọc chính xác, kĩ năng đọc phân tích, kĩ năng đọc sáng tạo

và kĩ năng đọc tích luỹ. Tuy nhiên, những vấn đề về đọc hiểu và kĩ năng đọc hiểu được đề cập trong công trình này đều tập trung vào hoạt động đọc hiểu VB nghệ thuật – tác phẩm văn chương.

Tiếp tục quan tâm đến vấn đề đọc hiểu, từ góc độ người làm SGK, nhà nghiên cứu Trần Đình Sử đã có những bài viết đề cập đến tầm quan trọng của vấn đề ĐHVB trong dạy học Ngữ văn: "Học văn trước hết là phải đọc hiểu văn, mà đọc hiểu văn thì không đơn giản như là đọc chữ. Bất cứ ai thoát nạn mù chữ đều có thể đọc được các văn bản nhưng không nhất thiết là đọc hiểu Văn... Có đọc hiểu văn rồi mới biết thế nào là văn hay, thế nào là thị hiếu văn lành mạnh và viết thế nào là hay" [89; tr.5]. Quan điểm này còn được khẳng định ở bài viết *"Môn văn - thực trạng và giải pháp"* in trên báo *Văn nghệ* ngày 14 tháng 2 năm 1998. Trong SGK *Ngữ văn 10* (bộ cơ bản) do tác giả Trần Đình Sử chủ biên, có bài: **"***Đọc hiểu văn bản văn học"* trình bày một số nội dung sơ lược về quan niệm ĐHVB cho bạn đọc là GV và HS.

Vấn đề quan niệm về ĐHVB, biện pháp dạy ĐHVB trong dạy học Ngữ văn ở trường PT được thể hiện cụ thể hơn trong công trình "*Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông*" của tác giả Phạm Thị Thu Hương. Cuốn sách bao gồm các nội dung của vấn đề đọc hiểu từ quan niệm đến bản chất của đọc hiểu, từ "kiến tạo ý nghĩa trong đọc hiểu văn bản" đến "độc giả tích cực trong quá trình đọc hiểu văn bản". Sau khi khái quát các ý kiến về vấn đề đọc hiểu, tác giả tổng kết: "Bản chất của đọc chính là một quá trình phức tạp, tổng hợp, đòi hỏi cần sở hữu một hệ thống các kĩ năng. Hiểu là mục đích quan trọng của việc đọc. Nhưng hiểu không tự nhiên mà đến. Hiểu không phải là sự may rủi, tình cờ. Hiểu cũng không thể là một kết quả bấp bênh được chăng hay chớ. Do đó, đọc hiểu, dạy đọc hiểu là khâu then chốt trong giáo dục nói chung, dạy học văn nói riêng... Hoạt động đọc hiểu đòi hỏi người đọc cần tích cực, chủ động khám phá, phải là những độc giả thực sự (chứ không phải những thính giả bất đắc dĩ nghe người khác truyền đạt kết quả đọc của họ). Muốn làm được điều này cần phải giúp đỡ họ sử dụng những kĩ năng thuần thục, tinh thông của một người đọc" [54; tr.19]. Các chiến thuật đề xuất trong công trình là những định hướng quan trọng, thiết thực đối với việc tiếp tục nghiên cứu sâu về đọc hiểu và vận dụng vào việc thực hành ĐHVB.

Vấn đề đọc hiểu tiếp tục nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu PPDH , nghiên cứu về dạy học Ngữ văn trong nhà trường bởi sự phức tạp cũng như tầm quan trọng của việc dạy HS biết tự ĐHVB. Theo đó, tác giả Nguyễn Trọng

Hoàn đã có một số bài viết công bố trên các báo, tạp chí và trong một số cuốn bàn về quan niệm đọc hiểu và dạy ĐHVB Ngữ văn trong trường PT. Bàn "Về quan niệm và giải pháp đọc hiểu Văn bản Ngữ văn", tác giả khẳng định: "Với vị trí mở đầu cho mỗi đơn vị bài học Ngữ văn trong chương trình THCS mới, hoạt động đọc hiểu giữ một vai trò đặc biệt, nó không chỉ giúp cho HS nắm được giá trị nghệ thuật và nội dung của chính văn bản (bài văn) ấy mà còn được xem là: đầu mối kiến thức hướng tới yêu cầu hành dụng của các phân môn Tiếng Việt và Tập làm văn" [38; tr.5]. Cụ thể hoá hoạt động đọc hiểu, tác giả đã đưa ra các khâu và các cấp độ ĐHVB. Theo đó, "đọc - suy ngẫm - liên tưởng" được xem như ba cấp độ của đọc hiểu đối với bài học Ngữ văn THCS. Sử dụng những thông tin có sẵn trong văn bản, suy ngẫm, khái quát và liên hệ người đọc sẽ "phải làm sáng tỏ các mối liên hệ; giữa các dấu hiệu hình thức trong cấu trúc bản thể của bài đọc (câu, đoạn, từ ngữ..); giữa tác giả tác phẩm (cảm hứng, tâm lí sáng tạo, hoàn cảnh diễn xướng); giữa tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm; tác giả với bạn đọc; giữa vấn đề nhà văn đề cập với hiện tại…" [38; tr.6]. Trong bài "Đọc hiểu văn bản môn Ngữ văn ở THCS" in trong cuốn *Tiếp cận văn học*, tác giả thể hiện quan điểm dạy đọc hiểu không chỉ là việc giúp HS tìm ra con đường đến với từng tác phẩm cụ thể mà quan trọng hơn là qua đó rèn luyện KNĐH các VB khác: Dạy đọc hiểu là rèn luyện kĩ năng tự ĐHVB. Trong các bài viết, tác giả đặc biệt chú ý đến nguyên tắc ĐHVB theo đặc trưng thể loại, bởi chỉ khi hiểu rõ đặc trưng của đối tượng thì những tác động của chủ thể mới đạt hiệu quả cao nhất.

Vấn đề dạy học ĐHVB nhận được sự quan tâm của rất nhiều nhà khoa học, trong đó, nhiều ý kiến quan tâm đến phương pháp dạy đọc hiểu, từ đó tập trung nghiên cứu "phương pháp dạy đọc hiểu". Trong công trình *Dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông* của các tác giả Hoàng Hoà Bình, Nguyễn Thị Hạnh, Nguyễn Thúy Hồng, Trần Thị Hiền Lương, Vũ Nho, Nguyễn Thị Phương Thảo, Đỗ Ngọc Thống, Nguyễn Thị Hồng Vân, vấn đề đọc hiểu còn được xem xét với tư cách là một phương pháp dạy học. Tên gọi của phương pháp này thể hiện tinh thần đổi mới vì nó đề cao vai trò chủ thể tích cực, sáng tạo của HS trong hoạt động đọc, phân biệt với PPDH có tên gọi thể hiện sự đề cao vai trò của GV - người thuyết trình, diễn giảng, giảng văn, bình giảng, bình chú,… cho HS hiểu, cảm thụ được vẻ đẹp của ngôn từ, hình ảnh, giá trị VB. Một phần của chương ba và toàn bộ chương bốn của công trình đã dành để bàn về "phương pháp dạy đọc hiểu tác phẩm văn học". Tác giả Hoàng Hòa Bình đã đưa ra khái niệm đọc hiểu, phương pháp đọc hiểu,

đồng thời đề xuất quy trình và các biện pháp dạy đọc hiểu TPVH. Tuy nhiên, nếu coi đọc hiểu là một phương pháp dạy học thì có lẽ sẽ thu hẹp nội hàm của phạm trù đọc hiểu. Đây cũng là vấn đề còn đang có nhiều ý kiến chưa thống nhất.

Vấn đề đọc hiểu được quan tâm vận dụng vào việc dạy học Tiếng Việt được thể hiện trong công trình *Dạy học tập đọc ở Tiểu học* của tác giả Lê Phương Nga, trong đó có bàn về vấn đề ĐHVB. Tác giả Lê Phương Nga khi bàn về việc "Tổ chức dạy học Tập đọc ở Tiểu học" đã nêu ra các công việc chuẩn bị trước giờ lên lớp dạy học Tập đọc ở Tiểu học, hình thành và luyện kĩ năng đọc cho HS. Trong các kĩ năng đọc, tác giả trình bày kĩ năng "đọc thành tiếng" và "đọc hiểu". Trong đó có đề xuất những việc cần làm để tổ chức quá trình đọc hiểu cho HS Tiểu học: tìm hiểu đề tài của VB, tìm hiểu tên bài, tìm hiểu từ ngữ trong bài, tìm hiểu câu, đoạn, làm rõ ý chính của VB, rèn luyện kĩ năng hồi đáp VB của HS. Đây là công trình có giá trị, đã đưa ra những định hướng, hướng dẫn cụ thể, có tính khả thi đối với hoạt động dạy đọc ở Tiểu học. Song quan niệm "kĩ năng đọc hiểu" thuộc một trong số các kĩ năng đọc nói chung là vấn đề không thống nhất với quan niệm về vấn đề ĐHVB của chúng tôi. Theo chúng tôi, đọc thành tiếng, đọc diễn cảm, đọc nhanh,... là những hành động, những thành tố cấu thành kĩ năng đọc hiểu. Đọc hiểu là phạm trù lí luận khoa học của nhiều chuyên ngành trong ngành Ngữ văn học.

Là một vấn đề thời sự khoa học nên đọc hiểu VBNV còn được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu khác. Những năm gần đây, trong không khí chung của định hướng đổi mới giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực, có rất nhiều bài viết tham gia hội thảo chuyên ngành, bài báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đã quan tâm, bàn luận, thể hiện các quan điểm khác nhau về vấn đề đọc hiểu văn bản và dạy học đọc hiểu văn bản trong trường phổ thông. Dù nghiên cứu, tiếp cận vấn đề từ phương diện nào thì các quan điểm đều có sự thống nhất rằng: ĐHVB là nội dung căn bản của dạy học Ngữ văn theo quan điểm lấy HS làm trung tâm hoạt động học tập, giúp HS phát triển năng lực một cách toàn diện trong đó có năng lực ĐHVB - một năng lực tự học quan trọng.

Theo xu hướng đó, nhiều luận án, luận văn cũng chọn đọc hiểu, từ phương diện lí thuyết đến thực hành, để làm đối tượng nghiên cứu.

Gần đây, trong các cuộc hội thảo về đổi mới PPDH, vấn đề về ĐHVB và dạy ĐHVB trong nhà trường vẫn luôn được quan tâm nghiên cứu. Mỗi nhà nghiên cứu với các góc nhìn và quan điểm khác nhau đã có những đóng góp nhất định cho việc

đổi mới dạy học Ngữ văn. Các tác giả với những quan điểm tiếp cận khác nhau đã bổ sung ngày càng phong phú hệ thống lí thuyết về ĐHVB. Dù tiếp cận vấn đề ở phương diện nào các ý kiến đều có sự thống nhất dạy ĐHVB là cần thiết và có vai trò rất quan trọng trong quá trình hiện đại hoá nội dung và PPDH phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại.

Tuy chưa có sự thống nhất hoàn toàn về những vấn đề liên quan đến khái niệm đọc hiểu, bản chất của đọc hiểu và các phương diện khác của dạy học Ngữ văn, song các công trình, các bài viết các ý kiến trên đã cung cấp những góc nhìn khác nhau của vấn đề ĐHVB trong dạy học Ngữ văn. Điều này đã góp phần quan trọng cho quá trình hiện đại hóa từ lí luận đến thực tiễn của vấn đề đổi mới PPDH Ngữ văn nói riêng và dạy học nói chung ở trường PT.

1.3. Nghiên cứu về rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản trong dạy học Ngữ văn

Mục tiêu rèn kĩ năng vốn đã được quan tâm đề cập từ rất sớm trong hoạt động dạy học. Thế nhưng trong quá trình dạy học, việc tổ chức các hoạt động dạy học để thực hiện được mục tiêu ấy lại còn nhiều bất cập. Lâu nay, vẫn là dạy kiến thức, và kiến thức ấy chưa được chuyển hóa thành kĩ năng hoặc chưa hình thành được kĩ năng sử dụng kiến thức được học. Kết quả là một nền giáo dục thiên về dạy kiến thức, đào tạo ra những thế hệ HS "thừa kiến thức thiếu kĩ năng", nặng lí thuyết suông, thiếu thực tế đã và đang đòi hỏi cần được tiếp tục đổi mới. Bởi vậy, vấn đề hình thành và nâng cao kĩ năng, trong nhà trường đặc biệt chú ý KNHT cho HS đang rất quan tâm trong việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay. Việc đổi mới CT và SGK theo hướng phát triển năng lực chính là trọng tâm của việc đổi mới theo quan điểm "căn bản, toàn diện" ấy.

KNHT có tính chuyên biệt và quan trọng của môn Ngữ văn trong nhà trường PT là kĩ năng ĐHVB. Bởi vậy, kĩ năng ĐHVB là một vấn đề được nhiều nhà khoa học nghiên cứu quan tâm.

Trên thế giới, vấn đề kĩ năng đọc sách và kĩ năng ĐHVB luôn được quan tâm như một nội dung quan trọng của giáo dục. Bởi cùng với việc dạy kiến thức, dạy kĩ năng có vai trò rất quan trọng. Muốn thực hiện một cách có hiệu quả công việc nào đó, cần phải có kĩ năng. Đọc sách cũng vậy. Với một kho tàng sách đồ sộ và nguồn kiến thức vô tận như hiện nay thì việc hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc sách vô cùng quan trọng.

Trong cuốn "*Các kĩ năng đọc ở trường phổ thông"* (College Reading Skills), Blake. K.viết: "Đọc là hiểu những thông điệp trong những tài liệu viết hoặc in. Để đạt được việc hiểu này, chúng ta phát hiện những ý tưởng của tác giả bằng cách thực hiện hai điều cùng một lúc. Chúng ta nhớ những gì chúng ta biết về thông điệp đó và chúng ta sử dụng những kĩ năng đọc hiểu giúp chúng ta tìm ra được những gì chúng ta muốn biết ". *(Dẫn theo http//:www.eHow.com)*

Vấn đề kĩ năng đọc sách rất được thế giới quan tâm. Trên *http//:www.eHow.com* có một số bài viết bàn về vấn đề đọc hiểu và KNĐH, như: "*Làm thế nào để nâng cao kĩ năng đọc hiểu*" (How to Improve Reading Comprehension Skills) của W.D.Adkins, *Mười bước để nâng cao kĩ năng đọc hiểu* (Ten Steps to Advancing College Reading Skills) của Laura Latzko... là những bài viết hướng dẫn các thao tác cụ thể trong hoạt động đọc sách của SV và HS. Vấn đề kĩ năng đọc sách được bàn đến trong các bài viết này chủ yếu quan tâm đến việc mô hình hóa hoạt động đọc sách, các hướng dẫn cụ thể đó rất thiết thực đối với hoạt động đọc. Dựa trên các hướng dẫn đó, vận dụng một cách linh hoạt vào hoạt động đọc từng loại VB với những đặc trưng riêng, chắc chắn kĩ năng học tập của HS sẽ được nâng cao.

Vấn đề kĩ năng đọc hiểu cũng được đề cập trong công trình *Kĩ năng đọc hiểu Văn* của tác giả Nguyễn Thanh Hùng. Theo tác giả, kĩ năng đọc hiểu TPVC có mối liên hệ tương thuộc chặt chẽ với năng lực đọc hiểu, trong đó năng lực ngôn ngữ là cơ bản nhất. Đó là nơi bắt đầu của văn hoá giao tiếp xã hội thông qua kênh phát và nhận thông tin nói - nghe, viết - đọc. Kĩ năng đọc hiểu là sản phẩm của hành động trí tuệ và cơ thể. Một đứa trẻ sinh ra phải học nói mới biết nói, rồi học để biết chữ lúc đó mới học đọc. Như thế, ngoài mối quan hệ với năng lực đọc hiểu, kĩ năng đọc hiểu TPVC còn gắn bó với nguồn dự trữ kiến thức luôn luôn được nhắc nhớ lại và bổ sung, phát triển. Kĩ năng đọc hiểu là một yếu tố thể hiện năng lực đọc hiểu, phản ánh kết quả học tập, rèn luyện thường xuyên thông qua nắm vững kiến thức và vận dụng kiến thức mà thành. Kết quả học tập trong nhà trường và ngoài nhà trường đều được biểu hiện bằng hành động thành thục trong kĩ năng của người học.

Mỗi KNĐH cơ bản thu nạp vào mình những hành động đọc phù hợp cho việc rèn luyện trên lớp và luyện tập lâu dài để trở thành bạn đọc HS có năng lực đọc hiểu TPVC. Tác giả Nguyễn Thanh Hùng đã nêu lên bốn KNĐH TPVC là: kĩ năng đọc chính xác (nhằm vào đọc hiểu cấu trúc ngôn từ nghệ thuật của tác phẩm gắn với kinh nghiệm ngôn ngữ); kĩ năng đọc phân tích (nhằm vào tính đa nghĩa do tác giả tạo tác và đọc giả kiến tạo nên khi đọc TPVC gắn kinh nghiệm văn học nghệ thuật); kĩ năng đọc sáng tạo (nhằm vào thế giới nghệ thuật chưa hoàn tất trong ý đồ

nhà văn và kĩ năng lấp đầy, bổ sung ý nghĩa cho TPVC của người đọc đa dạng, năng động); kĩ năng đọc tích luỹ (nhằm vào sự kết hợp liên VB và văn cảnh gắn với kinh nghiệm, tri thức đọc hiểu TPVC, kinh nghiệm sống, sự phản ứng, đáp ứng của họ).

Tác giả Phạm Thị Thu Hương trong công trình *Đọc hiểu và các chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông* đã dẫn ý kiến từ kết quả điều tra của Hiệp hội Đọc quốc tế về mối quan hệ giữa kĩ năng và chiến thuật "kĩ năng là đích đến, chiến thuật là cuộc đi". Tác giả đã dùng cách gọi "độc giả có kĩ năng" khi nêu ra các quan điểm về ĐHVB. Theo đó, mục tiêu của dạy ĐHVB chính là đào tạo nên những bạn đọc có kĩ năng, có đủ năng lực để tự chủ, độc lập thực hiện các hoạt động đọc hiểu.

Về dạy kĩ năng ĐHVB cho HS Tiểu học có công trình *Dạy học đọc hiểu ở Tiểu học* của tác giả Nguyễn Thị Hạnh (2002). Trong công trình này, tác giả đã quan tâm đến một số phương diện của đọc hiểu trong việc dạy học Tiếng Việt. Tác giả Nguyễn Thị Hạnh trong cuốn *Dạy học đọc hiểu ở Tiểu học* (2002) nêu quan điểm: "Dạy học đọc hiểu ở Tiểu học là dạy một kĩ năng học tập". Và mỗi khối lớp, tác giả nêu lên nội dung dạy học phù hợp (gồm kĩ năng đọc hiểu, VB đọc hiểu), PPDH – tổ chức các hoạt động học tập để đọc hiểu... Còn tác giả Lê Phương Nga thì cho rằng đọc hiểu bao gồm các kĩ năng: tìm hiểu đề tài VB, tìm hiểu tên bài, tìm hiểu từ ngữ trong bài, tìm hiểu câu, đoạn, làm rõ ý chính của VB, rèn luyện kĩ năng hồi đáp VB của HS.

Cũng quan tâm đến kĩ năng ĐHVB cho HS Tiểu học là công trình "*Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ Tiểu học"* của các tác giả Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết. Công trình đã bàn khá sâu về vấn đề dạy học ĐHVB ở bậc Tiểu học. Tác giả chia VB thành hai loại (VB nghệ thuật và VB phi hư cấu) để đề xuất các PPDH theo tác giả là phù hợp. Vấn đề các cấp độ ĐHVB đối với HS Tiểu học đã được tác giả trình bày cụ thể và đề xuất một quy trình rèn luyện kĩ năng đọc hiểu theo ba cấp độ đọc hiểu.

Từ các góc nhìn khác nhau, các nhà nghiên cứu đã đưa ra các quan niệm về đọc hiểu và kĩ năng ĐHVB. Các quan niệm này có điểm gặp nhau, cũng có điểm chưa thống nhất, song đã đưa ra những góc nhìn nhiều chiều về vấn đề dạy học ĐHVB ở trường PT.

Các công trình khoa học nghiên cứu về PPDH trong trường PT và phương pháp đọc sách nói chung đều có đề cập đến vấn đề hình thành, rèn luyện kĩ năng và kĩ năng ĐHVB trong dạy học Ngữ văn. Đây là tiền đề khoa học để tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, cụ thể hơn về đọc hiểu trong bối cảnh mới. Dù đã đề cập đến song các công trình

nghiên cứu trước đây đều chưa đề xuất các chiến lược với các biện pháp, hoạt động rèn luyện cụ thể để chú trọng đến mục tiêu rèn luyện kĩ năng ĐHVB cho HS.

1.4. Nghiên cứu về kí và dạy học tác phẩm kí

Văn học kí có một địa vị rất quan trọng trong nền văn hóa, văn học Việt Nam, song cho đến nay, kí vẫn là vấn đề còn tồn tại nhiều ý kiến chưa thống nhất về khái niệm, đặc điểm loại hình, phân loại tác phẩm.

Ở Việt Nam, kí ra đời từ rất sớm, đó là các tác phẩm kí, lục, chí từ thời kì trung đại nhưng việc nghiên cứu loại hình này lại bắt đầu khá muộn. Tuy chưa nghiên cứu kí như một loại hình văn học nhưng trong các lời tựa, lời bạt hay trong việc sắp xếp phân loại tác phẩm, các quan niệm về kí đã manh nha. Thời trung đại, các học giả nhấn mạnh chức năng ghi chép của kí.

Sang đầu thế kỉ 20, các thể loại du kí, tuỳ bút phát triển khá mạnh mẽ trên cơ sở tiếp nối những truyền thống từ thể loại kí sự, tùy bút thời trung đại, phóng sự hình thành từ ảnh hưởng của văn học phương Tây và trên cơ sở sự phát triển mạnh mẽ của báo chí. Theo đó, các ý kiến bàn luận, tranh cãi về kí cũng trở nên rầm rộ. Hầu hết các ý kiến đều quan tâm đặc biệt đến nội dung "tả chân", "nói sự thực" của các thể loại này. Đó là ý kiến của các nhà văn, các nhà nghiên cứu như Phùng Tất Đắc, Trần Huy Liệu, Vũ Ngọc Phan…

Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan, cũng là một nhà văn có một số tác phẩm thuộc loại hình kí (*Chuyện Hà Nội* - bút kí, *Những trận đánh Pháp* - kí sự lịch sử, *Những năm tháng ấy* - hồi kí), trong nội dung nghiên cứu về thể loại và nhà văn viết kí cũng nhấn mạnh cơ sở của kí là "sự thực": "kí hoàn toàn dựa trên sự thực", "điều cốt yếu của một quyển kí sự là những việc đó căn cứ không vu vơ hoặc không do tưởng tượng", truyện kí "là một tác phẩm chép toàn sự thật", phóng sự "là kí sự mà có lời phẩm bình, phóng sự chỉ những điều mắt thấy tai nghe, có tính cách thời sự và có chỉ trích" [84; tr.72).

Đặc trưng của kí với hai phương diện nổi bật là ghi chép sự thực và hư cấu nghệ thuật đã được xác định và nhận được sự đồng quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu. Cuốn giáo trình *Lí luận văn học* do Trần Đình Sử, Phương Lựu chủ biên đã nêu ra những đặc trưng của kí là một loại văn tự sự với đặc trưng là trần thuật người thật, việc thật, người trần thuật trong kí thường xưng tôi, hiện diện với tư cách là nhân chứng, và chính là tác giả.

Nghiên cứu về các loại hình lịch sử kí và tiếp cận đặc trưng của kí như một thể loại lịch sử có công trình *Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam* của tác giả Trần Đình Sử, *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại* của nhà nghiên cứu

Nguyễn Đăng Na, *Kí Việt Nam từ đầu thế kỉ đến năm 1945* của tác giả Nguyễn Hữu Sơn, *Kí văn học và kí báo chí* của Đức Dũng, *Tản văn Việt Nam hiện đại* của Lê Trà Mi, *Kí như một loại hình diễn ngôn* của Nguyễn Thị Ngọc Minh (2013)…

Tiếp cận VB kí theo đặc trưng thể loại là quan điểm được xác định sớm trong lịch sử nghiên cứu văn học. Các tác giả công trình *Vấn đề giảng dạy văn chương theo loại thể* (Trần Thanh Đạm chủ biên), phần viết về kí đã đề xuất khá cụ thể cách tiếp cận tác phẩm kí theo đặc trưng loại thể. Việc giảng dạy kí được bàn đến với tư cách là một thể loại ngang hàng với các thể khác như truyện, thơ, kịch. Trong phần *"Kí và giảng dạy kí"*, tác giả Hoàng Như Mai đã trình bày tương đối chi tiết về đặc trưng và cách phân loại các tiểu loại kí. Hướng tiếp cận VB kí được đề xuất là quan điểm dạy học kí theo đặc trưng loại thể.

Gần đây, quan điểm tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hóa được quan tâm thì kí với đặc trưng riêng đã được quan tâm nghiên cứu và đề xuất tiếp cận tác phẩm kí theo hướng nghiên cứu này. Cách tiếp cận văn hoá học trong nghiên cứu TPVC sẽ giúp khám phá chân lí nghệ thuật một cách đúng hướng hơn. Với quan điểm tiếp cận đó, ngày càng có nhiều công trình nghiên cứu văn học đi theo hướng này. Gần đây nhất là công trình "*Văn chương Vũ Bằng dưới góc nhìn văn hóa"* của Đỗ Thị Ngọc Chi, khẳng định văn chương Vũ Bằng chính là một hiện tượng văn hóa, công trình tiến tới nhận diện và phân tích hai tiêu điểm "văn hóa văn chương" quan trọng trong sáng tạo Vũ Bằng: 1- Các giá trị văn hóa nhìn từ chủ thể tác giả và từ khách thể hình tượng; và 2 - Các biểu tượng văn hóa và ngôn ngữ văn chương...

Luận án tiến sĩ "*Văn xuôi Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường từ góc nhìn văn hóa"* của Ngô Minh Hiền (2008) đã tiếp cận với hai phong cách kí nổi tiếng từ góc nhìn văn hóa để soi chiếu và tìm hiểu về thiên nhiên, hiện thực lịch sử, con người và một số phương thức biểu hiện của kí. Trong luận án này, tác giả đã khảo sát một số công trình nghiên cứu về chất văn hóa trong tác phẩm văn học nói chung và trong tác phẩm của hai tác giả Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường nói riêng để đề xuất những ý kiến khá cụ thể về hướng tìm hiểu tác phẩm kí. Đó là ý kiến của các nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Phan, Đỗ Lai Thúy, Vương Trí Nhàn, Phan Cự Đệ (viết về văn hóa trong văn Nguyễn Tuân), Trần Đình Sử, Phạm Xuân Nguyên, Hoàng Ngọc Hiến (về văn hóa trong sáng tác của Hoàng Phủ Ngọc Tường). Đây là cơ sở lí luận gợi ra hướng tiếp cận phù hợp và đúng với đặc trưng của kí.

Các quan điểm tiếp cận VB kí từ đặc trưng loại thể và từ góc nhìn văn hóa là cơ sở khoa học lí luận để chúng tôi nghiên cứu các phương pháp, biện pháp, cách thức dạy học đọc hiểu văn bản kí ở trường PT.

Kế thừa các kết quả nghiên cứu về đọc hiểu, kĩ năng đọc hiểu, dạy đọc hiểu văn bản, hệ thống lí luận đặc trưng loại hình văn bản kí, chúng tôi nghiên cứu hệ thống kĩ năng ĐHVB kí cụ thể để đề xuất các giải pháp dạy học phù hợp nhằm nâng cao KNĐH văn bản kí cho HS, từ đó góp phần nâng cao chất lượng bộ môn.

Tiểu kết chương 1

Hoạt động đọc là một trong hoạt động cơ bản, quan trọng để chiếm lĩnh thế giới tri thức của con người nên đã trở thành đối tượng nghiên cứu của khoa học xã hội, khoa học giáo dục từ rất xa xưa. Các công trình nghiên cứu đều đã khẳng định vai trò quan trọng của hoạt động đọc, từ đó nghiên cứu các phương pháp, biện pháp, cách thức, bản chất của hoạt động đọc từ nhiều góc độ khác nhau và cùng nhằm tới mục tiêu nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động đọc. Và rèn luyện, nâng cao kĩ năng đọc là một trong những giải pháp hiệu quả đã được khẳng định. Các nhà nghiên cứu đã nỗ lực đưa ra những hướng dẫn, những hình thức tổ chức hoạt động để hình thành và nâng cao kĩ năng đọc cho mọi người. Đây là những thành tựu khoa học, thực tiễn quý báu để tiếp tục nghiên cứu.

Hiểu là mục đích của đọc và đọc hiểu trở thành một nội dung học tập quan trọng trong nhà trường phổ thông. Đọc hiểu không chỉ là hoạt động đặc trưng của riêng môn Ngữ văn mà còn là con đường cơ bản để tiếp nhận tri thức. Bởi vậy, con người của xã hội hiện đại - xã hội bùng nổ của thông tin, tri thức - cần phải được đào tạo các kĩ năng tiếp nhận và xử lí thông tin, trong đó có KNĐH. Nghiên cứu về ĐHVB, vì thế, đã được quan tâm rất sớm và ngày càng được chú ý. Cho đến nay, kết quả của các công trình nghiên cứu đã làm rõ được một số phương diện cơ bản của hoạt động ĐHVB và trở thành cơ sở, nền tảng lí luận quan trọng cho các hoạt động nghiên cứu theo chiều sâu, chiều rộng và từ nhiều góc độ của các ngành khoa học xã hội, trong đó có giáo dục học, phương pháp dạy học.

Kí là một trong bốn loại hình lớn của văn học và có đặc điểm loại hình tương đối phức tạp. Từ thời cổ trung đại, khi kí còn là loại hình đơn giản là ghi chép lại thông tin, thì kí đã được quan tâm nghiên cứu. Trong lịch sử phát triển thể loại, do sự phức tạp về đặc điểm loại hình, đã có nhiều ý kiến khác nhau về kí. Những quan niệm, ý kiến đánh giá ấy đã giúp bạn đọc hiểu rõ hơn bản chất các thể loại của kí và có hướng tiếp cận phù hợp.

Các công trình nghiên cứu về hoạt động đọc, về KNĐH văn bản và về đặc trưng loại hình văn học kí vừa là nền tảng lí luận, vừa đưa ra những gợi ý để chúng tôi thực hiện đề tài này.

Chương 2:
CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

2.1. CƠ SỞ LÍ LUẬN

Nghị quyết số 29/NQ-TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) đã xác định mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là chuyển đổi cách tiếp cận nội dung chương trình giáo dục từ cung cấp nội dung kiến thức sang cách tiếp cận hình thành và phát triển năng lực là một trong những đổi mới căn bản. Vậy mục tiêu rèn luyện kĩ năng ĐHVB có vị trí như thế nào trong xu hướng đổi mới giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực?

Khái niệm "năng lực" bao hàm nhiều ý nghĩa, độ rộng hẹp của khái niệm phụ thuộc vào từng lĩnh vực. "Năng lực" lại gần nghĩa với một số khái niệm tiềm năng, khả năng, kĩ năng... nên dễ gây nhầm lẫn.

Từ điển Tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên) đưa ra nghĩa của từ "năng lực": "a) Khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó. b) Phẩm chất tâm lí và sinh lí tạo cho con người khả năng hoàn thành một hoạt động nào đó với chất lượng cao".[....]

Về khái niệm "năng lực", tác giả Đỗ Ngọc Thống đã tổng hợp và đưa ra một số quan niệm được trình bày trong chương trình giáo dục của một số quốc gia trong bài "Xây dựng chương trình phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực". Trong đó đáng chú ý là khái niệm của CTGD Niu Zi-lân và CTGD In-đô-nê-xia. CT của Niu Zi-lân nêu một cách ngắn gọn: "Năng lực là một khả năng hành động hiệu quả hoặc là sự phản ứng thích đáng trong các tình huống phức tạp nào đó." [96]

CT của In-đô-nê-xia đã xác định: "Năng lực (competence) là những kiến thức (knowledge), kĩ năng (skills) và các giá trị (values) được phản ánh trong thói quen suy nghĩ và hành động của mỗi cá nhân. Thói quen tư duy và hành động kiên trì, liên tục có thể giúp một người trở nên có năng lực, với ý nghĩa làm một việc gì đó trên cơ sở có kiến thức, kĩ năng và các giá trị cơ bản. (Puskur, 2002)" [96].

"Năng lực nói chung luôn được cấu thành từ những bộ phận cơ bản: Tri thức về lĩnh vực hoạt động hay quan hệ đó; Kĩ năng tiến hành hoạt động hay xúc tiến, ứng xử với quan hệ nào đó; Những điều kiện tâm lí để tổ chức và thực hiện tri thức, kĩ năng đó trong một cơ cấu thống nhất và theo một định hướng rõ ràng, chẳng hạn

ý chí, tình cảm và thái độ đối với nhiệm vụ, tính tích cực trí tuệ, tính tích cực giao tiếp, tính tích cực học tập… Mỗi một thứ trong ba cấu tạo tâm lí nói trên khi tách riêng nhau ra đều là những dạng chuyên biệt của năng lực: có loại năng lực ở dạng tri thức (năng lực biết), có loại năng lực ở dạng kĩ năng (năng lực làm), và có loại năng lực ở dạng xúc cảm, biểu cảm (năng lực biểu cảm). Khi kết hợp cả ba lại, vẫn là năng lực, nhưng mang tính chất hoàn thiện hơn và khái quát hơn"[40].

Từ các khái niệm năng lực được dẫn ra ở trên có thể thấy một điểm nổi bật là: trong khái niệm "năng lực" yếu tố cơ bản cấu thành dù được diễn đạt ở hình thức nào (khả năng hành động hiệu quả, hệ thống khả năng, sự thành thạo hoặc những kĩ năng thiết yếu, khả năng thực hiện, là phải biết làm, khả năng của HS khi làm một cái gì đó…) thì vẫn là "kĩ năng". Như vậy, một trong những yếu tố cơ bản cấu thành "năng lực" chính là "kĩ năng".

2.1.1. Kĩ năng và kĩ năng học tập

2.1.1.1. Quan niệm, bản chất của kĩ năng

Có nhiều cách định nghĩa khác nhau về kĩ năng. Những định nghĩa này thường bắt nguồn từ góc nhìn chuyên môn và quan niệm cá nhân của người viết. Tuy nhiên, điểm chung của các quan niệm đều thừa nhận rằng kĩ năng được hình thành khi chúng ta áp dụng kiến thức vào thực tiễn. Kĩ năng học được do quá trình lặp đi lặp lại một hành động hoặc một nhóm hành động nhất định nào đó.

Nghiên cứu về kĩ năng, trong tâm lí học có hai hướng nghiên cứu chính:

Hướng thứ nhất: Nghiên cứu kĩ năng như là trình độ thực hiện hành động, thiên về mặt kĩ thuật của thao tác hành động. Theo quan điểm này, người có kĩ năng là người nắm được các kĩ thuật hành động, hành động đúng các yêu cầu kĩ thuật sẽ đạt được kết quả. Ở đây, mức độ phát triển kĩ năng biểu hiện ở mức độ hiểu và biết vận dụng đúng tri thức của hành động.

Theo hướng này, tác giả Đặng Thành Hưng (2013) cho rằng, kĩ năng là những dạng chuyên biệt của năng lực thực hiện hành động cá nhân, là hình thức biểu hiện của khả năng hay năng lực, kĩ năng là hành vi hay hành động thành công xét theo những yêu cầu, quy tắc, tiêu chuẩn nhất định. "Kĩ năng là một dạng hành động được thực hiện tự giác dựa trên tri thức về công việc, khả năng vận động và những điều kiện sinh học - tâm lí khác của cá nhân như nhu cầu, tình cảm, ý chí, tính tích cực cá nhân… để đạt được kết quả theo mục đích hay tiêu chí đã định, hoặc mức độ thành công theo chuẩn hay quy định" [51; tr.5 - 9].

Hướng thứ hai: Nhấn mạnh hiệu quả của hành động, các nhà nghiên cứu coi kĩ năng là khả năng con người tiến hành công việc có kết quả trong những điều kiện cụ thể, với khoảng thời gian tương ứng. Quan điểm này coi kĩ năng không chỉ đơn thuần là kĩ thuật hành động, mà còn là kết quả hành động trong các mối quan hệ với mục đích, phương tiện, điều kiện hành động.

Các nhà tâm lí học tiếp cận dưới góc độ sự phát triển cho rằng có kĩ năng nguyên sinh và kĩ năng thứ sinh. Đại diện các tác giả như Kixegof X.I (1977), Petrovxki A.V, Nguyễn Ánh Tuyết… cho rằng "Kĩ năng là cách thức hành động trên cơ sở tổ hợp những tri thức và kĩ xảo. Kĩ năng được luyện tập tạo cho con người khả năng thực hiện hành động không chỉ trong điều kiện quen thuộc mà ngay cả trong các điều kiện thay đổi". "Kĩ năng là khả năng vận dụng kiến thức (khái niệm, cách thức, phương pháp…) để giải quyết một nhiệm vụ mới" [41; tr.131].

Khi bàn về hoạt động dạy học, các tác giả của công trình "*Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác*" đã đưa ra quan niệm: "Đối tượng của hoạt động học là tri thức, kĩ năng, kĩ xảo và hoạt động sáng tạo mà người học cần chiếm lĩnh để cải tạo bản thân và làm thay đổi thế giới quan" [35;tr.13]. Trong đó, các tác giả nêu ra các khái niệm kĩ năng, kĩ xảo: "Kĩ năng là hành động thực hành, được áp dụng trong các tình huống tương tự, mang tính máy móc, theo mẫu định sẵn"; "Kĩ xảo là hành động thực hành, được áp dụng trong các tình huống khác nhau, đã biến đổi. Kĩ xảo là hệ quả của thao tác kĩ năng thuần thục." [35; tr.13]. Theo các tác giả này, kĩ năng là một trong những đối tượng mà người học cần chiếm lĩnh để phát triển bản thân và tác động đến thế giới.

Từ góc độ tâm lí học, tác giả Phạm Thành Nghị quan niệm: "Kĩ năng là khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết một nhiệm vụ cụ thể".

Thực hiện bất cứ kĩ năng nào cũng cần những cơ sở lí thuyết nhất định, tức là những kiến thức nhất định. Nhưng điều quan trọng là phải phát hiện ra những thuộc tính và quan hệ vốn có trong nhiệm vụ, bài tập để thực hiện mục đích nhất định. Sự vận dụng kiến thức để khám phá, biến đổi đối tượng chính là tạo ra kĩ năng. Như vậy, thực chất của việc hình thành kĩ năng là hình thành ở người học hệ thống các thao tác nhằm làm sáng tỏ những thông tin chứa đựng trong bài tập, nhiệm vụ và đối chiếu chúng với những hành động cụ thể.

Như vậy, *kĩ năng biểu thị mức độ thực hiện thành thạo, chuẩn xác các hoạt động dựa trên kiến thức, hành động đã từng được thực hiện nhiều lần và phù hợp với đối tượng của hành động*. Ví dụ: *kĩ năng nói, kĩ năng giao tiếp, kĩ năng nấu ăn, kĩ năng giải toán, kĩ năng làm văn,…* Hay nói cách khác, một cách ngắn gọn thì kĩ

năng là chỉ mức độ của hoạt động, là vận dụng tốt các kiến thức được học vào giải quyết các nhiệm vụ mới trong học tập, trong cuộc sống.

Yếu tố quan trọng nhất để đánh giá mức độ thành thục của kĩ năng chính là hiệu quả sự vận dụng kiến thức, thao tác, hành động vào việc giải quyết các nhiệm vụ mới. Khi một kiến thức đã học được nếu biết vận dụng và vận dụng thành công thì lúc đó kiến thức ấy đã nhuần nhuyễn, khi đó kiến thức mới thực sự là của mình.

Kĩ năng là phẩm chất rất quan trọng của mỗi người. Thực hiện hoạt động ở trình độ "người có kĩ năng" bao giờ cũng đạt hiệu quả cao nhất. Mỗi dạng hoạt động với mục đích khác nhau sẽ cần có hệ thống kĩ năng đặc thù phù hợp.

2.1.1.2. Kĩ năng học tập

Hoạt động học tập là hoạt động trung tâm, cơ bản nhất trong nhà trường. GV - người dạy là người thiết kế hoạt động dạy học và HS là đối tượng của hoạt động dạy học, là chủ thể thực hiện hoạt động học tập. "Hoạt động học tập là hoạt động trực tiếp hướng vào việc lĩnh hội tri thức, hình thành kĩ năng, kĩ xảo, từ đó làm biến đổi bản thân chủ thể hoạt động đó." [35; tr.12]. Chủ thể hoạt động học là HS. Đối tượng của hoạt động học là tri thức, kĩ năng, kĩ xảo và hoạt động sáng tạo mà người học cần chiếm lĩnh để cải tạo bản thân và làm thay đổi thế giới quan.

Là chủ thể của hoạt động học tập, muốn hoạt động học tập đạt hiệu quả cao thì HS cần có kĩ năng thực hiện hoạt động đó, gọi là KNHT. Từ khái niệm hoạt động học tập và quan niệm về kĩ năng, chúng ta có khái niệm: *"*KNHT là việc thực hiện có hiệu quả những hành động và kĩ thuật học tập trên cơ sở vận dụng kiến thức và kinh nghiệm học tập đã có một cách linh hoạt vào những tình huống khác nhau nhằm đạt được mục tiêu học tập đã xác định.

KNHT là tập hợp những hành động như phân tích, mô hình hóa, khái quát hóa các đối tượng nhận thức bằng cách vận dụng những tri thức kinh nghiệm đã có để đạt được những kết quả học tập một cách thành thục." [80; tr.160].

KNHT là hệ thống kĩ năng cần thiết để HS có thể thực hiện tốt các nhiệm vụ học tập cơ bản. Vì vậy, KNHT là yếu tố không thể thiếu trong hoạt động học tập, là yếu tố mấu chốt, quan trọng làm nên hiệu quả, chất lượng của hoạt động học tập và được hình thành thông qua quá trình luyện tập thường xuyên.

KNHT (cùng với tri thức, hoạt động sáng tạo…) là một trong những đối tượng, nội dung cơ bản của hoạt động dạy học. KNHT được hình thành từ một quá trình thực hiện thường xuyên các hoạt động học tập. Bởi vậy để hình thành KNHT cho HS, cần tổ chức cả một quá trình hoạt động, có sự lặp lại, sự vận dụng một

cách linh hoạt các hình thức tổ chức hoạt động dạy học. Rèn luyện KNHT là một trong những nhiệm vụ cơ bản của hoạt động dạy học theo quan điểm của lí luận dạy học hiện đại. HS cần có hệ thống KNHT thành thục để có thể chủ động, tự lập thực hiện hoạt động học tập suốt đời.

Rèn luyện KNHT là rèn luyện cho HS một hệ thống thao tác nhằm làm biến đổi đối tượng và làm sáng tỏ những thông tin trong nhiệm vụ học tập, đối chiếu chúng với hành động cụ thể.

2.1.2. Đọc hiểu văn bản và kĩ năng đọc hiểu văn bản

Việc chuyển từ thuật ngữ "giảng văn" sang "đọc hiểu văn bản" trong CT và SGK Ngữ văn thể hiện sự đề cao vai trò trung tâm hoạt động học của HS: đọc văn bản. Mọi hoạt động dạy học trong giờ Ngữ văn đều trên cơ sở đọc, mọi hoạt động tiếp nhận tác phẩm của HS đều phải được bắt đầu từ hoạt động đọc. "Đọc cả bài, đọc từng đoạn, đọc để gây không khí, đọc để sáng tỏ lời bình, đọc để minh chứng cho lời giảng, đọc đầu giờ và đọc ở phần kết thúc bài giảng. Đọc để gây một ấn tượng hoàn chỉnh về tác phẩm sau khi đã phân tích" [61; tr.149].

2.1.2.1. Đọc hiểu văn bản

a. Khái niệm

Đọc hiểu là nội dung khoa học của lí thuyết đọc sách và đọc văn. ĐHVB là một chuỗi hoạt động với mục đích học tập, lĩnh hội tri thức. Là quá trình hoạt động nên để ĐHVB đạt hiệu quả, người đọc - người thực hiện hoạt động - cần có một hệ thống kĩ năng cơ bản phù hợp. ĐHVB là quá trình hoạt động tư duy có tính chất đặc thù, phức tạp.

Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế thế giới OECD (*Organization for Economic Cooperation and Development)* khởi xướng và chỉ đạo "Chương trình đánh giá học sinh quốc tế" PISA (*Programme for International Student Assesment*), trong đó PISA đưa ra quan niệm về đọc hiểu (reading literacy) để làm cơ sở đánh giá năng lực (kiến thức và kĩ năng) HS phổ thông ở độ tuổi 15: "Đọc hiểu là sự hiểu biết, sử dụng, phản hồi và chiếm lĩnh các văn bản viết nhằm đạt được những mục đích, phát triển tri thức và tiềm năng cũng như tham gia vào đời sống xã hội của mỗi cá nhân" [109]. *("Reading literacy is understanding, using and reflecting on written texts, in order to achieve one's goals, to develop one's knowledge and potential and to participate in society."* [Theo Pisa.nuht.edu.tw).

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc đưa ra quan niệm về đọc hiểu: "Đó là khả năng nhận biết, thấu hiểu, giải thích, sáng tạo, trao đổi, tính toán và sử dụng những tài liệu viết hoặc in ấn kết hợp với những bối cảnh khác nhau." Coi đọc hiểu là một quá trình, có một số ý kiến: "Đọc hiểu là một quá trình tương tác xảy ra giữa một người đọc và một văn bản" (Rumelhart, 1994) hay "Đọc hiểu là một quá trình tư duy có chủ tâm, trong suốt quá trình này, ý nghĩa được kiến tạo thông qua sự tương tác giữa văn bản và người đọc" (Durkin, 1993)

Các quan niệm trên đều đề cao vai trò trung tâm của bạn đọc trong mối quan hệ với VB, các ý kiến đều cho rằng kết quả của quá trình đọc VB là thấu hiểu, phản hồi, ứng đáp, tương tác và kiến tạo ý nghĩa VB... Đề cao vai trò của bạn đọc, coi đọc hiểu là quá trình kiến tạo ý nghĩa VB thông qua "cuộc giao tiếp văn học" là tư tưởng đúng, kế thừa quan điểm của lí thuyết ứng đáp của các nhà lí luận Mĩ và Mĩ học tiếp nhận châu Âu. Vận dụng tư tưởng này trong dạy học Văn ở trường PT là sự khẳng định vai trò trung tâm của HS trong hoạt động học.

"Đọc hiểu" là một phạm trù khoa học của lí luận dạy học Văn, là quá trình hoạt động tương tác giữa VB và người đọc là ý kiến của các nhà nghiên cứu phương pháp như Nguyễn Thanh Hùng, Phạm Thị Thu Hương, Trần Đình Sử,... Các tác giả đều đã đề cập đến đọc hiểu là một quá trình nhận thức năng động và quá trình tìm hiểu nghĩa, kiến tạo ý nghĩa văn bản/ tác phẩm với sự hoạt động sáng tạo của tư duy, trí tưởng tượng đối với VB/ tác phẩm: "Đọc hiểu là phạm trù khoa học trong nghiên cứu và giảng dạy văn học. Bản thân nó là khái niệm có quan hệ với năng lực đọc, hành động đọc, kĩ năng đọc để nắm vững ý nghĩa của VB nghệ thuật ngôn từ. Đọc chính xác thì hiểu đúng. Đọc kĩ, đọc phân tích thì hiểu sâu. Đọc trải nghiệm thẩm mĩ thì hiểu được vẻ đẹp nhân tình. Đọc sâu, đọc sáng tạo thì hiểu được cái mới" [48;tr.26]. Là một quá trình nên hoạt động đọc hiểu không bao giờ hoàn tất một cách tuyệt đối mà cần được tiếp tục, bổ sung đối với mỗi cá nhân người đọc, trong những môi trường đọc khác nhau: "Bản chất của đọc chính là một quá trình phức tạp, tổng hợp, đòi hỏi cần sở hữu một hệ thống các kĩ năng. Hiểu là mục đích quan trọng của việc đọc… Đọc hiểu văn bản thực chất là quá trình người đọc kiến tạo ý nghĩa văn bản đó thông qua hệ thống các hoạt động, hành động, thao tác nhất định. Hoạt động này không hề đơn giản, một chiều, một lần là xong, là hết…"[54;tr.19].

Đọc hiểu là hoạt động tự lĩnh hội tri thức bằng hoạt động trí tuệ. Đọc hiểu vừa là năng lực, vừa là kĩ năng cần rèn luyện của con người. Đọc hiểu là quá trình hoạt động

của con người, người đọc tiếp xúc với VB ngôn từ, giải mã ngôn từ để tìm ra lớp ý nghĩa của VB. Huy động vốn tri thức khoa học, tri thức cuộc sống, phát huy trực giác và những rung cảm, cảm xúc của thế giới tâm linh người đọc sẽ dần tiến đến "bề sâu, bề xa" của tác phẩm. Nhưng đó mới chỉ là cấp độ hiểu đầu tiên. Hiểu còn là nắm được những tri thức của bài học và biết vận dụng trong cuộc sống: "Hiểu tức là nắm vững và vận dụng được. Hiểu tức là biết kĩ và làm tốt" [48; tr.41]. Trong trường PT, đọc hiểu là năng lực cần rèn luyện để HS có khả năng tự học, tự đọc và tự tiếp thu tri thức cuộc sống: "Đọc hiểu văn bản không chỉ nhằm tiếp nhận giá trị của riêng một bài văn cụ thể. Với vị trí tiêu biểu của một thể loại nào đó, việc tiếp nhận mỗi văn bản đều bao hàm sự định hướng về cách thức tiếp cận kiến thức của thể loại hoặc kiểu bài văn... Kết quả của hoạt động ĐHVB trong giờ Văn phải tạo ra được nền tảng kiến thức để HS có thể vận dụng và phát triển chúng trong các phân môn Tiếng Việt và Tập làm văn... [37; tr.206].

Như vậy, đọc hiểu là một khái niệm khoa học chỉ một quá trình hoạt động tư duy có ý thức của con người với đối tượng và mục tiêu rõ ràng. Kết quả của quá trình đọc hiểu là ý nghĩa văn bản được kiến tạo từ sự tương tác giữa văn bản và bạn đọc, là kiến thức về ngôn ngữ, về nghệ thuật, về cuộc sống cùng những suy ngẫm, quan điểm nhân sinh mà bạn đọc nhận được từ tác phẩm.

b. Đối tượng đọc hiểu

Đối tượng của hoạt động đọc hiểu là các loại VB với sự đa dạng về nội dung và dạng thức tồn tại. Văn bản có thể là VB ngôn ngữ, có là biểu đồ, hình ảnh, biểu tượng, có thể kết hợp các dạng thức trên. Về nội dung, cuộc sống có bao nhiêu vấn đề thuộc các lĩnh vực khác nhau thì có bấy nhiêu dạng nội dung VB là đối tượng của đọc hiểu, từ lĩnh vực khoa học, xã hội, đời sống, nghệ thuật, tâm linh,…

Đối tượng của ĐHVB trong dạy học Ngữ văn là các VB được lựa chọn làm đối tượng của hoạt động đọc hiểu, bao gồm VB hư cấu (hay còn gọi là VB nghệ thuật) và VB phi hư cấu (hay còn gọi là VB thông tin). Nội dung và dạng thức của VB này do chương trình, nội dung giáo dục quốc gia quy định hướng đến mục tiêu giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu để tiếp nhận tri thức và vẻ đẹp các VB ấy và vận dụng được vào thực tế đời sống.

c. Mục tiêu đọc hiểu

Mục tiêu và đối tượng của đọc hiểu có mối quan hệ mật thiết với nhau. Đó là mối quan hệ hai chiều, tác động và quy định lẫn nhau. Từ mục tiêu đọc hiểu định

hướng lựa chọn đối tượng phù hợp là con đường của việc lựa chọn mục tiêu và nội dung dạy học trong trường PT. Chẳng hạn, để thực hiện mục tiêu phát triển năng lực đọc hiểu thơ trữ tình thì đối tượng, nội dung dạy học được lựa chọn sẽ là các VB thơ trữ tình,... Ngược lại, từ đối tượng đọc hiểu để xác định mục tiêu đọc hiểu cụ thể của hoạt động là quan hệ, chiều tác động xuất phát từ hoạt động dạy học, khi đối tượng của hoạt động dạy học, hoạt động đọc đã được xác định rõ ràng.

Dạy đọc để HS có kĩ năng tự ĐHVB không phải là mục tiêu dễ thực hiện, mà cần một quá trình. Bởi vì "hiểu" không đơn giản chỉ là nắm bắt được nội dung VB, hiểu tác giả nói gì. Mà "hiểu" còn là phát hiện được phương thức trình bày nghệ thuật của VB, tiếp thu được những tri thức do VB mang lại, từ đó vận dụng tri thức và phương thức vào việc đọc, tạo lập VB mới. Mục đích của dạy đọc hiểu ở trường PT hiện nay là đào tạo nên những thế hệ bạn đọc hiện đại, bạn đọc tinh tế. Dạy đọc hiểu phải tác động đến nhu cầu đọc của HS, hướng HS đến những vấn đề của cuộc sống, để HS biết quan tâm đến những vấn đề thời sự mang hơi thở nóng hổi của cuộc sống hôm nay. Đọc sách không phải chỉ đọc những kiệt tác, những tác phẩm hay. Phải giúp HS trở thành những bạn đọc có bản lĩnh, đọc được nhiều loại VB nhưng biết lựa chọn, tiếp thu cái hay, cái đẹp và biết phê phán những nội dung trái với nội dung thẩm mĩ của nghệ thuật. Dạy học Văn phải "làm cho cuộc sống tâm hồn HS thêm phong phú, làm cho HS trở nên sắc sảo hơn theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng, để họ trở thành những người đọc tinh tế" [87; tr.26].

d. Nội dung đọc hiểu

Nội dung đọc hiểu phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: mục đích đọc hiểu, đặc điểm của VB đọc hiểu,… Dựa vào các tiêu chí khác nhau như kiểu loại VB, mục đích đọc, cấp độ đọc, trình độ của bạn đọc, đối tượng đọc hiểu... mà nội dung đọc hiểu có những điểm khác nhau.

Nếu đối tượng hoạt động đọc hiểu là VB nghệ thuật thì nội dung đọc hiểu là các giá trị nghệ thuật của VB: ý nghĩa văn bản ngôn từ; thế giới hình tượng nghệ thuật của tác phẩm; các lớp ý nghĩa của tác phẩm, tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả ẩn chứa sau các hình tượng nghệ thuật; các chi tiết đặc sắc thể hiện thi pháp của tác phẩm, tài nghệ và phong cách của tác giả. Như vậy là chưa đủ, nội dung đọc hiểu còn bao gồm cả phần phản hồi của độc giả, những sáng tạo của độc giả hay là phần ý nghĩa được tạo nên từ sự tương tác giữa VB với độc giả (bao gồm các yếu tố kiến thức nền, phông văn hoá, hoàn cảnh sống...).

Về nội dung đọc hiểu VB nghệ thuật (VB hư cấu), tác giả Nguyễn Thanh Hùng đề xuất các nội dung: 1- Hiểu giá trị, ý nghĩa của tầng cấu trúc ngôn từ tác phẩm; 2 - Hiểu giá trị, ý nghĩa của tầng cấu trúc hình tượng nghệ thuật; 3- Hiểu giá trị, ý nghĩa của tầng cấu trúc tư tưởng thẩm mĩ và ý vị nhân sinh của tác phẩm; 4- Đọc hiểu nội dung ý nghĩa tổng hoà, khái quát từ ba tầng ý nghĩa ấy.

Như vậy, nội dung đọc hiểu của văn bản nghệ thuật bao gồm hai phần cơ bản: Thứ nhất là những nội dung chứa đựng trong VB ngôn từ. Thứ hai là những yếu tố ý nghĩa nảy sinh từ phản hồi, đáp ứng và trải nghiệm của HS khi ĐHVB, là kết quả hoạt động sáng tạo của bạn đọc trong quá trình đọc hiểu các tầng ý nghĩa của VB. Bởi vì, nội dung, ý nghĩa, giá trị của tác phẩm nghệ thuật không chỉ đóng khuôn trong ý đồ của tác giả và nội dung ngôn từ tác phẩm, mà còn có một phần vô cùng quan trọng được tạo nên từ phản hồi, đáp ứng, trải nghiệm từ sự sáng tạo trong quá trình đọc hiểu và thưởng thức tác phẩm.

Nếu đối tượng hoạt động đọc hiểu là VB thông tin (VB phi hư cấu), thì nội dung đọc hiểu lại thay đổi. Nội dung cốt lõi của VB phi hư cấu là các thông tin xác thực nên yêu cầu, mục tiêu của đọc hiểu là nắm bắt và ghi nhớ thông tin. Nội dung ĐHVB thông tin còn là tình cảm, quan điểm, suy nghĩ và của người viết ý nghĩa văn hoá, xã hội, triết lí cuộc sống mà người viết "kí gửi". Nội dung đọc hiểu còn là tác động của VB tới tư tưởng, tình cảm và suy nghĩ của bạn đọc.

Tuy nhiên, dù là VB nghệ thuật hay phi nghệ thuật thì nội dung đọc hiểu đầu tiên vẫn là các lớp ý nghĩa, những thông tin được thể hiện ở ngôn từ của VB và nội dung nảy sinh từ sự tương tác giữa con người tinh thần, phẩm chất văn hoá của bạn đọc và tác phẩm, tác giả.

2.1.2.2. Kĩ năng đọc hiểu

a) Một số quan niệm về kĩ năng đọc hiểu

Về KNĐH, hiện nay còn có nhiều ý kiến khác nhau. Bởi vậy, việc xác định tên gọi và xác định các thành tố tạo nên KNĐH còn nhiều tranh luận. Đọc hiểu là quá trình thực hiện một hệ thống các thao tác để thực hiện hoạt động đọc hướng đến mục tiêu hiểu. Cho nên, theo quá trình đó là một hệ thống hoạt động, hành động trí tuệ đặc thù, phù hợp. Đọc hiểu là một quá trình nhận thức, quá trình hoạt động trí tuệ, tư duy khi thực hiện việc đọc một VB.

Kĩ năng biểu thị mức độ thực hiện thành thạo, chuẩn xác các hoạt động dựa trên kiến thức, hành động đã từng được thực hiện nhiều lần và phù hợp với đối

tượng. Suy ra, KNĐH biểu thị mức độ thực hiện thành thạo, chuẩn xác các hoạt động đọc bằng mắt, ghi nhớ, liên tưởng, tưởng tượng, phân tích, cắt nghĩa, bình giá và vận dụng các tri thức, kĩ năng đã có để thực hiện đọc hiểu các loại VB khác nhau. Đọc lướt có kĩ năng đọc lướt, ghi nhớ có kĩ năng ghi nhớ, phân tích có kĩ năng phân tích,… Kĩ năng thể hiện sự thuần thục ở mức độ cao, gần đến trình độ tự động hoá của các hành động.

Trong công trình "Kĩ năng đọc Văn", tác giả Nguyễn Thanh Hùng đưa ra bốn KNĐH cơ bản: 1- *Kĩ năng đọc chính xác*: Đặc trưng của nội dung kĩ năng đọc chính xác là nắm vững và làm sáng rõ mối quan hệ thông tin nội tại của VB; 2- *Kĩ năng đọc phân tích*: Đặc trưng của nội dung kĩ năng đọc phân tích là hiểu rõ và lĩnh hội thế giới nghệ thuật trong mối quan hệ với tín hiệu thẩm mĩ; 3- *Kĩ năng đọc sáng tạo:* Đặc trưng của nội dung kĩ năng đọc sáng tạo là kết nối sự hồi đáp, trải nghiệm của người đọc qua đối thoại, đồng tình, phản đối trong tranh luận và bình luận, đánh giá VB có cơ sở từ tiền kiến thức, kinh nghiệm, văn hóa đọc và năng lực văn học của bạn đọc HS; 4- *Kĩ năng đọc tích lũy*: Đặc trưng của kĩ năng đọc tích lũy là đọc bao quát, khái quát hóa và mở rộng chủ đề để lĩnh hội giá trị đích thực của VB.

Theo quan điểm của tác giả Nguyễn Thị Hạnh, đọc hiểu là một kĩ năng bao gồm nhiều hoạt động của người đọc và là một trong ba yếu tố cấu thành năng lực đọc hiểu, đó là "kĩ năng thực hiện các hành động, thao tác đọc hiểu". "Yếu tố kĩ năng thực hiện các hoạt động, hành động, thao tác đọc hiểu là khả năng thực hiện đúng hành động, hoạt động phù hợp với những mục tiêu và điều kiện cụ thể tiến hành đọc hiểu mỗi văn bản. KNĐH bao gồm chuỗi các thao tác, hành vi của người đọc được sắp xếp theo một cấu trúc hay một trình tự nhất định" [31; tr.90]. Theo đó, tác giả đưa ra một số hành động đọc được coi là các yếu tố cấu thành KNĐH: các hành động đọc, hành động ghi nhớ và nhận biết thông tin, hành động hiểu nghĩa VB, hành động áp dụng VB vào nhiệm vụ làm thay đổi nhận thức, hành động phản hồi VB,...

Theo chúng tôi, KNĐH bao gồm một hệ thống các kĩ năng, trong đó thu nạp các hành động, hoạt động từ cấp độ cụ thể đến trừu tượng, từ hoạt động bằng tay, bằng mắt đến hoạt động tư duy: *KNĐH là kĩ năng thực hiện hệ thống các thao tác, hành động đọc, các hoạt động tư duy một cách thuần thục trong quá trình đọc hiểu văn bản, như kĩ năng đọc lướt, kĩ năng đọc chính xác, kĩ năng đọc sáng tạo, kĩ năng đọc phân tích, kĩ năng đọc tích luỹ,…*

KNĐH sẽ bao gồm nhóm những KNĐH chung cho mọi loại VB, có nhóm KNĐH riêng có tính chất đặc thù phù hợp với từng loại VB nhất định. Như vậy, lựa chọn các hành động đọc, các kiểu đọc, thao tác đọc và hệ thống hoạt động tư duy phù hợp cũng là những KNĐH cơ bản.

b) Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản là một trong những mục tiêu cơ bản của dạy học Ngữ văn theo tinh thần đổi mới

Kĩ năng ĐHVB không chỉ có ý nghĩa đối với việc học tập môn Ngữ văn, mà còn có vai trò quan trọng đối với các hoạt động học tập và tự học của HS. Bởi đọc hiểu là hoạt động, là con đường giúp con người lĩnh hội tri thức, phát triển năng lực bản thân để đáp ứng các yêu cầu của xã hội. Như tác giả Trần Đình Sử đã từng nhận định: "Dạy Văn là dạy cho HS năng lực đọc, kĩ năng đọc để HS có thể đọc hiểu bất cứ văn bản nào cùng loại. Từ đọc hiểu văn mà trực tiếp nhận các giá trị văn học, trực tiếp thể nghiệm các tư tưởng và cảm xúc được truyền đạt bằng nghệ thuật ngôn từ, hình thành cách đọc riêng có cá tính... Trong bối cảnh đó trình độ văn hóa được đánh giá bằng năng lực nắm bắt, tiếp nhận thông tin, xử lí thông tin từ các văn bản khác nhau.... Nhà trường phải đào tạo mỗi HS thành một đọc đích thực, đọc chủ động, sáng tạo chứ không phải đào tạo một xã hội những người đọc a dua, chuyên ăn theo nói leo một số người nào đó" [93].

KNĐH không chỉ là kĩ năng chuyên biệt, chỉ cần thiết đối với hoạt động ĐHVB trong dạy học môn Ngữ văn. Môn học nào cũng phải thực hiện hoạt động đọc với những mục tiêu riêng của bộ môn, trong đó mục tiêu cơ bản là lĩnh hội và xử lí thông tin, biến thông tin thành tri thức, vận dụng tri thức để giải quyết các nhiệm vụ trong học tập và trong cuộc sống.

Singapore đang được đánh giá là một đất nước có nền giáo dục phát triển. Trong mục tiêu giáo dục của CT Tiếng Anh của quốc gia có nền giáo dục hiện đại, tiên tiến này, kĩ năng đọc hiểu, năng lực đọc hiểu được xác định là một mục tiêu cơ bản. Mục tiêu chung cho việc dạy đọc và quan sát được xác định như sau: "Xây dựng, củng cố nền tảng của các kĩ năng, chiến lược, thái độ, hành vi đọc, quan sát, và các kĩ năng, chiến lược đọc hiểu các loại văn bản cụ thể, tăng cường việc đọc và quan sát rộng rãi". [Dẫn theo http://www.moe.gov.sg]

Theo quan niệm của nhiều nhà giáo dục Hoa Kỳ thì ngoài bốn kĩ năng giao tiếp (đọc, viết, nghe, nói), còn có hai kĩ năng khác cần được dạy trong nhà trường,

đó là kĩ năng trình bày và kĩ năng tiếp nhận thông tin qua các kênh nghe nhìn, và việc dạy các kĩ năng đó không thể thuộc vào môn nào khác ngoài môn Ngữ văn.

Trên thực tế, một số tổ chức giáo dục quốc tế khi thực hiện kiểm tra, đánh giá HS thường chú ý đến yếu tố năng lực và kĩ năng. Trong phạm vi những nội dung liên quan đến môn Ngữ văn, có thể thấy rõ cả SAT (Scholastic Aptitude Test hay Scholastic Assessment Test) - kì thi kiểm tra năng lực của HS PT trong lĩnh vực Toán học, đọc hiểu và viết, được các trường đại học Hoa Kỳ lấy làm một trong những căn cứ quan trọng để tuyển sinh - trong phần đọc hiểu cũng tập trung kiểm tra vốn từ của HS, đặc biệt là những từ ngữ khó và kĩ năng ĐHVB (nội dung và kĩ thuật viết, năng lực suy luận) và PISA - CT đánh giá HS quốc tế, kiểm tra năng lực học tập của HS 15 tuổi của các nước thuộc nhóm OECD - đều tập trung đánh giá năng lực tư duy, kĩ năng đọc, viết của HS, chứ không chỉ kiểm tra kiến thức.

Điểm qua những dẫn chứng trên có thể thấy rèn luyện kĩ năng ĐHVB là một trong những mục tiêu cơ bản của dạy học Ngữ văn theo tinh thần đổi mới. Dạy học Ngữ văn không còn chỉ là hướng dẫn HS nắm bắt, khám phá nội dung của một VB cụ thể mà cần hướng đến mục tiêu hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB để HS có thể tự đọc hiểu các loại VB khác nhau.

2.1.3. Kí và đặc trưng loại hình văn bản kí

2.1.3.1. Kí và các tiểu loại kí

** Một số quan niệm về kí*

Các tác giả Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Xuân Nam gọi kí là một loại hình văn học. Có thể thấy, đây là một cách định danh "kí" hợp lí hơn cả và có thể xếp vào loại hình này nhiều thể loại vừa có điểm chung vừa có nhiều nét đặc thù về thi pháp: "Kí là loại hình văn học bên cạnh thơ, tiểu thuyết và kịch, gồm nhiều thể, chủ yếu là văn xuôi như: bút kí, hồi kí, du kí, nhật kí, phóng sự, kí sự, tự truyện, tùy bút, tạp văn, bút kí chính luận" [94; tr.365].

Kí ra đời từ rất sớm, xuất phát từ nhu cầu "ghi việc" của người xưa. Dần dần, từ "ghi việc" có thêm nội dung bàn luận, rồi thể hiện quan điểm, lồng ghép cảm xúc, suy ngẫm của người viết. Quá trình phát triển đó dẫn đến sự đa dạng, phức tạp của kí. Cũng giống các loại hình văn học khác, việc xác định khái niệm, đặc trưng thể loại của kí chỉ mang tính tương đối và không ổn định, như nhà văn Tô Hoài đã nói "Kí cũng như truyện ngắn, truyện dài, thơ, hình thù nó đấy nhưng vóc dáng nó

luôn luôn đổi mới đòi hỏi sáng tạo và thích ứng. Cho nên, càng chẳng nên trói nó vào một cái khuôn. Cũng như không thể làm việc ấy được" [39; tr.33]

Trong tiến trình lịch sử nghiên cứu văn học từ thời trung đại đến nay đã xuất hiện rất nhiều quan niệm về kí. Điểm gặp nhau của các quan niệm này là mối quan hệ giữa "sự thực" và "hư cấu" trong kí. Càng về sau, yếu tố "hư cấu" càng xuất hiện nhiều trong tác phẩm kí dẫn đến sự thay đổi của các quan niệm về kí với tư cách là một trong bốn loại hình văn học lớn (tự sự, trữ tình, kịch và kí). Xét về mặt từ nguyên, kí, lục, chí đều có nghĩa là "ghi chép". Thời trung đại, kí thực hiện "chức năng ghi chép, ghi việc". Trong tựa *Trung Hưng thực lục*, Hồ Sĩ Dương viết "Sách thực lục biên soạn nhằm chép việc, nêu công lao, tỏ rõ chính thống và ghi rõ dòng dõi tôi hiền". Còn Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* viết: "Phàm các bản thực lục các triều, các sách ghi chép khác, các bản kiến văn tạp chí, cho đến các sách chép về môn phương thuật, đều xếp vào loại truyện kí".

Sau này, bắt đầu từ đầu thế kỉ 20, các thể loại du kí, tùy bút, phóng sự phát triển khá mạnh thì trên văn đàn xuất hiện những cuộc tranh luận về vấn đề "tả chân", "nói sự thực" và "hư cấu" trong kí. Giai đoạn này, ghi chép sự thực, tả chân vẫn được coi là mục đích chính của kí.

Đến giai đoạn sau Đổi mới (1986), quan niệm về kí đã thay đổi do sự thay đổi cơ cấu thể loại trong đời sống văn học nói chung và trong sự vận động thể loại kí nói riêng. Quan điểm sáng tác thay đổi dẫn đến quan điểm tiếp cận nghiên cứu thể loại cũng thay đổi theo. Sự tham gia ngày càng nhiều của yếu tố hư cấu nghệ thuật trong kí đã gia tăng nhiều thể loại kí hiện đại như tùy bút, tản văn, tạp văn,…

Về khái niệm "kí" vẫn còn nhiều ý kiến chưa hoàn toàn thống nhất. Các tác giả của *Từ điển thuật ngữ văn học* quan niệm: "Kí (tiếng Nga: Ocherk, tiếng Pháp: essai; reportage) là một loại hình văn học trung gian, nằm giữa báo chí và văn học, gồm nhiều thể, chủ yếu là văn xuôi tự sự như bút kí, hồi kí, du kí, nhật kí, tùy bút,…"

Nhà nghiên cứu Phùng Ngọc Kiếm cho rằng kí là một loại: "loại kí có phạm vi biểu hiện đời sống rất rộng lớn. Kí có thể thiên về ghi chép sự việc, hiện tượng như phóng sự, kí sự; có thể thiên về biểu hiện cảm xúc trữ tình như tuỳ bút, tản văn; có thể nghiêng về nghị luận như chính luận; có thể nghiêng về ghi chép như kiến văn, tri thức như tạp kí lịch sử..." [92; tr.243-244]. Tác giả Hoàng Ngọc Hiến cho rằng: "kí là loại hình văn học nằm giữa văn học và báo chí, văn học và khoa học" [44;tr.5]. Quan niệm này đã chú ý đến khả năng truyền tải thông tin của kí (ở phương diện báo chí và khoa học) cũng như đặc điểm của một loại hình nghệ thuật (ở phương diện văn học).

Qua đây có thể thấy kí bao gồm rất nhiều tiểu loại với những đặc điểm, tính chất phức tạp, khó có thể gói vào một thể hay thể loại. Bởi vậy, nhiều nhà nghiên cứu đã đồng thuận cách định danh "loại hình văn học kí", bên cạnh tự sự, trữ tình, kịch và văn chính luận:

Kí là một trong bốn loại hình văn học (tự sự, trữ tình, kịch và kí), thuộc thể văn xuôi, có tác phẩm kí trữ tình, có tác phẩm kí tự sự, có tác phẩm vừa trữ tình vừa tự sự. Kí bao gồm nhiều tiểu loại với những đặc trưng tương đối khác biệt song đều có điểm chung là ghi chép sự thực. Điểm tạo nên khác biệt, cũng là tiêu chí cơ bản để phân loại các tiểu loại kí là cách xử lí mối quan hệ giữa sự thực và hư cấu trong văn bản.

Tuy nhiên, đây là cách phân chia có tính chất tương đối bởi trong tác phẩm kí thường có sự kết hợp các yếu tố trữ tình, tự sự và chính luận, chỉ khác ở tỉ lệ khác giữa các yếu tố đó. Tuy có phạm vi rộng và có tính chất phức tạp song vẫn có thể nhận ra những hạt nhân cấu trúc tương đối ổn định của kí, tạo nên sự khác biệt giữa kí với các loại hình văn học còn lại. Đó chính là hạt nhân sự thật và tính nghệ thuật. Văn bản kí bao giờ cũng được sản sinh từ một "sự thực" nào đó của cuộc sống: "kí là một loại văn tự sự trần thuật người thật, việc thật" (Phương Lựu), nhưng "không có nghĩa là sao chép cuộc sống, bê nguyên cuộc sống một cách thụ động vào tác phẩm" mà phần hư cấu có vai trò quan trọng trong việc tạo nên giá trị nghệ thuật cho tác phẩm kí.

Với tốc độ hiện đại hóa mau lẹ, xã hội thay đổi từng ngày, số lượng sáng tác thuộc loại hình kí ngày càng chiếm tỉ lệ cao. Đội ngũ tác giả viết kí với nhiều thể loại kí, các vấn đề phản ánh cũng vô cùng phong phú, ở nhiều phương diện cảm hứng khác nhau. Nhiều cây viết trẻ tuổi đã ghi dấu trong đời sống văn học bằng những tác phẩm kí nóng hổi hơi thở thời đại, hay tôn vinh và lưu giữ những tư tưởng nhân sinh, giá trị văn hoá độc đáo của dân tộc.

**** Một số tiểu loại kí***

Phần lớn các nhà nghiên cứu đều thừa nhận kí là hiện tượng văn học phức tạp, việc phân định thể loại cũng là việc khó khăn. Kí là loại hình văn học có một phạm vi biểu hiện đời sống rất rộng lớn và phương thức phản ánh, biểu hiện cũng khá linh hoạt, tạo nên rất nhiều tiểu loại kí khác nhau luôn có sự giao thoa thể loại. Kí có thể thiên về ghi chép sự việc, hiện tượng như phóng sự, kí sự; có thể thiên về biểu hiện cảm xúc như tùy bút, tản văn; có thể nghiêng về nghị luận như chính luận; có thể nghiêng về ghi chép như kiến văn, thiên về tri thức như sử kí, kí lục...

Theo lịch sử văn học và tiến trình phát triển của thể loại chia kí thành kí trung đại và kí hiện đại. Căn cứ vào phương thức biểu hiện và chất liệu kết cấu chia kí thành ba loại: kí tự sự, kí trữ tình và kí chính luận.

Căn cứ vào mảng đề tài, nội dung ghi chép, có kí văn hóa, kí thiên nhiên, kí lịch sử,… Còn có cách phân chia kí báo chí - kí văn học; kí nghệ thuật - kí thông tin,… Căn cứ vào bút pháp và đối tượng phản ánh kí được chia thành các tiểu loại: phóng sự, kí sự, bút kí, truyện kí, tuỳ bút, tản văn… Với mỗi tiêu chí và góc nhìn khác nhau, kí được chia thành các thể, các tiểu loại, thể loại khác nhau.

Cách chia phổ biến nhất là các tác phẩm thuộc loại hình văn học kí thành các thể loại kí. Mỗi thể loại kí bên cạnh đặc điểm chung về mặt loại hình là hạt nhân cấu trúc tương đối ổn định của kí (ghi chép sự thực, người thật việc thật) còn mang những đặc trưng riêng về mặt thể loại.

Kí trung đại bao gồm các thể loại: *kí sự, lục, chí, sử kí, tùy bút*. Xác định các thể loại kí trung đại, đặc điểm kí trung đại là điều không đơn giản. Kí trung đại vẫn chịu sự quy định của đặc điểm văn sử bất phân, truyện kí không có danh giới rõ ràng.

Kí hiện đại bao gồm các thể loại phóng sự, kí sự, hồi kí, bút kí, tùy bút, tản văn, tạp văn. Từ tên gọi của thể loại có thể thấy rõ chức năng quan trọng nhất ban đầu của kí là ghi chép, ghi nhớ thông tin, sự kiện.

Dựa vào mục đích, hoàn cảnh, chất liệu của ghi chép, mà người ta phân chia ra các thể loại kí. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, kí có xu hướng trở thành một thể loại nghệ thuật. Nhưng dù phần hư cấu có tăng đến mức nào thì hạt nhân sự thật vẫn là trọng tâm để đảm bảo tính xác thực của nội dung phản ánh trong VB kí.

2.1.3.2. Một số đặc trưng loại hình kí

Khi bàn đến đặc trưng của loại hình kí, các nhà nghiên cứu nhấn mạnh hạt nhân sự thật và tính nghệ thuật - hai phương diện quan trọng nhất của thể loại. Ghi lại "sự thực" bằng điểm nhìn và phong cách trần thuật của người sáng tạo nghệ thuật nên người viết kí làm công việc của người "ghi chép sự thực cuộc sống bằng ngôn ngữ nghệ thuật".

2.1.3.2.1. Sự thực là điểm tựa nội dung của văn bản kí

Khởi nguyên, kí được sinh ra với chức năng "ghi chép sự thực". Theo quá trình vận động và phát triển của thể loại, các tiểu loại kí ra đời. Sự hình thành ranh giới các tiểu loại kí được tạo nên bởi cách nhà văn xử lí mối quan hệ giữa hạt nhân

sự thật và yếu tố hư cấu trong tác phẩm. Nhưng dù yếu tố hư cấu có nhiều đến đâu (như ở truyện kí trung đại, tuỳ bút, tản văn hiện đại) thì hạt nhân "sự thực" vẫn là điểm tựa nội dung của VB kí.

Văn bản kí bao giờ cũng được bắt đầu từ một sự kiện có thật, người thật, việc thật, cảnh vật, địa danh hay yếu tố văn hoá nào đó, dù VB đó được viết theo kí sự, hồi kí, phóng sự, tản văn hay tuỳ bút. Theo mục đích "ghi chép", nhà văn bổ sung, thêm bớt, thay đổi một số yếu tố thuộc về cách viết, nhân vật phụ, về suy nghĩ, quan điểm, cách nhìn nhận vấn đề.

Vai trò "điểm tựa" của sự thật trong kí ở các mức độ khác nhau tạo nên các tiểu loại kí và tuỳ từng giai đoạn văn học khác nhau. Với mục đích ghi chép "cái có thật", kí đã xuất hiện từ rất sớm và phát triển mạnh tạo nên gương mặt phong phú cho văn xuôi tự sự trung đại Việt Nam. Đó là sự xuất hiện của các tác phẩm: *Thanh hư động kí* (Nguyễn Phi Khanh), *Lam Sơn thực lục* (Nguyễn Trãi), *Bắc sứ thông lục* (Lê Quý Đôn), *Nam triều công nghiệp diễn chí* (Nguyễn Khoa Chiêm), *Thượng Kinh kí sự* (Lê Hữu Trác), *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô Gia văn phái), *Vũ Trung tuỳ bút* (Phạm Đình Hổ)... Trong những tác phẩm này, các tác giả đều không viết với mục đích làm văn mà là để "ghi chép" lại những điều "mắt thấy tai nghe" thuộc lĩnh vực lịch sử, tự nhiên, xã hội, văn hoá. Người đọc có thể tìm được trong đó rất nhiều thông tin bổ ích và đảm bảo tính xác thực về lịch sử, văn hoá, xã hội của một thời đã xa. Tuy nhiên, qua việc ghi chép, dù là lịch sử hay văn hoá, các tác giả đều ít nhiều thể hiện (gián tiếp hoặc trực tiếp) bình luận, đánh giá, phẩm bình về những "sự thực" mà họ chứng kiến và ghi chép.

Sang thế kỉ 20, trong không khí hiện đại hoá của nền văn học dân tộc, văn xuôi tiếng Việt phát triển mau lẹ, phong phú với một hệ thống thể loại hoàn chỉnh. Trong đó, các sáng tác thuộc các thể loại kí cũng đa dạng hơn gồm: phóng sự, kí sự, tuỳ bút.

Đến giai đoạn 1945 - 1954, kí phát triển mạnh hơn cả, nhất là kí sự và tuỳ bút. Kí có sự xâm nhập vào các thể văn học khác khiến các tác phẩm thuộc thể truyện ngắn, tiểu thuyết đậm đặc các sự kiện đời sống. Các "cây kí" đã dũng cảm xông xáo vào những chiến trường ác liệt, bám sát các mũi nhọn chiến đấu, đến với các chiến dịch, các mặt trận để tái hiện xác thực bức tranh đời sống chiến trường. Có thể kể đến các tác phẩm như: *Trận phố Ràng, Một cuộc chuẩn bị* của Trần Đăng; *Kí sự Cao Lạng* của Nguyễn Huy Tưởng; *Ngược dòng sông Thao* của Tô

Hoài; *Chặt gọng kìm đường số Bốn* của Hoàng Lộc... Hay hàng loạt tuỳ bút *Đường vui, Tình chiến dịch, Tuỳ bút kháng chiến* của Nguyễn Tuân, những tuỳ bút về Huế của Hoàng Phủ Ngọc Tường... Xu hướng "dân chủ hoá" đã giúp kí thâm nhập vào muôn mặt của cuộc sống, mở rộng phạm vi phản ánh, các nhà văn công khai bày tỏ thái độ, cách nhìn, cách đánh giá đối với hiện thực. Đặc biệt người viết kí có cơ hội để bộc lộ vai trò của chủ thể sáng tạo, khẳng định được dấu ấn của riêng mình.

Từ sau 1975 đến nay, những tác phẩm kí hiện đại với những nội dung luôn bám sát hiện thực cuộc sống, đậm chất trữ tình, suy tư và ngày càng giàu chất văn học đã góp phần làm phong phú hơn nền văn học dân tộc. "Sự thực" được lựa chọn làm đối tượng của VB kí thường là vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, con người và văn hoá dân tộc. Các vấn đề thời sự nóng hổi cũng là những mảng hiện thực được người viết kí quan tâm. Thành tựu của kí hiện đại phải kể đến kí của các tác giả Nguyễn Tuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Mai Văn Tạo, Thép Mới và nhiều cây viết trẻ...

"Sự thực" trong VB kí được biểu hiện cụ thể ở các phương diện sau:

* *Người trần thuật là nhân chứng của sự thực*. Đây là nhân vật luôn xuất hiện trong VB kí, có khi trực tiếp xưng "tôi", có khi không xuất hiện trực tiếp mà lồng trong người kể chuyện.

* *Nhân vật, sự kiện, thời gian, địa điểm cụ thể, đơn nhất.* Đây là các yếu tố đảm bảo sự tin cậy cho tính xác thực của nội dung sự thực trong kí và cũng là những thông tin hữu ích mà người viết muốn truyền tải đến bạn đọc. Đó là các nhân vật lịch sử, các nhân vật người tài, người tốt có thật, những sự kiện chi tiết, chính xác về ngày tháng, địa điểm xảy ra sự việc. Các yếu tố này sẽ được trần thuật theo đúng logic sự thực với các thủ pháp nghệ thuật miêu tả sự thực phù hợp chứ không lồng ghép, hư cấu, đảo lộn trật tự theo dụng ý nghệ thuật của người viết như trong truyện hay thơ. Nếu có hư cấu thì là hư cấu các yếu tố phụ, thuộc về suy nghĩ chủ quan hoặc liên hệ so sánh để làm rõ hơn yếu tố sự thực cơ bản.

* *Các thủ pháp ghi chép:* từ khung truyện kể theo logic sự thực đến nghệ thuật tả, kể, cách lựa chọn chi tiết có tính chất người thực, việc thực của người viết kí cũng đảm bảo tạo sự tin cậy về thông tin.

Do vậy, dù xuất hiện nhiều hay ít, "sự thực" chính là yếu tố làm đặc trưng riêng của loại hình kí, dù xuất hiện với vị trí là đối tượng chính của nội dung trần thuật, chủ thể của "dòng sự kiện" hay là điểm tựa cho mạch cảm xúc, "dòng tâm tư" của người trần thuật.

"Sự thực" là điểm tựa còn cảm xúc, suy ngẫm dòng tâm tưởng của người viết là "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt mạch VB. Sông Hương là "nhân vật chính" của tuỳ bút "Ai đã đặt tên cho dòng sông cho dòng sông?" nhưng các yếu tố kết nối mạch cảm hứng của bài kí không phải là tri thức về lịch sử hay địa lí hay vẻ đẹp tự nhiên của dòng sông mà là cảm xúc, mạch suy tưởng, điểm nhìn nghệ thuật của nhân vật trữ tình tác giả. Mạch cảm hứng trữ tình về Sông Hương đã tạo nên một hình tượng nghệ thuật về Sông Hương từ chất liệu sự thực về lịch sử, văn hoá, cảnh sắc dòng sông qua cảm nhận của người viết. Sông Hương tạo cảm hứng cho người viết và cảm hứng nghệ thuật của người viết tạo nên vẻ đẹp cho dòng sông. "Bút pháp trữ tình là chất men làm cho kí lấp lánh", trong mỗi tác phẩm kí là một sự thực được tạo nên bởi "lấp lánh ánh mắt say mê và nhịp đập tinh tế, nhạy cảm của trái tim người viết" (Nguyễn Trọng Hoàn).

2.1.3.2.2. Cái nhìn nghệ thuật về "sự thực" là hồn cốt của văn bản kí

Nếu "sự thực" là điểm tựa nội dung thì yếu tố tạo nên giá trị nghệ thuật, nội dung tư tưởng của VB kí là dòng cảm xúc, dòng tâm tư, góc nhìn, cách cảm, quan điểm tư tưởng của người viết.

"Sự thực" ở đây là những người thật, việc thật, sự vật, sự kiện, các địa danh, sự nét đẹp văn hoá, sản phẩm văn hoá,… được nhà văn lựa chọn và đảm bảo sự xác thực khi đưa vào tác phẩm. Nhưng "xác thực" không có nghĩa là y như thật, là nhà văn chụp lại hay bê nguyên sự thực ấy vào tác phẩm. Người thật, việc thật ấy được ghi lại qua cái nhìn của nhà văn, đó là một cái nhìn nghệ thuật, có góc nhìn, điểm nhìn nghệ thuật, có sự chi phối của trình độ văn hoá, quan niệm, năng lực thẩm mĩ, năng lực tư duy, cảm quan nghệ thuật, quan điểm nhân sinh,... Người viết kí cần đảm bảo tính xác thực của sự thực (ngày tháng, địa danh, tên tuổi nhân vật chính, hiện tượng văn hoá…) nhưng cũng cần sự sáng tạo trong cách ghi chép, cách tạo sự kiện, tình huống, cách kể chuyện và bày tỏ quan điểm, thái độ. Con sông Đà trong sách Địa lí khác với sông Đà trong kí Nguyễn Tuân dù vẫn thác ấy, ghềnh ấy, lưu vực, dòng chảy, vị trí địa lí ấy. Qua cách "ghi chép" của Nguyễn Tuân, nó trở thành một thực thể nghệ thuật, có hồn, có tính cách.

Khi viết kí, mối quan hệ giữa yếu tố sự thật và phẩm chất nghệ thuật của đối tượng được nhà văn xử lí một cách khéo léo để nội dung VB kí không lệch khỏi quỹ đạo của sự thực và đảm bảo yếu tố nghệ thuật. Dựa trên hạt nhân sự thật, người viết vừa huy động tri thức, vừa hư cấu.

Cái nhìn nghệ thuật về "sự thực" thể hiện quan điểm về hiện thực, về cuộc sống. Nhà văn lựa chọn "sự thực" mà từ góc nhìn của mình, họ thấy có giá trị, có ý nghĩa hay có vấn đề cần được phản ánh. Những nét đẹp văn hoá, những giá trị đặc sắc của văn hoá dân tộc xứ Huế, nhiều người được biết, nhiều người thấy đẹp nhưng không phải ai cũng có cảm hứng ghi lại hay có khả năng "ghi lại" một cách đầy cảm xúc, có chiều sâu văn hoá và đậm chất trữ tình như trong các tác phẩm kí về Huế của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Một Hà Nội với muôn mặt đời thường của một miền đô thị được "ghi chép" thành một Hà Nội có vẻ đẹp riêng đầy thơ mộng, lãng mạn, giàu chất văn hoá, vô cùng cuốn hút người đọc là nhờ những ngòi bút tài hoa như Vũ Bằng, Thạch Lam, Băng Sơn, Lê Minh Hà,… Về viết tản văn - một thể văn của kí - hoạ sĩ, nhà văn Đỗ Phấn - tác giả của tập tản văn hay về Hà Nội, đã có lần tâm sự, đại loại: "Viết mấy chục năm mới nghiệm thấy, sa vào cái thể văn ngăn ngắn be bé tưởng không đâu vào đâu ấy hóa ra cần phải có một nội lực chữ nghĩa kinh người thì may ra mới viết được gọi là tàm tạm".

Cái nhìn nghệ thuật còn thể hiện ở cách họ ghi lại những vấn đề có tính thời sự của cuộc sống. " đời sống cứ điềm nhiên trôi đi trong sự phong nhiêu của nó, sự phong nhiêu hợp thành từ cái bộn bề lộn xộn tốt xấu, hay dở mà con người chúng ta phải đối mặt. Có những chuyện lưu cữu rêu phong, "xưa như trái đất", nhưng nói lúc nào cũng được; lại có những chuyện từ một điều kiện xã hội đặc định mà tức thời nảy sinh, không nói hôm nay ắt nó sẽ nguội ngắt ngay trong ngày mai. Có những chuyện lộ thiên đến mức con mắt vô tình nhất liếc qua cũng thấy; lại cũng có những chuyện chỉ được phát hiện bằng một cái nhìn biết xuyên thủng vỏ ngoài để chạm tới phần lõi của sự vật, sự việc [76].

Tính nghệ thuật làm nên giá trị văn học của VB kí được thể hiện ở các phương diện: *nhân vật người trần thuật, hiện thực được khái quát hóa, biểu tượng hóa và giọng điệu, ngôn ngữ trần thuật giàu tính triết lí về hiện thực, giàu chất trữ tình*.

Tính nghệ thuật - hồn cốt của tác phẩm kí - còn thể hiện ở giọng điệu, nhịp điệu, thủ pháp trần thuật,... trong đó nổi bật là chất trữ tình. Văn bản kí, dù thuộc loại kí tự sự (ghi chép, nhật kí, kí sự, phóng sự) hay kí trữ tình (tuỳ bút, tản văn hồi kí) thì chất trữ tình vẫn là một yếu tố không thể vắng mặt và có vai trò quan trọng, và được gọi là "chất của loại trong thể". Cảm hứng trữ tình sẽ chi phối các yếu tố khác của VB. Chất trữ tình được thể hiện ở nhân vật trần thuật, đối tượng trần thuật, nghệ thuật trần thuật, giọng điệu trần thuật, ...

Nhân vật người trần thuật trong VB kí, có khi là người chứng kiến, người ghi chép. Khi viết kí, dù muốn hay không, dấu ấn chủ quan của người viết sẽ xuất hiện

trong văn bản, đó là tình cảm, cảm xúc, quan điểm, thái độ về sự thực được phản ánh. Đối với VB kí trữ tình, cảm xúc của người viết được thể hiện trực tiếp, đậm nét trong tác phẩm. Trong kí trung đại, người trần thuật xuất hiện ở vị trí là người sưu tầm, khảo cứu, ghi chép đồng thời bàn luận về nhân vật, sự kiện.

Đối tượng trần thuật là sự vật, sự kiện, con người được người viết chọn lựa làm trung tâm của VB kí không còn là "sự thực như chính nó" mà là sự thật được khúc xạ qua lăng kính chủ quan của người viết. Dù là cầu Long Biên, là con Sông Đà, cây tre Việt Nam hay đặc sản cốm làng Vòng thì đều trở thành một hình tượng nghệ thuật chứa đựng những suy tư, tình cảm của người viết,...

Điểm nhìn trần thuật, giọng điệu trần thuật trong VB kí ít nhiều mang dấu ấn cá nhân của người viết. Đặc biệt là giọng điệu trần thuật, đây là yếu tố thể hiện rất rõ cá tính sáng tác, quan điểm lựa chọn các phương tiện nghệ thuật như từ ngữ, hình ảnh, chi tiết. Điểm nhìn trần thuật, quan điểm, thái độ của người trần thuật thể hiện ý nghĩa tư tưởng nghệ thuật của tác phẩm.Ý nghĩa của VB kí, nhất là kí nghệ thuật, không bao giờ dừng lại ở ghi chép sự thực khách quan, kể cả kí thuộc loại VB nhật dụng như *Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử* hay *Ca Huế trên sông Hương*... Những đoạn văn trữ tình chính là những đoạn trực tiếp thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết về đối tượng trần thuật hay hình tượng nghệ thuật của VB.

Như vậy, là một thể loại văn học, một số tiểu loại có sự giao thoa với báo chí, VB kí là kết quả của cái nhìn nghệ thuật về sự thực của người viết. Cho nên tiếp cận với VB kí cần tiếp cận từ hai hướng: tác giả - người trần thuật và hiện thực – sự thực trong kí. Điểm nhìn nghệ thuật, cách lựa chọn đối tượng nghệ thuật của nhân vật trữ tình tác giả trong VB kí sẽ quy định mức độ sử dụng hai yếu tố "sự thực" và "hư cấu", cách xử lí mối quan hệ giữa hai yếu tố ấy của tác giả.

2.1.3.2.3. Hiện thực đa chiều văn hóa - một kiểu "sự thực" đặc trưng của văn bản kí

Với sự phong phú, đa dạng về mặt thể loại, lại có phẩm chất năng động trong việc ghi chép hiện thực nên các mảng đề tài trong VB kí vô cùng phong phú. Từ các sự kiện, các nhân vật lịch sử, các nét đẹp trong truyền thống văn hóa dân tộc đến các vấn đề của cuộc sống đời thường.

Song có một điểm nổi bật, hầu như xuất hiện hoặc ẩn sâu trong các trang viết thuộc loại hình văn học kí chính là hiện thực mang đậm sắc màu văn hóa dân tộc, văn hoá nhân loại. Nói cách khác, những vấn đề có giá trị văn hóa, có thể là văn

hóa vật chất hoặc văn hóa tinh thần, là vấn đề được các tác giả viết kí đặc biệt quan tâm. Hơn nữa, dù là ghi chép sự thực nào, người viết kí cũng dẫn dắt đến giá trị văn hóa của vấn đề đó hoặc trong cách viết, cách ghi của họ đã ẩn chứa những định hướng khiến người đọc tìm đến hoặc nhận ra.

Trong VB kí, nhất là kí văn hóa, kí về lịch sử, kí về phong tục địa danh, các giá trị văn hóa là đối tượng quan tâm hàng đầu. Phẩm chất văn hóa của đối tượng phản ánh nếu không nằm ở lớp ngôn ngữ sự thực (nghĩa đen) thì được ẩn chứa trong lớp nghĩa nghệ thuật ẩn chứa sau lớp nghĩa sự thực. *Thượng kinh kí sự* của Lê Hữu Trác được coi như cuốn nhật kí được tác giả ghi lại về một chuyến từ quê nhà Hương Sơn (Hà Tĩnh) đến Thăng Long để chữa bệnh cho vua. Nhưng đọc tác phẩm này, người đọc không chỉ được biết về một chuyến đi, về cuộc sống xa hoa trong phủ Chúa Trịnh, những nhân vật lịch sử có thật mà còn được trải nghiệm ở một không gian văn hóa rất Việt Nam. "Đất Thăng Long, nơi có cuộc sống kiêu sa của giai cấp thống trị... và cũng chính nơi mà Lê Hữu Trác đã sống suốt cả một quãng đời trai trẻ... Bởi vậy, ông có cái nhìn khách quan, ít nhiều sắc lạnh trước cuộc sống kiêu sa kia, nhưng mỗi khi sống lại những kỉ niệm thân thương ngày xưa, thì niềm trìu mến của ông bỗng dâng tràn. Lúc ấy, ngòi bút của ông vượt khỏi cái nhìn có ý nghĩa phê phán mà chuyển sang một cái nhìn đầy rung cảm, trữ tình. Hai mặt hiện thực và trữ tình quện chặt với nhau làm thành một phong cách độc đáo của *Thượng kinh kí sự"* [14; tr.128.]. Trong *Hà Nội băm sáu phố phường* Thạch Lam "ghi lại" các món ăn dân dã của Việt Nam với ý thức nâng chúng đến độ thể hiện quốc hồn, quốc túy, chứa đựng truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc. *Thương nhớ mười hai* của Vũ Bằng, *Thương thế ngày xưa* của Lê Minh Hà, những VB kí về Huế của Hoàng Phủ Ngọc Tường,… đều là những tác phẩm lưu giữ nhiều nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc đang có nguy cơ mai một. Có thể tìm thấy trong các VB kí những nét đẹp văn hóa đã được nâng niu, trau chuốt và gìn giữ, những vẻ đẹp ấy trên thực tế có thể không còn nữa. Nếu còn cũng phảng phất, ẩn sâu đâu đó trong mỗi ngóc ngách và lại được hoặc đang chờ đợi người viết kí "chụp lại" và suy tư.

Các tác giả viết kí có năng lực đặc biệt trong việc phát hiện và ghi lại những phẩm chất văn hoá của hiện thực cuộc sống. Dù sự kiện, sự vật, sự việc lớn hay nhỏ, người viết kí cũng thường nhìn nhận vấn đề từ nhiều chiều, nhiều góc độ, trong đó có góc độ văn hoá. Họ phát hiện, tôn vinh đánh giá, thậm chí "sáng tạo" nên những giá trị, ý nghĩa ở phương diện văn hoá cho vấn đề.

Đặc điểm nổi bật, làm nên phẩm chất văn học của VB kí chính là "bên cạnh nghĩa chỉ vật, nghĩa nghệ thuật, trong kí còn một lớp "*nghĩa mở rộng, nghĩa liên văn bản, nghĩa văn hóa*"[73;tr.79]. Lớp nghĩa bề sâu, mở rộng này là một trong những mục tiêu của hoạt động đọc hiểu VB kí. Nghĩa văn hoá không phải là điểm riêng nhưng là điểm nổi bật, có giá trị đặc sắc của văn bản thuộc loại hình kí.

2.1.3.2.4. Sự kết hợp năng động giữa sự thật và hư cấu, giữa thông tin và nghệ thuật là thủ pháp xây dựng nội dung cơ bản của văn bản kí

Sự thật và hư cấu, thông tin và nghệ thuật là hai yếu tố cơ bản làm thành nội dung của VB kí. Dù được hình thành từ nguồn gốc ghi chép và sáng tạo nào, kí văn học phải là nơi gặp gỡ của hai nhân tố quan trọng: sự thật của đời sống và hư cấu nghệ thuật. Không gắn với sự thật xác thực của đời sống, kí dễ chơi vơi và tự xoá đi ranh giới giữa mình và thể loại khác. Không biểu hiện tính nghệ thuật rõ nét, VB kí có xu hướng lẫn lộn với các hình thức ghi chép khác về đời sống.

Văn bản, dựa trên mức độ hư cấu, được chia thành hai loại: VB hư cấu (fiction) còn gọi là VB nghệ thuật và VB không hư cấu (nonfiction) còn gọi là VB thông tin. Kí cũng có thể chia thành hai loại như vậy dựa trên mức độ hư cấu và phản ánh sự thật: kí thông tin và kí nghệ thuật.

Tuy nhiên, kí thông tin và kí văn học có sự khác nhau cơ bản. Về mức độ hư cấu, kí thông tin trung thành với sự thực, kí nghệ thuật lấy sự thật làm điểm tựa để thể hiện suy ngẫm và quan điểm về cuộc sống, yếu tố hư cấu, chiêm nghiệm, suy tưởng là nội dung chính của VB. Nhân vật tôi - người kể chuyện trong kí thông tin: cái Tôi của nhà báo thực hiện nhiệm vụ ghi chép và phản ánh chính xác thông tin sự thực, cái Tôi trong kí nghệ thuật là cái Tôi nghệ sĩ.

Về phương thức trần thuật, VB kí thông tin và kí nghệ thuật cũng có những sự khác biệt. Do mục đích sản sinh VB không giống nhau nên kí thông tin và kí nghệ thuật có những nét đặc thù. Kí thông tin có nội dung cơ bản là thông tin "sự thực" về đối tượng được đề cập đến còn kí nghệ thuật là một tác phẩm nghệ thuật về sự thực. Trong kí nghệ thuật, sự thực là cái cớ để người viết bộc lộ cảm xúc, bày tỏ, chia sẻ tâm tư tình cảm, suy ngẫm của tác giả về cuộc đời, về đối tượng.

Tuy nhiên, trên thực tế, phần lớn các VB kí đều là sự kết hợp, đan xen một cách năng động giữa hai yếu tố sự thực và hư cấu nghệ thuật. Chính sự kết hợp năng động này tạo nên sự phong phú, đa dạng và tương đối phức tạp của các tiểu loại kí. Thực ra, yếu tố được coi là "sự thực" trong kí cũng thường nghiêng về

những phẩm chất văn hoá, nghệ thuật, như các vấn đề sự thực về văn hoá, lối sống, di sản, tư tưởng, quê hương, đất nước,…

Khi đọc hiểu cần xác định rõ loại VB là kí thông tin hay kí nghệ thuật, yếu tố nào là sự thật, yếu tố nào là thông tin nghệ thuật để có hướng tiếp cận phù hợp.

Đối với VB không hư cấu (kí thông tin, kí báo chí) khi đọc cần xác định rõ thông tin cần nắm bắt, mục tiêu đọc hiểu: nắm bắt, ghi nhớ thông tin sự thực (văn hoá, xã hội, lịch sử, địa lí…) và các giá trị về ngôn ngữ, phương thức biểu đạt, thái độ, quan điểm của tác giả…

Đối với VB hư cấu (VB nghệ thuật), phân tích, khám phá thế giới hình tượng nghệ thuật, thế giới biểu tượng, nhân vật trữ tình, ý nghĩa nhân sinh, phương thức nghệ thuật,… của VB.

2.1.3.2.5. Đề tài gần gũi với đời sống, giàu ý nghĩa thực tiễn tạo nên tính thời sự của văn bản kí

Từ chức năng khởi nguyên là "ghi chép sự thực", với "sự thực" là điểm tựa nội dung, hiện thực đa chiều văn hoá là đối tượng nhận được nhiều sự quan tâm của người sáng tác kí, nên nội dung đề tài trong kí là những vấn đề thiết thực, gần gũi của cuộc sống đời thường, luôn nóng hổi hơi thở cuộc sống, nội dung tư tưởng của VB kí là những vấn đề nhân sinh. Mỗi VB kí, không chỉ chuyển tải đến bạn đọc những thông tin sự thực về thiên nhiên, lịch sử, văn hoá, xã hội,... mà còn chứa đựng thông điệp nhân văn về cuộc sống, về con người, văn hoá.

Người viết kí suy tư, chiêm nghiệm về cuộc sống từ những điều tưởng như rất bình dị của đời sống như một món ăn dân dã, một món quà vặt, một dòng sông, một con ngõ nhỏ, một cây cầu, một buổi sáng nơi thành phố hay chốn làng quê,... Giá trị nhân sinh của kí là những vấn đề gần gũi, thiết thực của cuộc sống mỗi người, đó là tình cảm gắn bó với quê hương, là sự trân trọng những nét đẹp văn hoá, sinh hoạt, phong tục, tập quán đời thường, bình dị của quê hương, là ngợi ca vẻ đẹp của con người, của thiên nhiên quê hương,...

Do vậy, đến với các VB kí, dù thuộc tiểu loại nào, bạn đọc cũng dễ dàng tìm được tiếng nói chung với tác giả nhờ những đề tài rất gần gũi được "ghi chép" một cách trung thành với hiện thực bằng nghệ thuật trần thuật dễ đọc, dễ tiếp nhận, dễ gây hiệu ứng xúc cảm bởi sự "lây lan" cảm xúc từ giọng điệu trần thuật giàu chất trữ tình và thấm đẫm chất suy tư của nhà văn.

2.2. CƠ SỞ THỰC TIỄN

2.2.1. Kí trong Chương trình và Sách giáo khoa Ngữ văn hiện hành

Trong CT, SGK Ngữ văn từ Tiểu học đến THPT hiện hành đều có sự xuất hiện của kí trung đại và kí hiện đại. Ở Tiểu học, một số trích đoạn tuỳ bút được sử dụng cho các bài tập đọc, qua đó giúp HS làm quen với thể văn thuyết minh, văn biểu cảm. Đến THCS, tác phẩm kí tiếp tục được sử dụng trong các bài ĐHVB, trong đó gắn liền với các thể văn biểu cảm, thuyết minh, tự sự, báo chí, nghệ thuật.

Trong CT và SGK *Ngữ văn 6* tập trung vào các VB tự sự, mà kí là một trong những thể quen thuộc của tự sự. Về kí hiện đại, SGK *Ngữ văn 6* có bốn VB: *Cô Tô* (Trích *Kí* Nguyễn Tuân) là bài đầu tiên trong cụm bài kí hiện đại, tả phong cảnh và sinh hoạt ở một vùng hải đảo; *Lao xao* (Trích *Tuổi thơ im lặng* của Duy Khán) là đoạn trích trong một cuốn hồi kí - tự truyện, lại tập trung miêu tả các loài chim trong khung cảnh làng quê; *Cây tre Việt Nam* (Trích *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới), là một bài kí có chất tuỳ bút, giàu chi tiết và hình ảnh, kết hợp miêu tả và bình luận, lời văn giàu nhịp điệu; *Lòng yêu nước* (E-ren-bua) là trích đoạn một bài báo thuộc thể tuỳ bút – chính luận. Ở hai VB *Cây tre Việt Nam* và *Lòng yêu nước*, chất kí không nổi bật mà những yếu tố chính luận, trữ tình lại có vai trò quan trọng; *Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử* (Thuý Lan) là bài bút kí mang tính chất hồi kí.

Trong CT và SGK *Ngữ văn 7*, VB đọc hiểu là các trích đoạn thuộc kí hiện đại gắn với mảng đề tài viết về truyền thống văn hóa dân tộc của những kí giả tiêu biểu. Đó là *Mùa xuân của tôi* (Trích *Thương nhớ mười hai* của Vũ Bằng) viết về mùa xuân Bắc Việt trong nỗi nhớ của người đi xa; *Sài Gòn tôi yêu* (Trích *Nhớ Sài Gòn* của Minh Hương) thể hiện tình cảm yêu mến và những ấn tượng bao quát chung của tác giả về thành phố Sài Gòn; *Một thứ quà của lúa non: Cốm* (Trích *Hà Nội băm sáu phố phường* của Thạch Lam) là VB kí văn hóa tiêu biểu cho phong cách Thạch Lam, thể hiện tình yêu và lòng tự hào về một sản vật của quê hương; *Ca Huế trên sông Hương* (Hà Ánh Minh) là một bút kí, ghi chép lại một sinh hoạt văn hoá, giới thiệu vẻ đẹp cảnh và người xứ Huế.

CT và SGK *Ngữ văn 8,* có VB *Trong lòng mẹ* (Trích hồi kí "Những ngày thơ ấu" của Nguyên Hồng) và đoạn trích *Tôi đi học* của Thanh Tịnh. *Tôi đi học* của Thanh Tịnh thường được gọi là truyện, nghĩa là được nhiều người xếp vào loại hình tự sự. Đây là một VB có truyện và giàu chất trữ tình, có thể xếp vào loại hình trung gian giữa tự sự và trữ tình, hay còn gọi là truyện kí.

CT và SGK *Ngữ văn 9* có sự trở lại của kí trung đại với đoạn trích *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* (Trích *Vũ trung tuỳ bút* của Phạm Đình Hổ), đoạn trích thuộc Hồi thứ 14 trong *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô Gia văn phái).

Lên bậc THPT, từ lớp 10, 11 đến lớp 12, HS được tiếp xúc với các tên tuổi tiêu biểu trong làng kí Việt Nam, cả kí trung đại và kí hiện đại.

CT và SGK Ngữ văn 10 (bộ nâng cao), có hai VB kí trung đại là *Đại Việt sử kí toàn thư* của Ngô Sĩ Liên và *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi.

CT và SGK Ngữ văn 11 (bộ nâng cao), kí trung đại có các VB: *Vào phủ chúa Trịnh* (trích *Thượng kinh kí sự* của Lê Hữu Trác), *Cha tôi* (trích *Đặng Dịch Trai ngôn hành lục* của Đặng Huy Trứ), *Nghệ thuật băm thịt gà* (trích *Việc làng* của Ngô Tất Tố).

CT và SGK Ngữ văn 12 (bộ nâng cao), CT trở lại với kí hiện đại đã được làm quen ở các lớp 6, lớp 7. Đó là các VB trích từ các *Hồi kí* của Võ Nguyên Giáp, trích đoạn *Người lái đò sông Đà* (trích *Kí Sông Đà* của Nguyễn Tuân), trích đoạn *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

Với những đặc trưng về nội dung và nghệ thuật, và khả năng tác động trực tiếp tới người tiếp nhận, kí đã và sẽ có vị trí quan trọng trong văn học nhà trường. Việc học thể kí vừa cung cấp cho HS hệ thống rất phong phú những tri thức về đời sống, về mọi lĩnh vực của đời sống, vừa bồi dưỡng năng lực thẩm mĩ, đồng thời rèn luyện những kĩ năng viết cần thiết, nhất là văn biểu cảm. Kí, đúng như tên gọi ban đầu, là thể văn dùng để ghi lại sự việc, ý nghĩ, cảm xúc của người viết trước những vấn đề của cuộc sống. Vì vậy, việc dạy học kí phải đảm bảo cung cấp đầy đủ nhất, trong khả năng có thể, những kiến thức loại hình và những kĩ năng, kĩ xảo cần thiết để giúp HS không chỉ cảm thụ được vẻ đẹp văn học của tác phẩm kí mà còn có khả năng viết kí ở những yêu cầu tối thiểu. Bởi vì đây là thể văn gần gũi mà các em vẫn đọc và viết hàng ngày.

Theo chủ trương đổi mới, trong CT và SGK, các loại VB kí thông tin (phi hư cấu) sẽ được đưa vào nhiều hơn để phục vụ mục tiêu tăng cường vai trò "hành dụng" của môn Ngữ văn. Bởi trong cuộc sống hàng ngày, mỗi người sẽ luôn phải tiếp xúc với các loại VB thông tin. Các loại VBNT nói chung, kí nghệ thuật nói riêng cũng có vai trò không thể thay thế, bởi bên cạnh nội dung thông tin về các vấn đề của xã hội, thì VBNT với những đặc trưng riêng của mình có vai trò quan trọng trong việc hình thành, phát triển và hoàn thiện nhân cách, nâng cao năng lực của HS.

2.2.2. Kí và sự phát triển phẩm chất, năng lực của HS trong thời đại mới

Văn bản kí với sự năng động, phong phú về mặt thể loại, khả năng tác động trực tiếp tới bạn đọc có vị trí quan trọng trong sự phát triển năng lực, phẩm chất của HS. Văn bản kí là sự kết hợp của một nguồn tri thức phong phú và một cảm hứng trữ tình sâu lắng về cuộc đời, về quê hương đất nước, văn hoá. Nó vừa giúp người đọc được tiếp xúc với nguồn tri thức phong phú về hiện thực tự nhiên xã hội, những không gian văn hóa, vừa được đắm mình trong những dòng cảm xúc ngọt ngào về những gì tưởng rất bình thường xung quanh. Đến với "Người lái đò sông Đà" của Nguyễn Tuân, HS không chỉ được tiếp thu một nguồn tri thức phong phú về Sông Đà mà còn là đến với những trang văn sinh động, hấp dẫn, đầy chất thơ, một thế giới hình ảnh và sắc màu độc đáo. Đến với "Thương nhớ mười hai" của Vũ Bằng, người đọc sẽ bị cuốn hút và say mê bởi một giọng điệu trần thuật đằm thắm được kết dệt bởi nỗi nhớ quê hương da diết của một lữ khách tha phương, bởi những nét đẹp văn hoá, vẻ đẹp tinh tế của thiên nhiên Bắc Việt với cả bốn mùa xuân, hạ, thu, đông… Và Huế thì đáng yêu hơn qua những tác phẩm kí giàu suy tưởng, giàu tư liệu và thấm đẫm chất thơ của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Ai cũng biết mọi thứ tồn tại xung quanh chúng ta đều có giá trị đối với sự sống, nhưng liệu đã mấy ai biết lắng mình để nghe những thanh âm tinh tế, trong trẻo, những biến thái tinh vi và cả những nét đẹp văn hoá mang linh hồn dân tộc đang mỗi ngày bị nhấn chìm đằng sau nhịp sống xoay vần đến chóng mặt của cuộc sống hiện đại. Với phẩm chất trữ tình và sự năng động của mình, kí sẽ phát huy được hiệu quả của môn học trong trường PT với vị trí vừa là một bộ môn nghệ thuật, vừa là một môn học công cụ.

Sự xuất hiện phong phú hơn những VB kí trong CT Ngữ văn sẽ phát huy được khả năng tác động của VB kí đối với sự phát triển của HS. Ngoài việc cung cấp cho HS một hệ thống tri thức phong phú về khoa học và đời sống, kí còn giúp HS biết cảm nhận, biết rung động trước vẻ đẹp cuộc sống, những nét đẹp vốn vẫn khiêm tốn ẩn sau những điều bình dị nhất của sự sống. Một khoảng sân bé nhỏ, một cánh diều trong khoảng trời chiều lộng gió hay một khúc đồng dao, một giọt mồ hôi trên trán mẹ, một ngôi chùa làng cổ kính… nhiều khi rất dễ rơi khỏi suy nghĩ của các em. Kí sẽ kết tụ "những giọt trầm" trong tâm hồn thế hệ trẻ để các em bớt vô tâm, bớt lãnh cảm với những điều tưởng rất bình thường của sự sống mà vô cùng quan trọng với mỗi người. Chắc chắn khi đọc những trang tuỳ bút nồng nàn cảm xúc và chân thực về những ngày gian khổ của những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm như "Đường chúng ta đi" của Nguyễn Trung Thành, "Những ngày nổi giận" của Chế Lan Viên,

những tác phẩm của Nguyễn Tuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường, những trang viết về Hà Nội của Vũ Bằng, Băng Sơn, Nguyễn Ngọc Tiến,… các em sẽ hiểu hơn và tự hào hơn với truyền thống dân tộc, sẽ trân trọng hơn những giá trị của quá khứ. Và những "Cánh diều tuổi thơ" của Tạ Duy Anh, "Sầu riêng" của Mai văn Tạo, và "Mùa xuân của tôi" của Vũ Bằng,... sẽ giúp HS tinh tế hơn, cảm nhận được hồn quê và những điều quý giá của sự sống. Và đương nhiên, các em sẽ mặn mà với văn chương hơn.

Kí, nhất là những tác phẩm kí hiện đại với những mối quan tâm rất đỗi bình thường sẽ góp phần vào việc thức dậy trong mỗi người những rung cảm đáng quý trước những vẻ đẹp của sự sống và những vấn đề còn bộn bề của cuộc sống. Vậy nên, trong CT và SGK mới, kí cần có một vị trí xứng đáng để có thể phát huy hết ưu thế của các tiểu loại kí trong việc phát triển năng lực và phẩm chất cho HS. Việc chú ý đến dạy học ĐHVB kí để hướng đến mục tiêu hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB nói riêng và ĐHVB nói chung là việc làm cần được quan tâm hơn nữa.

2.2.3. Thực tiễn đổi mới giáo dục theo xu thế toàn cầu hóa

Yêu cầu của xã hội thời đại CNTT với tốc độ gia tăng mạnh mẽ của lượng tri thức khoa học, xã hội dẫn đến sự thay đổi không ngừng của nội dung và mục tiêu giáo dục. Trong dạy học Ngữ văn, CT và SGK hiện hành và theo chủ trương đổi mới, thì nội dung dạy đọc hiểu là sự phong phú về kiểu loại VB. Bên cạnh VB nghệ thuật, VB thông tin (VB phi hư cấu) được đưa vào nhiều hơn, phong phú hơn về kiểu loại VB và nội dung đề tài, thông tin. Đây là các kiểu loại VB người học sẽ cần sử dụng nhiều trong đời sống nên sự thay đổi này góp phần vào việc làm tăng sự gắn kết giữa nội dung dạy học với thực tiễn đời sống.

Gắn với thực tiễn, tăng cường hiệu quả vận dung nội dung kiến thức và kĩ năng học tập với thực tế đời sống là một trong những mục tiêu của nội dung của đổi mới giáo dục. Theo đó, CT và SGK mới được soạn theo quan điểm của xu thế hội nhập toàn cầu. Trong "*Đề án đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục theo hướng phát triển năng lực"*, nhiệm vụ và giải pháp thứ hai đã nêu rõ: "Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của chương trình giáo dục (mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục) theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học. Nhiệm vụ và giải pháp thứ hai nhằm chuyển từ giáo dục chủ yếu nhằm trang bị kiến thức sang mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực người học.

a) Xác định mục tiêu giáo dục con người vừa đáp ứng yêu cầu xã hội vừa phát triển cao nhất tiềm năng của mỗi cá nhân. Phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mĩ thay vì chỉ chú trọng trang bị kiến thức; kết hợp hài hòa dạy người, dạy chữ và dạy nghề;

b) Nội dung giáo dục đổi mới theo hướng tinh giản, cơ bản, hiện đại, giảm tính hàn lâm, tăng tính thực hành và vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực tiễn.

c) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng của người học, tập trung dạy cách học, cách nghĩ và tự học, theo phương châm "giảng ít, học nhiều". Chuyển quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo."[9]

Hiện nay, quan điểm của PISA do OECD khởi xướng và chỉ đạo đang là một quan điểm được nhiều quốc gia quan tâm. Bởi mục tiêu của PISA được đánh giá là phù hợp với yêu cầu về chất lượng con người trong xã hội mới. Mục tiêu của PISA nhằm kiểm tra xem khi đến độ tuổi kết thúc phần giáo dục bắt buộc, HS đã được *chuẩn bị để đáp ứng các thách thức của cuộc sống sau này ở mức độ nào.* Nội dung đánh giá của PISA hoàn toàn được xác định dựa trên các kiến thức, kĩ năng cần thiết cho cuộc sống tương lai, không dựa vào nội dung các chương trình giáo dục quốc gia. Đây chính là điều mà PISA gọi là "năng lực phổ thông".

Với mục tiêu ấy, nội dung đánh giá của PISA có sự xuất hiện rất nhiều của các VB thông tin, VB phi hư cấu. "Tài liệu PISA và các dạng câu hỏi, phần *Các câu hỏi về lĩnh vực đọc hiểu* giới thiệu 12 VB, trong đó chỉ có 1 VB hư cấu (truyện *Vị quan tòa công tâm)*, 11 VB còn lại là các VB giao dịch thông thường, phổ biến khoa học, khoa học, biểu đồ, thông báo kết quả điều tra, khảo sát, nói về những vấn đề rất đời sống và hiện đại…" [7; tr.154]

Như vậy, bên cạnh kĩ năng ĐHVB nghệ thuật, kĩ năng ĐHVB phi hư cấu có vị trí và vai trò quan trọng của mục tiêu giáo dục theo tinh thần đổi mới.

Văn bản kí, loại hình văn học bao gồm cả VB nghệ thuật và VB thông tin, hoặc VB có sự kết hợp của cả nội dung thông tin sự thật và thông tin hư cấu, là đối tượng đọc hiểu phù hợp với yêu cầu mới về nội dung dạy học. Rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí là rèn luyện cho HS kĩ năng đọc hiểu VB nghệ thuật và VB thông tin, đáp yêu cầu của đổi mới giáo dục hiện nay.

2.2.4. Hiện trạng dạy học đọc hiểu văn bản và kĩ năng đọc hiểu văn bản kí của học sinh phổ thông

2.2.4.1. Mục đích, đối tượng và nội dung khảo sát

** Mục đích khảo sát:*

- Tìm hiểu thực tế dạy học Ngữ văn ở trường PT đã chú trọng vấn đề rèn kĩ năng ĐHVB cho HS như thế nào; nội dung và phương pháp dạy học đã bám sát đặc trưng thể loại văn bản hay chưa?

- Tìm hiểu vấn đề kĩ năng ĐHVB, kĩ năng tự học của HS PT thông qua một số nguồn tư liệu, ý kiến đánh giá và kết quả học tập của HS.

Qua khảo sát đánh giá mức độ KNĐH của HS, khảo sát điểm hạn chế trong dạy học Ngữ văn theo định hướng phát triển năng lực đọc hiểu, năng lực tự học để đề xuất giải pháp dạy học phù hợp góp phần cải thiện chất lượng học tập bộ môn.

** Đối tượng khảo sát:*

Dựa vào tình hình thực tế đổi mới giáo dục hiện nay, chúng tôi khảo sát hiện trạng trên các đối tượng sau:

1) Các ý kiến đánh giá trong một số hội thảo về đổi mới dạy học Ngữ văn và trên báo chí.

2) Bài viết của HSPT gửi tham gia một số chuyên mục của Tạp chí *Văn học và Tuổi trẻ* - Tạp chí chuyên phục vụ việc dạy học Ngữ văn ở trường PT.

3) 50 thiết kế giáo án dạy học các VB thuộc loại hình kí sưu tầm của GV và giáo án được đưa lên mạng thuộc các trang thông tin điện tử mà GV thường tham khảo (thuviengiaoan.vn; baigiang.violet.vn; elib.vn; tailieu.vn), ...

- Đọc hiểu văn bản "Cô Tô" (Ngữ văn 6): 5 giáo án
- Đọc hiểu văn bản "Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử" (Ngữ văn 6): 5 giáo án.
- Đọc hiểu văn bản "Cây tre Việt Nam" (Ngữ văn 6): 5 giáo án
- Đọc hiểu văn bản "Một thứ quà của lúa non: Cốm" (Ngữ văn 7): 5 giáo án
- Đọc hiểu văn bản "Ca Huế trên sông Hương" (Ngữ văn 7): 5 giáo án
- Đọc hiểu văn bản "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh" (Ngữ văn 9): 5 giáo án
- Đọc hiểu văn bản "Vào phủ chúa Trịnh" (Ngữ văn 11, NC): 5 giáo án
- Đọc hiểu văn bản "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" (Ngữ văn 12): 8 giáo án
- Đọc hiểu văn bản "Người lái đò Sông Đà" (Ngữ văn 12): 7 giáo án

4) Hệ thống câu hỏi hướng dẫn ĐHVB kí trong SGK Ngữ văn hiện hành:

- Câu hỏi hướng dẫn ĐHVB "Cây tre Việt Nam" (Ngữ văn 6).
- Câu hỏi hướng dẫn ĐHVB "Một thứ quà của lúa non: Cốm" (Ngữ văn 7).
- Câu hỏi hướng dẫn ĐHVB "Ca Huế trên sông Hương" (Ngữ văn 7).
- Câu hỏi hướng dẫn ĐHVB "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" (Ngữ văn 12, NC).
- Câu hỏi hướng dẫn ĐHVB "Người lái đò Sông Đà" (Ngữ văn 12, NC).

** Nội dung khảo sát:*

Khi nghiên cứu các đối tượng, chúng tôi quan tâm khảo sát các nội dung sau:

- *Với đối tượng 1, 2:* Nội dung khảo sát là KNĐH của HS PT hiện nay thông qua đánh giá của các chuyên gia, của GV trong hội thảo quốc gia và qua bài viết của một số HS.

Nội dung khảo sát là kĩ năng ĐHVB nói chung trong dạy học Ngữ văn hiện nay. Từ đây có thể đánh giá được những điểm yếu của HS để có thể bổ sung, phát huy trong nghiên cứu dạy ĐHVB kí.

- *Với đối tượng thứ 3, 4:* Chúng tôi khảo sát nội dung kế hoạch dạy học (giáo án), câu hỏi hướng dẫn ĐHVB kí trong SGK để đánh giá GV và nội dung tài liệu hướng dẫn đã quan tâm đến vấn đề dạy ĐHVB kí theo đặc trưng thể loại hay chưa? Quan tâm ở mức độ nào, định hướng HS học tập ra sao?

Với nội dung khảo sát như trên, theo đánh giá của chúng tôi, đã đánh giá được hiện trạng dạy học ĐHVB kí theo đặc trưng thể loại ở trường PT ở hai phương diện: kết quả học tập của HS và tình hình dạy học của GV, tài liệu học tập bộ môn. Như vậy về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của nghiên cứu.

2.2.4.2. Kết quả khảo sát

2.2.4.2.1. Các ý kiến đánh giá trong các hội thảo và trên báo chí

Trên báo chí, trong các bài phát biểu tại các hội thảo của ngành giáo dục, có nhiều ý kiến về chất lượng dạy học môn Ngữ văn hiện nay. Nhất là từ sau khi có chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục.

Trong Hội thảo *Đổi mới dạy học môn Ngữ văn* được tổ chức từ ngày 3 - 6/1/2013 ở Huế, đã có một số ý kiến nhận định về hiện trạng dạy học Ngữ văn và kĩ năng ĐHVB của HSPT hiện nay.

Nhìn nhận lại về CT, SGK hiện hành, Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển đánh giá CT và SGK đã có một bước tiến so với CT, SGK trước đó, cơ bản mục tiêu môn học đáp ứng đúng quy định của Luật Giáo dục và của CT giáo dục PT trên ba bình diện kiến thức, kĩ năng và thái độ; CT đã xác định được Chuẩn kiến thức, kĩ năng làm cơ sở để biên soạn SGK, SGV để dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập; cập nhật khoa học Ngôn ngữ và Văn học, đã thể hiện được nguyên tắc tích hợp trong dạy học. Song nhiều bài học trong SGK, nhất là ở các lớp trên, nặng về lí thuyết, ít có tác dụng thực tế…

Ở góc độ kĩ năng, GS.TS. Lê A nêu quan điểm: "Nhiệm vụ quan trọng nhất của dạy học Văn là làm sao HS trau dồi được năng lực tạo lập các VB cần thiết cho cuộc sống. Trong cuộc sống, chúng ta cần giao tiếp cả dạng viết lẫn nói, tương ứng với hai dạng đó là năng lực tạo lập VB viết và nói. Thế nhưng, trong số gần 100 tiết

học ở THPT được khảo sát chỉ có 5 tiết học có cả nội dung viết và nói. Xem ra, chúng ta đã quá xem nhẹ việc trang bị cho các em năng lực nói trong hoạt động giao tiếp". Đồng quan điểm, PGS.TS. Bùi Mạnh Hùng cho rằng: "Dạy Văn phải tạo môi trường để HS cảm thấy tự tin và có hứng thú "mở miệng" trong lớp, để HS không chỉ phát biểu với thầy cô mà còn tranh luận với nhau. Có như vậy, môn Ngữ văn mới giúp HS phát triển năng lực tư duy, sự tự tin, tính tự lập và tinh thần cộng đồng".

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, từ một số nhận xét của GV, các nhà nghiên cứu, của dư luận chúng tôi tóm tắt một số điểm trong các ý kiến tham gia:

(1) Kĩ năng đọc hiểu văn bản của HS phổ thông còn yếu

Sau kì thi tốt nghiệp THPT năm học 2013 - 2014, kì thi đầu tiên tổ chức ra đề theo hướng đổi mới kiểm tra đánh giá, đã có nhiều ý kiến về chất lượng học tập của HS, trong đó phần lớn đồng tình quan điểm: kĩ năng đọc hiểu của HS còn yếu.

1) Nhận xét của PGS.TS. Bùi Mạnh Hùng trong "Hội thảo Đổi mới dạy học Ngữ văn" (tổ chức ở Huế 1 / 2013): "HS mấy khi được thảo luận (nói và nghe) về một tác phẩm mà mình yêu thích (đọc). Các bài làm văn phần lớn được HS viết theo ý tưởng gợi ý của GV và các loại sách tham khảo mà các em học thuộc lòng. GV cũng không có thời gian chấm và sửa bài cho kĩ lưỡng. Kĩ năng viết một cách sáng tạo, thể hiện năng lực đánh giá, phê phán một cách độc lập của người viết bị biến thành kĩ năng học thuộc ý tưởng và cách diễn đạt của người khác và chép lại. Theo nguyên lí của giáo dục, dạy là một hoạt động làm cho quá trình học được diễn ra" (Trích từ *Kỉ yếu hội thảo*).

Cùng chung quan điểm là ý kiến của cô giáo Hồ Nguyễn Tuyết Hằng (Sở GĐ&ĐT Cần Thơ): "Kĩ năng viết đã như vậy, các kĩ năng đọc, nghe, nhất là nói thì cần xem lại. Qua các bài luyện nói, tôi nhận thấy HS rất lúng túng trong kĩ năng trình bày, nếu không cầm giấy đọc thì nói ấp úng không biết phải diễn đạt như thế nào."

Nhiều bài kiểm tra của GV khi sử dụng hệ thống câu hỏi mở, theo định hướng mới cho thấy kết quả về mặt kĩ năng vận dụng kiến thức của HS trong các tình huống học tập khác còn rất yếu. Với các câu hỏi, bài tập dạng lựa chọn ngữ liệu là văn bản ngoài SGK, HS tỏ ra lúng túng, bài viết thường sơ sài, thiếu các ý kiến phân tích, đánh giá sâu sắc về vấn đề trong văn bản. Điều đó cho thấy kĩ năng vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống HS tương tự của HS là chưa tốt. HS vẫn giữ thói quen học thuộc lòng ý kiến của người khác, ỷ lại vào tài liệu tham khảo, sách vở,...

2) Đánh giá của PGS.TS. Đỗ Ngọc Thống trình bày trong Hội thảo "*Đổi mới chương trình theo định hướng năng lực từ khái niệm đến tổ chức thực hiện*" do Tổ chức Giáo dục Nga - Ngân hàng Thế giới - Bộ GD&ĐT tổ chức ngày 7 - 9 tháng 7 năm 2014 tại Hà Nội: "Từ nội dung, CT và SGK, kiểm tra đánh giá đến PPDH đều chú trọng nhiều đến mục tiêu cung cấp kiến thức, học thuộc, ghi nhớ kiến thức, còn thiếu hoặc chưa chú trọng mục tiêu dạy kĩ năng để phát triển năng lực, chưa chú ý đến việc kiểm tra, đánh giá khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề".

(2) Chương trình, SGK, SGV và tài liệu học tập còn nhiều bất cập, chưa hướng đến mục tiêu rèn kĩ năng đọc hiểu cho HS

Xin dẫn một số ý kiến đánh giá về CT và SGK Ngữ văn hiện hành được nêu lên trong *Hội thảo Đổi mới dạy học Ngữ văn* tại Huế tháng 1/2013. Trước hết là ý kiến của GS.TS Nguyễn Minh Thuyết: "Nhiều bài học trong SGK, nhất là ở các lớp trên, nặng về lí thuyết, ít có tác dụng rèn luyện kĩ năng cho HS". ThS. Phạm Thị Thu Hiền, Trường Nguyễn Tất Thành – ĐHSPHN*:* "Trong phần *Tiến trình tổ chức dạy học*, có thể thấy các SGV Ngữ văn THPT hiện hành chủ yếu đi vào cung cấp kiến thức và trả lời cho các câu hỏi *hướng dẫn học bài* hoặc phân tích tác phẩm (đối với các bài ĐHVB), hoặc trả lời các câu hỏi - bài tập (đối với các bài Tiếng Việt) hay gợi ý giải quyết các đề văn (đối với các bài phần Làm văn) nêu trong SGK. SGV *Ngữ văn* THPT hiện hành không cung cấp cách dạy HS, nhất là dạy HS tự học."

(3) Hệ thống câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu văn bản trong SGK còn nghiêng về nội dung lí thuyết

Hệ thống câu hỏi hướng dẫn ĐHVB trong SGK còn nghiêng về nội dung lí thuyết, thiếu vắng các câu hỏi dẫn dắt HS tư duy, rèn kĩ năng tự học, tự đọc.

Cô giáo Nguyễn Thị Thanh Hải (Trường THPT Chuyên Tuyên Quang): "Hệ thống câu hỏi đặt ra ở mỗi bài học hầu hết chỉ chú ý nhiều đến việc cảm nhận, đánh giá cái hay cái đẹp của văn bản văn học hoặc đoạn trích dựa theo đặc trưng thể loại mà chưa chú ý đến việc HS biết nhận ra những giá trị đúng, sai, đánh giá khách quan, công bằng hơn với những vấn đề đặt ra ở mỗi bài học. Hệ thống câu hỏi có tình huống để tạo điều kiện cho HS tranh luận, phản biện còn hạn chế. Thậm chí rất hiếm những dạng câu hỏi đưa ra những ý kiến sai để HS đi đến phương án đúng. CT cần quan tâm đến mục tiêu trang bị nhiều đến kĩ năng vận dụng kiến thức để các em có thể vững vàng bước và cuộc sống.."

ThS. Phạm Thị Thu Hiền (Trường Nguyễn Tất Thành – ĐHSP Hà Nội): "Câu hỏi hướng dẫn học bài trong SGK đặt ra ở mỗi bài cũng khác nhau. Ví dụ, ở những

bài ĐHVB, không có mô hình câu hỏi cụ thể cho từng thể loại nhất định trong khi GV phải dạy ĐHVB theo đặc trưng thể loại. Các câu hỏi mà người soạn SGK đưa ra đều mang tính "cá nhân", thể hiện những điều mà người viết sách tâm đắc, khá lẻ tẻ, vụn vặt, chưa đạt đến sự khái quát theo đặc trưng thể loại trong dạy học Ngữ văn. Không có loại hình câu hỏi nên mỗi bài (dù giống nhau về thể loại) lại dạy theo một kiểu khác nhau, từ đó không hình thành được phương pháp dạy học cho GV và HS".

*Cô giáo Hồ Nguyễn Tuyết Hằng (Sở GD&ĐT Cần Thơ): "*Câu hỏi hướng dẫn học bài (Đọc hiểu văn bản) có những gợi ý nhưng chủ yếu là tập trung khai thác vào nội dung văn bản".

ThS. Trịnh Trọng Nam (Sở GD&ĐT Thanh Hoá): "Thực tiễn nhận thấy, phần *Hướng dẫn học bài* của SGK có một vai trò quan trọng đối với phương pháp học tập tư duy, đặc biệt là phương pháp tự học. Chuẩn bị bài là một yêu cầu quan trọng trong việc dạy và học môn Ngữ văn. Có chuẩn bị bài tốt thì học sinh mới chủ động trong việc đọc hiểu để khám phá tác phẩm. Vì thế, phần câu hỏi hướng dẫn học bài là yếu tố quyết định đến việc tự học của học sinh. Nhưng có một sự thật là trong học tập môn Ngữ văn hiện nay, học sinh chuẩn bị bài trên cơ sở câu hỏi *Hướng dẫn học bài* trong SGK chỉ để đối phó, chiếu lệ. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này trong đó có nguyên nhân xuất phát từ chính hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài trong SGK chưa thực sự hợp lí nếu không muốn nói là nó phản ánh một lối tư duy cũ kĩ, lạc hậu. Sự hạn chế của hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài còn dẫn đến thực tế GV sử dụng chưa hiệu quả hệ thống câu hỏi của phần *Hướng dẫn học bài* vào trong giảng dạy".

*Thầy giáo Nguyễn Hữu Quyền, Sở GD&ĐT Nghệ An: "*Về SGK, cho đến nay, trong thực tế SGK vẫn là khuôn thước của quá trình dạy học ở trường phổ thông. Người dạy, bởi rất nhiều lí do đã không dám vượt qua SGK. Hệ thống câu hỏi chủ yếu dừng lại ở mức tái hiện, ít chú ý dạy tư duy, kĩ năng".

(4) PPDH bộ môn còn nhiều hạn chế, chưa chú ý đến rèn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tế, kĩ năng thực hành

*Cô giáo Nguyễn Thị Thanh Hải (Trường THPT Chuyên Tuyên Quang): "*CT môn Ngữ văn cấp THPT chưa đảm bảo sự cân đối giữa lí thuyết và thực hành, còn nặng về kiến thức, chưa thật sự coi trọng việc đánh giá khách quan, nhiều chiều, chưa tăng cường những định hướng gắn với đời sống của đối tượng người học khi tiếp cận văn bản văn học. VD: Chương trình Ngữ văn lớp 10 Chuẩn với tổng số tiết 105 tiết/năm và Chương trình Nâng cao 140 tiết/ năm. Trong đó số tiết luyện tập

thực hành ở chương trình chuẩn chiếm khoảng 14,28 % (15 tiết), chương trình Nâng cao chiếm khoảng 15,7 % (22 tiết)".

2.2.4.2.2. Kết quả khảo sát bài viết của học sinh gửi Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ

Chọn khảo sát đối tượng này vì theo chúng tôi các bài viết của HS là nơi thể hiện cụ thể, rõ nét nhất, đầy đủ nhất kĩ năng ĐHVB của HS, đặc biệt là qua các bài nghị luận văn học. Kết quả ĐHVB được thể hiện rõ trong bài viết của HS. Bài viết thuộc đối tượng khảo sát là bài của số HS có hứng thú học môn Ngữ văn, ít nhiều có năng khiếu văn học. Trong quá trình làm việc, tiếp xúc hàng ngày với số lượng bài viết của GV và HS gửi về Tòa soạn, chúng tôi đã nhận rõ được một phần hiện trạng chất lượng dạy học Văn hiện nay.

Không có điều kiện dạy học hàng ngày để khảo sát và đánh giá HS trong các giờ học, song theo chúng tôi việc khảo sát bài viết của HS (sản phẩm thể hiện rõ, cụ thể và trực tiếp chất lượng học tập bộ môn) để đánh giá hiện trạng kĩ năng ĐHVB đã cho kết quả đáng tin cậy. Kết quả khảo sát bài viết của đối tượng HS có ý thức chủ động, tự giác tham gia viết bài đã bộc lộ cụ thể, chi tiết các ưu điểm cũng như hạn chế của hoạt động đọc ĐHVB của HS PT.

Đối tượng khảo sát: Bài viết của HS phổ thông tham gia các chuyên mục, các cuộc thi của TC Văn học và Tuổi trẻ: *1. Cùng em làm văn, 2. Mùa đầu văn học, 3. Hành trang vào đời, 4. Cuộc thi Ra đề và viết văn theo hướng mở, 5. Cuộc thi Ra đề và viết văn theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học, 6. Cuộc thi viết bài tập làm văn sáng tạo.* Số lượng bài viết: 4.000 bài/6 chuyên mục. Trong đó:

+ 1000 bài viết tham gia 3 chuyên mục 1, 2, 3 (2 năm 2013, 2014)

+ 3000 bài viết tham gia 3 cuộc thi (trong 3 năm 2012, 2013, 2014)

Bảng tổng hợp kết quả khảo sát:

Tổng số bài khảo sát		**Loại bài đạt yêu cầu**				**Chưa đạt**	
Số lượng (bài)	Tỉ lệ (%)	Tốt		Trung bình			
		SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ (%)	SL	Tỉ lệ
4000	100	200	5	300	7,5%	3500	87,5%

Trong số các bài viết không đạt yêu cầu (3500 bài = 87,5%) theo tiêu chí đăng báo, có khoảng 10% bài viết (350 bài) đạt yêu cầu trên trung bình theo tiêu chí

chấm điểm ở trường học (tiêu chí đạt yêu cầu thông thường được đưa ra ở trường học là: học thuộc, trả lời đúng kiến thức được học).

Trong số 3.500 bài được xếp loại chưa đạt theo tiêu chí đăng bài trên Tạp chí, có 1350 bài có thể xếp đạt yêu cầu (5 điểm) theo tiêu chí chấm điểm đại trà ở trường học (ít lỗi diễn đạt, hiểu nội dung đề bài, thực hiện 40 – 50% yêu cầu về nội dung của đề bài).

Nhận xét:

** Về các bài đạt yêu cầu:*

Kĩ năng viết bài khá tốt vì đây là đối tượng HS có năng khiếu, ham mê học văn. Bài viết của HS thể hiện một số ưu điểm sau:

+ Hiểu đúng về đặc trưng thể loại văn bản, các kiểu bài văn.

+ Diễn đạt tốt, chứng tỏ HS nắm chắc kiến thức tiếng Việt và kĩ năng vận dụng kiến thức tiếng Việt để viết văn khá tốt.

+ Các bài viết đạt yêu cầu ở mức độ tốt (chiếm tỉ lệ thấp) thể hiện suy nghĩ sâu sắc, có sự sáng tạo trong cách viết, cách triển khai vấn đề, có thể hiện suy nghĩ riêng, tầm hiểu biết rộng, biết liên hệ sang các vấn đề liên quan hoặc liên hệ thực tế. Những bài viết này cho thấy người viết (HS) đọc nhiều, nắm bắt, hiểu rõ được các nội dung đã đọc.

+ Ưu điểm chung nhất của các bài viết: trình bày một cách trôi chảy các nội dung đã được học, được nghe, được đọc về vấn đề, về tác phẩm mà đề bài yêu cầu.

Tuy nhiên, các bài viết này cũng bộc lộ một số hạn chế:

+ Nội dung mở rộng của bài viết chủ yếu tập trung vào các văn bản đã được học trong CT và SGK phổ thông, liên hệ thực tế cũng thiếu sáng tạo, các vấn đề liên hệ chưa thực sự xuất phát từ chính suy nghĩ của các em mà vẫn thiên về lí thuyết. Các em chưa biết liên hệ với chính cuộc sống hàng ngày, để rút ra những bài học thiết thực nhất cho bản thân.

+ Các bài viết tuy trôi chảy, an toàn nhưng thiếu vắng những ý nghĩ đột phá thể hiện cá tính, suy nghĩ thực sự riêng của người viết. Không có các ý kiến thể hiện tư duy phản biện, thể hiện ý kiến trái chiều với các ý kiến quen thuộc các em đã được học, được đọc. Điều này thể hiện hạn chế của HS hiện nay là thiếu bản lĩnh và kĩ năng thể hiện suy nghĩ độc lập của bản thân.

+ Tuy là các bài viết xuất sắc nhưng vẫn bộc lộ hạn chế chung của HS hiện nay trong ĐHVB: viết theo, nghĩ theo các ý kiến, các nội dung được đọc, được học, được nghe trong sách, trong lớp học. Trong một số bài nghị luận luận xã hội,

suy nghĩ riêng của người viết được bộc lộ nhiều hơn nhưng kĩ năng trình bày thường yếu, thiếu thuyết phục hoặc máy móc, theo lí thuyết.

**** Về các bài chưa đạt yêu cầu:***

Những hạn chế bộc lộ trong các bài viết *chưa đạt yêu cầu* thuộc đối tượng khảo sát cho thấy rõ những điểm yếu về kĩ năng ĐHVB của HS hiện nay. Trên thực tế, các bài viết thuộc đối tượng khảo sát là bài viết của những HS có kết quả và ý thức học tập tốt trong các lớp học, bởi chỉ những HS có hứng thú học tập mới tham gia viết bài gửi báo dự thi. Kết quả khảo sát cho thấy các bài viết bộc lộ một số hạn chế nổi bật như sau:

+ Kĩ năng dùng từ đặt câu còn yếu thể hiện rõ ở bài viết: diễn đạt vụng về, đặt câu, dùng từ chưa chính xác.

+ Chưa hiểu rõ, hiểu sâu nội dung của vấn đề, văn bản được học, được đọc. Người viết nói theo, nói lại các nội dung được đọc một cách máy móc, vụng về.

+ Học gì, đọc được gì viết nấy, không có sự sáng tạo, thể hiện rõ ở chỗ các bài viết thường giống nhau về cách triển khai vấn đề, cách hiểu.

+ Các bài viết không có liên hệ, vận dụng với các văn bản khác, các vấn đề liên quan và với thực tế cuộc sống. Nguyên nhân của hạn chế này là do HS chưa đọc nhiều, đọc kĩ, chưa mở rộng tìm hiểu các nội dung liên quan.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn HS vẫn thiên về học thuộc, nói theo, kết quả của cách dạy học theo lối đọc - chép, nhìn - chép, thiếu tính sáng tạo, thiếu sự chủ động, tích cực tự học. Qua những đối tượng HS thuộc đối tượng khảo sát cho thấy nguyên nhân của những hạn chế trên không xuất phát từ phía HS.

2.2.3.2.3. Kết quả khảo sát nội dung rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho HS thể hiện trong các thiết kế bài dạy của GV

- Phần Mục tiêu bài học: 40% trong tổng số các thiết kế được khảo sát xác định rõ mục tiêu là "Rèn kĩ năng đọc hiểu kí theo đặc trưng thể loại"; 30% trong tổng số các thiết kế được khảo sát xác định rõ mục tiêu là "Rèn kĩ năng đọc hiểu kí"; 20% trong tổng số các thiết kế được khảo sát xác định chi tiết cụ thể mục tiêu kĩ năng (*Ví dụ: Mục tiêu cho bài "Cây tre Việt Nam: 2. Kĩ năng: Đọc diễn cảm và sáng tạo bài văn xuôi giàu chất thơ bằng sự chuyển dịch giọng đọc phù hợp. - Đọc hiểu văn bản kí hiện đại có yếu tố miêu tả, biểu cảm. - Nhận ra phương thức biểu đạt chính: Miêu tả kết hợp biểu cảm, thuyết minh, bình luận. - Nhận biết và phân tích được tác dụng của các phép so sánh, nhân hóa, ẩn dụ);* 10% trong tổng số các thiết kế được khảo sát không xác định rõ mục tiêu rèn kĩ năng.

- Phần Tiến trình dạy học:

+ 35 giáo án (70%) thiết kế theo tiến trình quen thuộc: Kiểm tra bài cũ – Bài mới – Củng cố, dặn dò

+ 8 giáo án (16%) thiết kế theo tiến trình: Kiểm tra bài cũ và kết quả chuẩn bị bài mới – Bài mới – Củng cố, dặn dò

+ 7 giáo án (14%) thiết kế theo tiến trình: Kiểm tra kết quả chuẩn bị bài – Bài mới –Vận dụng (Luyện tập).

- Phần Nội dung của thiết kế:

+ 35 giáo án (70%) thiết kế theo các tuyến nội dung quen thuộc: 1. Tìm hiểu tác giả - tác phẩm; 2.Đọc hiểu văn bản: - PP: GV đặt câu hỏi – HS trả lời; ND: Tìm hiểu theo bố cục văn bản hoặc theo hình tượng nghệ thuật. 3. Củng cố, dặn dò: lưu ý HS ghi nhớ kiến thức bài học.

+ 10 giáo án (20%) thiết kế theo tuyến nội dung trên nhưng có thêm một số hình ảnh hoặc sơ đồ liên quan đến nội dung bài học.

+ 7 giáo án (10%) thiết kế theo tuyến nội dung quen thuộc như trên, có hình ảnh, biểu đồ, riêng phần Củng cố có nội dung để HS vận dụng và liên hệ.

- Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học: Các giáo án đều thể hiện dưới hình thức hỏi đáp, một số kết hợp với thảo luận nhóm, thuyết trình.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong các giáo án chưa thể hiện nội dung tổ chức hoạt động rèn KNĐH cho HS một cách hệ thống, bài bản. Giáo án chủ yếu được thiết kế theo hướng đi vào chi tiết, cụ thể, thiếu nội dung khái quát, mô hình hóa hoạt động, lặp lại một cách hệ thống để hình thành và rèn luyện KNĐH cơ bản.

2.2.4.2.4. Kết quả khảo sát hệ thống câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu văn bản kí trong SGK Ngữ văn hiện hành

STT	Tên bài	CH tìm hiểu về ND thông tin / tổng số CH	CH về tìm hiểu về nghệ thuật / tổng số CH	Câu hỏi riêng về đặc điểm thể loại/ tổng số CH
1	*Cây tre Việt Nam* (Ngữ văn 6)	3,5/4	0,5/4	0
2	*Ca Huế trên sông Hương* (Ngữ văn 7)	4/4	0	0
3	*Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Ngữ văn 12)	1/5 (2 x 0,5)	4/5	0
4	*Ai đã đặt tên cho dòng sông*? (Ngữ văn 12 NC)	1/6	5/6	0
5	*Người lái đò sông Đà* (Ngữ văn 12)	1/5	4/5	0
6	*Người lái đò sông Đà* (Ngữ văn 12 NC)	0,5/6	5,5/6	0

Nhận xét chung:

Trong hệ thống câu hỏi đọc bài, hoặc nghiêng về nội dung sự thật (VB nhật dụng thuộc loại kí), hoặc nghiêng về nghệ thuật (VB kí nghệ thuật). Thiếu sự cân đối, cũng như phân biệt rõ ràng các loại câu hỏi về nội dung thông tin sự thực và phương diện nghệ thuật của VB. Đặc biệt, không có câu hỏi giúp HS hình thành kĩ năng nhận diện thể loại.

2.2.4.3. Nhận xét chung từ kết quả khảo sát

Mặc dù đã được chú ý song trên thực tế vấn đề rèn kĩ năng trong dạy học Ngữ văn nói chung và dạy ĐHVB kí nói riêng vẫn còn nhiều bất cập.

Thứ nhất, dạy học ĐHVB kí chưa chú ý đến đặc trưng loại hình.

Thứ hai, kĩ năng ĐHVB nói chung của HS còn yếu, điều này được thể hiện rõ qua kết quả các kì thi, các bài viết của HS. Kĩ năng tự thu nhận và xứ lí thông tin mới còn yếu, chủ yếu vẫn là tiếp nhận và ghi nhớ thông tin ở dạng tái hiện, bị động. Với các văn bản mới, kết quả ĐHVB của HS chưa tốt.

Thứ ba, về kĩ năng ĐHVB kí, HS chưa được rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí theo đúng đặc trưng thể loại. Qua hệ thống câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu và qua các thiết kế của GV trong phạm vi khảo sát có thể thấy, nội dung hướng dẫn đọc hiểu chưa chú ý đến sự khác biệt về mặt thể loại của các VB thuộc loại hình văn học kí. Có VB thì hướng dẫn đọc hiểu như VB thông tin, có VB thì được hướng dẫn đọc hiểu như VB tự sự....

Thứ tư, kĩ năng vận dụng kiến thức đọc hiểu vào thực hiện các nhiệm vụ học tập mới, vào thực tiễn đời sống của HS cũng còn nhiều hạn chế. Những nội dung yêu cầu HS liên hệ, vận dụng kiến thức trong bài học còn thiếu vắng ở hệ thống câu hỏi đọc hiểu, ở các câu hỏi, bài tập kiểm tra, thi...

Qua khảo sát có thể nhận định rằng: vấn đề rèn luyện kĩ năng ĐHVB nói chung và kĩ năng ĐHVB kí nói riêng cần được quan tâm nghiên cứu hơn nữa.

2.3. NHIỆM VỤ ĐẶT RA TỪ CƠ SỞ LÍ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Qua các ý kiến đánh giá về hiện trạng kĩ năng ĐHVB của HS hiện nay có thể nhận thấy rằng mục tiêu hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB cho HS đã được nhận thức rất rõ và có sự thống nhất cao. KNĐH đã được xác định là một trong những nội dung học tập quan trọng của môn Ngữ văn.

Về mặt nhận thức, đổi mới nội dung và PPDH theo định hướng phát triển năng lực (trong đó kĩ năng là một trong những thành tố cấu thành năng lực), đã thể hiện nhận thức đúng đắn về vị trí quan trọng của việc rèn luyện kĩ năng học tập trong việc

xác định mục tiêu giáo dục mới. Đề án "Đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo Việt Nam" của Bộ GD&ĐT đã định hướng: "chuyển từ giáo dục chủ yếu nhằm trang bị kiến thức sang mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của người học". Định hướng đổi mới nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đào tạo kĩ năng cho HS trong giáo dục nói chung, giáo dục phổ thông nói riêng.

Những ý kiến khẳng định sự cần thiết của việc rèn luyện kĩ năng đã chứng tỏ rằng về mặt lí luận, vấn đề dạy kĩ năng học tập đã được nghiên cứu và có một số thành tựu nhất định. Theo đề xuất thiết kế "Chuẩn nội dung" môn Ngữ văn của PGS.TS Nguyễn Thị Hạnh thì "Trong môn Ngữ văn, chuẩn nội dung chỉ bao gồm: Một tập hợp các kiến thức, kĩ năng, hành vi môn học; Những sự thể hiện của HS liên quan đến từng tiêu chí thuộc kiến thức, kĩ năng, hành vi của môn học". Tác giả cũng đã đưa ra các tiêu chí mô tả "năng lực đọc hiểu" bao hàm được "ba thành tố của năng lực đọc hiểu ở các phương diện kiến thức văn bản, kĩ năng đọc hiểu văn bản, sự sẵn sàng vận dụng nội dung văn bản vào giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống" [31].

Vấn đề nhận thức và cơ sở lí luận khoa học về việc hình thành, rèn luyện KNHT trong trường PT là tiền đề thực tiễn và khoa học quan trọng để tiếp tục có định hướng đúng trong việc đổi mới nội dung CT, SGK và PPDH ở trường PT.

Kĩ năng không thể tách rời kiến thức, bởi vậy nội dung dạy học không thể thiếu kiến thức. Kĩ năng cũng là một dạng kiến thức quan trọng. Không có kiến thức khoa học thì không thể có kĩ năng. Dạy kiến thức, theo nội dung học tập và cách dạy truyền thống, thì nhà trường Việt Nam đã làm khá tốt. Vì thế cần phải có sự kế thừa những ưu điểm của PPDH truyền thống trong việc dạy cách ghi nhớ kiến thức khoa học, kiến thức về kĩ năng. Xác định rõ và xử lí một cách khoa học mối quan hệ giữa kiến thức và kĩ năng là mục đích cần hướng đến của việc đổi mới PPDH, khắc phục hạn chế của nội dung và PPDH cũ là "nhận thức chưa đúng mối quan hệ giữa kiến thức và kĩ năng".

Hệ thống lí luận về PPDH Ngữ văn, PPDH theo quan điểm của lí luận dạy học hiện đại nếu được vận dụng một cách sáng tạo sẽ khắc phục được những hạn chế góp phần nâng cao kĩ năng ĐHVB cho HS. Từ cơ sở khoa học của vấn đề, chúng tôi đặt ra các nội dung cần nghiên cứu:

1) Xác định khái niệm và đặc trưng loại hình văn bản kí

2) Xác định hệ thống kĩ năng ĐHVB kí cần hình thành và rèn luyện cho HS.

3) Đề xuất các biện pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp để hình thành và

rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho HS, bao gồm hệ thống các hình thức tổ chức hoạt động học, xây dựng chiến lược đọc hiểu, hệ thống bài tập rèn kĩ năng đọc hiểu, ... sẽ được trình bày cụ thể ở chương tiếp theo

Tiểu kết chương 2

Rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí là một vấn đề nghiên cứu của khoa học PPDH môn Ngữ văn. Cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu này là hệ thống lí thuyết về ĐHVB, về đặc trưng loại hình kí, quan điểm đổi mới giáo dục của lí luận dạy học hiện đại và hiện trạng kĩ năng ĐHVB của HS hiện nay.

Trong dạy học ĐHVB ở trường PT, vấn đề rèn luyện KNĐH có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu đổi mới giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho HS. Hình thành và rèn luyện KNĐH là chỉ ra cho HS con đường, cách thức ĐHVB. Qua đó nâng cao năng lực tự học cho HS. Hướng đến mục tiêu hình thành và rèn luyện KNĐH, hoạt động dạy học Ngữ văn ở trường PT chú trọng đến việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS, lấy HS làm trung tâm của hoạt động ĐHVB. HS phải được trực tiếp, chủ động tham gia các hoạt động học tập mới có thể hình thành KNHT cần thiết để tích cực, độc lập thực hiện các hoạt động học tập.

Kết quả khảo sát hiện trạng kĩ năng ĐHVB của HS PT hiện nay cho thấy: việc dạy học ĐHVB ở trường PT vẫn chú trọng đến mục tiêu học thuộc kiến thức và phụ thuộc sách vở dẫn đến hiện trạng kĩ năng ĐHVB yếu, HS thiếu năng lực tự đọc, tự học một cách chủ động, sáng tạo.

Văn bản kí với những đặc trưng riêng về mặt thể loại, là loại hình VB có sự kết hợp giữa thông tin sự thật với thông tin nghệ thuật tạo nên những yếu tố thuận lợi cho việc hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB cho HS theo yêu cầu đổi mới mục tiêu giáo dục hiện nay. Hệ thống kĩ năng ĐHVB kí sẽ được xác định trên cơ sở lí luận khoa học về kĩ năng học tập, hệ thống lí luận về ĐHVB và đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi HS, nội dung và mục tiêu dạy học được quy định trong CT và SGK Ngữ văn hiện hành trên cơ sở có tính đến những định hướng đổi mới CT, nội dung và PPDH môn Ngữ văn ở trường PT.

Chương 3
HỆ THỐNG KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ VÀ GIẢI PHÁP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

3.1. HỆ THỐNG KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ

Giáo dục định hướng năng lực hay còn gọi là định hướng đầu ra hiện nay đã trở thành xu hướng đổi mới của giáo dục thế giới. Đây cũng chính là quan điểm đổi mới giáo dục của Việt Nam hiện nay, giáo dục hướng đến mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất người học. Giáo dục định hướng năng lực nhấn mạnh vai trò của người học với tư cách là chủ thể của hoạt động nhận thức, hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất, nhân cách, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn nhằm chuẩn bị cho mỗi người năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp. Một trong những yếu tố quan trọng làm thước đo năng lực vận dụng là kĩ năng. Mục tiêu của hoạt động ĐHVB là hướng đến phát triển năng lực đọc hiểu cho HS, trong đó KNĐH là một yếu tố quan trọng cấu thành năng lực đọc hiểu.

Từ quan niệm về kĩ năng ĐHVB, các nhà nghiên cứu phân xuất thành nhiều kĩ năng như: kĩ năng đọc chính xác, kĩ năng đọc phân tích, kĩ năng đọc sáng tạo và kĩ năng đọc tích luỹ,...

Song với bản chất phức tạp, phong phú của VB ngôn từ, bao gồm cả VB nghệ thuật, VB thông tin với sự đa dạng về đề tài, chủ đề, tư tưởng, phong cách sáng tác, quan điểm nghệ thuật và tầm đón nhận của bạn đọc thì hệ thống kĩ năng ĐHVB còn bao gồm những kĩ năng khác nữa. Kĩ năng biểu thị mức độ thành thạo của hoạt động. Trong hoạt động học nói chung có kĩ năng phát hiện vấn đề, kĩ năng tự đặt câu hỏi, kĩ năng huy động tri thức đọc hiểu, kĩ năng tóm tắt, kĩ năng ghi nhớ, kĩ năng tạo lập văn bản, kĩ năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong học tập và trong cuộc sống... Trong quá trình ĐHVB có hệ thống kĩ năng tương ứng như kĩ năng đọc lướt, kĩ năng đọc chính xác, kĩ năng đọc phân tích, kĩ năng đọc sáng tạo, kĩ năng đọc kết nối,... Cách phân loại các kĩ năng này dựa vào bản chất của đọc hiểu: là hai quá trình nhận thức tích cực, chủ động và quá trình kiến tạo ý nghĩa VB.

Đặc trưng loại hình là yếu tố quan trọng nhất cần quan tâm để xác định hệ thống kĩ năng ĐHVB kí. Mỗi loại VB, với những đặc trưng riêng về nội dung, mục đích phản ánh và hình thức nghệ thuật cần những KNĐH phù hợp.

Đặc trưng nổi bật của kí thể hiện ở mối quan hệ giữa nội dung sự thật và tính chất nghệ thuật, phẩm chất văn hóa của hiện thực được phản ánh… Bởi vậy, KNĐH kí bao gồm hai nhóm: kĩ năng nắm bắt thông tin sự thực và kĩ năng phát hiện thông tin thẩm mĩ và đặc sắc nghệ thuật của VB kí. Văn bản kí với những đặc trưng riêng về mặt loại hình cần có hệ thống KNĐH tương ứng, đồng thời cũng là điều kiện thuận lợi để hình thành và rèn luyện một hệ thống KNHT cơ bản cho HS.

Như phần cơ sở lí luận đã xác định, quan niệm KNĐH bao gồm một hệ thống KNĐH chung và một số kĩ năng có tính chất đặc thù cho từng loại VB. Việc thực hiện các hành động đọc trong hệ thống KNĐH văn bản kí cần phải được tiến hành một cách thường xuyên và phải được mô hình hóa thành hoạt động trí tuệ ở mức độ "tự động hóa" cao, mức độ của kĩ năng, kĩ xảo.

Mỗi kĩ năng học tập được rèn luyện dựa trên một hệ thống thao tác tương ứng và phù hợp. Thực hiện các thao tác ấy một cách thành thục, chủ động, sáng tạo là HS đã đạt đến trình độ "*người đọc có kĩ năng*".

3.1.1. Kĩ năng đọc lướt để xác định mục tiêu và cách thức tổ chức đọc hiểu văn bản kí

Để thực hiện bất kì một hoạt động nào có hiệu quả thì trước khi thực hiện cần xác định rõ mục tiêu. Xác định mục tiêu cụ thể thì mới lựa chọn thao tác, hành động phù hợp. Đối với hoạt động ĐHVB kí trong nhà trường, việc xác định mục tiêu đọc rất quan trọng. Mục tiêu ĐHVB kí đối với hoạt động dạy học bộ môn Ngữ văn được quy định ở mục tiêu giáo dục PT, cụ thể hoá trong Chuẩn kiến thức kĩ năng bộ môn và mục tiêu dạy học cụ thể của mỗi trường lớp khác nhau.

Dựa trên cơ sở những quy định chung về mục tiêu đọc hiểu, với mỗi VB cụ thể, cần thực hiện một số hoạt động đọc lướt để xác định các hoạt động đọc tiếp theo của quá trình đọc hiểu.

Kĩ năng cần thiết nhất để xác định mục tiêu đọc hiểu một VB cụ thể là kĩ năng đọc lướt. Đối tượng của hoạt động đọc lướt bao gồm toàn bộ nội dung phần giới thiệu về VB và VB kí. Kĩ thuật đọc lướt là đọc nhanh, đọc toàn cảnh, bao quát toàn bộ các nội dung liên quan đến VB.

Kĩ năng đọc lướt có vai trò rất quan trọng trong quá trình ĐHVB kí. Với hai mảng nội dung cơ bản là thông tin sự thực và thông tin nghệ thuật, kĩ năng đọc lướt giúp bạn đọc định hướng chú ý vào các mảng nội dung đó, sơ bộ xác định mục tiêu, cách thức tổ chức hoạt động đọc hiểu như: bước đầu xác định mảng nội dung thông tin sự thật cần ghi nhớ và những tín hiệu thẩm mĩ, hình tượng nghệ thuật, phương tiện nghệ thuật cần chú ý; các hoạt động cụ thể tiếp theo của quá trình đọc hiểu.

Với đối tượng đọc hiểu là VB thuộc loại hình văn học kí thì mục tiêu khái quát của hoạt động đọc hiểu bao gồm các phương diện cơ bản sau:

- Xác định được thể loại, tiểu loại, bố cục VB, đề tài, chủ đề của VB.
- Nắm được nội dung đề tài VB kí: thông tin sự thực và thông tin nghệ thuật.
- Xác định vị trí điểm nhìn của nhân vật trữ tình, người trần thuật.
- Bước đầu dự đoán nội dung triết lí nhân sinh, ý nghĩa văn hoá, xã hội...

Để xác định mục tiêu đọc cụ thể cần đọc nhanh, đọc lướt các nội dung liên quan đến VB có trong SGK, tài liệu học tập và các tài liệu liên quan có thể tìm kiếm được. Khi đọc lướt, đọc nhanh các thông tin đó, có được cái nhìn toàn cảnh, người đọc sẽ có được những dữ liệu ban đầu để định hướng hoạt động tư duy. "Trong khi đọc sách, đọc báo và bất cứ dạng tư liệu nào khác, cần phải hoàn thiện quá trình đọc lướt qua và đọc hết từ đầu đến cuối, đồng thời trong lúc đọc phải uốn nắn những sai lầm về mặt tiếp thu, về mặt chú ý và suy nghĩ của mình. Cần đọc đi đọc lại những đoạn đọc quá vội vàng hay cẩu thả, phải tăng dần tốc độ đọc, tiếp thu các từ không tách rời, mà tiếp thu các từ trong sự liên hệ và kết hợp về nghĩa của chúng, đôi khi chỉ "liếc nhìn một cái" đã bao quát một cách chính xác và tập trung cả một câu, cả một châm ngôn, tục ngữ, một lời nói cửa miệng quen thuộc bằng cách "nhận mặt ngay ra chúng" [83; tr.120].

Kí gồm nhiều tiểu loại với những đặc trưng riêng biệt nên việc đọc lướt là cần thiết. Việc đọc lướt, bước đầu sẽ giúp bạn đọc thực hiện mục đích xác định tiểu loại kí để có định hướng cho các hành động đọc tiếp theo.

3.1.2. Kĩ năng đọc chính xác để nhận diện yếu tố sự thực, yếu tố hư cấu và tóm tắt nội dung thông tin của văn bản kí

Sau khi đã đọc lướt, cần xuyên suốt đọc từ đầu đến cuối VB để nhận diện hiện thực cuộc sống và thế giới nghệ thuật trong VB kí.

Theo tác giả Nguyễn Thanh Hùng: "Muốn có kĩ năng đọc chính xác trong đọc hiểu TPVC, trước hết HS phải nắm vững những gì cần hiểu về ngôn từ trong mối quan hệ với văn cảnh, trong sự lựa chọn và kết hợp, trong việc nhóm họp chúng thành hệ thống và phân bố theo một trật tự nào đó trong tác phẩm. Mặt khác, kĩ năng đọc chính xác đòi hỏi người đọc phải tinh mắt không được bỏ sót một từ nào, thậm chí từng dấu câu… Qua đó, người đọc nắm được ý nghĩa của từ khoá, ý nghĩa của câu, của đoạn và tìm thấy mạch ý của văn bản tác phẩm" [48; tr.95].

Đọc chính xác bao gồm nhiều hành động đọc: đọc kĩ, đọc chậm, đọc sâu. *Đọc kĩ* sự kiện, con người, hiện tượng đời sống lịch sử xã hội. *Đọc chậm* để phát hiện, chọn lọc và ghi chú, ghi nhớ các tình tiết, chi tiết, hình ảnh, nội dung tri thức quan trọng về đối tượng "sự thực" của VB kí.

Theo đó, hiệu quả của kĩ năng đọc chính xác là nắm bắt được ý nghĩa của tầng cấu trúc ngôn từ của VB. Đọc chính xác là đọc từ đầu đến cuối VB, để bước đầu nắm được lớp nghĩa thể hiện ở VB ngôn từ - lớp nghĩa hiển ngôn, đó là nội dung sự thực và thông tin nghệ thuật thể hiện trong VB ngôn từ. Đọc chính xác là hành động đọc để hiểu đúng nghĩa của từ, nghĩa của câu, nghĩa của tổ hợp các yếu tố ngôn ngữ cấu tạo nên VB kí. Vì vậy mục đích tương ứng cần thực hiện là:

- Phát hiện mạch sự kiện, hiện tượng về lịch sử, xã hội, văn hóa chủ đạo của VB kí.
- Nắm bắt và ghi nhớ phần nội dung thông tin về "người thật việc thật" của VB kí.
- Theo dõi sự phát triển của mạch cảm xúc trữ tình của tác giả trong văn bản.
- Cảm thụ vẻ đẹp của sự phối hợp, hài hòa giữa lời văn trần thuật và miêu tả trong VB kí.

Để thực hiện được các mục đích cần thực hiện các thao tác đọc, thao tác tư duy. Thực hiện nhiều lần, nhuần nhuyễn các thao tác ấy sẽ giúp người đọc tiếp thụ được các lớp nội dung của VB do câu chữ mang lại. Kĩ năng đọc chính xác giúp nắm vững được nội dung thông tin từ VB ngôn từ. Hiểu nội dung câu chữ trong VB ở bước đọc chính xác là nền tảng ban đầu quan trọng để bạn đọc tiếp tục thực hiện các bước đọc hiểu tiếp theo.

3.1.3. Kĩ năng đọc phân tích để đi tìm cảm hứng cội nguồn về quê hương đất nước và tình yêu cái đẹp, về con người và văn hóa Việt của văn bản kí

Nếu đọc chính xác cho kết quả là lớp nghĩa hiển ngôn thì kĩ năng đọc phân tích sẽ cho kết quả là lớp nghĩa hàm ẩn của VB kí. Cảm hứng cội nguồn về quê hương đất nước và tình yêu cái đẹp, về con người và văn hóa Việt là lớp ý nghĩa trọng tâm của kí. Kĩ năng đọc phân tích giúp bạn đọc nhận ra những ý nghĩa đó. "Do đó người đọc cần biết cách dựa trên các nghĩa hiển ngôn và sự liên kết với bối cảnh của VB mà thực hiện các thao tác suy ý để *tìm ra nghĩa hàm ẩn* có trong VB. Cấu trúc của VB cũng là một yếu tố chuyển tải ý nghĩa hoàn chỉnh của VB đến với người đọc, do vậy người đọc cần nắm được *cấu trúc* của từng loại VB. Mỗi VB đều thuộc về một thể loại, ở mỗi thể loại, nội dung VB được tổ chức theo cách khác nhau , được thể hiện bằng cách thức diễn đạt khác nhau của ngôn từ . Do đó để hiểu ý nghĩa một VB, rất cần có những *hiểu biết về thể loại* của VB đó hỗ trợ" [33; tr.90].

Trên cơ sở tri thức nền về thể loại, về các yếu tố khác liên quan đến tác giả, tác phẩm và đề tài, chủ đề của VB, người đọc đọc và thực hiện các thao tác tư duy cụ thể để tìm đến lớp nghĩa ẩn sau lớp cấu trúc ngôn từ.

Kĩ năng đọc phân tích cần sự hỗ trợ của nhiều cách đọc, kiểu đọc khác nhau. Đọc phân tích không phải là đọc một lượt từ đầu đến cuối VB. Phân tích là thao tác tư duy diễn ra một cách liên tục trong toàn bộ quá trình đọc và tập trung khi đọc đi đọc lại, đọc từng đoạn trọng tâm cần chú ý, đọc những chi tiết quan trọng mà trí nhớ đã có ấn tượng, đã lưu lại rõ nét khi đọc lướt, đọc chính xác. Những kết cấu ngữ pháp, hình ảnh, biểu tượng còn chưa được tư duy sâu ở bước đọc trước sẽ được tư duy, liên tưởng, phân tích kĩ khi đọc phân tích.

** Các hoạt động rèn luyện kĩ năng đọc phân tích*

Đọc phân tích bao gồm nhiều hành động đọc. *Đọc thầm* và hình dung hình tượng ngôn từ tạo nên hình ảnh, biểu tượng nghệ thuật, tín hiệu trong VB kí. *Đọc âm vang* để nhận ra sự tác động ngữ âm của hình tượng âm thanh của VB kí. *Đọc nhanh* để kết nối ý nghĩa nảy sinh từ tầng cấu trúc ngôn từ của VB kí. *Đọc tập trung*, dồn nén vào hình tượng nghệ thuật trung tâm của VB để thấy chất thơ đời sống hòa quyện vào vẻ đẹp thẩm mĩ của kí. *Đọc sâu* và *đọc kĩ* VB để phân tích mối quan hệ ý nghĩa tầng cấu trúc ngôn từ, tầng cấu trúc hình tượng và tầng cấu trúc tư tưởng của tác phẩm. *Đọc lại nhiều lần* để lựa chọn và phân tích những yếu tố hình thức nhằm hình thành thao tác cụ thể hóa nghệ thuật thông qua ngôn từ, hình ảnh, biểu tượng, ẩn dụ, so sánh theo định hướng nội dung của tên VB kí. Đọc toàn bộ VB, đọc nhiều lần để nhận rõ nội dung tư tưởng được khái quát hóa thông qua ý nghĩa của ba tầng cấu trúc của VB kí hoặc sự thật đời sống - chất thơ của tác phẩm - tư tưởng tình cảm của tác giả.

** Những nội dung cần chú ý khi đọc phân tích là các yếu tố nghệ thuật đặc trưng của văn bản kí:*

- Phân tích các yếu tố mang nội dung thông tin sự thực và nghệ thuật của VB: "sự thực" được chọn lựa là điểm tựa cho nội dung VB là gì? "Sự thực ấy" được trần thuật như thế nào?

- Đọc phân tích mạch cảm xúc của người viết, phân tích mối quan hệ giữa dòng sự kiện và dòng tâm tư trong VB.

- Đọc phân tích các giá trị nội dung, giá trị tư tưởng, giá trị văn hoá và giá trị văn hoá của VB. Phân tích để xác định mục đích tạo lập VB: truyền tải thông tin là chính hay thể hiện suy ngẫm hay tôn vinh các giá trị văn hoá,…

- Đọc phân tích để tìm ra cội nguồn cảm hứng của VB kí: là tình yêu thiên nhiên, đất nước, còn người, là vẻ đẹp quê hương, con người, văn hoá dân tộc hay các vấn đề nhân sinh, cuộc sống…

Kĩ năng đọc phân tích là kĩ năng phát hiện các lớp ý nghĩa chứa đựng trong các mối liên kết giữa các yếu tố của VB như liên kết ngôn ngữ, các liên kết ý tứ, liên kết giữa các yếu tố nghệ thuật.

3.1.4. Kĩ năng đọc sáng tạo để đóng góp giá trị mới, mở rộng ý nghĩa nội dung và giá trị nghệ thuật cho tác phẩm kí

Đọc chính xác và đọc phân tích giúp người đọc "nắm vững sự tổ chức toàn cảnh", nội dung thông tin và giá trị nghệ thuật của VB kí. Từ sự nắm vững đó mà dùng kinh nghiệm và cảm xúc riêng tư của bản thân để tham gia vào quá trình "đồng sáng tạo" giá trị sâu sắc hơn của VB. Đọc sáng tạo thể hiện ở sự hồi đáp, trải nghiệm của bạn đọc, thể hiện sự đồng tình hay phản đối, bình luận và đánh giá của bạn đọc đối với ý nghĩa nội dung và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

Trong VB kí, nhất là kí nghệ thuật, cảm xúc, suy tư của người viết là mạch cảm hứng trữ tình chủ đạo. Như vậy, ngoài sự tác động từ phía nội dung sự thực luôn nóng hổi hơi thở cuộc sống, từ những hiện thực và hình ảnh rất gần gũi với đời sống, tâm lí bạn đọc thì tác động từ cảm xúc, suy nghĩ của người viết đến bạn đọc cũng rất mạnh mẽ. Những tác động đó làm cho bạn đọc nảy sinh xúc cảm, suy nghĩ có suy luận và thái độ riêng của bản thân về tác phẩm. Đây chính là mục đích và kết quả của đọc sáng tạo.

Kĩ năng đọc sáng tạo được rèn luyện khi việc đọc tạo ra sự tương tác giữa VB và bạn đọc. Người đọc có những "ứng đáp", hồi đáp với VB, có thể tạo nên những suy nghĩ, cảm xúc, quan điểm mới, rộng hoặc sâu hoặc khác hơn tác giả và bạn đọc trước.

ĐHVB không chỉ là lĩnh hội những gì được truyền tải ở ngôn từ mà còn là hoạt động tham gia tìm tòi, phát hiện và sáng tạo những giá trị mới cho tác phẩm. ĐHVB kí, ngoài việc nắm vững nội dung thông tin, phát hiện cái hay, cái đẹp của thế giới hình tượng, biểu tượng, của phương thức nghệ thuật trần thuật, HS cần phải lĩnh hội được những thông tin thẩm mĩ được tạo nên bởi xúc cảm, suy tưởng của riêng mình.

** Các hoạt động rèn luyện kĩ năng đọc sáng tạo:*

Nhập thân, liên tưởng để dõi theo mạch cảm xúc trữ tình của tác giả: Đọc chính xác giúp bạn đọc thu nạp nội dung thông tin sự thực. Để sáng tạo, bạn đọc phải nhập thân và dõi theo mạch cảm xúc trữ tình của tác giả để truy tìm nguyên do và căn cớ, để cảm nhận và thấu hiểu nguồn gốc của mạch cảm xúc, niềm trăn trở day dứt của nhân vật trữ tình thể hiện trong VB.

Bình cái hay cái đẹp của tác phẩm để làm nổi bật giá trị sáng tạo trong văn bản của tác giả: Nắm được thông tin nhờ đọc chính xác, nhìn nhận vấn đề sâu sắc và nhiều chiều nhờ đọc phân tích. Tiếp tục đọc kĩ để phát hiện các yếu tố nghệ thuật

đặc sắc, thực hiện việc giải mã, bình luận các yếu tố đó theo cảm nhận của bản thân. Từ việc hiểu rõ, hiểu sâu sẽ dẫn đến hiểu rộng - mở rộng ý nghĩa văn bản. Hiệu quả của hoạt động đọc sáng tạo là từ việc nhập thân, huy động các kinh nghiệm thẩm mĩ để mở rộng nội dung tư tưởng, ý nghĩa nhân sinh của tác phẩm, có thể vượt qua dự định của nhà văn.

Năng lực ĐHVB của bạn đọc một lần nữa được bồi dưỡng ở hoạt động bình luận, đánh giá này. Không tiếp nhận một cách thụ động, máy móc, bạn đọc phải biết đánh giá thông tin nội dung, thông tin thẩm mĩ của VB.

Bồi dưỡng và phát hiện sự đồng cảm, tăng cường sự "nhập thân" của HS với tác phẩm thông qua hành động đọc diễn cảm. Đọc diễn cảm là hành động bộc lộ rõ nét và cụ thể mức độ đồng cảm của bạn đọc HS. Trạng thái cảm xúc thể hiện trong giọng điệu đọc diễn cảm cho thấy HS hiểu và đồng cảm với tác giả ở mức độ nào. Đọc diễn cảm giúp thể hiện được rõ hơn chất trữ tình của VB kí ẩn chứa trong ngôn ngữ, giọng điệu, nhịp văn.

Đọc sáng tạo còn là tìm hiểu mối quan hệ độc đáo giữa các yếu tố nội dung, hình thức của tác phẩm kí, và mối liên hệ giữa tác phẩm kí với các tác phẩm cùng loại cũng như mối quan hệ giữa tác phẩm kí với thời đại nó được sinh ra và với hôm nay.

3.1.5. Kĩ năng đọc tích lũy để hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung, nghệ thuật của văn bản kí và củng cố tri thức thể loại kí

Mục tiêu của kĩ năng này là để hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung tư tưởng, hình thức nghệ thuật của tác phẩm kí và tích luỹ tri thức công cụ, tri thức về kĩ năng để đọc hiểu các VB khác.

Đọc tích lũy là một kĩ năng thu nạp trong nó nhiều thao tác có tính chất tổng hợp. Mục tiêu hướng tới vừa là tổng hợp kiến thức văn học và trải nghiệm cá nhân HS để có cái nhìn khái quát chỉnh thể tác phẩm, vừa để hình thành kĩ năng khái quát hoá nghệ thuật về giá trị nhân văn của tác phẩm kí. Tích luỹ ở đây là "tích luỹ thông tin thẩm mĩ, tích luỹ kinh nghiệm nghệ thuật, tích luỹ ý nghĩa và thủ pháp tạo sinh ý nghĩa"…" [48; tr.104]. Đồng thời, đây cũng là bước tổng hợp các tri thức thể loại, tri thức kĩ năng, kinh nghiệm để làm "công cụ" đọc hiểu các VB khác.

Các kĩ năng đọc trước là tiền đề để thực hiện kĩ năng đọc tích luỹ. *Đọc lướt* toàn VB để thấy vấn đề nội dung và cái mới về hình thức của VB kí. *Đọc xâu chuỗi* ý nghĩa nhân sinh - giá trị nghệ thuật hài hòa giữa sự thực đời sống, điểm nhìn nghệ thuật và giọng điệu văn phong của tác giả. Đọc trọn vẹn VB và đưa ra những lời bình của cá nhân bạn đọc HS về giá trị văn hóa của tác phẩm kí.

** Các hành động để rèn luyện kĩ năng đọc tích lũy:*

Đọc sâu, đọc chậm để hiểu rõ, hiểu sâu các mặt nhận thức, đánh giá, thưởng thức về tác phẩm kí cho HS, liên hệ, so sánh đối chiếu, từ đó có hiểu biết sâu sắc, nhiều chiều về VB.

Đọc tư liệu tham khảo bắt buộc để bồi dưỡng tri thức đọc hiểu kĩ cho HS.

Mô hình hoá phương thức trình bày nghệ thuật của VB kí để thấy sức hấp dẫn của cá tính sáng tạo và phong cách nghệ thuật của tác giả.

Khái quát tri thức thể loại, tri thức về kĩ năng ĐHVB thuộc loại hình kí.

Đọc tích luỹ là kĩ năng tổng hợp, đòi hỏi tư duy khái quát, năng lực tóm tắt, suy luận, liên hệ, đánh giá các phương diện giá trị của VB. Trên cơ sở đặc trưng thể loại VB kí, kết quả đọc tích luỹ VB kí bao gồm các yếu tố sau sau:

- Tổng hợp, tóm tắt, ghi nhớ nội dung sự thực - tri thức về tự nhiên, lịch sử hay văn hoá... - được phản ánh trong VB kí.
- Phát hiện, nhận định các giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa nhân sinh của VB kí.
- Đánh giá những phương diện nội dung mang ý nghĩa văn hoá của VB kí.
- Phát hiện và đánh giá ý nghĩa, giá trị nghệ thuật của các yếu tố làm nên chất trữ tình của VB kí.
- Khái quát đặc điểm thể loại thể hiện trong VB kí.

Kĩ năng đọc tích luỹ có vai trò quan trọng trong toàn bộ quá trình đọc hiểu. Thực hiện thao tác tư duy tổng hợp để rèn luyện kĩ năng đọc này sẽ giúp bạn đọc có thể tổng hợp, khái quát hoá được các nội dung đã đọc hiểu. Kết quả của đọc tích luỹ là những điểm mấu chốt về nội dung thông tin, giá trị nghệ thuật, ý nghĩa nhân sinh của VB, và nội dung khái quát hoá đặc điểm thể loại VB, góp phần làm phong phú hơn hệ thống đặc điểm vốn đã phức tạp của kí.

3.1.6. Kĩ năng đọc kết nối để mở rộng ý nghĩa đời sống của văn bản

Kết nối liên VB và kết nối VB với bạn đọc, với đời sống qua trải nghiệm của bạn đọc để có sự vận dụng, liên hệ thực tế.

Thứ nhất: *Kết nối liên văn bản* là thao tác tư duy kết nối giữa VB đang đọc với các VB đã đọc, các tác phẩm nghệ thuật, các sự kiện,... đã xem, đã biết có yếu tố tương đồng nào đó về nội dung, nghệ thuật hay chủ đề, đề tài... Sự kết nối này xuất hiện ngay khi huy động tri thức đọc hiểu. Song mở rộng hơn, sâu sắc hơn nội dung tri thức đọc hiểu ở chỗ nó mở rộng, đào sâu các lớp ý nghĩa của VB.

Trong môn Ngữ văn, hoạt động cơ bản nhất là ĐHVB. Đối tượng của nó, không có gì khác là VB. Để đọc một VB, cả người dạy và người học đều phải thực hiện một sự nối kết: nối kết VB này với những VB khác, không chỉ VBVH mà còn cả những

"văn bản" khác của hoạt động ngôn ngữ, của tập quán xã hội, của tinh thần dân tộc và thời đại… Việc làm này được thực hiện theo một logic tất yếu, phù hợp với bản chất và đòi hỏi của VB được đọc. Đó chính là đọc VB như một liên VB, và nếu được thực hiện với mức độ tự giác cao, có thể nói đó là đọc VB theo tinh thần của lý thuyết liên văn bản." [19].

Kết nối liên VB tạo cơ hội cho việc mở rộng các mảng tri thức cho người đọc. Văn bản kí, với những nội dung sự thực thuộc nhiều mảng hiện thực khác nhau, từ văn hoá, xã hội, tự nhiên đến các vấn đề khoa học thì kĩ năng kết nối liên VB sẽ giúp HS mở rộng vốn hiểu biết, làm giàu tri thức, củng cố và bổ sung các nguồn tri thức mới về văn học, văn hóa học, kiến thức về đời sống khi ĐHVB kí. Kết nối liên VB tạo nên mối quan hệ hai chiều, và người tạo nên mối quan hệ ấy là bạn đọc: VB đang đọc gợi ý, gợi nhớ cho bạn đọc nhớ lại, nghĩ đến các nội dung liên quan để mở rộng tri thức, bổ sung, củng cố nguồn tri thức của bản thân; ngược lại, các tri thức từ các VB khác sẽ tác động ngược trở lại khiến bạn đọc hiểu rộng hơn sâu hơn vấn đề đặt ra từ VB.

Chẳng hạn khi đọc "*Cây tre Việt Nam*" của Thép Mới, HS sẽ nghĩ đến bài thơ "*Tre Việt Nam*" của Nguyễn Duy, truyện dân gian "*Thánh Gióng*", "*Cây tre bạn đường*" của Nguyễn Tuân hay các câu tục ngữ, ca dao, câu đố dân gian liên quan đến cây tre, nhớ đến các vật dụng làm bằng tre ở xung quanh mình, liên tưởng đến bộ phim tài liệu mà VB thuyết minh,… Như vậy, bài kí đã đánh thức trí nhớ của HS về các VB, các vật dụng từ đó có thêm những suy ngẫm mới, đồng thời bài thơ, câu chuyện dân gian hay các câu ca dao tục ngữ, hình ảnh các vật dụng liên quan sẽ giúp HS hiểu sâu hơn, suy nghĩ sâu sắc hơn về ý nghĩa và giá trị của bài kí, cả về nội dung và nghệ thuật.

Thứ hai: *Kết nối văn bản với bạn đọc* thể hiện ở các nội dung:

- Kết nối với con người văn hoá, năng lực đọc hiểu của HS để trở thành một "người đồng sáng tạo" tham gia kiến tạo nên những giá trị và ý nghĩa mới của VB, vượt qua ý đồ nghệ thuật của tác giả để cảm nhận, để bồi dưỡng tri thức và tình cảm của người đọc.

- Kết nối từ VB với thực tế cuộc sống của HS, để từ VB HS được bồi dưỡng tình cảm nhân văn: yêu quê hương, đất nước, gia đình, trân trọng các giá trị của cuộc sống. Kết nối từ VB tới bạn đọc còn thể hiện ở sự vận dụng kiến thức và kĩ năng đọc hiểu có được khi ĐHVB để tạo lập các VB cùng loại.

Thứ ba*: Kết nối văn bản với thực tế cuộc sống*

Tác phẩm văn học bao giờ cũng được khơi nguồn từ hiện thực cuộc sống, bắt đầu bởi một vấn đề của cuộc sống và truyền tải những thông điệp nhân sinh.

Bởi vậy, ĐHVB, cuối cùng, là cần phải tìm cho ra mối quan hệ giữa VB và hiện thực, phát hiện cho được ý nghĩa nhân sinh mà nhà văn gửi gắm trong tác phẩm. Văn bản chỉ trở thành tác phẩm khi bạn đọc tìm ra ý nghĩa nhân sinh của VB và ý nghĩa ấy tác động đến bạn đọc để tạo nên giá trị nhân sinh. Với VB kí, vấn đề hiện thực vốn lại được thể hiện trực tiếp, khá rõ nét. Vậy nên, khi đọc hiểu VB kí, HS cần kết nối ý nghĩa của VB với cuộc sống hiện thực, nảy sinh ở bản thân những suy nghĩ, quan điểm, thậm chí cả hành động đối với vấn đề mà tác phẩm đặt ra. Chỉ khi ý nghĩa VB có giá trị với cuộc sống thì tác phẩm ấy mới thực sự thành công, đó là sự thành công nhờ bạn đọc.

Theo tinh thần của quan điểm dạy học hiện đại thì một trong những yêu cầu của dạy học là đào tạo nên những thế hệ HS có đủ bản lĩnh và khả năng sống hoà nhập với xã hội hiện đại. Trong đó, yêu cầu đầu tiên là biết vận dụng kiến thức được học vào cuộc sống, vào các tình huống học tập khác nhau. Và đó cũng chính là mục đích cao nhất của dạy ĐHVB. Điều này được thể hiện trong mục tiêu dạy học ở trường PT đã được Bộ GD&ĐT tạo quy định trong *Mục tiêu giáo dục phổ thông*, trong đó yêu cầu trong bậc học PT HS phải "được tiếp tục phát triển và nâng cao các kĩ năng học tập chung và kĩ năng học tập bộ môn, đặc biệt là kĩ năng vận dụng kiến thức vào các tình huống học tập mới, vào thực tiễn sản xuất và đời sống; được củng cố thói quen và phương pháp tự học, năng lực thu thập xử lí và truyền đạt thông tin, khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, độc lập suy nghĩ, sáng tạo trong tư duy và hành động"**.**

Bàn về đọc hiểu, tác giả Nguyễn Thanh Hùng đã từng nêu quan điểm: "Hiểu tức là nắm vững và vận dụng được. Hiểu tức là biết kĩ và làm tốt". Đồng quan điểm là ý kiến của tác giả Nguyễn Trọng Hoàn: "Đọc hiểu văn bản không chỉ nhằm tiếp nhận giá trị của riêng một bài văn cụ thể. Với vị trí tiêu biểu của một thể loại nào đó, việc tiếp nhận mỗi văn bản đều bao hàm sự định hướng về cách thức tiếp cận kiến thức của thể loại hoặc kiểu bài văn... Kết quả của hoạt động đọc hiểu văn bản trong giờ văn phải tạo ra được nền tảng kiến thức để HS có thể vận dụng và phát triển chúng trong các phân môn Tiếng Việt và Tập làm văn... Đọc hiểu văn bản là hoạt động có tính chất đầu mối của một quá trình dạy học tích hợp Ngữ văn hướng tới sự phát triển đồng bộ" [37;tr.206].

Khi đọc tuỳ bút "*Một thứ quà của lúa non: Cốm*" của Thạch Lam, mối quan hệ kết nối từ VB đến bạn đọc thể hiện cụ thể như sau:

- Từ bài viết của Thạch Lam về cốm, HS nhớ đến bài viết của Nguyễn Tuân (nếu HS đã đọc bài viết đó), nhớ đến một món quà vặt của Hà Nội, nhớ lại những cảm nhận của chính bản thân khi thưởng thức cốm và những hình ảnh về người bán cốm trên đường,... Những liên hệ ấy sẽ giúp HS cảm nhận tốt hơn những giá trị bài tùy bút của Thạch Lam.

- Từ tình cảm nâng niu, trân trọng của tác giả đối với cốm thể hiện trong bài văn, HS sẽ có những liên tưởng riêng và sẽ có những liên tưởng đến đặc sản của quê hương, sẽ ý thức một cách tự giác hơn về giá trị văn hoá của những món quà quê vốn rất giản dị. Từ đó, bài văn sẽ đánh thức tình cảm nhân văn, lòng tự hào và ý thức bảo vệ, nâng niu,, giữ gìn truyền thống.

- Những tri thức về thể loại, về cảm hứng trữ tình, về nghệ thuật trần thuật của văn bản sẽ là kinh nghiệm thực tế, cụ thể để giúp HS rèn luyện kĩ năng tạo lập văn bản. Khi đã có tri thức về thể loại, được bồi dưỡng tình cảm, được khơi nguồn cảm xúc và rèn kĩ năng viết, HS có thể học cách viết của nhà văn để viết đoạn văn giới thiệu về sản vật quê hương theo phong cách kí.

Như vậy, kĩ năng vận dụng tri thức, kĩ năng đã học để tạo lập VB kí của HS một trong những tiêu chí đánh giá mức độ "hiểu" trong hoạt động ĐHVB kí. Đó là tạo lập các VB tương đương về thể loại, cùng đề tài, chủ đề ở mức độ phù hợp với năng lực của HS PT.

ĐHVB trong dạy học Ngữ văn vừa phải đảm bảo tiếp thu tri thức và kĩ năng phân môn vừa rèn luyện kĩ năng tiếp thu tri thức các môn học khác. Tuy nhiên việc phân chia các kĩ năng như trên chỉ có tính chất tương đối. Trên thực tế, trong khi thực hiện hoạt động đọc hiểu, người đọc luôn có sự phối kết hợp một cách hợp lí, linh hoạt các hành động đọc, các thao tác tư duy khác nhau.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP RÈN LUYỆN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KÍ CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

Để hình thành và rèn luyện KNĐH cho HS, cần phải có sự chú ý đổi mới đồng bộ từ nội dung CT, SGK, phương pháp, biện pháp, đổi mới, đa dạng hóa một cách linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học hiện đại và đổi mới kiểm tra đánh giá. Tư tưởng cốt lõi của sự đổi mới đồng bộ này là chuyển từ dạy kiến thức sang dạy kiến thức kết hợp với phát triển KNHT, kĩ năng vận dụng để phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Chú trọng giáo dục, đào tạo năng tự học và vận dụng kiến thức

vào việc giải quyết các vấn đề của thực tế cuộc sống. Từ đó, đề xuất một số giải pháp hướng đến mục tiêu rèn luyện kĩ năng ĐHVB cho HS từ phương diện PPDH.

Có nhiều biện pháp, cách thức để thực hiện mục tiêu hình thành và rèn luyện KNĐH cho HS. Trong đó xây dựng chiến lược đọc hiểu, thiết kế hệ thống bài tập hợp lí và tổ chức một số hoạt động học tập bổ trợ là những giải pháp hiệu quả để thực hiện mục tiêu hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB cho HS PT qua dạy học ĐHVB thuộc loại hình kí.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống chiến lược đọc hiểu và một số dạng bài tập để thực hiện mục tiêu rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí cho HSPT.

3.2.1. Sử dụng chiến lược đọc hiểu để rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí

Chiến lược là một thuật ngữ có nguồn gốc từ lĩnh vực quân sự: "Chiến lược, tổng thể các phương châm, chính sách và mưu lược được hoạch định để xác định mục tiêu, sắp xếp, quy tụ lực lượng và đề ra giải pháp nhằm đạt một mục đích nhất định bằng con đường có lợi nhất, tạo ra trạng thái phát triển mới của một lĩnh vực (CL chuyên ngành), toàn xã hội (CL quốc gia) hoặc toàn thế giới (CL toàn cầu) trong một thời kì nhất định. (...) Hoạch định chiến lược phải căn cứ vào bối cảnh và thực trạng của tình hình, trong đó phải tính đến trạng thái của đối tượng, lực lượng chiến lược và các tiềm lực có thể huy động vào việc thực hiện mục tiêu chiến lược…" [11; tr.133].

Theo thời gian, "chiến lược" được sử dụng phổ biến hơn trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống từ quân sự, chính trị đến kinh tế, khoa học, giáo dục,… Với nghĩa chung nhất, đến nay "chiến lược" là thuật ngữ được hiểu với ý nghĩa như là "một bản kế hoạch" "một sự hoạch định trước các bước để thực hiện một mục tiêu đã xác định".

Trong lĩnh vực giáo dục hiện nay, chiến lược đã trở thành một thuật ngữ khá quen thuộc như: chiến lược dạy học, chiến lược học tập, chiến lược đọc hiểu,… Chiến lược học tập là một vấn đề nghiên cứu của giáo dục học và tâm lí học nhận thức, là cơ sở cho việc tổ chức các kế hoạch dạy học. Các chiến lược học tập có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cho việc tổ chức các quá trình học tập tự điều khiển. "Chiến lược học tập là những phương thức mang tính phức hợp, với mức độ tổng thể khác nhau, có hay không có ý thức nhằm đạt được mục đích học tập đề ra" [47; tr.16].

Theo các tác giả Bernd Meier và Nguyễn Văn Cường: "Chiến lược học tập là những cách thức, quy trình hành động được sử dụng có ý thức hoặc không có ý thức cho việc giải quyết các nhiệm vụ học tập và tự điều khiển quá trình học tập cá nhân [68; tr.37]. Các chiến lược học tập là những yếu tố then chốt của năng lực học tập và năng lực phương pháp. Chiến lược học tập bao gồm: *Chiến lược học tập nhận thức, chiến lược học tập siêu nhận thức, chiến lược sử dụng nguồn lực bên trong và bên ngoài*. Chiến lược dạy học nhằm hình thành và rèn luyện KNĐH chính là tập hợp các phương pháp, biện pháp xây dựng hệ thống chiến lược học tập phù hợp cho HS.

Chiến lược đọc hiểu có ý nghĩa quan trọng trong dạy học Ngữ văn. Với ý nghĩa là "bản kế hoạch thực hiện hoạt động", chiến lược đọc hiểu xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp để GV hướng dẫn HS hoặc HS tự thực hiện chủ động thuần thục và có hiệu quả nhất hoạt động học tập: "Chiến lược đọc hiểu là chiến lược học tập bao gồm những biện pháp, chiến thuật, kĩ thuật, thao tác được sử dụng một cách có kế hoạch, có mục đích giúp người đọc giải mã văn bản một cách chủ động, hiệu quả" [73]. Với mỗi thể loại có chiến lược đọc hiểu khác nhau.

Một trong những mục tiêu cơ bản của chiến lược đọc hiểu là hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB cho HS. Thuật ngữ "chiến lược" được sử dụng ở đây không mang ý nghĩa phạm vi vấn đề lớn hay nhỏ, mà có ý nghĩa là "bản kế hoạch thực hiện các hoạt động hướng dẫn của GV và hoạt động học tập của HS dựa trên đặc điểm của VB, của quá trình học tập, khả năng của HS… để hướng tới thực hiện mục tiêu hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí cho HS".

Chiến lược đọc hiểu VB kí sẽ chỉ ra các thao tác tư duy, các hành động đọc, các hình thức tổ chức dạy học cụ thể sao cho phù hợp với mục tiêu rèn luyện KNĐH văn bản kí.

Trên cơ sở hệ thống KNĐH cơ bản trên, chúng tôi xây dựng và vận dụng các chiến lược đọc hiểu phù hợp để thực hiện mục tiêu rèn luyện kĩ năng ĐHVB cho HS phổ thông. Theo quan điểm của tác giả Nguyễn Thanh Hùng: không có phương pháp đọc hiểu mà chỉ có thể có chiến lược đọc hiểu bao gồm trong đó phương pháp, biện pháp, chiến thuật (taktik), hành động, thao tác (operation), kĩ thuật… Có thể xem chiến lược đọc hiểu bao gồm một số phương pháp, cách thức, biện pháp dạy học đọc hiểu, trong đó việc hình thành và vận dụng kĩ năng là mục đích của chiến lược đối với HS. Khi thực hiện các kĩ năng ĐHVB, có thể lựa chọn, thu nạp các hành động đọc phù hợp và có hiệu quả để tăng cường và nâng cao việc đọc có ý thức cho HS.

Khi hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí cần sử dụng chiến lược đọc hiểu bao gồm hành động đọc, thao tác tư duy, phương pháp, biện pháp dạy học khác, cũng như chiến thuật, kĩ thuật,… có ý thức, cụ thể, có giới hạn trong khuôn khổ bài học.

Dựa vào đặc trưng loại loại hình VB kí, hệ thống KNĐH văn bản kí, chúng tôi đề xuất một số chiến lược đọc hiểu hướng đến mục tiêu rèn luyện kĩ năng ĐHVB cho HSPT. Tuy nhiên cách phân chia các chiến lược tương ứng với mục tiêu rèn luyện các kĩ năng cụ thể chỉ có tính chất tương đối. Bởi vì, trên thực tế dạy học, ĐHVB là một hoạt động tư duy linh hoạt, luôn có sự kết hợp, đan kết năng động của các hành động thao tác, kĩ thuật đọc, biện pháp và cách thức tư duy khác nhau, tuỳ thuộc vào đặc điểm vốn không tĩnh tại, đơn nghĩa của đối tượng đọc là VB và tổng hợp các yếu tố làm nên cá tính sáng tạo, phẩm chất văn hoá của chủ thể thực hiện hoạt động đọc hiểu là người đọc.

3.2.1.1. Rèn luyện kĩ năng đọc lướt bằng chiến lược toàn cảnh

Chiến lược toàn cảnh là kế hoạch thực hiện một nhóm các hoạt động, hành động, chiến thuật để có cái nhìn toàn cảnh có tính chất bao quát về diện mạo, dung lượng, bố cục, mở đầu, kết thúc, kết cấu thể loại, chủ đề của VB để tạo tâm thế nhập cuộc và định hướng cho việc đọc hiểu. Thực hiện chiến lược toàn cảnh để có định hướng tư duy về cách đọc, về trình tự các hoạt động cần thực hiện hiện trong toàn bộ quá trình ĐHVB. Kết quả của hoạt động đọc lướt sẽ giúp HS xác định mục tiêu, cách thức ĐHVB, trước khi thực hiện hoạt động ĐHVB kí.

Để hoạt động đọc hiểu đạt được hiệu quả cao cần phải tạo tâm thế "nhập cuộc" bằng cách đọc lướt để xác định mục tiêu, cách thức tổ chức, tiến hành các hoạt động tiếp theo. Khi thực hiện hoạt động đọc hiểu, HS cần có cái nhìn khái quát về các yếu tố liên quan đến VB để có hướng tư duy đúng đắn.

Các bước thực hiện:

**** Bước thứ nhất:*** *Sử dụng chiến thuật tổng quan để đọc lướt trước khi đọc chi tiết văn bản.*

Theo tác giả Phạm Thị Thu Hương, chiến thuật tổng quan là "quan sát khái quát, tổng thể để phỏng đoán và đánh giá sơ bộ nội dung hình thức của văn bản trước khi bước vào hoạt động đọc" chiến thuật này sẽ "tạo tâm thế đọc, kích hoạt những tri thức cần thiết để hoạt động có thể diễn ra dễ dàng hơn, sử dụng những gì mình đã biết để thực hiện nhiệm vụ mới, sử dụng những yếu tố bên ngoài văn bản hoặc những yếu tố có thể quan sát trực diện trước khi đọc nội dung bên trong để trợ giúp, định hướng cách đọc sao cho có hiệu quả"[54; tr.70].

GV Hướng dẫn HS đọc lướt toàn bộ các nội dung liên quan để bao quát tổng thể các yếu tố của VB: nhan đề, tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thể loại, các yếu tố hỗ trợ văn bản như hình ảnh, cách trình bày, lời giới thiệu,... Đọc lướt để xác định mục tiêu, cách thức ĐHVB kí cần lưu ý một số phương diện thuộc về đặc trưng của loại hình văn học kí:

- *Xác định thể loại:* Kí bao gồm trong đó nhiều tiểu loại với những đặc điểm khác nhau về nội dung phản ánh và phương thức trình bày nghệ thuật. Cần xác định đó là kí thông tin hay kí nghệ thuật, kí văn học hay kí báo chí, là bút kí, hay tuỳ bút hay phóng sự,...

- *Xác định đề tài, chủ đề của văn bản kí:* đó là sự thực, việc thực, vấn đề, hiện tượng, sự vật hay con người nào là hạt nhân sự thật trong VB. Yếu tố "sự thực" đó có vai trò ra sao trong VB, là hạt nhân, là đối tượng phản ánh của VB hay là "điểm tựa" nghệ thuật, là chất liệu để xây dựng hình tượng nghệ thuật, là điểm tựa để người trần thuật trình bày cảm xúc của mình.

- *Xác định dung lượng, bố cục, xuất xứ của văn bản:* Đây là các yếu tố có thể dễ dàng xác định khi đọc lướt. Từ đó để có sự phân chia thời gian, mục đích cụ thể phù hợp cho từng giai đoạn đọc tiếp theo.

Đọc lướt để biết được văn bản trình bày vấn đề gì, từ cơ sở đó để tìm các tài liệu tham khảo, huy động tri thức nền liên quan.

**** Bước thứ hai:*** *Sưu tầm, tham khảo và bao quát các ý kiến đánh giá về tác giả, văn bản*

Đây là bước giúp HS thu thập những kinh nghiệm, kế thừa kết quả lao động trí tuệ của thế hệ trước, được chứng kiến những trải nghiệm từ truyền thống.

GV có thể nêu giới thiệu hoặc hướng dẫn, giao nhiệm vụ để HS sưu tầm, những ý kiến tiêu biểu của các nhà nghiên cứu, các thế hệ bạn đọc trước đánh giá về sự thành công hoặc giá trị của VB, về tác giả, sự ra đời của VB... GV nên lựa chọn, trích dẫn một vài ý kiến đánh giá đáng tin cậy để thu hút HS, gợi sự tò mò, kích thích nhu cầu khám phá tác phẩm. Những ý kiến của người đi trước, nếu được lựa chọn khéo và phù hợp, sẽ kích thích HS chủ động khám phá các giá trị của VB một cách có định hướng.

Thực hiện các hoạt động này, sẽ hình thành và rèn luyện kĩ năng tra cứu, sưu tầm thông tin được "chụp" nhanh theo kiểu ống kính lia quét. Chọn lọc và sử dụng thông tin, kinh nghiệm có sẵn để bổ trợ và hoàn thành hoạt động của bản thân là kĩ năng quan trọng đối với con người.

Tuy nhiên, để tránh nhiễu loạn hoặc tránh áp đặt làm hạn chế sự sáng tạo, suy nghĩ cá nhân của HS, thì việc giới thiệu, sưu tầm hay lựa chọn các ý kiến đánh giá cần phải hết sức cẩn trọng, có bản lĩnh, có kĩ năng và năng lực đánh giá tốt. Lựa chọn những ý kiến đánh giá về tác phẩm của người đi trước cần phải lưu ý, bởi vì "nó có thể sẽ là *ý tưởng xấu* nếu định hướng không đúng hoặc tạo *áp lực quan điểm* lên HS"... Tránh tình trạng ý kiến đó đưa HS đến với tình trạng "đọc sách từ quan điểm của người khác thay vì của chính mình" [113].

- Ý kiến đánh giá đó phải đảm bảo có giá trị, có uy tín.

Ví dụ: Khi dạy đọc hiểu tác phẩm kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường (HPNT), có thể chọn trích dẫn một số ý kiến sau:

(1) Nhà văn Ma Văn Kháng: "Văn chương HPNT viết bằng chiều sâu văn hóa, bằng những cảm hứng nhân văn. Bút kí của anh là những tác phẩm điêu luyện".

(2) Nghệ sĩ nhân dân, đạo diễn điện ảnh Đặng Nhật Minh: "Có thể nói cái chất Huế đầy ắp trong con người anh. Nếu có một ai đó muốn tìm hiểu thế nào là một tâm hồn Huế, thiết nghĩ chỉ cần đọc tùy bút của HPNT là có thể biết được phần nào". (Trích lời giới thiệu tập "Miền cỏ thơm" của HPNT).

- Ý kiến đó không nói trước nội dung VB nhưng cần nêu được cái hay, sự độc đáo của VB, để tạo khả năng tác động đến nhu cầu đọc VB của HS (khơi dậy trí tò mò, ham hiểu biết, thôi thúc HS tìm đến VB).

Cũng có thể khuyến khích HS sưu tầm thêm những bài viết có giá trị về VB. Đó có thể là những ý kiến trái chiều, không đồng quan điểm để HS có cơ hội nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc độ.

Trong thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, tài liệu tham khảo nhiều, việc tìm tài liệu cũng không khó khăn đối với HS. Yêu cầu HS tự khai thác thông tin liên quan đến mở rộng tri thức đọc hiểu về VB là một hoạt động rất cần thiết giúp HS hình thành và rèn luyện một số kĩ năng: tự học, tự nghiên cứu, tìm và chọn lọc thông tin…

HS tìm đọc tham khảo để hiểu thêm về VB, để có cái nhìn nhiều chiều, đồng thời khuyến khích HS đánh giá, trao đổi, phản biện với các ý kiến đó để rèn luyện kĩ năng tổng hợp nhận định, phản biện... Đọc tham khảo nhiều ý kiến đánh giá về VB sẽ giúp HS có thêm nhiều ý tưởng để phát triển thêm các suy nghĩ, các phát hiện và biết đánh giá giá trị của tác phẩm một cách sâu sắc hơn.

**** Bước thứ ba:*** *Xác định mục tiêu, cách thức đọc hiểu*

Mục tiêu đọc hiểu là các vấn đề thuộc về nội dung thông tin, giá trị nội dung, nghệ thuật và thông tin thẩm mĩ, ý nghĩa nhân sinh mà người viết truyền tải trong

VB cùng những nội dung, xúc cảm mà bạn đọc sáng tạo, cảm nhận, khám phá khi có sự tương tác với VB. Qua những đặc trưng đã xác định của VB kí, trên cơ sở những thông tin bao quát toàn cảnh để xác định mục tiêu đọc hiểu. Bên cạnh các mục tiêu đối với mỗi VB cụ thể và yêu cầu của bài học, kiến thức liên quan trong chương trình học của bộ môn được quy định thì cần xác định một số mục tiêu cơ bản dựa trên cơ sở các hiểu biết tổng quát về VB. Văn bản thuộc thể loại nào xác định mục tiêu cách thức đọc hiểu phù hợp:

- Xác định và thu nhận các thông tin quan trọng mà VB kí truyền tải. Đó là các thông tin "sự thực" hay thông tin nghệ thuật? VB kí thông tin thì chú ý đến thông tin sự thật, VB kí nghệ thuật thì ưu tiên thông tin nghệ thuật của VB ẩn chứa ở "sự thật, việc thật" phản ánh trong VB.

- Khám phá, cảm nhận, đánh giá và thu nhận điểm đặc sắc về phương thức trình bày nghệ thuật của VB.

- Nhân vật người trần thuật với vai trò, vị trí là tác giả, hình tượng nghệ thuật hay đối tượng thẩm mĩ của VB.

- Ý nghĩa nhân sinh, giá trị văn hoá,... của VB.

Xác định rõ mục tiêu, cách thức đọc thì các hoạt động đọc tiếp theo sẽ có được sự tập trung, xác định điểm sáng thẩm mĩ, chi tiết sự thật quan trọng, cơ bản của VB.

**** Một số yêu cầu, hoạt động minh hoạ:***

(Dành cho bài ĐHVB "Ca Huế trên sông Hương" - *Ngữ văn 7*)

1) Đọc nhanh phần giới thiệu về VB "Ca Huế trên sông Hương" trong SGK Ngữ văn 7 và xác định: xuất xứ, nội dung chính, đề tài văn bản.

2) Văn bản "Ca Huế trên sông Hương" thuộc tiểu loại kí nào? Nêu đặc điểm của tiểu loại kí đó.

3) Sưu tầm một số tư liệu (bài viết, hình ảnh, video) về ca Huế.

4) Xác định mục tiêu đọc hiểu văn bản: Nội dung thông tin "sự thực" cần thu nhận và các yếu tố nghệ thuật của văn bản.

3.2.1.2. Rèn luyện kĩ năng đọc chính xác bằng chiến lược xác định nội dung tầng cấu trúc ngôn từ của văn bản kí

Chiến lược xác định nội dung tầng cấu trúc ngôn từ của VB bao gồm một nhóm các hoạt động, hành động, chiến thuật được tiến hành để thực hiện mục tiêu nắm bắt, ghi nhớ, tóm tắt được lớp nghĩa thông tin của VB, trong đó hạt nhân chính là thông tin về "sự thực", đối tượng trần thuật của VB kí.

Đọc chính xác là hoạt động đọc hiểu lớp nghĩa ngôn từ của VB qua đọc đúng, chính xác từ ngữ, các liên kết ngữ nghĩa, biện pháp nghệ thuật của VB ngôn từ. Tạm hiểu kết quả của đọc chính xác là hiểu nghĩa đen của VB.

Một trong những mục đích quan trọng của việc ĐHVB kí là nắm bắt, ghi nhớ thông tin chính của VB hay chính là sự theo dõi, phát hiện và nắm bắt dòng sự kiện, dòng tâm tư của tác giả trong VB. Phải đọc chính xác để nắm bắt được nội dung thông tin thu nhận được từ VB ngôn từ mới có thể đi đến hiểu rõ, hiểu sâu và phát hiện ra các giá trị thông tin và thẩm mĩ của VB. Với VB kí, nhận diện được đâu là yếu tố "sự thực", đâu là yếu tố hư cấu nghệ thuật là yêu cầu đầu tiên của việc đọc.

Các bước thực hiện:

**** Bước thứ nhất**: Xác định thông tin chính, hạt nhân "sự thực" của văn bản*

Khi đọc lướt, có thể xác định người viết lựa chọn "sự thực"gì làm điểm tựa cảm hứng. Khi đọc chính xác, "sự thực" này là điểm tựa để HS lựa chọn tập trung chú ý vào các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết liên quan trực tiếp để ghi nhớ, hình dung một cách trọn vẹn nhất thông tin VB cung cấp về đối tượng trần thuật. Thông tin chính thể hiện ở đề tài, chủ đề của VB.

Nếu là VB kí thông tin (phi hư cấu) thì mục tiêu quan trọng nhất là xác định mảng "sự thực". Với VB về một đối tượng cụ thể như "Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử" (SGK *Ngữ văn 7*), khi đọc cần xác định mục tiêu đọc quan trọng nhất là các thông tin xác thực về cầu Long Biên (*vị trí, đặc điểm hình thức, lịch sử xây dựng, ý nghĩa lịch sử…).* Với VB viết về nét đẹp văn hoá (cũng chính là một đối tượng thuộc thông tin sự thực) như Ca Huế trong "Ca Huế trên sông Hương" (SGK *Ngữ văn 7*) thì cần xác định các thông tin chính xác về ca Huế - một loại hình nghệ thuật dân gian của Huế, một di sản văn hoá dân tộc. Các thông tin "sự thực" về ca Huế (*nguồn gốc, môi trường sinh thành, lịch sử phát triển, các làn điệu chính, đặc điểm nội dung,...*) sẽ là các thông tin chính cần ghi nhớ khi đọc VB.

Tất nhiên, với các VB kí nghệ thuật cũng vẫn cần quan tâm đến yếu tố thông tin "sự thực" bởi "sự thực" luôn là điểm tựa của kí, kể cả ở thể loại hư cấu - kí nghệ thuật. Đối tượng được lựa chọn trong kí, dù là kí thông tin hay kí nghệ thuật, bao giờ cũng là "người thật, việc thật". Như vậy, xác định đối tượng "người thật, việc thật" ấy là xác định điểm tựa cảm xúc của tác giả. Hư cấu trong kí cũng là hư cấu trên cơ sở cảm quan hiện thực về đối tượng phản ánh. Hư cấu không lấn át sự thực, hư cấu không thủ tiêu mà như là sự bay bổng của tâm hồn tác giả, như là khoảnh khắc xuất thần của ý tưởng

xuất hiện trong liên tưởng, tưởng tượng. Hư cấu trong tác phẩm kí là sự thăng hoa cảm xúc của người trần thuật trước vẻ đẹp của yếu tố sự thực - điểm tựa cảm xúc của tác giả thể hiện trong tác phẩm. Và "điểm tựa" ấy chính là gốc của VB, là lí do sản sinh VB dù mục đích có thể mở rộng hơn.

Để nắm bắt các yếu tố thuộc phương diện hư cấu nghệ thuật của VB kí cần chú ý đến các chi tiết nghệ thuật, các hình ảnh đắt giá tiêu biểu, các câu văn thể hiện suy tư, cảm nghĩ, quan niệm của tác giả.

Ví dụ: Khi ĐHVB "*Ai đã đặt tên cho dòng sông*?" của HPNT (SGK *Ngữ văn 12*), trước hết cần xác định "điểm tựa" cảm xúc của tác giả là "sông Hương". Đó là một con sông có thực ở xứ Huế. Mọi thông tin về dòng sông này đều đảm bảo tính xác thực. Phẩm chất nghệ thuật của VB thuộc về nghệ thuật trần thuật và cảm xúc, suy ngẫm, chiêm nghiệm của người trần thuật - tác giả. Sông Hương vừa là hạt nhân "sự thực" vừa là hình tượng nghệ thuật. Nói cách khác, tuỳ bút này là "cái nhìn nghệ thuật" về sông Hương.

Đọc hiểu tuỳ bút này, trước hết xác định và nắm bắt các thông tin chính ở các phương diện địa lí, lịch sử, văn hoá,… của sông Hương. Qua hình tượng sông Hương, tác giả truyền tải những ý nghĩ mở rộng hơn, đó là phát hiện và tôn vinh vẻ đẹp thiên nhiên, văn hoá xứ Huế và thể hiện tình yêu quê hương đất nước.

**** Bước thứ hai:*** *Đọc văn bản kết hợp với thao tác đánh dấu, ghi chú*

Để nắm bắt được nội dung thông tin của VB ngôn từ, trước hết cần đọc kĩ, đọc chậm từ đầu đến cuối VB. Đọc cần tập trung cao, để vừa hiểu từ ngữ, vừa phát hiện được các chi tiết nghệ thuật, câu, từ thể hiện nội dung thông tin trọng tâm của VB.

Đọc VB đồng thời kết hợp sử dụng thao tác đánh dấu, ghi chú bên lề, để nắm được những điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật của VB, bước đầu xác định được các yếu tố mấu chốt, quan trọng, xác định thể loại, đề tài, chủ đề của VB. Đánh dấu và ghi chú giúp người đọc làm chủ được điều mình đọc, kết quả sự đánh dấu thể hiện độ nhập tâm của việc đọc.

Các hình thức đánh dấu chính: tô màu, gạch chân, khoanh tròn,… những từ ngữ, câu văn, ý chính, những câu hỏi, sự kiện, giả định, hàm ý, góc nhìn, nghi ngờ, và những điều bất ngờ. Có thể có nhiều cách nhưng tốt nhất là tự tạo quy ước và cách đánh dấu riêng.

Đọc chậm, dùng bút gạch chân, khoanh tròn hoặc đánh dấu bằng bút màu (theo quy ước riêng) các từ ngữ, câu văn, hình ảnh, chi tiết quan trọng, có thể là:

- Những thông tin cơ bản về "sự thực" được trần thuật trong VB kí.

- Những dấu hiệu thẩm mĩ (từ ngữ, câu văn, hình ảnh, chi tiết) có ý nghĩa đối với hình tượng nghệ thuật.

- Những từ ngữ, câu văn trực tiếp thể hiện suy nghĩ tâm tư, quan điểm hoặc đánh giá của người trần thuật...

Trong khi đọc, có thể nảy sinh những suy nghĩ, đánh giá, nhận xét ban đầu hoặc có phát hiện quan trọng từ VB thì có thể dùng thao tác ghi chú ra bên cạnh để khi xem lại có thể dễ dàng tóm tắt nội dung hoặc thâu tóm ý tưởng...

Ví dụ: Một số trang VB sau khi đọc, có sử dụng thao tác "đánh dấu, ghi chú" (Phụ lục 3.1)

Khi đọc VB, thao tác "đánh dấu và ghi chú bên lề" rất cần thiết và hữu dụng. Nó không chỉ giúp HS nhập tâm vào việc theo dõi và tư duy với VB mà còn giúp nắm bắt nội dung nhanh hơn, sâu hơn và có điểm nhấn. "Nếu bạn đã thực hiện ghi chú tốt, bạn sẽ không cần phải làm nhiều đọc lại nhiều lần. Dù vậy, bạn hãy sẵn sàng để ghi chú thêm. Khi bạn ôn lại, bạn sẽ tìm thấy những hiểu biết và ý tưởng đi vào tâm trí của bạn mới và bạn muốn viết chúng ra. Bạn sẽ có một sự hiểu biết tốt hơn về những gì bạn đã đọc." [113].

Kĩ thuật ghi nhớ có vai trò quan trọng khi ĐHVB, nhất là các VB dài chính là đánh dấu. Nhưng khi đánh dấu cần phải biết chọn lựa từ ngữ, chi tiết, hình ảnh hay câu văn thật "đắt", thật có ý nghĩa, vẫn thường gọi là "nhãn tự". Nếu không, việc đánh dấu sẽ phản tác dụng, sẽ vừa thiếu, vừa thừa thông tin cần thiết. Bằng cách đánh dấu hợp lí dễ nhớ, đôi lúc khi cần tái hiện lại kiến thức, như đang nhìn thấy cả trang sách, nhớ rõ cả vị trí mình đánh dấu nằm ở góc nào của trang sách.

**** Bước thứ ba**: Tóm tắt, khát quát và tổng hợp để ghi nhớ khái quát nội dung thông tin bằng bảng biểu, sơ đồ, hình vẽ,...*

Sau bước đọc, đánh dấu và ghi chú là bước khái quát hoá thông tin để ghi nhớ. Việc tóm tắt thông tin một cách ngắn gọn theo mạch cấu trúc phù hợp sẽ giúp người đọc dễ dàng hình dung lại vấn đề trình bày trong VB một cách khoa học và cũng dễ dàng ghi nhớ nội dung khái quát.

Sử dụng sơ đồ tư duy cũng là một kĩ thuật ghi nhớ rất hiệu quả. Khi đọc một VB, để đến "hiểu" cần phải ghi nhớ được các thông tin quan trọng, kết nối chi tiết, thông tin quan trọng đã lựa chọn đánh dấu trước đó bằng chữ, bằng kí hiệu hoặc hình ảnh để hình dung lại toàn bộ nội dung VB. Kết nối các thông tin, thể hiện mối quan hệ của nhân vật, chi tiết, hình ảnh, các yếu tố khác có ở VB bằng cách sử dụng "Sơ

đồ trí nhớ của Tony Buzan" là một biện pháp hiệu quả. Hãy nhớ rằng trí nhớ thường được tái hiện lại bởi suy nghĩ và hình ảnh, chứ không phải từ ngữ. Sơ đồ trí nhớ sẽ "hình ảnh hóa" cả VB trong một sơ đồ trên một trang giấy.

Phụ lục 3.2a: *Hình ảnh Sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung văn bản "Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử" (SGK Ngữ văn 6)*

Phụ lục 3.2b: *Hình ảnh sơ đồ tổng kết bài ĐHVB "Cây tre Việt Nam" (SGK Ngữ văn 6)*

Để thực hiện tốt chiến lược này, cần tập trung vào việc đọc, đọc có suy ngẫm, thực hiện thao tác tư duy chọn lọc và tổng hợp, nối kết thông tin để có thể nắm bắt đủ ý, hiểu rõ, hiểu sâu các tầng nghĩa của VB.

**** Một số yêu cầu, hoạt động minh hoạ:***

(Dành cho bài ĐHVB "Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử", Ngữ văn 6)

1) Xác định nội dung chính, hạt nhân "sự thực" của văn bản bằng cách trả lời câu hỏi: Đối tượng "sự thực" được nói đến trong văn bản là gì?

2) Hai mảng nội dung chính thể hiện trong văn bản nhật dụng này là gì? (Lịch sử, vai trò, vị trí, vai trò của cầu Long Biên và tình cảm, thái độ của người viết...)

3) Đọc chậm, đọc kĩ văn bản và đánh dấu, ghi chú vào các từ ngữ, chi tiết nói về lịch sử, vị trí và vai trò của cầu Long Biên đối với lịch sử dân tộc.

4) Tìm các từ ngữ, câu văn trực tiếp thể hiện thái độ, tình cảm của tác giả.

5) Vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung VB "Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử".

3.2.1.3. Rèn luyện kĩ năng đọc phân tích bằng chiến lược đi tìm điểm sáng thẩm mĩ, xác định phương thức trình bày nghệ thuật, chiều sâu ý nghĩa của văn bản kí

Đọc phân tích là kĩ năng đọc với mục tiêu tìm đến những giá trị nghệ thuật, ý nghĩa nhân sinh của VB để nhận ra cảm hứng cội nguồn về quê hương đất nước và tình yêu cái đẹp, về con người, văn hoá Việt trong VB kí. Cảm hứng chủ đạo của VB kí thường bắt nguồn từ cảm xúc người viết trước vấn đề xã hội hay về thiên nhiên, văn hoá, đất nước, con người. Cho nên, ĐHVB kí là qua việc đọc, phân tích các yếu tố ngôn ngữ để tìm ra lớp nghĩa hàm ẩn của VB:

Điểm sáng thẩm mĩ trong VB kí là các hình ảnh, câu văn hay mang nội dung khái quát vấn đề có tính triết lí, biện pháp nghệ thuật, từ ngữ có tính chất biểu tượng,...

Các yếu tố nghệ thuật bao gồm: *Đối tượng trần thuật:* sự thực, dòng sự kiện hay dòng tâm tư, là con người, thiên nhiên hay vấn đề văn hoá...; *Người trần thuật,*

mối quan hệ giữa người trần thuật và đối tượng trần thuật: là người quan sát, ghi chép (kí sự, phóng sự) hay là người trải nghiệm (hồi kí, nhật kí, bút kí), người bàn luận, phẩm bình (tuỳ bút, bút kí, tản văn)...; *Nghệ thuật trần thuật* (ngôn từ, giọng điệu, điểm nhìn trần thuật, các hình ảnh, từ ngữ,...)

Sau đọc chính xác để nắm bắt được nội dung tầng cấu trúc ngôn từ của VB, hành động tiếp theo là phân tích ý nghĩa của các mối liên kết để tạo nên VB ấy. Kết cấu ngôn ngữ tạo thành các hình ảnh, hình tượng nghệ thuật, giọng điệu trần thuật... Đọc phân tích khi ĐHVB kí là đọc kĩ VB để phát hiện, phân tích các yếu tố nghệ thuật cấu thành nên ý nghĩa của VB.

Các bước thực hiện:

**** Bước thứ nhất:*** *Xác định và phân tích người trần thuật, điểm nhìn trần thuật, đối tượng trần thuật*

Trước hết xác định người trần thuật: Người trần thuật là tác giả với tư cách là người chứng kiến, tham gia vào sự kiện, sự thực - đối tượng trần thuật của VB kí.

Xác định điểm nhìn trần thuật là xác định vị trí, vai trò của người trần thuật trong mối quan hệ với đối tượng trần thuật.

Trong VB kí, người trần thuật và điểm nhìn trần thuật có ý nghĩa rất quan trọng đối với thành công của tác phẩm. Bởi vì, VB kí có nhiệm vụ miêu tả một "sự thực" nào đó, nhưng không phải như vốn có mà là "sự thực" được cảm nhận bởi một tâm hồn và được ghi lại bởi một nhà ngôn ngữ. Bởi vậy, quan điểm, cảm xúc của người trần thuật về đối tượng và năng lực ngôn ngữ của người trần thuật quyết định thành công của VB. Và VB ra đời là do ý muốn chủ quan, nhu cầu ghi lại và giãi bày quan điểm, suy nghĩ của người viết về đối tượng.

Trong "*Một thứ quà của lúa non: Cốm*" của Thạch Lam, người trần thuật là người quan sát, chứng kiến, thưởng thức cốm, từ đó với quan điểm nhân sinh, tác giả miêu tả, bình luận, đánh giá về cốm, để thể hiện thái độ, tình cảm đối với đối tượng trần thuật là Cốm.

Chẳng hạn, sông Hương trong "*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*" đúng là con sông của xứ Huế với đặc điểm địa lí, dòng chảy, đặc điểm lịch sử cụ thể nhưng nó không chỉ đơn giản được ghi lại với các thông tin khoa học, xã hội như vậy mà đó là hình tượng nghệ thuật về Sông Hương được xây dựng dưới ngòi bút của Hoàng Phủ Ngọc Tường, mà một trong số các yếu tố cấu thành là mảng thông tin sự thật.

Như vậy, cần xác định đối tượng trần thuật là sông, điểm nhìn nghệ thuật của tác giả đa dạng, theo không gian, thời gian, chủ quan và khách quan,...

Điểm nhìn nghệ thuật xuất phát từ ý đồ nghệ thuật của nhà văn và chi phối sự lựa chọn phương thức trình bày nghệ thuật của nhà văn.

**** Bước thứ hai:*** *Phân tích đối tượng trần thuật và nghệ thuật trần thuật*

Sau khi xác định được các yếu tố nghệ thuật của VB thì cần quan tâm đến việc đọc kĩ, phân tích để tìm ra ý nghĩa của chúng. Trong VB kí, đối tượng "trần thuật" là "sự thực". Như vậy, xác định đối tượng trần thuật và phân tích cấu trúc của đối tượng, các yếu tố nghệ thuật được sử dụng để xây dựng hình tượng nghệ thuật, xác lập ý nghĩa nghệ thuật, ý nghĩa nhân sinh của đối tượng trần thuật là nhiệm vụ của kĩ năng đọc phân tích. HS cần trả lời các câu hỏi như:

- *Tại sao tác giả lại chọn "sự thực" đó làm đối tượng trần thuật?*

- *Phân tích giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật và các phương diện ý nghĩa ẩn sau đối tượng "sự thực" ấy?*

- *Các biện pháp nghệ thuật được dùng khi trần thuật có ý nghĩa như thế nào đối với việc thể hiện tư tưởng của nhà văn?*

**** Bước thứ ba***: *Đọc có phản hồi, có phản biện về các giá trị của văn bản và các ý kiến đánh giá của người đi trước về văn bản*

Đây là bước rất quan trọng của hoạt động rèn kĩ năng đọc phân tích. Kĩ năng này bao gồm hai thành tố đọc - phân tích. Hoạt động đọc diễn ra cùng với tư duy phân tích các yếu tố nghệ thuật của VB. HS cần đọc nhiều lần và huy động toàn bộ con người tinh thần của mình để hiểu VB. Thực hiện nhiều cách đọc, kiểu đọc để có cái nhìn nhiều chiều, trên cơ sở cảm nhận của bản thân và tham khảo ý kiến của người đọc trước, phản biện các ý kiến của người khác hoặc suy nghĩ của chính mình để có được kết quả là cách hiểu thấu đáo của chính bản thân mình nhờ việc đọc và phân tích.

Việc tham khảo ý kiến đánh giá của người đọc trước về văn bản cũng là một cách hỗ trợ việc hiểu sâu hơn VB. Tham khảo để hiểu thêm, kiểm chứng kết quả đọc phân tích của mình.

**** Một số yêu cầu, hoạt động minh hoạ:***

(Dành cho bài ĐHVB "Người lái đò Sông Đà", SGK *Ngữ văn 12*)

1) Điểm nhìn là vị trí, chỗ đứng để xem xét, miêu tả, bình giá sự vật, hiện tượng là đối tượng trần thuật của VB. Hãy xác định điểm nhìn trần thuật của VB.

2) Tại sao tác giả lại đặt tên cho tuỳ bút là "Người lái đò Sông Đà"? Sông Đà hay Người lái đò Sông Đà là nhân vật chính của tuỳ bút?

3) Dưới ngòi bút của Nguyễn Tuân, hình tượng Sông Đà hiện lên với những vẻ đẹp nào?

4) Em suy nghĩ gì về hình tượng "Người lái đò Sông Đà".

3) Nêu những thủ pháp nghệ thuật được nhà văn sử dụng thiên tuỳ bút.

5) Nêu một số ý kiến đánh giá của các nhà nghiên cứu về tuỳ bút này. Ý kiến của riêng của em khi đọc "Người lái đò Sông Đà".

Văn bản kí với hai mảng nội dung sự thực và hư cấu, hoạt động đọc phân tích cần thực hiện được các mục tiêu nắm vững, hiểu rõ ý nghĩa, vai trò của thông tin sự thực, hiểu giá trị nghệ thuật, giá trị thẩm mĩ của thông tin hư cấu từ đó tìm đến với giá trị nghệ thuật và giá trị thông tin, tri thức của VB.

3.2.1.4. Rèn luyện kĩ năng đọc sáng tạo bằng chiến lược đồng sáng tạo

Theo quan điểm của lí thuyết tiếp nhận hiện đại, người đọc là người đồng sáng tạo tác phẩm. Đây là quan điểm nhìn nhận quá trình tiếp nhận từ mối quan hệ giữa nhà văn - tác phẩm - bạn đọc. Nhà văn là người tạo nên VB, bạn đọc là người biến VB ngôn từ thành tác phẩm với thế giới nghệ thuật sinh động. Bởi vậy, ý nghĩa của VB không chỉ nằm trong phạm vi ý đồ của nhà văn, ý nghĩa của câu chữ mà còn phụ thuộc vào năng lực đọc hiểu, con người văn hoá và quan điểm nghệ thuật, nhân sinh của người đọc.

Chiến lược đồng sáng tạo là chiến lược tổ chức, hướng dẫn hình thức hoạt động tư duy của bạn đọc khi ĐHVB. Đồng sáng tạo không phải là sự tham gia của bạn đọc vào việc sáng tạo VB mà là sự mở rộng, đào sâu các phương diện ý nghĩa của tác phẩm.

Đối với VB kí, vốn có linh hồn là "sự thực", một yếu tố không thể nhớ sai, hiểu lệch mà bắt buộc phải giữ đúng các thông tin cơ bản thì việc tham gia "sáng tạo" của bạn đọc thể hiện ở việc đọc kĩ, đọc sâu, huy động tri thức đọc hiểu để nhận ra những lớp nghĩa hàm ẩn của ngôn từ, để có những nhận thức mới từ những sự thực, những đánh giá, những tâm tư tình cảm của nhà văn thể hiện trong tác phẩm.

Đồng sáng tạo là tạo nên những phương diện ý nghĩa mới cho VB, nhiều khi vượt xa ý đồ của nhà văn. Có thể ít hoặc nhiều những mỗi người đọc sẽ tự tạo nên những cách hiểu riêng, nét ý nghĩa riêng từ VB. Văn bản kí thường có nhiều hình ảnh, biểu tượng, câu văn chứa đựng triết lí nhân sinh, được khái quát từ hiện thực, dưới cái nhìn, quan điểm của người trần thuật.

Các bước thực hiện:

* ***Bước thứ nhất****: Đọc chậm từng đoạn để suy ngẫm, liên tưởng, tưởng tượng*

Đọc chậm với tâm thế tập trung là hành động đọc có ý nghĩa quan trọng trong quá trình ĐHVB. Các thao tác đọc lướt, đọc to, đọc đúng, đọc nhanh, đọc thầm,...

mang đến cái nhìn toàn cảnh, bao quát VB theo diện rộng để đánh giá sơ bộ, xác định chủ đề, đề tài, đối tượng thì đọc chậm, tập trung, có suy ngẫm, phát huy năng lực liên tưởng, tưởng tượng để khái quát, tổng hợp và lĩnh hội các tầng ý nghĩa sâu xa của VB.

Đọc chậm để phát hiện các chi tiết quan trọng, các chi tiết có giá trị nghệ thuật. Đọc chậm để ngấm, để cảm nhận những lắng đọng xúc cảm, tâm tư, suy nghĩ của người viết, của nhân vật trữ tình. Đọc chậm để cảm nhận bề sâu của con chữ, sự tinh tế của câu văn, của hình ảnh, chi tiết nghệ thuật.

Yêu cầu minh hoạ: Đọc chậm đoạn văn sau và đánh dấu các chi tiết, hình ảnh, câu văn mà em quan tâm. Sau đó, hãy thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân (tức đảo Cô Tô mẹ) một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối đất, cố đi mãi trên đá đầu sư, ra thấu đầu mũi đảo.Và ngồi đó rình mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể, sạch như tấm kính lau hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng. Lòng đỏ trứng khổng lồ đặt lên một cái mâm bạc rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mặt bể sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhịp cánh (...)

Khi mặt trời đã lên một vài con sào, tức là lúc nó trở về sự bình dị hàng ngày, thì tôi đang múc gầu nước giếng dội lên đầu lên cổ lên vai lên lưng, nghĩa là tôi cũng đang đi tắm như mọi người lao động bình thường đang tắm quanh giếng. Cái giếng nước ngọt ở dìa một hòn đảo giữa biển, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền." (Trích "Cô Tô" - Nguyễn Tuân)

1) Trong đoạn văn trên, nhà văn tập trung miêu tả sự vật nào?

2) Chọn phân tích một số từ ngữ, câu văn hoặc hình ảnh trong đoạn trích mà em thích.

3) Đoạn văn gợi cho em suy nghĩ gì về cảnh được tả và người tả cảnh?

Qua việc đọc chậm, đánh dấu khi đọc và suy ngẫm, cảm nhận về đoạn văn, người đọc sẽ nhận được nhiều điều từ nhà văn và cùng suy nghĩ với tác giả. Đó chính là bạn đọc HS đang thực hiện một "cuộc giao tiếp văn học" để "kiến tạo ý nghĩa văn bản".

**** Bước thức hai**: Phát hiện và giải mã các tín hiệu thẩm mĩ của văn bản*

Như đã đề cập ở phần đặc trưng loại hình kí, những yếu tố cơ bản làm nên giá trị thẩm mĩ của kí là: đối tượng trần thuật, nghệ thuật trần thuật, nhân vật trữ tình...

Đối tượng trần thuật chính là người thật, việc thật, phẩm chất nghệ thuật của "sự thực" được chọn làm đối tượng thẩm mĩ.

Nghệ thuật trần thuật bao gồm người trần thuật với tư cách là một hình tượng nghệ thuật, giọng điệu trần thuật với từ ngữ, câu văn, hình ảnh, các biện pháp tu từ, điểm nhìn trần thuật…Thông tin thẩm mĩ ẩn chứa trong các yếu tố trên của VB. Bởi vậy sau khi đọc, kĩ năng đọc phân tích giúp bạn đọc chọn lọc và lí giải ý nghĩa các thông tin ấy. Ở bước đọc chậm, các tín hiệu thẩm mĩ đã được lưu ý, đến bước thứ hai trong chiến lược này, bạn đọc cần huy động toàn bộ con người tinh thần, năng lực nghệ thuật, xúc cảm từ rung động của con tim đến các lí lẽ của suy nghĩ, của lí luận để thấu hiểu, cảm nhận và lí giải "bề sâu bề xa" của mỗi tín hiệu thẩm mĩ. Từ đó khám phá các lớp ý nghĩa của VB.

Mỗi tín hiệu thẩm mĩ trong VB có vai trò riêng đối với việc tạo nên nghĩa của VB. Giải mã các tín hiệu thẩm mĩ ấy là kĩ năng cần thiết để ĐHVB nghệ thuật. Lí giải và kết nối ý nghĩa để có thể đến được với ý nghĩa khái quát của VB kí. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quá trình lí giải, cả khách quan và chủ quan. Đó là kiến thức, là kĩ năng, trình độ văn hoá, năng lực nghệ thuật, xúc cảm… của bạn đọc, truyền thống và quy chuẩn văn hoá, đặc điểm phong cách nhà văn, tình hình chính trị, xã hội,… của thời đại tác phẩm ra đời và thời đại của bạn đọc.

***Bước thứ ba:** Đọc diễn cảm, nhập thân để phát hiện và mở rộng nội dung tư tưởng, ý nghĩa nhân sinh của văn bản*

Kí ghi lại "sự thực" song mục đích viết kí không phải chỉ là ghi lại "người thật việc thật". Hạt nhân "sự thực" là một trong những lí do ra đời của VB kí. Vai trò của "sự thực" ở mức độ nào tuỳ từng thể kí, nhưng cũng luôn chứa đựng lớp nội dung tư tưởng và truyền tải thông điệp nghệ thuật của nhà văn.

Khi ghi lại "sự thực" của đời sống, tuỳ theo mục đích viết, người viết kí thường ít nhiều thể hiện quan điểm, suy ngẫm về hiện thực, về cuộc sống, hoặc gửi gắm triết lí nhân sinh nào đó. Trong tác phẩm truyện, thơ, nội dung ấy thường được ẩn chứa sau hình tượng nghệ thuật. Nhưng tác phẩm kí, có điểm riêng là bên cạnh việc "kí gửi" ở chi tiết, hình tượng nghệ thuật, tư tưởng nhân sinh, quan điểm nghệ thuật còn thường được thể hiện trực tiếp một số câu có tính chất khái quát, liên tưởng, chiêm nghiệm.

Khi đọc kí HPNT - một nhà văn rất thành công với thể kí - bạn đọc có thể tìm thấy trong mỗi trang viết những câu thể hiện suy nghiệm của ông. Viết về khu vườn Bạch Mã, trăn trở vì sự tàn tạ của một khu du lịch từng rất hiện đại, nhà văn không chỉ kêu gọi bảo vệ và cải tạo "ngọn núi ảo ảnh" mà còn suy tư và thể hiện những vấn đề có ý nghĩa nhân sinh. Từ một sự vật nhỏ nhất, một tách cà phê chồn giữa rừng Trường Sơn những ngày bom đạn ác liệt, HPNT liên tưởng đến cả một lối sống văn hoá, cả một cách sống nhân hậu, "*những tách "cà phê Rôm" đã cho tôi sống đúng với bản chất con người là văn hoá, và chỉ bước ra khỏi căn hầm này, tôi sẽ đối diện với một cuộc sống nóng bỏng những thù hận và chém giết*" *(Ngọn núi ảo ảnh)*. Tách cà phê và câu chuyện về chủ nhân căn nhà hoang trên đỉnh Bạch Mã đã gợi những suy ngẫm sâu sắc trong nhà văn "*Tâm trí tôi cứ tự nhiên vướng vít quanh người đàn bà xa lạ. Bà đã để lại cho tôi một tách "cà phê chồn" ở đường 9 năm xưa, và một cây anh đào ở Bạch Mã bây giờ. Còn riêng cho mình, bà không có một hạnh phúc gia đình bình thường như những người đàn bà khác. Cây anh đào chắc vẫn nở hoa giữa đám lau lách hoang dại vào mỗi mùa Noel, tự nở tự tàn, đẹp một mình, như tâm hồn nhân hậu của bà"* (*Ngọn núi ảo ảnh).*

Đặc biệt trong những bài kí về Huế, HPNT đã có những câu triết luận khái quát hoá sự chiêm nghiệm về con người, thiên nhiên, văn hoá, lịch sử của Huế. Từ cái "màu tím Huế" đến "tính cách Huế", "cơm Hến", "nhà vườn"… đặc trưng của Huế. Màu tím Huế được nhà văn giải nghĩa một cách thật chí lí và đầy chất thơ, "*Trong ngôn ngữ thường ngày, ý niệm "màu tím Huế" có nguồn gốc thiên nhiên rất rõ: đủ độ nồng nhưng mà vẫn ửng sáng, nó không gợi nỗi buồn như kiểu hoa "păng-xê" mà là niềm vui nhẹ của những bông cỏ mùa xuân. Nó mang dấu hiệu của một nội tâm trong sáng, giàu có nhưng không bộc lộ nhiều ra bên ngoài, vì thế với người phụ nữ Huế, màu tím vừa là màu áo, vừa là màu đức hạnh" (Sử thi buồn)* [105; tr.675].

Khi khai thác các tín hiệu thẩm mĩ của VB kí cần chú ý đến những câu văn trực tiếp thể hiện suy tư, thái độ, quan điểm của nhà văn để có thể đồng cảm, thấu hiểu, đồng thời suy nghĩ thêm theo quan điểm của riêng mình để có thể "đối thoại" với nhà văn về vấn đề đặt ra trong VB.

Với mỗi thể loại văn học khác nhau, chiến lược này đòi hỏi những yêu cầu cần đạt khác. Chẳng hạn, với VB thuộc loại hình kí, từ đặc trưng của kí, yêu cầu kết quả của hoạt động đọc hoàn thiện ý nghĩa bao gồm: Tóm tắt sự kiện trong VB/ Hiểu VB trình bày nội dung gì?; Mối đồng cảm của HS đối với VB; Khái quát hóa ý nghĩa

nhân văn, văn hóa, thẩm mĩ và tác động của VB tới bản thân HS; sự tán thành (đồng thuận) và chưa hài lòng về VB kí; chia sẻ hồi đáp (phản hồi) với bạn học để trở lại hòa nhập với VB để hiểu thêm, sâu hơn với sự trợ giúp của GV.

**** Một số yêu cầu, hoạt động minh hoạ:***

(Dành cho bài ĐHVB "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" - SGK *Ngữ văn 12*)

1) Chọn một đoạn trong bài mà em ấn tượng nhất, đọc chậm, đọc kĩ rồi nêu nhận xét của em về cách dùng từ, đặt câu, sáng tạo hình ảnh của nhà văn.

2) Tìm những từ ngữ, hình ảnh được tác giả sử dụng để nhân hoá hình tượng Sông Hương như một con người mang vẻ đẹp đặc trưng của văn hoá xứ Huế. Chọn phân tích giá trị của một số hình ảnh nhân hoá đó.

3) Đọc diễn cảm một số đoạn mà em yêu thích rồi nêu cảm nhận về đoạn văn đó.

4) Sử dụng những câu văn dài với nhịp điệu du dương, êm ái là nét nổi bật trong nghệ thuật trần thuật của Hoàng Phủ Ngọc Tường, hãy tìm và ghi lại một số câu văn như thế trong tuỳ bút "Ai đã đặt tên cho dòng sông?".

3.2.1.5. Rèn luyện kĩ năng đọc tích luỹ bằng chiến lược hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung và nghệ thuật của văn bản kí

Lĩnh hội ý nghĩa hoàn chỉnh về nghệ thuật và nhân sinh của VB là mục đích cơ bản nhất của hoạt động ĐHVB. Chiến lược hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung và nghệ thuật hướng đến mục tiêu rèn kĩ năng đọc giúp HS thực hiện các hoạt động tư duy tổng hợp và khái quát vấn đề. Từ đó đi đến mục đích cuối cùng của đọc hiểu là lĩnh hội tri thức, phát triển năng lực đọc hiểu, lĩnh hội ý nghĩa nhân sinh và giá trị nghệ thuật của VB.

Các bước thực hiện:

**** Bước thứ nhất:*** *Tổng hợp kết quả các bước đọc hiểu để có cái nhìn toàn vẹn, chỉnh thể về giá trị văn bản*

Ở bước này, HS cần thực hiện thao tác tư duy tổng hợp, tích luỹ các nội dung đã đọc để khái quát nên giá trị của VB ở các phương diện sự thật, nghệ thuật và ý nghĩa nhân sinh, giá trị văn hoá của VB. HS cần tự đặt câu hỏi và trả lời:

- Sau khi đọc hiểu văn bản, thu nhận được những nội dung thông tin chính gì về văn bản?

- Bên cạnh nội dung thông tin, văn bản còn thể hiện tâm tư, tình cảm, suy nghĩ gì của người viết?

- Tác động của văn bản đến ý thức, tình cảm, thái độ của bản thân?

Văn bản kí với đối tượng trần thuật là các vấn đề gần gũi đời sống nên sự tác động trực tiếp của VB đến người đọc là một trong những mục đích của người viết kí.

Bởi vậy khái quát nên ý nghĩa tác động của VB sau khi đọc là một yêu cầu cao của đọc tích luỹ. Phải cảm và hiểu các tầng ý nghĩa của VB ở một mức độ nhất định mới tạo ra sự tác động tới tình cảm, thái độ của bản thân.

**** Bước thứ hai:*** *Xác định thi pháp thể loại văn bản được sáng tạo mới bởi phong cách nghệ thuật của nhà văn*

Tích luỹ tri thức thể loại sau khi đọc là nhiệm vụ quan trọng của đọc tích luỹ. Bởi mỗi VB sẽ có những biểu hiện khác của đặc trưng thể loại. Cho nên, ngoài việc khái quát những đặc điểm thể loại từ VB để có nhận thức hoàn chỉnh hơn về thể loại thì cần nhận ra được những sáng tạo mới của nhà văn, bổ sung cho đặc điểm thể loại, biểu hiện rõ và sâu sắc chất của loại thể trong VB là nội dung rất quan trọng. Mỗi nhà văn, với tài năng, cá tính sáng tạo sẽ tạo nên những vẻ đẹp mới, giá trị mới cho thể loại văn học.

Chẳng hạn, với hoạt động dạy ĐHVB kí, GV có thể yêu cầu HS nhớ lại các đặc điểm thể loại kí, đặc điểm chung và riêng của hai loại VB trong loại hình kí (VB thông tin và văn bản nghệ thuật). Xác định rõ đặc trưng thể loại và soi chiếu khi ĐHVB, HS có thể xác định được nội dung thông tin sự thực và yếu tố hư cấu của nhà văn để có hướng tiếp thu thông tin hay khai thác giá trị thẩm mĩ một cách hợp lí. Quan sát và bình luận là hai thao tác tư duy cơ bản được người viết sử dụng khi viết kí. Tỉ lệ của hai thao tác này là một trong những tiêu chí xác định các thể loại kí. Khi viết kí, nhà văn quan sát theo quan điểm nhân văn về hiện thực đời sống, sự trung thành và độ tin cậy của "sự thực", nghệ thuật trình bày dòng sự kiện trong văn bản kí để tạo nên mảng nội dung thông tin sự thực. Khi đắm say, hoá thân cái Tôi tác giả vào nhân vật trữ tình, theo dòng tâm tưởng, suy ngẫm sẽ tạo nên những bình luận trữ tình, cách miêu tả biểu cảm trong tác phẩm kí. Kết quả sự dung hoà giữa quan sát và bình luận tạo nên các đặc điểm loại hình và giá trị của VB kí.

**** Bước thứ ba:*** *Sử dụng chiến thuật mở rộng và đi sâu tri thức đọc hiểu*

Bước này thể hiện kĩ năng vận dụng tri thức thể loại, kinh nghiệm đọc hiểu vào việc thực hành đọc hiểu các VB khác.

Trước hết là đi sâu vào các đặc điểm thể loại. Ở kí, chú ý các yếu tố đối tượng phản ánh (sự thật nào được chọn làm hạt nhân, điểm tựa của văn bản), người trần thuật là ai, giọng điệu trần thuật thế nào, mục đích trần thuật (viết về đối tượng đó với mục đích gì: giới thiệu về "một sự thực" hay mượn yếu tố sự thực để bày tỏ quan điểm, cảm xúc của người viết…?

Mở rộng tri thức đọc hiểu là từ vấn đề đặt ra trong VB liên hệ, mở rộng các hiểu biết liên quan để có thể hiểu rõ, hiểu sâu, hiểu rộng vấn đề. Huy động các tri

thức liên quan đến đối tượng phản ánh trong VB là thao tác tư duy quan trọng để giải mã các yếu tố sự thực và yếu tố thẩm mĩ của VB.

Với các VB trong CT và SGK Ngữ văn hiện hành liên quan đến các vùng miền như "Cô Tô" (*Ngữ văn 6*), "Ca Huế trên sông Hương", "Sài Gòn tôi yêu" (*Ngữ văn 7*), "Người lái đò Sông Đà", "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" (*Ngữ văn 12*),… thì việc mở rộng tri thức về lịch sử, địa lí, văn hoá, xã hội có vai trò rất quan trọng. Các tri thức liên quan đến các địa danh vừa là các nội dung thông tin công cụ bổ trợ để hiểu sâu VB, đồng thời cũng là những tri thức đích đến khi HS tìm hiểu về đối tượng liên quan đến VB.

Với các VB kí viết về đề tài lịch sử, văn hoá, kinh tế, xã hội, nghệ thuật thì nội dung tri thức đọc hiểu cần mở rộng là các nội dung liên quan đến lĩnh vực đó. Viết về một đặc sản, một nét đẹp văn hoá, một danh nhân hay một phong tục tập quán, thể hiện một quan điểm, tư tưởng nào đó về cuộc sống,… thì tri thức cần huy động và mở rộng là các vấn đề văn hoá, tư tưởng liên quan.

**** Một số yêu cầu, hoạt động minh hoạ:***

(Dành cho bài ĐHVB "*Một thứ quà của lúa non: Cốm*" – SGK *Ngữ văn 7*)

1) Sau khi đọc VB, thu nhận được những nội dung thông tin chính gì về Cốm?

2) "Một thứ quà của lúa non: Cốm" là một văn bản tuỳ bút giàu chất trữ tình, sử dụng kết hợp các yếu tố miêu tả và biểu cảm rất thành công, hãy chọn các chi tiết trong bài để chứng minh điều này.

3) Em nhận được thông điệp nhân văn gì về văn hoá, về tình yêu quê hương và tự hào dân tộc từ tuỳ bút "Một thứ quà của lúa non: Cốm"?

4) Qua tuỳ bút này, hãy rút ra những đặc điểm nổi bật của thể tuỳ bút? Nêu đặc điểm riêng của tuỳ bút Thạch Lam thể hiện trong bài?

3.2.1.6. Rèn luyện kĩ năng đọc kết nối bằng chiến lược liên hệ, vận dụng

Chiến lược liên hệ, vận dụng bao gồm một nhóm các hoạt động, hành động được tổ chức để tìm ra mối liên hệ giữa ý nghĩa VB với cuộc sống, nghĩa là tìm ra các giá trị ý nghĩa đời sống của vấn đề đặt ra trong VB để tăng tính thực tế của môn học. Đây là một trong những nội dung của mục tiêu "phát triển năng lực và phẩm chất người học" của quan niệm đổi mới giáo dục hiện nay. Mối liên hệ ấy có thể được thể hiện qua các nội dung sau:

- Bài học về cuộc sống được HS rút ra từ ý nghĩa của VB. Những vấn đề được đề cập đến trong VB đã giúp HS nhận thức được những điều mới mẻ gì về quan điểm sống, cách sống, lối ứng xử nhân văn trong cuộc sống.

- Hiệu quả tác động của VB đối với suy nghĩ, quan niệm, đời sống tình cảm, thái độ ứng xử của HS. Ví dụ: Tự hào về các giá trị văn hoá của các sản vật quê hương sau khi đọc hiểu "Một thứ quà của lúa non: Cốm" (Thạch Lam), từ đó có ý thức, thực hiện các hoạt động, hành động cụ thể để tôn vinh và bảo vệ các sản vật, đặc sản mang nét đặc sắc của văn hoá dân tộc.

- Văn bản mang đến những kiến thức gì về các vấn đề của cuộc sống, có ý nghĩa thực tế gì đối với đời sống của HS. Văn bản kí cung cấp những góc nhìn khác, nghệ thuật hơn về những sự vật hiện tượng bình thường trong đời sống hàng ngày. Mỗi VB kí bao giờ cũng có ý nghĩa thực tiễn với bạn đọc, có thể đơn giản là cung cấp vốn tư liệu, hình ảnh, kiến thức, có thể bồi dưỡng năng lực thẩm mĩ, năng lực thưởng thức nghệ thuật,...

Khi ĐHVB, mục tiêu cuối cùng, cao nhất là HS thu nhận được gì, phát triển năng lực, phẩm chất nào. Sự tác động của VB tới bạn đọc và ngược lại của cảm xúc, quan niệm, văn hoá của bạn đọc tác động trở lại VB.

Các bước thực hiện:

**** Bước thứ nhất:*** *Kết nối liên văn bản*

Ở bước này, hoạt động liên hệ được thực hiện theo chiều rộng và hướng ngoại. Với đề tài ấy của VB, bạn đọc phải liên tưởng, nhớ lại, sưu tầm các VB nghệ thuật, các VB thông tin, các tác phẩm nghệ thuật thuộc các lĩnh vực khác cùng thể hiện đề tài ấy. Việc liên hệ này giúp HS tiếp tục được mở rộng vốn tri thức đọc hiểu, vừa có cơ hội đào sâu suy nghĩ, mở ra những suy nghĩ về những giá trị mới của VB.

Chẳng hạn: Khi ĐHVB "Mùa xuân của tôi" của Vũ Bằng (SGK *Ngữ văn 6*), kết nối liên VB là tìm đến một số VB cùng viết về mùa xuân, cụ thể hơn là mùa xuân Bắc Việt. Hơn nữa là mùa xuân quê hương xứ Bắc trong nỗi nhớ của người ở xa. Cũng có thể liên hệ đến các bài hát, các bức tranh có liên quan đến các chi tiết trong VB... Các VB ấy sẽ góp phần mở rộng nghĩa, giúp HS có tâm thế tiếp nhận nội dung VB chính.

* ***Bước thứ hai:*** *Kết nối với kinh nghiệm của bản thân để dự đoán tác động của văn bản*

Khi ĐHVB, HS xác định được những tác động của VB tới bản thân. VB đã làm thay đổi suy nghĩ hay tạo nên điều mới mẻ gì cho HS về kiến thức, thái độ, kĩ năng, xúc cảm thẩm mĩ... VB kí với đối tượng miêu tả là sự thật cuộc sống cùng với sự đan cài cảm xúc, suy ngẫm, hay đánh giá của người viết sẽ có những tác động nhất định và làm thay đổi, phát sinh suy nghĩ, xúc cảm mới ở bạn đọc.

Chẳng hạn, cầu Long Biên hàng ngày nhiều người vẫn qua và thấy nó chỉ là một cây cầu sắt cũ kĩ, nhưng khi đọc "Cầu Long Biên - chứng nhân lịch sử" (SGK *Ngữ văn 6*, tập hai), qua trình bày của tác giả về lịch sử, về vẻ đẹp, về lai lịch của cây cầu, người đọc hiểu thêm và có những đồng cảm với tác giả: "*say mê ngắm nhìn màu xanh bãi mía, nương dâu, bãi ngô, vườn chuối,...", "không bao giờ chán mắt. Cái màu xanh cần lao ấy gợi bao yêu thương và yên tĩnh trong tâm hồn*", và "*cố gắng truyền tình yêu cây cầu vào trái tim*" du khách...

**** Bước thứ ba:*** *Liên hệ với thực tế để tìm ra bài học cuộc sống, quan niệm nhân văn về hiện thực nhận được từ văn bản*

Văn bản tác động đến suy nghĩ, tình cảm của HS, nảy sinh cảm xúc nhân văn, thúc đẩy những hành động đẹp, những suy nghĩ nhân văn về cuộc sống. Với sự năng động và khả năng nhìn nhận hiện thực đa chiều trong đó có góc nhìn văn hoá, VB kí chứa đựng nhiều lớp ý nghĩa nhân văn sâu sắc, gần gũi cuộc sống.

Chẳng hạn: Đọc "*Ca Huế trên sông Hương*" (SGK *Ngữ văn 7*, tập hai) HS hiểu thêm về ca Huế, về cách thức thưởng thức ca Huế. Nhưng cao hơn cả, HS sẽ hiểu và trân trọng hơn di sản văn hoá phi vật thể này của dân tộc và có ý thức gìn giữ các di sản văn hoá khác.

Sau khi đọc hiểu tầng cấu trúc ý nghĩa ngôn từ, tầng cấu trúc ý nghĩa tư tưởng của VB, trên cơ sở nội dung thông tin sự thật và các phương tiện nghệ thuật, thông tin thẩm mĩ của VB, bạn đọc huy động kinh nghiệm thẩm mĩ, văn hoá, vốn sống kết nối các phương diện thông tin của VB cùng những trải nghiệm của bản thân để mở rộng ý nghĩa của VB.

Để HS có nền tảng thực tế, GV có thể tổ chức các hoạt động ngoại khoá, các buổi tham quan thực tế (hoặc sưu tầm tranh ảnh) các địa danh, đối tượng được trần thuật trong VB.

**** Một số yêu cầu, hoạt động minh hoạ:***

1) Có lời bài hát rằng: "Trong ta ai cũng có một dòng sông…". Đó là dòng sông quê hương. Với mỗi người dòng sông quê mang một ý nghĩa riêng, một nét đẹp riêng. Hãy thể hiện suy nghĩ của em về một dòng sông mà em có sự gắn bó.

2) Sự thay đổi trong suy nghĩ, nhận thức của em trước và sau khi đọc hiểu văn bản "Cây tre Việt Nam" của Thép Mới là gì?

3) Không chỉ cầu Long Biên là "chứng nhân lịch sử" mà còn rất nhiều "chứng nhân lịch sử" khác trên đất nước Việt Nam. Em nghĩ gì về việc bảo tồn, gìn giữ những "chứng nhân lịch sử" ấy trong thời đại ngày nay. Hãy nêu một dẫn

chứng mà em biết thể hiện ý thức gìn giữ (tốt hoặc không tốt) một di sản, di tích lịch sử có ý nghĩa ở địa phương em?

Khi thực sự tập trung vào hoạt động đọc, có hoạt động tư duy và có thể phát hiện được những phương diện giá trị khác nhau của VB: "Nghệ thuật đọc bao hàm tất cả các kĩ năng của nghệ thuật khám phá độc lập: sự sắc sảo trong quan sát, trí nhớ luôn hiện hữu, trí tưởng tượng phong phú và trí tuệ được rèn luyện để phân tích và phản ánh" [1; tr.24].

Các VB kí viết về mảng văn hoá xã hội, phát hiện và tôn vinh những vẻ đẹp của văn hoá truyền thống,... có ý nghĩa thực tế rất lớn trong việc giáo dục và xây dựng lòng tự hào dân tộc và ý thức bảo vệ, gìn giữ văn hoá dân tộc.

Các chiến lược đọc hiểu trên chưa thể bao trùm được tất cả các hoạt động học tập, hoạt động nhận thức, tư duy của việc ĐHVB nhưng đó là hệ thống những phương pháp, biện pháp cơ bản để GV giúp HS hình thành và rèn luyện hệ thống KNĐH cơ bản. Từ đó hướng đến mục tiêu phát triển năng lực đọc hiểu cho HS. Văn bản đọc hiểu với những đặc trưng riêng về mặt thể loại, việc vận dụng chiến lược đọc hiểu một cách chủ động, sáng tạo, phù hợp với đối tượng HS sẽ đạt được hiệu quả cao trong việc thực hiện mục tiêu phát triển năng lực ĐHVB nói riêng và năng lực Ngữ văn nói chung.

Khi ĐHVB trong giờ học, với sự hướng dẫn của GV, những vấn đề đặt ra khi đọc có thể nhận được sự hỗ trợ của người thầy. Nhưng hoạt động đọc trong lớp học chỉ là một phần rất nhỏ, đọc VB trong cuộc sống, trong suốt cuộc đời mới là hoạt động chủ yếu. Vậy nên, dạy học ĐHVB là dạy HS cách đọc hiểu khi vắng mặt người hướng dẫn. Đó là kĩ năng tự đọc, độc lập suy nghĩ, tự đặt và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong toàn bộ quá trình đọc hiểu.

3.2.2. Sử dụng hệ thống bài tập để rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí

Trong quá trình dạy học ĐHVB kí, trên cơ sở mục tiêu rèn luyện hệ thống KNĐH, GV lựa chọn các nội dung phù hợp thuộc từng bài học cụ thể để thiết kế các bài tập giúp HS rèn luyện kĩ năng ĐHVB, đồng thời để GV đánh giá mức độ kĩ năng của HS, HS tự đánh giá kết quả học tập của mình. Đây là giai đoạn quan trọng để GV và HS có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp, từng bước nâng cao kĩ năng đọc hiểu, kĩ năng học tập của HS.

**** Ý nghĩa của việc sử dụng bài tập rèn luyện kĩ năng đọc hiểu:***

1- Sử dụng trong việc tự rèn luyện KNĐH cho HS dưới hình thức bài tập về nhà, bài tập bổ trợ trong các tài liệu tham khảo. Với hoạt động này, bài tập hướng

đến mục tiêu giúp HS tự kiểm tra đánh giá mức độ kĩ năng của bản thân để có sự tự điều chỉnh hoạt động học tập cho phù hợp.

Rèn luyện kĩ năng là một quá trình lặp lại nhiều lần các hình thức hoạt động. Để có kĩ năng ĐHVB kí, ngoài việc thực hiện hoạt động đọc hiểu trên lớp với sự hướng dẫn của GV, thì việc tự rèn luyện của HS có vai trò rất quan trọng. Hệ thống bài tập đọc hiểu có tính chất như là "công cụ" để HS thực hiện các hoạt động rèn kĩ năng.

2- Sử dụng trong việc ra đề kiểm tra đánh giá (đánh giá hoạt động chuẩn bị bài, ôn tập kiến thức cũ hoặc kết quả học tập của một giai đoạn thuộc chương trình học tập của HS) của GV để đánh giá mức độ kĩ năng của HS, từ đó có sự điều chỉnh kế hoạch, biện pháp dạy học phù hợp.

Đối với GV, bài tập là yếu tố để điều khiển quá trình giáo dục. Đối với HS, bài tập là một nhiệm vụ cần thực hiện, là một phần nội dung học tập. Hệ thống bài tập đọc hiểu có thể dùng trong các kì kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS hoặc để HS tự kiểm tra kết quả học tập, tự rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí.

**** Nội dung của bài tập rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản kí:***

Bài tập là các nhiệm vụ học tập, các tình huống để HS thực hiện các hoạt động tư duy nhằm lĩnh hội, đào sâu, nắm bắt và vận dụng một cách thành thục các tri thức, kĩ năng đã có để giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Bài tập tự kiểm tra đánh giá là hệ thống tình huống học tập được thiết kế để HS tự giác, chủ động, độc lập thực hiện hoạt động học tập trong quá trình chuẩn bị bài, ôn tập bài, rèn luyện kĩ năng học tập mà không có sự hướng dẫn của GV - người dạy.

Theo quan điểm của lí luận dạy học hiện đại có nhóm bài tập học và bài tập đánh giá (thi, kiểm tra). Bài tập học bao gồm bài tập lĩnh hội tri thức mới và bài tập luyện tập.

Bài tập lĩnh hội tri thức mới là kiểu bài tập đưa ra các tình huống yêu cầu HS tái hiện kiến thức, kĩ năng ở mức độ ít sáng tạo. Mục đích của dạng bài tập này là kiểm tra, đánh giá kĩ năng ghi nhớ nội dung kiến thức cơ bản theo yêu cầu của bài học.

Bài tập luyện tập là kiểu bài tập đề xuất những tình huống học tập yêu cầu HS dùng kiến thức, kĩ năng đã được học tập và rèn luyện trong các tình huống tương tự để cùng cố, vận dụng tri thức đã học. Kiểu bài tập này kiểm tra, đánh giá trình độ hiểu kiến thức và độ thuần thục kĩ năng của HS. Mục đích của kiểu bài tập này rèn luyện cho HS kĩ năng nắm vững kiến thức và cách thức học tập để có thể giải quyết các nhiệm vụ học tập mới.

Bài tập rèn luyện kĩ năng ĐHVB thuộc loại bài tập luyện tập, là những tình huống, nhiệm vụ học tập được thiết kế cho HS thực hiện các hoạt động tư duy hướng đến mục tiêu rèn luyện và nâng cao kĩ năng đọc hiểu cho HS. Các loại bài tập rèn kĩ năng có thể sử dụng trong tất cả các giai đoạn của hoạt động học tập. Nhưng các dạng bài tập hướng đến mục tiêu rèn luyện và nâng cao KNHT thì nên sử dụng ở phần luyện tập, thực hành, mở rộng và vận dụng.

Khác với câu hỏi, bài tập là những nhiệm vụ học tập có tính chất mở rộng, nội dung có tính chất khái quát hoá đòi hỏi phạm vi kiến thức rộng hơn và kĩ năng giải quyết vấn đề nhuần nhuyễn và chủ động, sáng tạo hơn.

3.2.2.1. Bài tập nhận diện sự kiện, hiện tượng sự thực đời sống và thế giới nghệ thuật

Một trong những đặc trưng cơ bản của VB kí là tính xác thực. "Sự thực" là hạt nhân, là điểm tựa của VB nên việc xác định "sự thực" là xác định điểm tựa của cảm hứng. Người viết kí thường quan tâm, tôn trọng những sự kiện xã hội lịch sử, những vấn đề nóng bỏng đang đặt ra trong đời sống.

Kí cũng không thể thiếu yếu tố hư cấu nên việc xác định đâu là sự thực, là đối tượng hiện thực của VB có ý nghĩa quan trọng trong quá trình ĐHVB. Khi ĐHVB, HS cần xác định, nhận diện đúng đối tượng "sự thực" của VB (sự vật, sự việc, hiện tượng, con người…) và ý nghĩa của đối tượng ấy với việc thể hiện tư tưởng của tác phẩm. Ở VB "*Người lái đò sông Đà*", Nguyễn Tuân miêu tả con sông Đà và người lái đò. Con sông Đà được miêu tả rất cụ thể, chi tiết, sinh động là cái nền để làm nổi bật hình tượng người lái đò.

Đây là loại bài tập với yêu cầu ở mức độ đơn giản, yêu cầu sự hiểu và tái hiện kiến thức, hướng đến mục tiêu rèn kĩ năng: xác định đề tài, đối tượng trần thuật của VB, tóm tắt, ghi nhớ nội dung thông tin. Các thao tác cần vận dụng trong loại bài tập này là sơ đồ hóa, sử dụng bản đồ tư duy, lập dàn ý, ghi lại bố cục VB…

Bài tập minh hoạ:

BT 1: Trong VB "Người lái đò sông Đà" của Nguyễn Tuân có hai "sự thực" xuất hiện. Hãy xác định hai đối tượng được miêu tả đó và vai trò của mỗi đối tượng đối với việc thể hiện ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm.

BT 2: Sử dụng sơ đồ tư duy để tóm tắt văn bản "Sài Gòn tôi yêu".

BT 3: Sơ đồ hoá dòng chảy của sông Hương theo nội dung miêu tả trong VB "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Sưu tầm một bản đồ của Huế và so sánh giữa nội dung miêu tả của tác giả với bản đồ đó.

BT 4: Thử tưởng tượng em là một nhà quay phim hoặc chụp ảnh, dựa vào văn bản "Ai đã đặt tên cho dòng sông?"em hãy ghi ra một số hình ảnh, góc cảnh em định sẽ quay bộ phim tài liệu có tên "Sông Hương xứ Huế".

3.2.2.2. Bài tập phân tích ý nghĩa các yếu tố nghệ thuật trong văn bản kí

Các yếu tố nghệ thuật của văn bản bao gồm các yếu tố sau:

- Thông tin sự thực với tư cách là đối tượng trần thuật hay "điểm tựa" cảm xúc để xây dựng các hình tượng nghệ thuật

- Người trần thuật: vị trí, điểm nhìn trần thuật, quan điểm trần thuật

- Nghệ thuật trần thuật: giọng điệu các thủ pháp nghệ thuật,...

Dạng bài tập này hướng đến mục tiêu rèn kĩ năng vận dụng các loại tri thức công cụ (thể loại, văn học, văn hoá, lịch sử, địa lí, ngôn ngữ) để phân tích cấu trúc văn bản - ý chính - ý phụ - cách liên kết.

Dạng bài tập vận dụng này chủ yếu tập trung vào các hoạt động dùng tri thức công cụ để soi chiếu vào VB, từ đó phân tích cấu trúc của VB về mặt ngôn từ, chủ đề, đề tài, các yếu tố nghệ thuật. Những bài tập kiểu này củng cố sự hiểu của HS về VB, giúp hiểu sâu hơn qua việc tìm hiểu sâu hơn các tín hiệu ngôn ngữ, tín hiệu thẩm mĩ của VB.

Bài tập minh hoạ:

BT1: Đọc kĩ VB sau, tìm và phân tích ý nghĩa của một số thủ pháp nghệ thuật (dùng từ, viết câu, sử dụng hình ảnh…) trong VB (chọn một văn bản thuộc loại hình kí làm ngữ liệu, có thể là văn bản trong SGK, có thể là văn bản ngoài SGK).

BT 2: Xác định điểm nhìn trần thuật của văn bản kí. Phân tích ý nghĩa của việc chọn điểm nhìn ấy đối với việc thể hiện ý tưởng nghệ thuật của nhà văn.

BT 3: Viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 – 300 chữ) nhận xét về giọng điệu trần thuật của tác giả thể hiện ở đoạn trích "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh".

3.2.2.3. Bài tập xác định "hiện thực văn hoá đa chiều" trong tác phẩm kí

Phẩm chất văn hoá là một phương diện nội dung quan trọng của VB kí. Bởi vậy, khám phá các giá trị của VB kí từ góc nhìn văn hoá là một khâu quan trọng của quá trình đọc hiểu. Đó là tìm ra phẩm chất văn hoá của đối tượng được nhà văn chọn lựa để miêu tả trong VB và giá trị văn hoá của tác phẩm.

Loại bài tập này hướng đến mục tiêu tìm ra tầng ý nghĩa sâu nhất, đặc trưng nhất của VB kí, tầng ý nghĩa văn hoá. Đó cũng là quá trình đi tìm kiếm, lí giải xem tại sao người viết lại chọn đối tượng ấy, góc nhìn ấy. Ẩn sau mỗi đối tượng trần

thuật, đối tượng nghệ thuật của VB thường là những giá trị văn hoá dân tộc đáng được trân trọng, lưu giữ và tôn vinh.

Đối tượng "sự thực" được người viết kí lựa chọn để phản ánh vào tác phẩm được nhìn nhận từ những điểm nhìn khác nhau và thường thiên về phẩm chất văn hoá. Bài tập này giúp HS phát triển kĩ năng phân tích giá trị nội dung và tư tưởng của tác phẩm theo một quan điểm tiếp cận văn học đang được nhiều người đồng tình: quan điểm văn hoá - một quan điểm tiếp cận rất phù hợp với VB kí.

Bài tập minh hoạ:

BT 1: Có ý kiến cho rằng: Qua "Một thứ quà của lúa non: Cốm", nhà văn Thạch Lam đã nâng cốm thành một đặc sản văn hoá và việc thưởng thức cốm trở thành một nét đẹp văn hoá Hà Nội. Em có đồng tình với ý kiến này không?

BT 2: Bằng những hiểu biết của em về đặc điểm lịch sử xã hội Việt Nam nửa cuối thế kỉ 18 và qua đoạn trích "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh", hãy cho biết tác giả Phạm Đình Hổ muốn thể hiện điều gì qua tác phẩm?

BT: Phân tích một số giá trị cơ bản của kí "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" từ góc độ văn hoá.

3.2.2.4. Bài tập nhận diện và xác định tiểu loại kí

Nhận diện thể loại là dạng bài tập vừa có thể là bài tập lĩnh hội tri thức mới, vừa có thể là bài tập luyện tập. Loại bài tập này có thể sử dụng ở tất cả các giai đoạn của quá trình đọc hiểu, từ khi chuẩn bị bài đến khi đọc hiểu và luyện tập, vận dụng.

Khi chuẩn bị bài, yêu cầu của bài tập sẽ là huy động tri thức nền là các hiểu biết về đặc trưng thể loại để soi chiếu và nhận diện thể loại của VB đang đọc. Bước đầu nhận diện được thể loại sẽ định hướng cho các hoạt động tiếp theo. Nhận diện thể loại ở giai đoạn này có thể dựa trên kết quả của đọc lướt, đọc tham khảo ý kiến của người đọc trước, đọc lời giới thiệu, lời đề dẫn,...

Khi thực hiện ĐHVB thì bài tập về thể loại hướng đến việc mở rộng, đào sâu, phân tích kĩ tri thức về đặc trưng thể loại của VB được thể hiện trong tác phẩm, những sáng tạo riêng, đóng góp mới của cá nhân tác giả đối với thể loại là mục tiêu của loại bài tập này.

Ở giai đoạn vận dụng, bài tập nhận diện, xác định thể loại sẽ phát huy được tối đa vai trò rèn luyện KNĐH. Đây là hoạt động có thể "đo đếm" rõ nhất, hiệu quả và thực tế nhất kết quả của hoạt động ĐHVB kí theo đặc trưng thể loại bởi HS đọc

được gì, hiểu đến đâu, vận dụng tri thức vừa được tiếp nhận và thức tỉnh như thế nào sẽ thể hiện rõ qua việc giải quyết loại bài tập này.

Mục tiêu chính của loại bài tập này là hình thành và tiếp tục hoàn thiện tri thức về các thể loại kí qua việc ĐHVB và vận dụng vào việc đọc hiểu các VB cùng thuộc các tiểu loại kí khác nhau.

Bài tập minh hoạ:

(Dành cho phần chuẩn bị bài của bài ĐHVB "Sài Gòn tôi yêu"):

BT 1: Những đặc trưng của loại hình kí được thể hiện trong văn bản "Sài Gòn tôi yêu".

BT 2: Chọn và bình luận một số câu văn trong văn bản tiêu biểu cho nghệ thuật trần thuật của tuỳ bút.

BT 3: Sưu tầm một số văn bản cùng tiểu loại kí với văn bản "Sài Gòn tôi yêu".

(Minh Hương có tùy bút "Nhớ Sài Gòn I, II", "Sài Gòn dậy sớm", Phạm Hà Phú có tập tản văn "Sài Gòn chuyện nhỏ", rất nhiều bài viết về Sài Gòn, Hà Nội…)

3.2.2.5. Bài tập vận dụng và liên hệ thực tế

Hoạt động vận dụng kết quả ĐHVB vào giải quyết các nhiệm vụ trong học tập, trong đời sống là yêu cầu có ý nghĩa quan trọng của quá trình đọc hiểu. Theo tác giả Nguyễn Thị Hạnh: "Hoạt động vận dụng văn bản vào giải quyết các nhiệm vụ trong học tập, trong đời sống là hành động cuối cùng của quá trình đọc hiểu. Hoạt động này thể hiện mục đích cuối cùng của đọc hiểu, đồng thời cũng là hành động thể hiện đọc hiểu là một năng lực chung của mỗi người, góp phần làm cho mỗi người đọc có thể tham gia vào xã hội bằng cách thay đổi nhận thức, tình cảm hành vi của chính mình, bằng cách đưa ra các giải pháp để giải quyết vấn đề trong đời sống mà mình đã học được từ các VB đọc hiểu.

Để thực hiện hoạt động vận dụng này, HS phải tiến hành một số hành động, thao tác như: Suy luận để bàn luận về những vấn đề trong cuộc sống có thể giải quyết bằng sự học hỏi từ nội dung văn bản, trình bày những giải pháp giải quyết một vấn đề cụ thể (là một nhiệm vụ trong học tập, trong đời sống) từ sự học tập nội dung của văn bản..." [33; tr.91]

Liên hệ thực tế là đưa VB đến với thực tế cuộc sống của HS. Đây là mối quan hệ hai chiều: VB tác động đến hành vi, suy nghĩ quan điểm của bạn đọc về cuộc sống và những trải nghiệm từ cuộc sống giúp HS hiểu rõ hơn VB.

Mục tiêu của kiểu bài tập này là giúp HS rèn kĩ năng kết nối các nội dung đọc hiểu với các VB khác hoặc với các tình huống cụ thể của bản thân và cuộc sống.

Khi thiết kế các bài tập loại này có thể dựa vào các định hướng sau:

- Đặt ra các tình huống để HS có thể kết nối nội dung, ý nghĩa VB với cuộc sống thực tế của HS.

- Gợi ý, định hướng để HS rút ra bài học cuộc sống từ nội dung VB hoặc nảy sinh những suy nghĩ mới mẻ về vấn đề/ đối tượng nghệ thuật đặt của VB.

- Tạo ra các tình huống, các nhiệm vụ cụ thể để HS có thể vận dụng kết quả đọc hiểu mà giải quyết vấn đề.

- Tạo cơ hội, gợi dẫn để HS có cơ hội trải nghiệm thực tế vấn đề đặt ra trong VB hoặc HS được tiếp xúc với đối tượng trần thuật trong VB ở ngoài cuộc sống.

- Gợi dẫn để HS suy ngẫm tìm ra ý nghĩa, giá trị mới có dấu ấn cá nhân, dấu ấn lịch sử, thời đại về vấn đề/đối tượng của VB.

Bài tập minh hoạ:

BT1: Qua hình tượng "Người lái đò sông Đà", em hãy bình luận về ý kiến "Lao động của con người làm nảy sinh ý tưởng và hình thành cái đẹp".

BT2: Qua đoạn trích "Vào phủ chúa Trịnh" hãy giải thích ý nghĩa của tên hiệu Hải Thượng Lãn Ông của Lê Hữu Trác. Suy nghĩ của em về quan niệm sống của Lê Hữu Trác.

BT 3: Trình bày suy nghĩ của em về VB "Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử". Qua VB này, hãy vào vai tác giả, gửi gắm một thông điệp về việc giữ gìn các di sản văn hoá đến bạn đọc nhỏ tuổi.

Theo quan điểm "Hiểu là biết kĩ và làm tốt" của tác giả Nguyễn Thanh Hùng, thì kết quả lý tưởng của hoạt động đọc hiểu là hiểu đủ, hiểu rõ nội dung, ý nghĩa văn bản và biết vận dụng kết quả đọc vào việc tạo lập VB. Loại bài tập này giúp HS tiếp tục rèn luyện kĩ năng vận dụng để đọc hiểu VB cùng thể loại và luyện tập kĩ năng tạo lập các VB thuộc loại hình kí phù hợp với mức độ năng lực của HS.

Với hoạt động ĐHVB kí, việc vận dụng kết quả đọc hiểu để viết các đoạn văn hoặc bài văn thuộc thể kí có tính khả thi hơn các lại VB khác (như thơ, truyện hay kịch). Hoạt động rèn luyện kĩ năng này, ngoài nội dung liên hệ, có thể tích hợp với nội dung liên hệ thực tế, kết nối với chương trình địa phương, GV hướng dẫn HS làm bài tập tạo lập VB với các nội dung liên quan đến các vấn đề thực tế cuộc sống, địa phương….

Bài tập minh hoạ: *(Dùng sau bài học Cây tre Việt Nam)*

BT 1: Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu:

Cây thốt nốt – biểu tượng văn hoá của người Khmer

Đối với người Khmer, thốt nốt không phải là một loài thực vật thuần túy mà là một loại cây đặc biệt, có tính biểu trưng rất cao. Do vậy, sẽ không có gì ngạc nhiên khi thấy cây thốt nốt luôn hiện hữu và là một phần không thể tách rời trong đời sống của người Khmer.

Thốt nốt là loại cây có nguồn gốc từ Châu Phi, thân gỗ, cao, vững chãi, dễ trồng và sống rất lâu. Xét về giá trị kinh tế, loại cây này không cho hiệu quả cao, thua xa cây dừa. Tuy nhiên, xét về mặt biểu tượng, ý nghĩa văn hóa thì thốt nốt lại hơn hẳn các loại cây khác.

Có thể nói, trong đời sống thường nhật, người Khmer chưa bao giờ tách khỏi cây thốt nốt. Từ nó, người ta có thể làm ra rất nhiều sản phẩm độc đáo như: đường thốt nốt, chè thốt nốt, đũa thốt nốt, quạt thốt nốt, thậm chí còn chế biến được cả bia thốt nốt,... Sự xuất hiện của cây thốt nốt nhiều khi như là dấu hiệu để nhận biết nơi đó có người Khmer sinh sống.Và việc họ trồng nó cũng đơn giản vì nó là cái gốc văn hóa của họ.

Cây thốt nốt còn được xem là biểu tượng cho đức tính nhẫn nại, chịu khó của người Khmer. Dù cho quanh năm phải làm trên những cánh đồng cháy nắng, mùa màng thất bát nhưng họ vẫn hài lòng với cuộc sống của mình. Cũng như cây thốt nốt, dù đất đai khô cằn, khí hậu khắc nghiệt nhưng cây vẫn vươn mình lên không trung, đương đầu với nắng và gió. Mặc cho sự vật đổi dời, cây thốt nốt vẫn thủy chung với vùng đất mà mình đang sống, vẫn cho trái ngọt, vẫn che chở và gắn bó với người Khmer từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Không những vậy, nếu có ai đó đã từng ngắm những cây thốt nốt sẽ nhận ra rằng, tuy có hình thức không đẹp (lớp da thì xù xì lại sạm đi vì nắng, lá không dài và cũng không uốn cong, trái nhỏ với màu đen đặc biệt) nhưng đó lại là một vẻ đẹp hết sức mộc mạc, đáng yêu. Rõ ràng, cây thốt nốt không sặc sỡ như đỗ quyên, không "thanh khiết" như cây thông, không "sang trọng" như cây tùng, không "dịu dàng" như cây liễu,... nhưng vẫn nhận được sự trân trọng của tất cả mọi người. Điều này làm ta liên tưởng đến hình ảnh những người Khmer chân chất, rất giản đơn nhưng lại vô cùng thân thiện. Người Khmer không chú trọng lắm đến hình thức bên ngoài, nét đẹp của họ thường được bộc lộ từ bên trong. Họ nói chuyện như mở hết lòng, chân tình và ấm áp. Họ giúp người như chính bản thân, không bận chi thua thiệt. Nói chung, từ lời ăn, tiếng nói, cách ăn mặc, cư xử,... ở họ đều toát lên

một nét giản dị đến kì lạ, sự chất phác đến không ngờ. Với họ, một hình thức giản đơn, một tâm hồn trong sáng là cái cốt lõi của mỗi con người.

Cây thốt nốt sẽ vẫn là một biểu tượng văn hoá, sẽ luôn tồn tại trong từng kí ức người Khmer và mãi mãi trong lòng dân tộc Khmer.

(Nguồn: baomoi.com)

a. Tóm tắt nội dung văn bản.

b. Mối quan hệ giữa cây thốt nốt và người Khmer có điểm gì tương đồng với mối quan hệ giữa cây tre và người Việt Nam?

c. Nhận xét về sự khác nhau trong cách viết của bài văn "Cây thốt nốt" và "Cây tre Việt Nam".

BT 2: *Chọn một văn bản kí và thực hiện các yêu cầu dưới đây:*

a) Đọc kĩ văn bản.

b) Thực hiện thao tác đánh dấu và ghi chú khi đọc hiểu văn bản.

c) Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những điều em thu nhận được về nội dung thông tin và giá trị nghệ thuật của văn bản.

d) Viết đoạn văn từ 150 – 2002 chữ nêu ý kiến của em về văn bản vừa đọc.

BT 3: *Hãy viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một làn điệu dân ca quen thuộc ở quê hương em. (Bài tập sau bài đọc hiểu văn bản "Ca Huế trên sông Hương".*

BT 4: *Hãy đóng vai một hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu với khách du lịch về một đặc sản của quê em. (Bài tập sau bài đọc hiểu văn bản "Một thứ quà của lúa non: Cốm'.*

BT 5: *Dựa vào nội dung bài "Cây tre Việt Nam" của Thép Mới, em hãy viết một đoạn thơ (hoặc bài thơ ngắn) thuộc thể thơ năm chữ với nhan đề "Bạn tre của em".*

Một số bài tập có thể sử dụng làm đề bài tập làm văn để HS có thể tham gia học tập hướng đến mục tiêu nâng cao KNĐH văn bản kí. Tuỳ theo từng bài học khác nhau mà GV có thể xây dựng hệ thống bài tập phù hợp với KNĐH cần rèn luyện.

Bên cạnh việc thiết kế hệ thống bài tập rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí, trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học cần thiết kế tổ chức thêm một số hoạt động bổ trợ phù hợp để giúp HS có tình huống học tập chủ động, tự giác, sáng tạo, góp phần tăng cường rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí nói riêng và kĩ năng tự ĐHVB nói chung.

Tiểu kết chương 3

KNĐH là một khái niệm tổng hợp bao gồm nhiều kĩ năng, nhiều yếu tố nhỏ hơn, đa dạng và phức tạp. Mỗi bài học, mỗi thể loại, mỗi hoạt động học tập đều góp phần hình thành và rèn luyện một phương diện nào đó trong KNĐH. Mỗi thể loại VB với đặc trưng nổi bật có ưu thế riêng, khác biệt trong việc hình thành và rèn luyện những KNĐH cụ thể, nhất định.

Việc xác định KNĐH văn bản kí trên cơ sở lí thuyết về KNĐH là việc làm có tính chất tương đối, định lượng hoá một vấn đề trừu tượng. KNĐH là kĩ năng điều khiển các hoạt động tư duy trong quá trình nhận thức tích cực, chủ động của bạn đọc HS phù hợp với đặc trưng VB, mục đích sản sinh VB của người viết và mục tiêu ĐHVB mà người đọc đặt ra. Kĩ năng thực hiện các hoạt động có vai trò quan trọng trong việc quyết định hiệu quả của hoạt động. Đọc hiểu một VB kí, tiếp nhận một lượng thông tin (bao gồm của thông tin sự thật và thông tin thẩm mĩ) nhiều hay ít, toàn bộ hay chỉ một phần phụ thuộc vào sự tích cực hoạt động của bạn đọc ở mức độ nào và kĩ năng điều khiển các hoạt động trí óc liên quan.

KNĐH được hình thành nhờ sự lặp lại nhiều lần các hoạt động, thao tác tư duy trong quá trình đọc hiểu. Để hình thành và rèn luyện KNĐH VB kí cần có chiến lược dạy học phù hợp, bám sát mục tiêu là hệ thống KNĐH văn bản kí đã được xác định trên cơ sở hệ thống KNĐH văn bản nói chung.

Song song với các chiến lược dạy học cụ thể cần tổ chức các hoạt động học tập để HS tự học, tự rèn luyện, tự đánh giá hiệu quả hoạt động ĐHVB. Đó là sự hỗ trợ của hệ thống bài tập rèn luyện KNĐH văn bản kí. Chiến lược dạy học cụ thể, hệ thống bài tập rèn KNĐH là một số biện pháp, cách thức tổ chức hoạt động dạy học khả thi, phù hợp và có hiệu quả đối với thực hiện mục tiêu rèn luyện KNĐH văn bản kí nói riêng và KNĐH văn bản nói chung cho HS PT nhằm đào tạo các thế hệ bạn đọc có kĩ năng đáp ứng yêu cầu của dạy học theo hướng phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học trong bối cảnh xã hội mới.

Chương 4: THỰC NGHIỆM SƯ PHẠM

4.1. GIỚI THIỆU CHUNG

4.1.1. Mục đích, nhiệm vụ thực nghiệm

Mục đích của TN là kiểm chứng sự đúng đắn của giả thuyết khoa học đã nêu trong luận án, kiểm tra độ tin cậy và tính hiệu quả của các đề xuất trong luận án để có sự điều chỉnh phù hợp, tăng tính khả thi và hiệu quả thực tế của kết quả nghiên cứu trong việc thực hiện mục tiêu rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí cho HSPT.

Phần TN của luận án giải quyết các nhiệm vụ sau đây: Chọn đối tượng TN (địa bàn TN, bài dạy TN, GV và HS lớp TN), tổ chức dạy học theo bài soạn đã vận dụng các đề xuất về rèn kĩ năng đọc hiểu; tiến hành kiểm tra đánh giá kết quả TN, nhận xét kết quả TN và đánh giá hiệu quả của các giải pháp đề xuất trong luận án.

4.1.2. Các bước tiến hành thực nghiệm

Chúng tôi lựa chọn HS TN thuộc hai đối tượng: HS THCS ở thành phố Hà Nội và HS THPT thuộc vùng miền núi. Quá trình TN được tiến hành qua hai vòng. Vòng 1: vận dụng đề xuất của NCS để soạn giáo án dạy học sau đó gửi nhận xét, góp ý. Vòng 2: NCS thiết kế giáo án, NCS và giáo viên dạy TN, thực hiện các bài kiểm tra kiểm chứng hiệu quả của các biện pháp tác động.

4.1.2.1. Thực nghiệm vòng 1:

Một số GV có trình độ chuyên môn vững, có tâm huyết với nghề tham gia dạy 7 khối lớp thuộc cả cấp THCS và THPT (ở cả vùng thành phố và nông thôn). GV soạn giáo án trên cơ sở vận dụng các giải pháp, bài tập đề xuất trong luận án sao cho phù hợp với đối tượng HS. Sau khi áp dụng và dạy TN, các GV có phản hồi, góp ý về về ưu điểm, hạn chế của các đề xuất. Từ đó, NCS có những điều chỉnh để các giải pháp đề xuất phù hợp với thực tế hơn. Sau đó, tiến hành TN vòng 2 sau khi đã có sự điều chỉnh từ những điều chỉnh từ góp ý vòng 1.

Thời gian thực nghiệm vòng 1: năm học 2013 – 2014 tại các trường sau:

1) Nguyễn Thị Thanh Huyền - THCS Olympia - Hà Nội: Giáo án "Cây tre Việt Nam" (Ngữ văn 6)

2) Khuất Thanh Hương - THCS Sơn Lộc – TX. Sơn Tây – Hà Nội: Giáo án "Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử" (Ngữ văn 7)

3) Nguyễn Thị Hằng - THCS Thăng Long, Hà Nội: Giáo án "Sài Gòn tôi yêu" (Ngữ văn 7)

4) Triệu Thị Nga - THCS Phan Thiết – Tuyên Quang: Giáo án "Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh" (Ngữ văn 9)

5) Phạm Thị Loan - THPT Nguyễn Bỉnh Khiêm - Quảng Ninh: Giáo án "Thái sư Trần Thủ Độ" (Ngữ văn 10)

6) Hoàng Thị Hà - THPT Văn Lãng - Lạng Sơn: Giáo án "Ai đã đặt tên cho dòng sông?" (Ngữ văn 12)

7) Vũ Quỳnh Loan - THPT Tân Trào - Tuyên Quang: Giáo án "Người lái đò sông Đà" (Ngữ văn 12)

Nội dung TN tập trung hướng đến mục tiêu rèn luyện kĩ năng ĐHVB kí cho HS PT. Các giải pháp thay thế được vận dụng và thể hiện trong tất cả các khâu, các bước trong hoạt động dạy học ĐHVB kí. Từ chuẩn bị bài, đến các hoạt động trong giờ học và rèn luyện kĩ năng sau giờ học.

Sau khi tổ chức dạy TN, cho HS làm bài kiểm tra và có đối sánh với nhóm HS thuộc đối tượng tương đương cùng trường, GV có nhận xét và góp ý với các đề xuất. Tham khảo các ý kiến, cùng với sự điều chỉnh theo nội dung nghiên cứu ở giai đoạn tiếp theo, chúng tôi đề xuất các giải pháp dạy học và vận dụng vào việc thiết kế và tổ chức dạy TN vòng 2.

4.1.2.2. Thực nghiệm vòng 2:

Thực nghiệm vòng 2 bao gồm ba giáo án do NCS thiết kế trên cơ sở vận dụng các chiến lược đọc hiểu và bài tập đọc hiểu đã đề xuất ở chương 3. Việc tổ chức dạy thực nghiệm được tiến hành vào 2014 - 2015.

1. Đọc hiểu văn bản: **Cây tre Việt Nam**

- Người soạn: Lê Hồng Mai - NCS
- Người dạy thực nghiệm: Nguyễn Thị Thanh Huyền
- Lớp thực nghiệm: Lớp 6A1 - THCS Olympia – Hà Nội (NCS dự giờ)

- Số HS: 24

- Đặc điểm HS: HS bạo dạn, ham học hỏi, tự tin trong các hoạt động học tập. Điều kiện cơ sở vật chất, tài liệu học tập tốt. Tuy nhiên HS không thật sự hào hứng với các giờ đọc ĐHVB kí.

- Lớp đối chứng: Lớp 6A2 – THCS Olympia – Hà Nội

- Số HS: 22

- Đặc điểm HS: Tương tự với lớp 6A1 về các đặc điểm khác, tuy nhiên HS có ý thức học tập môn Ngữ văn tốt hơn.

Người dạy: Nguyễn Thị Thanh Huyền

2. Tên bài: **Một thứ quà của lúa non: Cốm**

- Người soạn: Lê Hồng Mai – NCS
- Người dạy thực nghiệm: Lê Hồng Mai
- Lớp thực nghiệm: Lớp 7A1 - THCS Sơn Lộc – Sơn Tây

- Số HS: 35

- Đặc điểm HS: HS có ý thức học tập tốt, nghiêm túc, tự giác học tập; GV nhiệt tình, tâm huyết, yêu nghề. Song điều kiện cơ sở vật chất, tài liệu còn khó khăn.

- Lớp đối chứng: Lớp 7A2 – THCS Sơn Lộc – TX. Sơn Tây
- Người dạy: Khuất Thị Thanh Hương

- Số HS: 29

- Đặc điểm HS: tương đồng với lớp TN (7A1)

3. Người lái đò Sông Đà (Nguyễn Tuân)

- Người soạn: Lê Hồng Mai – NCS
- Người dạy thực nghiệm: Vũ Quỳnh Loan
- Lớp thực nghiệm: Lớp 12C5 - THPT Tân Trào – Tuyên Quang

- Số HS: 40

- Đặc điểm HS: HS, tự tin, bạo dạn tham gia các hoạt động học tập; tuy nhiên phần lớn không hào hứng với các giờ Ngữ văn, không tích cực, tự giác đọc văn bản và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

- Lớp đối chứng: Lớp 12C8 – THPT Tân Trào – Tuyên Quang
- Người dạy: Vũ Quỳnh Loan

- Số HS: 42

- Đặc điểm HS: tương tự lớp 12C5

Chúng tôi lựa chọn hai đối tượng HS này bởi vì HS khối THCS (lớp 6 và lớp 7) thuộc các trường ở Hà Nội, HS có điều kiện học tập tốt hơn, bạo dạn, chủ động và tự tin hơn, bước đầu đã có KNĐH ở mức độ đơn giản được rèn luyện ở bậc Tiểu học. HS THCS của những trường thuộc đối tượng TN và ĐC có trình độ, ý thức học và kết quả học tập như nhau. Đối tượng HS chọn làm TN và ĐC mạnh dạn, tự tin khi tham gia thực hiện các yêu cầu của GV. HS lớp 12 thuộc khu vực miền núi, nhưng là trường trung tâm, có điều kiện cơ sở vật chất tốt, HS bạo dạn song điều kiện và ý thức cập nhật các phương pháp và nội dung đổi mới chưa tích cực, HS còn thiếu chủ động, tự giác trong học tập.

4.1.3. Định hướng thiết kế thực nghiệm

Mỗi thiết kế TN lựa chọn vận dụng một số chiến lược và bài tập đọc hiểu phù hợp với đặc điểm HS, thể loại VB, nội dung bài học.

Thiết kế giáo án tăng cường việc tổ chức hoạt động cho HS, các vấn đề GV nêu ra kích thích sự chủ động, sáng tạo của HS, giúp HS phát huy được hứung thú học tập, năng lực bản thân, huy động được tri thức nền, nhập tâm vào việc đọc văn bản.

Khi thực hiện các thiết kế giáo án dạy học ĐHVB kí, để hướng đến mục tiêu rèn luyện hệ thống KNĐH cơ bản cho HS, chúng tôi tập trung vào một số hoạt động cơ bản được mô hình hoá như sau:

4.1.3.1. Các hoạt động trước giờ học (Bước chuẩn bị)

Đây là bước rất quan trọng để chuẩn bị tâm lí, kiến thức, hứng thú,… cho việc thực hiện hoạt động đọc hiểu văn bản. Bởi vậy, cần có những hướng dẫn cụ thể cho khâu chuẩn bị bài để HS chuẩn bị tâm lí, hứng thú, tri thức nền, các phương tiện bổ trợ để hoạt động đọc hiểu đạt hiệu quả cao. Đây là bước thực hiện việc vận dụng các chiến lược toàn cảnh, chiến lược ghi nhớ, tóm tắt nội dung thông tin của văn bản kí. Thông thường, trong bước chuẩn bị bài, GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau:

1) Sưu tầm tư liệu và tác giả tác phẩm (tranh ảnh, các bài giới thiệu, đánh giá về tác giả, văn bản).

2) Đọc và tìm hiểu tổng quan về nội dung VB: Đọc toàn văn và ghi lại những ấn tượng ban đầu về VB từ các phương diện nội dung, đề tài, chủ đề, giá trị nghệ thuật.

3) Xác định và huy động tri thức nền để chuẩn bị cho hoạt động đọc hiểu với sự hướng dẫn của GV trên lớp.

4) Xác định nội dung cơ bản cần nắm bắt và ghi nhớ là gì: thông tin sự thực hay thông tin thẩm mĩ?

5) Nhận định ban đầu về giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa nhân sinh của văn bản.

4.1.3.2. Các hoạt động trong giờ đọc hiểu văn bản

Vận dụng kết hợp các chiến lược đọc hiểu để tổ chức hoạt động ĐHVB, trong đó chủ chốt là các chiến lược truy tìm điểm sáng thẩm mĩ, phân tích ý nghĩa các yếu tố nghệ thuật của VB kí, chiến lược đồng sáng tạo, phân tích dòng sự kiện, dòng tâm tư và giá trị nghệ thuật, chiến lược lĩnh hội ý nghĩa hoàn chỉnh về nghệ thuật và nhân sinh của văn bản,...

- Hướng dẫn HS xác định hạt nhân "sự thực" trong VB kí.

- Hướng dẫn HS tóm tắt, ghi nhớ thông tin "sự thực" của VB kí với kĩ thuật lập dàn ý, vẽ sơ đồ tư duy,…

- Hướng dẫn HS xác định các yếu tố nghệ thuật (từ ngữ, câu văn, hình ảnh, giọng điệu trần thuật, điểm nhìn trần thuật,…) và thực hiện thủ thuật đánh dấu, ghi chú…

- Hướng dẫn HS xác định ý nghĩa nhân sinh và tư tưởng nghệ thuật của văn bản.

- Hướng dẫn HS mở rộng vấn đề và liên hệ thực tế, giáo dục kĩ năng, lối sống, thái độ, kinh nghiệm sống… từ vấn đề đặt ra trong tác phẩm.

4.1.3.3. Các hoạt động sau giờ học đọc hiểu văn bản

Đây là bước thực hiện các hoạt động vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học được để rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản.

- Hướng dẫn HS tham gia các tình huống học tập mới để rèn kĩ năng, để thể hiện suy nghĩ, quan điểm của bản thân về tác phẩm và các vấn đề đặt ra trong tác phẩm.

- Hướng dẫn HS thực hiện các bài tập rèn luyện kĩ năng đọc đọc hiểu (đọc và tạo lập văn bản tương đương).

4.2. NỘI DUNG GIÁO ÁN THỰC NGHIỆM

4.2.1. Đọc hiểu văn bản: Cây tre Việt Nam (Ngữ văn 6)

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức

- Hiểu về cây tre và vai trò của tre đối với đời sống con người.

- Thấy được vẻ đẹp và sự gắn bó mật thiết của cây tre đối với đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Nam.

- Hiểu rõ đặc điểm của thể loại bút kí chính luận (lời bình phim).

2. Kĩ năng:

- Rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản kí thuộc thể loại tuỳ bút chính luận.

3. Thái độ:

- HS hiểu và cảm nhận được sự gắn bó của cây tre với con người Việt Nam và hiểu rõ tại sao cây tre được coi như là biểu tượng của sức mạnh, sức sống Việt Nam.

- Qua hình tượng cây tre trong bài văn, hiểu và cảm nhận tài năng viết kí của Thép Mới, qua cảm nhận rõ hơn vẻ đẹp của con người, đất nước Việt Nam để thêm tin yêu, tự hào và có ý thức gìn giữ truyền thống.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

* GV :

- Chuẩn bị giáo án và một số tài liệu, tư liệu, tranh ảnh liên quan, trong đó có văn bản ‘Cây tre bạn đường” của Nguyễn Tân để giới thiệuc ho HS đọc.

- GV cần chú ý tìm thêm tư liệu là các lời bình trong một số phim tư liệu, hoặc một số văn bản kí chính luận để HS tham khảo giúp hiểu rõ hơn về thể loại kí chính luận – lời bình, thuyết minh cho phim ảnh.

- Hình ảnh huy hiệu Măng non.

*** HS: Sử dụng chiến lược toàn cảnh để chuẩn bị các nội dung liên quan đến bài học với sự hướng dẫn của GV:**

1/ Tham khảo từ internet, báo chí một số thông tin về tác giả Thép Mới, về cây tre và các văn bản thuộc thể loại lời bình, thuyết minh phim.

2/ Đọc kĩ văn bản, xác định bố cục và tóm tắt nội dung chính của văn bản.

3/ Sưu tầm tranh ảnh một số đồ dùng làm bằng tre, vai trò của tre trong đời sống, tranh ảnh liên quan đến câu chuyện Thánh Gióng, sưu tầm một số bài viết, tác phẩm viết về cây tre hoặc một loại cây quen thuộc gắn bó với người Việt Nam trên các vùng miền (cây lúa, cây cọ, cây thốt nốt, cây dừa…)

C. TIẾN TRÌNH:

Hoạt động 1: Khởi động

Dẫn vào bài: GV dẫn lời giới thiệu một số loài cây là biểu tượng văn hoá của một số dân tộc trên thế giới. Hoặc yêu cầu HS trình bày suy nghĩ của bản thân về một loại cây quen thuộc với người dân Việt Nam và lí giải tại sao chọn thuyết minh về loại cây ấy.

Hoặc có thể giới thiệu về cây tre và bài bút kí "Cây tre Việt Nam": *Năm 1954 chúng ta chiến thắng giặc Pháp với chiến dịch Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu - một chiến thắng có ý nghĩa quan trọng, kết thúc gần một trăm năm đô hộ của thực dân Pháp. Khâm phục trước tinh thần quả cảm của dân tộc Việt Nam, các nhà điện ảnh Ba Lan đã làm phim về con người Việt Nam trong chiến đấu. Họ đã lấy cảm hứng từ tùy bút "Cây tre bạn đường'' của nhà văn nổi tiếng Nguyễn Tuân để xây dựng bộ phim tài liệu "Cây tre Việt Nam" (1955) và nhà báo lừng danh Thép Mới đã viết bài bút kí "Cây tre Việt Nam" để thuyết minh cho bộ phim này.*

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản

<u>I. Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</u>

***** *GV yêu cầu HS đọc lướt và thực hiện các nhiệm vụ theo nhóm:*

+ *Nhóm 1*: Giới thiệu vài nét về tác giả và văn bản "Cây tre Việt Nam".

+ *Nhóm 2:* Đọc một vài lời đánh giá, nhận xét về văn bản "Cây tre Việt Nam" mà nhóm em sưu tầm được.

Ví dụ: Bài viết "*Thép Mới - cây bút tài hoa*" của nhà báo Phan: *"Trong làng văn, làng báo của ta tôi nghĩ ít có người viết kí chính luận hay như anh. Thép Mới kết hợp tài tình tư liệu quá khứ với yêu cầu thời sự, có khi khéo léo khai thác ý kiến người khác rồi nâng lên và phát triển thành tư duy mang dấu ấn của riêng mình"*.

+ *Nhóm 3*: Kể tên các tác phẩm văn học (đoạn văn, câu thơ, bài thơ) hoặc tác phẩm sân khấu, điện ảnh có sự xuất hiện của cây tre.

+ *Nhóm 4*: Hãy cho biết văn bản "Cây tre Việt Nam" thuộc thể loại kí nào? Thử chỉ ra một số đặc điểm thể loại thể hiện trong VB.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Đọc, xác định bố cục và tóm tắt nội dung văn bản:

GV hướng dẫn HS sử dụng chiến lược ghi nhớ, nắm bắt nội dung thông tin của văn bản kí để thực hiện hoạt động đọc chính xác

** GV hướng dẫn cách đọc văn bản:*

- Đọc đúng giọng điệu, cách ngắt nhịp, từ, câu, đoạn, nhịp điệu câu văn.

- Đọc kết hợp với đánh dấu và ghi chú bên lề, tóm tắt ý chính của văn bản

** GV đọc mẫu 2 – 4 câu.*

** GV giao nhiệm vụ trước khi đọc:* Nghe bạn đọc và đọc thầm theo, rồi thực hiện các nhiệm vụ (trình chiếu trên máy chiếu hoặc bảng phụ hoặc phiếu học tập):

1) Văn bản chia làm mấy phần, mỗi phần thể hiện nội dung gì?

2) Xác định đề tài, chủ đề của văn bản.

3) Chọn một số câu văn mà em thích: nói về cây tre và nói về con người Việt Nam? Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được tác gia sử dụng trong câu.

** GV yêu cầu hai HS nối tiếp nhau đọc văn bản.*

* HS trả lời 4 câu hỏi trên sau khi 2 bạn đọc xong VB:

1) VB có bốn đoạn: *1- Cây tre có mặt trên khắp nơi trên đất nước Việt Nam; 2- Gắn bó với người Việt trong cuộc sống, lao động; 3- Sát cánh người Việt trong chiến đấu; 4- Bạn đồng hành của người Việt ở hiện tại và tương lai.*

2) Văn bản viết về cây tre và mối quan hệ giữa cây tre và người Việt Nam, qua đó thể hiện vẻ đẹp của con người Việt Nam.

3) Bài thuyết minh phim, là VB kí chính luận có sự đan xen tự sự và trữ tình.

GV: *Hãy tóm tắt thông tin "sự thực" về cây tre Việt Nam bằng sơ đồ tư duy?*

HS: Dùng sơ đồ tư duy để tóm tắt đặc điểm của cây tre và sự gắn bó, vai trò của tre trong đời sống con người.

- *Hình dáng*: măng mọc thẳng, dáng vươn mộc mạc, màu tươi nhũn nhặn**.**

- *Đặc điểm:* "Vào đâu tre cũng sống ở đâu cũng tre cũng xanh tốt", tre có ở khắp nơi trên đất nước Việt Nam.

- Cây tre là bạn thân của con người Việt Nam, gắn bó với người Việt Nam trong cuộc sống, trong chiến đấu,…

2. Tìm hiểu nội dung văn bản

GV hướng dẫn HS sử dụng chiến lược đi tìm điểm sáng thẩm mĩ, xác định các yếu tố nghệ thuật và chiều sâu ý nghĩa của văn bản.

GV nêu câu hỏi: *Trong VB, nội dung nào sau đây được tác giả chú ý thể hiện?*

1- Đặc điểm của cây tre *2- Phẩm chất của người Việt Nam*

3- Công dụng của cây tre *4- Sự gắn bó của tre và người Việt*

HS: chọn phương án và giải thích lí do: Phương án 4

GV nêu câu hỏi: *Mối quan hệ gắn bó thân thiết giữa cây tre và con người Việt Nam được thể hiện như thế nào trong văn bản? Xác định từ ngữ, câu văn thể hiện trực rõ điều đó?*

- *Trong đời sống sinh hoạt hàng ngày:*

- Bóng tre trùm... (thân thương, bao bọc); - Tre ăn ở với người... - Tre giúp người trăm công, nghìn việc... (san sẻ, đỡ đần); - Tre khăng khít trong đời sống hàng ngày → Tre - người bạn sẻ chia, cảm thông, đỡ đần

- *Trong đời sống văn hóa:*

Tre gắn bó với nguồn vui của tuổi thơ - niềm vui của tuổi già - khít chặt những mối tình quê → Tre - người bạn của mọi lứa tuổi - niềm vui bình dị, đầm ấm, yêu thương - Tre gắn bó với con người suốt cuộc đời.

- *Trong chiến đấu:*

- "Tre lại là *đồng chí* chiến đấu của ta..." - "Tre là tất cả, tre là vũ khí."

- "Gậy tre, chông tre *chống* lại sắt thép của quân thù."

- "Tre *xung phong* vào xe tăng đại bác."

- "Tre *giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín."* - "Tre *hi sinh* để bảo vệ con người."

- "*Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!"*

GV nêu câu hỏi: *Chọn câu – đoạn văn thể hiện rõ nhất vị trí cây tre trong đời sống văn hoá Việt?*

HS trả lời theo lựa chọn của cá nhân:

Ví dụ:*"Dưới bóng tre xanh ... bóng tre, bóng nứa"* …

GV nêu câu hỏi: *Hãy tìm một số câu văn thể hiện tình cảm, thái độ của người viết đối với cây tre.*

HS tìm (VD: *Tre với mình, sống có nhau, chết có nhau chung thuỷ")*

HS tập trung phân tích 2 đoạn cuối: "*Ngày mai…. dân tộc Việt Nam*".

3. Giá trị nghệ thuật và ý nghĩa nhân sinh của văn bản

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược đồng sáng tạo, chiến lược hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung và nghệ thuật của văn bản

GV nêu yêu cầu: *Theo em, nhà văn muốn gửi gắm điều gì qua bút kí này?*

HS: - Thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, tính cách Việt Nam qua hình tượng cây tre.

- Giáo dục lòng tự hào dân tộc và bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, tình yêu thiên nhiên...

GV nêu câu hỏi: *Đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật của bài kí là gì?*

HS: - Tự sự kết hợp nhuần nhuyễn với trữ tình; thuyết minh kết hợp với chính luận;

- Sử dụng hiệu quả biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh, câu văn giàu nhạc tính, nhiều câu giàu chất thơ: "*Cối xay tre nặng nề quay, từ ngàn đời nay, xay nắm thóc"*.

GV nêu câu hỏi: *Biện pháp nghệ thuật nào được tác giả sử dụng nhiều trong văn bản?*

HS: Nhân hoá (qua một số từ ngữ: *âu yếm, ăn ở, giúp, chung thuỷ, xung phong, giữ làng, giữ nước, hi sinh…*), điệp từ, điệp ngữ.

Hoạt động 3: Tổng kết hoạt động đọc hiểu

III. Tổng kết

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược đồng sáng tạo, chiến lược hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung và nghệ thuật của văn bản

GV: *Đặc trưng loại hình văn bản kí được thể hiện như thế nào trong văn bản?*

- Viết về một "sự thực": cây tre

- Bộc lộ suy nghĩ, thái độ, cảm xúc của người viết.

- Nhìn nhận cây tre từ góc nhìn văn hoá để viết về vẻ đẹp của cây tre và con người Việt Nam: cây tre trong đời sống sinh hoạt, trong đời sống văn hoá…

- Giàu chất trữ tình từ cảm xúc đến cách dùng từ, viết câu, sử dụng hình ảnh.

(VD: *Dưới bóng tre xanh, người nông dân giữ gìn nền văn hóa lâu đời. Những mái đình, mái chùa cổ kính thấp thoáng ẩn hiện làm nên vẻ đẹp độc đáo của nông thôn Việt Nam. Đúng là ai được sinh ra dưới bóng tre, khi đi xa mới thấy nhớ làng quê, nhớ tre, nhớ bạn, nhớ cái thuở tình tứ ban đầu thường nỉ non dưới bóng tre, bóng nứa.)*

GV: *Bút kí là sự kết hợp hài hòa giữa hiện thực và nghệ thuật. Điều này được thể hiện như thế nào qua văn bản "Cây tre Việt Nam"?*

HS: Văn bản là sự kết hợp giữa thông tin về cây tre (đặc điểm sinh trưởng, vai trò, sự gắn bó của tre với con người Việt Nam trong cuộc sống hàng ngày, trong chiến tranh, trong nghệ thuật) và nghệ thuật trần thuật giàu cảm xúc, giàu nhịp điệu, lập luận rõ ràng, chặt chẽ.

Thông tin về cây tre và sự gắn bó của tre với đời sống người Việt được thể hiện bằng giọng văn trữ tình chính luận giàu cảm xúc trữ tình; Giai điệu giàu chất thơ, chất nhạc, đậm chất trữ tình, xen kẽ nhiều yếu tố biểu cảm với dẫn chứng từ ca dao, tục ngữ…; Đoạn văn giàu nhạc tính với giọng điệu trần thuật nhịp nhàng, giàu cảm xúc. → Đoạn văn trữ tình chính luận.

Hoạt động 4: Củng cố

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược liên hệ, vận dụng.

GV nêu vấn đề: *Qua văn bản "Cây tre Việt Nam" em hãy rút ra một số đặc điểm của thể bút kí chính luận.*

Một số HS trả lời, GV tổng hợp ý kiến.

GV nêu vấn đề: *Thử lí giải tại sao huy hiệu của Đội thiêu niên Tiền phong Hồ Chí Minh lại chọn hình ảnh "Măng non"?*

HS: Một số HS trả lời câu hỏi, GV điều chỉnh nếu cần thiết.

GV nêu vấn đề: *Lấy một số ví dụ thể hiện sự gắn bó giữa cây tre với em hoặc người thân, gia đình, quê hương em.*

HS thực hiện yêu cầu.

Hoạt động 5: Luyện tập

GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập.

Chọn 2 – 3 bài tập trong các bài tập dưới đây:

BT 1: Vẽ sơ đồ tư duy xác định các nội dung thông tin của văn bản?

BT 2: Viết đoạn văn ngắn (7 – 10 câu) bàn luận về một hình ảnh, một chi tiết hoặc một số câu văn mà em thích.

BT 3: Có ý kiến cho rằng: "Nếu tìm đến ý nghĩa sâu xa nhất của mỗi văn kí ta sẽ tìm thấy những ý nghĩa văn hoá". Theo em ý nghĩa sâu xa ấy của văn bản kí này là gì?

BT 4: Quan văn bản "Cây tre Việt Nam" hãy nêu một cách ngắn gọn các đặc điểm của thể bút kí chính luận.

BT 5: Các sản phẩm mĩ nghệ được sản xuất từ tre nứa đang được người Việt Nam và du khách nước ngoài ưa chuộng nên các làng nghề mây tre đan hiện nay đang được quan tâm phát triển. Em hãy nêu tên một số sản phẩm và giới thiệu về một trong những sản phẩm đó.

BT 6: Ngày nay, sắt thép đã nhiều hơn tre nứa. Luỹ tre xanh đang dần dần trở nên mờ xa, cả ở những làng quê. Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề này.

BT 7: Viết đoạn văn có tên "Bạn tre của em".

4.2.2. Đọc hiểu văn bản: Một thứ quà của lúa non: Cốm *(Ngữ văn 7, tập một)*

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- Nắm được nội dung thông tin về cốm (cách làm, giá trị, ý nghĩa văn hoá…) và hiểu được những điểm đặc sắc trong phong cách tuỳ bút Thạch Lam.

- Nắm vững các đặc trưng cơ bản của loại hình văn học kí thể hiện ở thể loại tuỳ bút.

2. Kĩ năng:

- Rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản tuỳ bút – kí trữ tình:

+ Xác định và tóm tắt nội dung thông tin về cốm.

+ Phân tích các yếu tố đặc sắc trong nghệ thuật trần thuật giàu chất trữ tình của Thạch Lam: lựa chọn và sử dụng hình ảnh tinh tế, giọng điệu trần thuật giàu chất thơ.

+ Cảm nhận được tấm lòng và sự tinh tế của nhà văn trong việc lựa chọn một món quà vặt của Hà Nội và nâng lên thành một sản vật, qua đó thể hiện, tôn vinh nét đẹp văn hoá và vẻ đẹp tâm hồn dân tộc.

- Kĩ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản thuyết minh kết hợp biểu cảm.

3. Thái độ:

- HS hiểu: Cốm là một thứ quà vặt được nhà văn nhìn nhận từ góc nhìn văn hoá, mang giá trị văn hoá, từ đó có ý thức trân trọng và gìn giữ, bảo vệ, phát triển

những sản vật của quê hương, hiểu được đó là nơi lưu giữ và ghi dấu giá trị văn hoá dân tộc.

- Trân trọng tài năng, tấm lòng của nhà văn, nhờ ông mà người HN có thêm một sản vật thể hiện những nét đẹp văn hoá và tâm hồn dân tộc.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN

* GV:

- Thiết kế kế hoạch tổ chức giờ học, các sơ đồ, bảng biểu, tranh ảnh liên quan đến Thạch Lam, đến cốm và một số thú vui tao nhã của người Hà Nội.

- Sưu tầm một số tài liệu về tác giả Thạch Lam; Tìm một số văn bản thuộc loại thuyết minh, giới thiệu, quảng cáo về các đặc sản vùng miền.

*** HS: GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược toàn cảnh:** để **t**ìm hiểu khái quát về văn bản (có thể chuẩn bị theo nhóm, nhóm trưởng phân chia các mảng việc cho thành viên trong nhóm)

1) Đọc nội dung trong SGK và tham khảo các tài liệu mà em có thể có về Thạch Lam và tác phẩm "Một thứ quà của lúa non: Cốm"

2) Đọc văn bản: Xác định thể loại, tóm lược một số ý cơ bản của văn bản.

3) Trích dẫn một số ý kiến đánh giá về văn bản này của một số nhà nghiên cứu, nhà văn,…

4) Xác định mục tiêu và nội dung đọc hiểu. Sưu tầm tranh ảnh về cốm và các sản phẩm liên quan đến cốm (bánh cốm, chả cốm, chè cốm,..)

5) Đọc và ghi lại một số hình ảnh, câu văn trong văn bản mà em thích.

C. TIẾN TRÌNH

Hoạt động 1: Khởi động

GV tổ chức hoạt động khởi động bằng chiến lược toàn cảnh:

GV giới thiệu bài mới, tạo hứng thú đọc hiểu bằng một số hình thức:

1/ Có thể yêu cầu HS lựa chọn một trong những ý kiến đánh giá về tác phẩm mà HS đã sưu tầm được để dẫn vào bài.

2/ Hoặc có thể yêu cầu HS sử dụng kĩ năng đọc lướt để xác định mục tiêu đọc hiểu (thể loại văn bản, đề tài, bố cục văn bản,…)

3/ Hoặc có thể yêu cầu HS giới thiệu về cốm hoặc một sản phẩm đặc sản của quê hương để tạo sự gần gũi hấp dẫn, đồng thời định hướng hoạt động tiếp nhận ý nghĩa nhân sinh của văn bản (giới thiệu và tự hào một nét văn hoá quê hương qua các sản phẩm quà quê).

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản

I. Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược toàn cảnh để khái quát về tác giả, tác phẩm.

GV nêu yêu cầu, HS trình bày theo nhóm ND đã chuẩn bị, mỗi HS trình bày một ND: *1) Em hãy trình bày các ý chính về tác giả, tác phẩm (SGK)?*

2) Hãy nêu một số ý chính trong nội dung văn bản, cảm nhận chung nhất về VB.

II. Đọc hiểu văn bản

1. Đọc và xác định bố cục, đề tài của văn bản

*** GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược ghi nhớ, tóm tắt nội dung thông tin của VB**

** GV chuẩn bị hoặc giao HS chuẩn bị:*

- Văn bản (dùng SGK hoặc văn bản được photocopy trên giấy), bút, các công cụ dùng để đánh dấu.
- Chia HS trong lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho từng nhóm.
  + GV giao nhiệm vụ bằng phiếu học tập cho mỗi nhóm:
  + GV hướng dẫn, HS cách đánh dấu và ghi chú, cách đọc văn bản.

Phiếu học tập số 1:	**Phiếu học tập số 2:**	**Phiếu học tập số 3:**	**Phiếu học tập số 4:**
Đánh dấu các đoạn, câu văn, chi tiết nói về quá trình làm Cốm. Dựa vào nội dung đã đánh dấu, thuyết minh về nguồn gốc và quá trình làm cốm.	*Xác định bố cục văn bản. Chỉ ra nội dung chính của từng đoạn văn bản.*	*Đánh dấu các từ ngữ, câu văn đặc sắc của văn bản. Nhận xét chung về giọng điệu trần thuật của nhà văn.*	*Đánh dấu các chi tiết, hình ảnh cho thấy cốm là một món quà vặt nhưng chứa đựng giá trị văn hoá.*

Sau khi đọc xong VB, GV để HS có một khoảng thời gian để thảo luận, hoàn thành phiếu học tập của nhóm.

** Đại diện các nhóm lên trình bày nội dung đã trả lời.*

- Các bảng trả lời được treo trên bảng hoặc trên tường lớp học.

** GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm, rút ra một số nội dung cần lưu ý.*

2. Tìm hiểu nội dung văn bản:

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược đi tìm điểm sáng thẩm mĩ, xác định các yếu tố nghệ thuật và chiều sâu ý nghĩa văn bản.

GV nêu yêu cầu: *Hãy sử dụng bản đồ tư duy để tóm tắt nội dung chính của văn bản theo hai nhánh nội dung sau:*

Nhóm 1 - nhóm 2 vẽ sơ đồ tư duy với hai trung tâm cho dưới đây:

N1: Cốm - một thức quà vặt *N2: Cốm - một nét văn hoá.*

Nhóm 1 vẽ sơ đồ tư duy để trả lời câu hỏi: *Văn bản "Một thứ quà của lúa non: Cốm" cung cấp cho em những hiểu biết gì về cốm?*

HS nắm được các nội dung cơ bản: Cốm làng Vòng - một thứ quà đặc sản của Hà Nội: + Nguồn gốc, nguyên liệu làm cốm; + Cách thức làm cốm; + Hương vị cốm…; + Cách mua - bán, cách thưởng thức cốm…

Nhóm 2 vẽ sơ đồ tư duy và trả lời câu hỏi: *Từ phương diện nghệ thuật, cốm được tác giả miêu tả như thế nào?*

+ Cốm là quà tặng của đồng quê cho con người.

+ Cốm là đặc sản của dân tộc vì nó kết tinh hương vị thanh khiết của đồng quê nên Cốm là thứ quà thiêng liêng.

+ Dùng cốm để làm quà sêu tết. Nhà trai đưa lễ vật đến nhà gái, trong dịp lễ tết, khi chưa cưới.

Cốm góp phần thể hiện giá trị tinh thần và nét đẹp văn hóa của dân tộc. Tác giả thể hiện thái độ trân trọng và giữ gìn cốm như một vẻ đẹp văn hóa dân tộc.

Nhóm 3 trả lời câu hỏi: *Tác giả đã sử dụng những phương thức biểu đạt nào trong văn bản? Lấy dẫn chứng cụ thể từ văn bản?*

Sử dụng các phương thức biểu đạt miêu tả, thuyết minh, biểu cảm và bình luận: - Đoạn 1: phương thức miêu tả, vừa biểu cảm

- Đoạn 2: miêu tả, biểu cảm, thêm yếu tố bình luận.

Ví dụ thuyết minh kết hợp bình luận về cốm:

+ Vẻ đẹp của cốm thể hiện ở sự hòa hợp tương xứng về màu sắc (màu xanh tươi của cốm như ngọc thanh quý, màu đỏ thắm của hồng như ngọc lựu già); Hòa hợp về hương vị (một thứ thanh đạm, một thứ ngọt sắc, hai vị nâng đỡ nhau).

Nhóm 4 trả lời: *Chọn và phân tích một số câu văn trong bài mà em thích?*

GV: *Tìm các câu văn, cụm từ là lời bình luận của tác giả về cốm?*

HS trả lời:

Ví dụ: *"mang trong mình hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ An Nam"; Không còn gì hợp hơn…"*

3. Giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa nhân sinh của văn bản

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược đồng sáng tạo, chiến lược hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

GV yêu cầu: *Từ văn bản "Một thứ quà của lúa non: Cốm" hãy nêu đặc điểm của thể tuỳ bút?*

HS trả lời, GV nhận xét:

- Tuỳ bút là một thể kí thường được dùng miêu tả, ghi chép hình ảnh, sự việc mà nhà văn quan sát, chứng kiến. Tùy bút thiên về biểu cảm, chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của cuộc sống. Ngôn ngữ tuỳ bút giàu hình ảnh và chất trữ tình.

- Tuỳ bút là "tuỳ theo bút mà viết" (cách nói của Nguyễn Tuân), là thể văn viết về một đối tượng "sự thực" của đời sống bằng cách kết hợp các phương thức biểu đạt miêu tả, biểu cảm, bình luận. Qua đó thể hiện những đánh giá, suy tư, chiêm nghiệm của nhà văn về các vấn đề của đời sống.

GV yêu cầu: *Trình bày ý kiến đánh giá của em về bài văn.*

HS: đưa ra nhận xét về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của văn bản.

GV nhận xét, nêu ý kiến:

- Bài văn thể hiện một cái nhìn nghệ thuật, giàu ý nghĩa văn hóa về một thứ quà vặt. Qua đó thể hiện thái độ trân trọng, tôn vinh đặc sản của quê hương - sản phẩm tinh tế từ bàn tay lao động của con người, ẩn sâu đó là ý nghĩa nhân văn về vẻ đẹp tâm hồn con người và văn hóa dân tộc.

Hoạt động 3: Tổng kết hoạt động đọc hiểu

III. Tổng kết:

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược đồng sáng tạo, chiến lược hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

GV nêu vấn đề: *Thông điệp em nhận được từ bài văn là gì?*

HS: - Cốm là một thứ quà thanh nhã, đáng trân trọng.

- Tự hào, trân trọng, có ý thức gìn giữ, trân trọng những nét đẹp văn hoá quê hương thể hiện ở những món ăn hay sản phẩm của quê hương.

GV bình luận: Tác giả đã rất thành công khi viết về cốm, một thứ quà của làng quê trở thành một đặc sản gia nhập vào làng văn hoá ẩm thực của người Hà Nội: Cốm là lộc của trời, là cái khéo léo của con người, là sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thần lúa. → Xem cốm như một giá trị tinh thần thiêng liêng đáng được chúng ta trân trọng, giữ gìn.

Với ngòi bút tinh thế, nhạy cảm, tấm lòng trân quý, bài văn của Thạch Lam đã góp phần quan trọng làm nên giá trị của cốm như một nét đẹp văn hóa dân tộc. Tuỳ bút giàu chất trữ tình này đã lưu giữ những vẻ đẹp của văn hoá, của tâm hồn dân tộc đang có nguy cơ bị mai một; đánh thức ý thức bảo vệ và trân trọng những nét đẹp của quê hương qua các đặc sản của quê hương.

Hoạt động 4: Củng cố

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược liên hệ, vận dụng

GV nêu vấn đề: *Từ bài tuỳ bút về cốm của Thạch Lam, em hãy nhận xét về vị trí của cốm trong đời sống và văn hoá của người Hà Nội ngày nay?*

HS: - Thạch Lam đã góp phần mang đến cho Cốm những giá trị và ý nghĩa văn hoá, tạo cho cốm sức hấp dẫn và thưởng thức cốm trở thành một nét đẹp văn hoá. Bởi nhà văn đã phát hiện và tôn vinh "Cốm" từ góc nhìn văn hoá.

GV: *Bài tuỳ bút của Thạch Lam khiến em có suy nghĩ gì về trách nhiệm cả em đối với các sản phẩm đặc sản của quê hương nói riêng và các nét đẹp văn hoá của quê hương nói chung?*

HS: Trả lời theo suy nghĩ của bản thân.

Hoạt động 5: Luyện tập

GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập

(Chọn một trong các bài tập sau)

Bài tập 1: Dựa theo văn bản "*Một thứ quà của lúa non: Cốm*", hãy viết một văn bản thông tin với tiêu đề "Cốm làng Vòng".

Bài tập 2: Chọn đoạn trong văn bản và phân tích để chứng minh văn bản thuộc thể tuỳ bút trữ tình.

Bài tập 3: Chọn một số câu trong bài mà em thích, nêu lí do vì sao em thích.

Bài tập 4: Giá trị văn hoá của tuỳ bút này là gì?

Bài tập 5: *Đọc kĩ bài văn sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:*

Quà quê xứ Đoài

Về Đường Lâm, thả bước qua những con ngõ nhỏ sạch sẽ, vàng sẫm màu đá ong, qua những chiếc cổng rất đặc trưng, ngồi nán lại bên quán nước sân đình hay trong các nếp nhà cổ, không gì thú bằng thưởng thức bát nước chè xanh với kẹo lạc hoặc bánh chè lam. Mỗi thứ quà quê có một kiểu hay. Ăn bánh chè lam thì phải nhâm nhi một hai miếng với một hai chén nước chè là vừa đủ. Ăn kẹo lạc thì có thể suồng sã hơn, kẹo lạc gọi nước chè, nước chè gọi kẹo lạc, cứ thế mà kéo dài mãi được. Kẹo lạc Đường Lâm rất giòn mà lại dễ ăn, cái bùi của lạc quyện với cái ngọt vừa phải của mạch nha trộn đường kính, cái thơm của lạc rang hòa quyện với cái thơm của mạch nha, ăn không bị dính răng và còn lại một thứ "hương thầm" rất kín đáo và tinh khiết. Nguyên liệu dùng để sản xuất kẹo lạc ở Đường Lâm được tuyển chọn kĩ càng, có được nguyên liệu tốt rồi lại cần đến bí quyết gia truyền. Bí quyết đó không đơn giản là cho đường, nha, lạc vào nấu mà là cách bắt nha, lạc, vừng phải ngọt, giòn, bùi, thơm theo đúng ý của chủ nhân.

Các món quà quê liên quan đến mật, đường thì khó vùng nào chế biến ngon hơn đất Đường Lâm, bởi đây là quê hương của các loại mật ngon nổi tiếng nhất vùng xứ Đoài. Những món quà dân dã, giản dị, qua bàn tay khéo léo của những người thợ Đường Lâm bỗng ngon lạ kì, chất chứa cả hồn cốt làng quê Việt bao đời. Để rồi về Đường Lâm, ta nhớ câu ca của người dân nơi đây: *"Dù ăn bánh kẹo mười phương/....Nhớ cơm phố Mía, tìm về Đường Lâm"*.

Với những người con xứ Đoài ở xa, khi được thưởng thức phong chè lam – món quà quê cùng với chén nước trà nóng, sẽ cảm nhận rõ hơn vị quê hương nồng ấm, đậm đà ẩn trong hương nếp, mật mía lẫn vị gừng cay sâu nặng tự thuở nào.

1) Đọc và gạch dưới các từ ngữ, hình ảnh trọng tâm của đoạn, bài văn. Ghi chú nội dung chính của mỗi đoạn sang bên lề?

2) Bài văn giới thiệu về đối tượng nào?

3) Tóm tắt nội dung bài viết bằng cách vẽ sơ đồ để mô hình hoá hướng triển khai các ý lớn của bài viết.

4) Bài viết trên mang đến cho em cảm nhận gì? Hãy so sánh bài viết trên với bài giới thiệu về cốm của Thạch Lam. Qua đó, em hãy nêu một số đặc điểm chính của thể tuỳ bút.

4.2.3. Đọc hiểu văn bản: **Người lái đò Sông Đà** (Ngữ văn 12)

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- Nắm được thông tin về Sông Đà, về kí Nguyễn Tuân và đặc điểm phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân thể hiện ở tuỳ bút: Trí tưởng tượng phong phú, vốn từ ngữ dồi dào, biến hoá, câu văn đa dạng, nhiều tầng, nhiều lớp, giàu hình ảnh, cách nói ví von, so sánh độc đáo, vốn tri thức uyên bác.

- Nắm được nội dung thông tin và giá trị nghệ thuật của văn bản: Sông Đà và hình tượng nghệ thuật Sông Đà, người lái đò Sông Đà.

- Hiểu được nét đặc sắc tiêu biểu trong quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Tuân: hiện thực luôn được nhìn nhận từ góc nhìn đậm chất văn hoá và luôn luôn mang vẻ đẹp tuyệt đối. Đối tượng của nghệ thuật là sự tuyệt mĩ của cuộc sống.

2. Về kĩ năng:

- Rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản thuộc thể loại tuỳ bút.

- Rèn kĩ năng thuyết trình về một vấn đề nghị luận văn học, nhận định về phong cách nghệ thuật của một tác gia văn học.

- Rèn kĩ năng tìm và chọn lọc tài liệu tham khảo.

- Rèn kĩ năng viết đoạn văn miêu tả dòng sông và thể hiện tình cảm đối với dòng sông quê hương.

3. Thái độ:

- Hiểu và trân trọng vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, con người, từ đó có thái độ trân trọng và ứng xử đúng đắn.

- Trân trọng tài năng nghệ thuật của một nhà văn lớn của văn học Việt Nam.

B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN THỰC HIỆN

GV chuẩn bị: Tài liệu dạy học: giáo án, phiếu học tập, tranh ảnh, tư liệu tham khảo (về Nguyễn Tuân và tác phẩm, về sông Đà).

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược toàn cảnh để chuẩn bị bài.

- Đọc văn bản.

- Sưu tầm tài liệu tham khảo về tác giả Nguyễn Tuân và tập kí "Sông Đà" của Nguyễn Tuân: tranh, ảnh, một số lời giới thiệu, nhận xét về tuỳ bút "Người lái đò Sông Đà".

- Mỗi HS tự đặt 1 câu hỏi khi đọc văn bản để đến lớp trao đổi với bạn, với GV.

- Chuẩn bị theo nhóm:

+ Nhóm 1: Viết bài tóm tắt về tác giả Nguyễn Tuân và giới thiệu về tác phẩm "Người lái đò Sông Đà" và đặc trưng thể loại tuỳ bút.

+ Nhóm 2: Đọc kĩ và nêu những ý chính của đoạn 1.

+ Nhóm 3: Đọc kĩ và nêu những ý chính của đoạn 2.

+ Nhóm 4: Tìm các biện pháp, thủ pháp nghệ thuật được Nguyễn Tuân sử dụng trong đoạn trích. Nhận xét về nghệ thuật trần thuật của tác giả thể hiện trong đoạn trích.

C. TIẾN TRÌNH

Hoạt động 1: Khởi động

Có thể bắt đầu giờ học bằng một trong các cách sau:

1/ GV có thể yêu cầu HS trình bày một số ý kiến đánh giá về tác phẩm mà HS đã sưu tầm được để dẫn vào bài.

2/ GV đề xuất câu hỏi và yêu cầu một HS trả lời để giới thiệu về Nguyễn Tuân và tác phẩm**:** *Em hãy giới thiệu vài nét về tác giả của bài kí "Cô Tô" và truyện ngắn "Chữ người tử tù" mà các em đã được tìm hiểu trong CT Ngữ văn 7 và Ngữ văn 11? Giới thiệu về điểm nổi bật nhất của nhà văn này bằng 1 câu ngắn gọn?*

Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản

<u>I. Về tác giả, tác phẩm:</u>

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược toàn cảnh.

GV chia nhóm lớp, yêu cầu các nhóm giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.

HS trình bày theo nhóm nội dung đã chuẩn bị, mỗi HS trình bày một nội dung:

1. Tác giả:

HS trình bày các ý chính về tác giả, tác phẩm (SGK).

- Nguyễn Tuân sinh ngày 10 – 07 - 1910. Quê quán: Hà Nội, là con của một gia đình công chức, thời niên thiếu ông được đi nhiều nơi, tham gia chống người Pháp, từng làm thư kí nhà máy đèn. Năm 1930, ông bắt đầu viết văn làm báo. Năm 1937, ông chuyên tâm viết văn.

- Thể loại thành công nhất của Nguyễn Tuân là tuỳ bút, bút kí.

2. Tác phẩm:

GV yêu câu HS: *Trình bày đặc điểm thể loại của tuỳ bút?*

HS trả lời: - Tuỳ bút thường là tác phẩm văn xuôi tự sự cỡ nhỏ, có cấu trúc phóng túng, nhà văn viết về một "sự thực" nào đó để thể hiện những ấn tượng suy nghĩ cá nhân về những sự việc, những vấn đề cụ thể và thể hiện quan điểm về nghệ thuật, về cuộc sống. Tùy bút thiên về biểu cảm , chú trọng thể hiện cảm xúc , tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của cuộc sống.

- Trong tuỳ bút, cái tôi tác giả đa dạng, nên khuôn mặt thể loại ở mỗi tác phẩm cũng có những nét độc đáo riêng

- Ngôn ngữ của tuỳ bút giàu hình ảnh và giàu chất trữ tình.

(GV hướng dẫn HS làm rõ thêm bằng cách minh hoạ một số tác phẩm tuỳ bút của Vũ Bằng hoặc Thạch Lam hoặc tác phẩm của nhà văn mà HS thích).

GV yêu cầu HS: *Giới thiệu về tuỳ bút "Người lái đò Sông Đà" và tóm tắt nội dung chính của văn bản?*

Đại diện Nhóm 2, Nhóm 3 trình bày tóm tắt nội dung văn bản.

- *Người lái đò Sông Đà* được trích trong tuỳ bút *Sông Đà*.

- Được sáng tác trong chuyến đi thực tế Tây Bắc

- Cảm hứng sáng tác: *"Đẹp vậy thay tiếng hát trên dòng sông"; "Chúng thủy gia đông tẩu / Đà giang độc bắc lưu".*

Viết về Sông Đà nhà thơ muốn đề thơ , phổ nhạc vào sông nước quê hương . Cảm hứng sông Đà đã thành nghệ thuậ *t, "thành một gợi cảm mênh mang"* về sông quê, về con người Việt Nam.

<u>II. Đọc hiểu văn bản</u>

<u>1. Đọc, xác định bố cục và tóm tắt nội dung văn bản</u>

GV hướng dẫn HS sử dụng chiến lược ghi nhớ, tóm tắt nội dung thông tin

* **GV nêu yêu cầu**: *Văn bản chia làm mấy đoạn? Xác định nội dung của từng đoạn?*

HS trả lời: + Vẻ đẹp của thiên nhiên Tây Bắc qua hình ảnh Sông Đà.

+ Vẻ đẹp của con người Tây Bắc qua hình ảnh ông lái đò.

* **GV yêu cầu** HS đọc kĩ, đọc chậm văn bản, lưu ý trước khi đọc:

- Đặc sắc tuỳ bút của Nguyễn Tuân thể hiện ở cách dùng từ, đặt câu và sử dụng các biện pháp nghệ thuật. Vì vậy, khi đọc cần chú ý đánh dấu những từ ngữ, hình ảnh, câu văn độc đáo.

*** HS đọc văn bản** (2 HS mỗi HS đọc 1 đoạn)

*** Các HS còn lại theo dõi và đọc thầm, đánh dấu, ghi chú vào văn bản các điểm HS thấy quan trọng.**

GV nêu yêu cầu: *Hãy tóm tắt các thông tin chính về đặc điểm lịch sử, địa lí, địa hình,.. của sông Đà thể hiện trong văn bản.*

Một số HS trả lời, ghi vào phiếu, HS tổng kết.

GV yêu cầu HS: *So sánh "sông Đà" trong bài tuỳ bút của Nguyễn Tuân với sông Đà trong sách Địa lí?*

HS nêu điểm giống và khác về phương diện thông tin, hình thức giới thiệu.

2. Tìm hiểu nội dung văn bản

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược đi tìm điểm sáng thẩm mĩ, xác định các yêu tố nghệ thuật và chiều sâu ý nghĩa văn bản.

GV nêu yêu cầu: *Đối tượng trần thuật của văn bản là gì? Tác giả trần thuật đối tượng ấy từ điểm nhìn nào?*

HS trả lời:

- Sông Đà - biểu tượng cho vẻ đẹp thiên nhiên.

- Người lá đò - vẻ đẹp con người trong lao động.

- Điểm nhìn trong – ngoài, điểm nhìn xa – gần, điểm nhìn nghệ thuật, nhìn từ góc nhìn nghệ thuật của người nghệ sĩ để phát hiện nhưunxg vẻ đẹp nghệ thuật của thiên nhiên và con người,…

a. Sông Đà - hạt nhân "sự thực" và hình tượng nghệ thuật của văn bản:

GV nêu câu hỏi: *Tìm những chi tiết tác giả miêu tả con Sông Đà và nêu nhận xét của em về cách miêu tả đó?*

HS hoạt động theo nhóm, dựa vào các chi tiết đã đánh dấu trong văn bản khi đọc để trả lời.

*** Phần thượng lưu - một dòng sông hung bạo:**

- *Thác đá:* Dựng vách thành; chẹt lòng sông như một cái yết hầu*; v*ọt từ bờ này sang bờ kia; mùa hè thấy lạnh và tối, hiểm trở hùng vĩ, lòng sông hẹp, lưu tốc dòng chảy mạnh - xiết.

- *Đoạn ghềnh Hát Loóng:* "Nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió"; Cuồn cuộn, như đòi nợ xuýt. -> Câu văn ngắn, nhiều điệp từ, điệp cấu trúc, nhịp tăng tiến. Tăng sự gấp gáp như chuyển động của sóng to và gió lớn, thể hiện sự ngang tàng của Sông Đà.

- *Những hút nước (xoáy nước):* Như giếng bê tông, …. Nước thở và kêu -> Nghệ thuật so sánh, nhân hoá, ngôn ngữ tạo hình, nhiều động từ mạnh, vận dụng tri thức điện ảnh, kết hợp tả và kể. (Réo gần, réo to, oán trách, van xin, khiêu khích, chế nhạo; rống lên như tiếng ngàn con trâu mộng, lồng lộn, phá tuông rừng lửa).

--> So sánh, nhân hoá độc đáo, từ ngữ chọn lọc tinh tế tài hoa trong miêu tả. Sự dữ dội của thác nước hiện lên thành hình dáng cụ thể. Sông Đà như những loài thuỷ quái hung hăng, bạo ngược, nham hiểm xảo quyệt.

- *Biện pháp nhân hoá*: mai phục, nhổm, ngỗ ngược, nhăn nhúm, méo mó, Đứng, ngồi tuỳ sở thích, bày thạch trận trên sông, đòi ăn chết thuyền, hất hàm hỏi, lùi lại thách thức…

*** Một dòng sông trữ tình là những khúc ở trung lưu, hạ lưu:**

- *Về hình dáng:* " Sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình…", sắc màu luân chuyển qua các mùa: --> Từ ngữ gợi hình, nhân cách hoá độc đáo, vận dụng kiến thức liên ngành tài hoa, quan sát kĩ lưỡng, tưởng tượng phong phú.

GV: *Tóm tắt các ý chính trong đoạn miêu tả sông Đà (bằng sơ đồ, hoặc sơ đồ tư duy)?*

HS thực hiện cá nhân hoặc theo nhóm.

GV: *Cách miêu tả như trên thể hiện được điều gì?*

HS: - Vẻ đẹp độc đáo của Sông Đà được nhân hoá trở thành một hình tượng nghệ thuật sinh động, ngầm ca ngợi vẻ hùng vĩ và nên thơ của của thiên nhiên.

- Thể hiện tài năng nghệ thuật độc đáo của nhà văn: uyên bác, tài hoa, cá tính.

b. Người lái đò sông Đà:

GV: *Nêu ý kiến của em về vị trí của người lại đò trong văn bản?*

HS: - Vừa là "người thật việc thật" vừa là hình tượng nghệ thuật. Song người lái đò chỉ là "điểm tựa" để nhà văn thể hiện suy ngẫm, quan niệm nhân sinh. Hình tượng nghệ thuật về vẻ đẹp con người hài hoà giữa thiên nhiên và trong lao động:

GV: *Tác giả đã dùng những chi tiết nào để xây dựng hình tượng người lái đò?*

HS trả lời sau khi thảo luận nhóm:

- Về lai lịch: là một ông già 70 tuổi. Ông sinh ra và lớn lên ngay bên bờ Sông Đà; Phần lớn cuộc đời dành cho nghề lái đò - một nghề đầy gian khổ, hiểm nguy.

- Về hình dáng cũng rất đặc biệt:

- Về cuộc vượt thác: ba cuộc vượt thác được miêu tả tỉ mỉ, sống động như một cuộc chiến đấu….

c. Hình tượng tác giả và nghệ thuật trần thuật:

GV: *Hãy phân tích về điểm nhìn, giọng điệu, cách sử dụng ngôn ngữ,… của tác giả trong văn bản?*

- Hình tượng tác giả: quan sát từ nhiều điểm nhìn bên ngoài, cận cạnh, từ xa, từ dưới lên, trên xuống, quan sát khi cụ thể, chi tiết, khi toàn cảnh, mô tả bằng phương pháp của nhiều ngành nghệ thuật khác nhau. Thể hiện rõ hình tượng một con người trân trọng, ngưỡng mộ vẻ đẹp thiên nhiên, con người…

- Nghệ thuật trần thuật: diễn đạt trau chuốt, câu văn có cấu trúc phức tạp, cầu kì, đậm chất trữ tình,… Từ ngữ phong phú, uyên bác, giàu sức gợi,… Nguyễn Tuân là bậc thầy về ngôn từ nghệ thuật, ngôn từ giàu chất liệu thực tế, giàu hình ảnh,…

HS lựa chọn 1 số câu văn để chứng minh.

3. Giá trị nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa nhân sinh của văn bản

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược đồng sáng tạo, chiến lược hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

GV nêu câu hỏi thảo luận: *Tại sao văn bản tập trung miêu tả chi tiết vẻ hung bạo và trữ tình của Sông Đà nhưng lại có nhan đề "Người lái đò Sông Đà"?*

HS thảo luận, các nhóm trình bày ý kiến. GV tổng kết:

- Sông Đà hung bạo và trữ tình làm nền để làm nổi bật vẻ đẹp của người lái đò, là khung cảnh để ngợi ca thiên nhiên nhiên, con người Tây Bắc; Con người sống hoà hợp với thiên nhiên, nhưng cao hơn thiên nhiên.

GV đưa ra yêu cầu để HS trao đổi: *Em có suy nghĩ gì về công việc của người lái đò. Từ hình tượng nhân vật này em rút ra điều gì về cuộc sống?*

HS trả lời, GV nêu ý kiến để HS tham khảo: Mỗi con người, dù làm nghề gì, ở đâu cũng đều có thể trở thành người nghệ sĩ trong nghề nghiệp của mình nếu thực sự cố gắng và đam mê.

GV hoặc HS có thể lấy thêm dẫn chứng để minh hoạ.

Hoạt động 3: ***Tổng kết đọc hiểu***

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược đồng sáng tạo, chiến lược hoàn thiện giá trị chỉnh thể về nội dung và nghệ thuật của văn bản.

III. Tổng kết

1. Giá trị nội dung, nghệ thuật:

- Xây dựng hình tượng nghệ thuật đẹp về dòng sông Đà (thiên nhiên) và người lái đò (con người trong lao động).

- Nghệ thuật trần thuật: từ ngữ đa dạng, văn phong tài hoa, uyên bác, sử dụng đa dạng, linh hoạt các biện pháp nghệ thuật nhân hoá, so sánh, liên tưởng,…

2. Ý nghĩa của văn bản:

GV yêu cầu HS: *Tóm tắt những giá trị cơ bản của văn bản.*

- Những kiến thức lịch sử, địa lí, tự nhiên thú vị về sông Đà.

- Hình tượng thiên nhiên hùng vĩ và thơ mộng.

- Vẻ đẹp, bản lĩnh của con người giữa thiên nhiên, trong lao động.

HS nêu ý kiến đánh giá về nội dung và nghệ thuật của văn bản:

- Tác giả quan sát công phu, trần thuật tỉ mỉ, rõ ràng để làm nổi bật vẻ đẹp hung bạo và trữ tình của dòng sông; vẻ đẹp giản dị mà đầy bản lĩnh của người lái đò.

Hoạt động 4: Củng cố

GV hướng dẫn HS thực hiện chiến lược liên hệ, vận dụng.

GV yêu cầu:

- Nhóm 1: Tóm tắt nội dung của văn bản bằng hình thức sơ đồ tư duy.

- Nhóm 2: Tìm một số câu văn thể hiện rõ phong cách dùng từ, đặt câu, quan sát rất tỉ mỉ, tài hoa của nhà văn Nguyễn Tuân.

- Nhóm 3: Thông điệp em nhận được từ văn bản này là gì?

- Nhóm 4: Tìm một số văn bản hoặc tác phẩm nghệ thuật liên quan đến sông Đà.

HS thực hiện theo nhóm.

Hoạt động 5: Luyện tập - GV hướng dẫn HS làm các bài tập:

BT 1. Xác định hai "sự thực" là đối tượng miêu tả văn bản "Người lái đòSông Đà". Vai trò của mỗi đối tượng trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của văn bản.

BT 2. Chọn một số hình ảnh hoặc biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong văn bản và trình bày ý kiến của em về giá trị nghệ thuật của hình ảnh hoặc biện pháp ấy.

BT 3. Nhìn vào bức tranh và viết đoạn văn ngắn tả cảnh bình minh hoặc hoàng hôn trên sông Đà.

Tranh 1: Bình minh

Tranh 2: Hoàng hôn

BT 4. Lựa chọn dẫn chứng để chứng minh rằng "Người lái đò Sông Đà" là một văn bản thuộc thể tuỳ bút.

BT 5. Hãy thử thuyết trình để lí giải với các bạn trong lớp rằng: Nguyễn Tuân cũng là một *"Đà giang độc bắc lưu"* trên bình diện nghệ thuật.

BT 6. Nhập vai một nhà quay phim, hãy liệt kê một số hình ảnh, góc quay, cảnh vật em dự định sẽ đưa vào ống kính máy quay để quay video cùng tên với văn bản.

4.3. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM

4.3.1. Tiêu chí và nội dung đánh giá kết quả thực nghiệm

Chúng tôi sử dụng hai hình thức đánh giá kết quả thực nghiệm sau:

** Đánh giá về mặt định tính:*

Chúng tôi tiến hành quan sát, nhận xét, trao đổi với GV và HS để đánh giá các mặt sau đây:

- Không khí lớp học, thái độ, ý thức tham gia các hoạt động của HS trong giờ dạy TN, có sự so sánh với lớp ĐC.

- Mức độ hợp tác, thực hiện các biện pháp, tham gia các hoạt động rèn luyện kĩ năng đọc hiểu trước, trong và sau giờ học.

** Đánh giá về mặt định lượng*

Chúng tôi lựa chọn hình thức thiết kế kiểm tra sau TN đối với các nhóm ngẫu nhiên. Nghĩa là trong cả hai nhóm (N1 và N2) đều được lựa chọn ngẫu nhiên.

Nhóm	Tác động	Kiểm tra sau tác động
N1	X	O3
N2	-	O4

Ở hình thức đánh giá này, cả hai nhóm chỉ thực hiện bài kiểm tra sau TN. Kết quả được đo thông qua việc so sánh chênh lệch kết quả các bài kiểm tra sau TN. Nếu có chênh lệch về kết quả (biểu thị bằng O4 – O3>0), có thể kết luận hoạt động TN đã mang lại kết quả. Thiết kế này bỏ qua bài kiểm tra trước tác động vì đây là việc làm không cần thiết. Vì các nhóm (lớp học) được lựa chọn tương đương hoặc đã được phân chia ngẫu nhiên. Điều này đảm bảo sự công bằng giữa các nhóm do việc các nhóm có cùng xuất phát điểm. Trước tác động các nhóm ĐC và nhóm TN tương đương nhau về mọi mặt. Sau khi có sự tác động, hiệu quả của việc tác động

sẽ kết quả sẽ được thể hiện ở sự chênh lệch điểm kiểm tra của nhóm ĐC (không có sự tác động) và nhóm TN (có sự tác động).

Sau khi có kết quả kiểm tra, điểm của hai nhóm ĐC và TN sẽ được xử lí và so sánh bằng biểu đồ, bảng biểu.

Chúng tôi đánh giá hiệu quả của việc rèn luyện kĩ năng ĐHVB trên cơ sở kết quả bài kiểm tra gồm hai phần rèn luyện kĩ năng và vận dụng kĩ năng của HS. Nội dung đề kiểm tra được thiết kế ở mức độ phù hợp với HS đại trà, có câu hỏi và bài tập khó hơn để phân loại HS, xác định HS có năng khiếu và năng lực vận dụng sáng tạo. Trên cơ sở kết quả của các bài kiểm tra, chúng tôi xếp loại phân chia số HS tham gia TN thành bốn mức độ:

- Giỏi (điểm 8, 9, 10)
- Khá (từ 6, 7)
- Đạt: 5
- Chưa đạt: Dưới 5

** Về tiêu chí đánh giá mức độ điểm đạt và chưa đạt:*

Trên cơ sở trình độ HS, môi trường học tập của HS thuộc đối tượng TN, thanh điểm cho sự linh hoạt. Về cơ bản, tiêu chí đánh giá như sau:

- HS đạt yêu cầu là HS ở mức độ tiếp thu được bài học ở yêu cầu cơ bản nhất, nhưng chưa đầy đủ và thiếu tính sáng tạo, phần vận dụng để đọc văn bản mới thì chỉ dừng ơt mức độ tóm tắt nội dung văn bản, đánh dấu và ghi chú được dưới 40 – 60 % các từ ngữ, chi tiết, cân văn, .. theo yêu cầu. Với đối tượng HS này, nếu được luyện tập thêm một cách nghiêm túc, tự giác ở các bài học tiếp theo sẽ đạt Khá.

- HS ở mức độ chưa đạt (dưới điểm 5) là những HS chưa nắm được nội dung kiến thức từ bài đọc hiểu trên lớp, chưa biết vận dụng để ĐHVB mới, cùng loại. Ở các hai phần bài tập trả lời được dưới 50% các câu hỏi với nội dung trả lời chưa chính xác hoặc còn thiếu nhiều ý.

Kết quả TN được đo thông qua việc so sánh điểm trung bình kiểm tra sau TN. Khi có sự chênh lệch điểm trung bình các bài kiểm tra (biểu thị bằng O4 - O3 > 0), thì có thể kết luận các đề xuất trong luận án là có hiệu quả.

Trên thực tế, kĩ năng là kết quả của cả một quá trình thực hiện liên tục, thường các hoạt động và phải được thực hiện lặp lại nhiều lần. Cho nên chỉ với hai vòng dạy thử và một số tiết thực nghiệm, thì kết quả bài kiểm tra cũng như qua quan sát lớp học, chỉ thể hiện hiệu quả ở một mức độ nhất định. Tuy nhiên, nếu như giáo

viên có ý thức tích cực trong việc "chiến lược hoá" các hoạt học tập của HS trên lớp thì dần dần, các hoạt động sẽ dần dần dưdợc tực gáic, tự động hoá, kĩ năng sẽ dần trở nên thuân thục. Ý nghĩa của chiến lược đọc hiểu thuộc về phương diện này.

4.3.2. Nội dung đánh giá kết quả thực nghiệm

4.3.2.1. Đánh giá về mặt định tính:

Nhận xét, đánh giá chung của GV tham gia dự giờ và dạy TN về thiết kế và các giờ dạy TN:

a. Về mặt chuẩn bị bài

- HS chuẩn bị bài kĩ, tốt hơn so với HS lớp ĐC: đọc kĩ văn bản, sưu tập tư liệu, có suy nghĩ trước về văn bản. Càng ở các lớp sau HS càng chuẩn bị bài kĩ hơn, hào hứng, tích cực và chủ động hơn trong cách chuẩn bị bài.

b. Về hứng thú học tập

- HS có hứng thú học tập tốt hơn rất nhiều so với lớp ĐC. HS hào hứng tham gia các hoạt động học tập, nhiệt tình, tự tin khi tham gia trao đổi với GV, khi thảo luận nhóm, biết nêu chính kiến hoặc suy nghĩ riêng của bản thân.

c. Về mức độ hoàn thành yêu cầu hoạt động, kiểm tra đánh giá:

- Hoàn thành các yêu cầu hoạt động của GV ở các mức độ khác nhau, biết cách thực hiện các hoạt động một cách thuần thục, chủ động. Tuy nhiên, mức độ đạt yêu cầu khác nhau phụ thuộc vào năng lực cá nhân của HS.

- Trên 50% HS tham gia đã hoàn thành các bài kiểm tra đánh giá kĩ năng với thái độ tích cực, hào hứng và chủ động.

- Một số HS còn lúng với các câu hỏi yêu cầu chủ động, sáng tạo trong suy nghĩ, gặp khó khăn với việc phân tích, đánh giá các văn bản mới.

4.3.2.2. Đánh giá về mặt định lượng

Với TN lần 1, các GV dạy trực tiếp trên lớp sẽ thực hiện bài kiểm tra và chấm điểm. Từ đó có ý kiến trao đổi, góp ý với người nghiên cứu. Đối tượng HS tham gia làm bài kiểm tra là đối tượng thuộc lớp dạy giáo án TN.

Các lớp tham TN và ĐC vòng 2 sẽ thực hiện một bài kiểm tra với đề kiểm tra.

Người thiết kế: NCS; Người thực hiện kiểm tra và chấm điểm: GV dạy lớp ĐC và lớp TN. Bài kiểm tra gồm hai phần:

+ Phần 1: Đọc hiểu văn bản kí trong CT và SGK được chọn TN.

+ Phần 2: Vận dụng ĐHVB kí ngoài SGK. Với hình thức kiểm tra đó, chúng tôi bước đầu đánh giá được hiệu quả tác động của các biện pháp đề xuất. Hiệu quả thể hiện ở mức độ thuần thục kĩ năng đọc của HS.

- Với phần ĐHVB trong CT và SGK Ngữ văn, kết quả kiểm tra sẽ đánh giá được hiệu quả của hoạt động dạy học về mặt kiến thức, mức độ tích cực học tập, về sự phù hợp, hiệu quả trong phương pháp tổ chức hoạt động học tập của HS. Nội dung kiểm tra này có thể kiểm chứng mức độ "hiểu" của HS khi vận dụng lí thuyết kĩ năng vào việc tổ chức hướng dẫn HS đọc hiểu. Những VB này HS đã được đọc kĩ, đọc sâu, đọc chính xác, đọc phân tích, đọc sáng tạo, đọc tích luỹ,… nên đã nắm bắt được những thông tin nội dung và thông tin thẩm mĩ của VB. Khi ra đề ĐHVB này, ngoài các nội dung kiểm tra kiến thức, mức độ hiểu và các hiểu biết về tác phẩm thì cần có cả các câu hỏi kiểm tra sự suy nghĩ sâu, liên hệ thực tế cuộc sống, ý kiến đánh giá cá nhân của HS và nội dung và ý nghĩa tư tưởng của VB.

- Với nội dung kiểm tra lấy VB đọc hiểu là VB ngoài CT và SGK, kết quả kiểm tra sẽ đánh giá sát, đúng và khách quan của tác động đối với việc hình thành kĩ năng, có thể đánh giá được mức độ thuần thục của kĩ năng ĐHVB. Phần nội dung kiểm tra này sẽ đánh giá tương đối chuẩn mức độ kĩ năng ĐHVB của HS.

Loại bài kiểm tra này giúp HS chủ động, tích cực thực hiện toàn bộ hoạt động đọc hiểu mà không có sự can thiệp, hướng dẫn hay hỗ trợ của GV. HS độc lập làm việc với văn bản, chủ động vận dụng các chiến lược đọc hiểu, kĩ năng đọc hiểu. Kết quả của bài kiểm tra thể hiện một cách chính xác kĩ năng ĐHVB của HS.

VB lựa chọn đúng loại hình văn học kí, với các thể loại khác nhau.

4.3.3. Tổng hợp, xử lí và đánh giá kết quả bài kiểm tra

4.3.3.1. Tổng hợp, xử lí kết quả bài kiểm tra

Khối 6: Cây tre Việt Nam

(Trường Liên cấp Olympia – Hà Nội)

Đề kiểm tra: Phụ lục 4.1

Bảng 4.1. Kết quả phần kiểm tra kiến thức:

Lớp	Số HS	Độ lệch chuẩn	Điểm TB
Lớp 6A1 TN	24	1.285	6.54
Lớp 6A2 ĐC	22	1.622	5.18

Biểu đồ so sánh độ lệch chuẩn và điểm trung bình kiến thức lớp 6

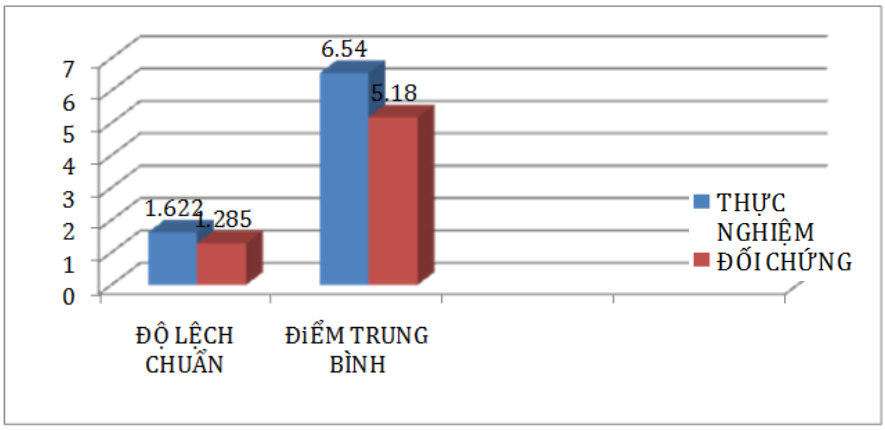

Bảng 4.1.1. Bảng tần số điểm kiến thức lớp ĐC 6

		Tần số	%
Loại điểm	2	1	4.5
	3	2	9.1
	4	5	22.7
	5	5	22.7
	6	4	18.2
	7	3	13.6
	8	2	9.1
	Total	22	100.0

Bảng 4.1.2. Bảng tần số điểm kiến thức lớp TN 6

		Tần số	%
Loại điểm	4	2	8.3
	5	2	8.3
	6	7	29.2
	7	9	37.5
	8	2	8.3
	9	2	8.3
	Total	24	100.0

P = 0,003<0,05, sự khác biệt trên có ý nghĩa trên 95,0 %

Độ lệch chuẩn hay còn gọi là độ phân tán tức là mức chênh lệch so với điểm trung bình, độ lệch chuẩn lớn nghĩa là trình độ không đồng đều. Do đó, ở lớp TN độ lệch chuẩn phải thấp hơn lớp ĐC.

Biểu đồ tần số điểm kiến thức TN và ĐC lớp 6

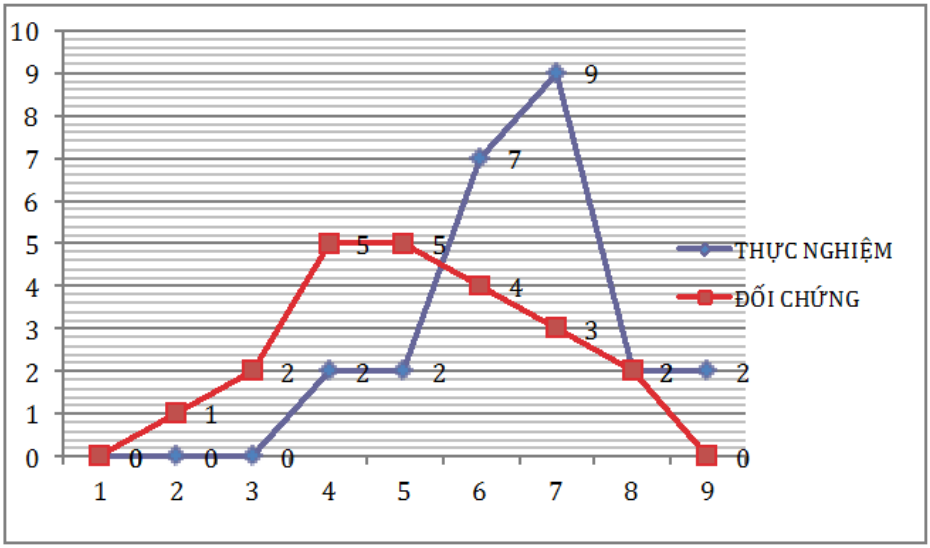

Bảng 4.2. Bảng điểm bài kiểm tra kĩ năng

Lớp	Số HS	Độ lệch chuẩn	Điểm TB
Lớp 6A1 TN	24	1.173	6.37
Lớp 6A2 ĐC	22	1.638	4.73

Biểu đồ so sánh độ lệch chuẩn và điểm trung bình kĩ năng lớp 6

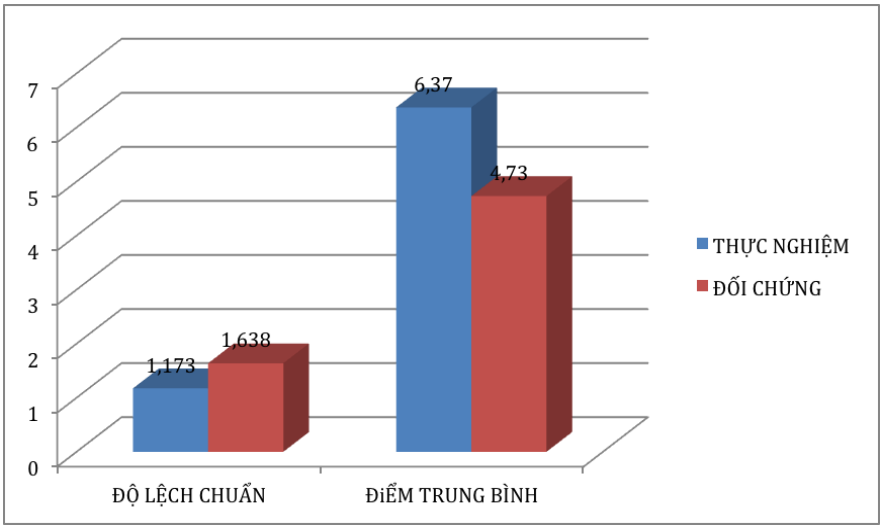

Bảng 4.2.1. Bảng tần số điểm kĩ năng ĐC lớp 6

		Tần số	%
Loại điểm	1	1	4.5
	2	1	4.5
	3	2	9.1
	4	5	22.7
	5	7	31.8
	6	3	13.6
	7	2	9.1
	8	1	4.5
	Total	22	100.0

Bảng 4.2.2. Bảng tần số điểm kĩ năng TN lớp 6

		Tần số	%
Loại điểm	4	2	8.3
	5	3	12.5
	6	6	25.0
	7	11	45.8
	8	1	4.2
	9	1	4.2
	Total	24	100.0

Biểu đồ tần số điểm kĩ năng TN và ĐC lớp 6

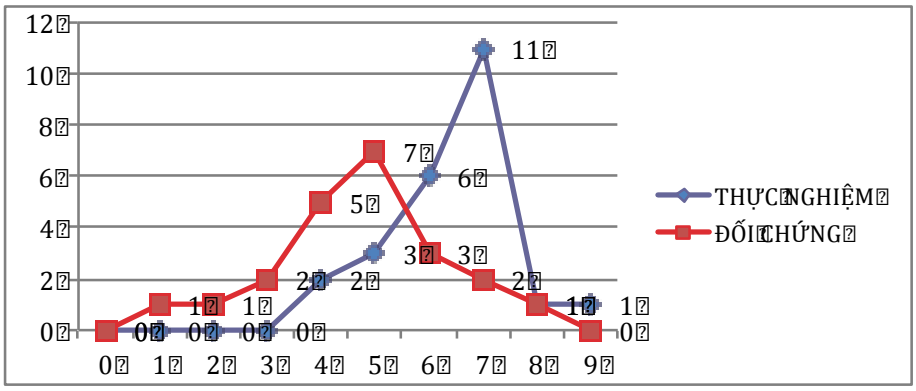

B. Khối 7: **Một thứ quà của lúa non: Cốm**

(Trường THCS Sơn Lộc - Sơn Tây - Hà Nội)

Đề kiểm tra: Phụ lục 4.2

BẢNG 4.3. Bảng điểm bài kiểm tra kiến thức

Lớp	Số HS	Độ lệch chuẩn	Điểm TB
Lớp 7A1 TN	35	1.172	6.46
Lớp 7A2 ĐC	29	1.617	5.48

Biểu đồ so sánh độ lệch chuẩn và điểm trung bình kiến thức TN và ĐC lớp 7

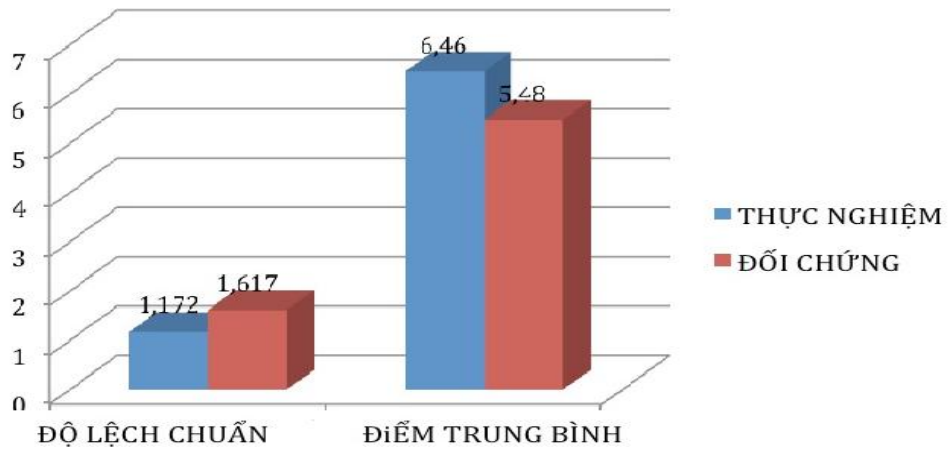

Bảng 4.3.1. Bảng tần số điểm kiến thức lớp ĐC 7

		Tần số	%
Loại điểm	2	2	6.9
	3	1	3.4
	4	4	13.8
	5	5	17.2
	6	12	41.4
	7	2	6.9
	8	2	6.9
	9	1	3.4
	Total	29	100.0

Bảng 4.3.2. Bảng tần số điểm kiến thức lớp TN 7

		Tần số	%
Loại điểm	4	2	5.7
	5	4	11.4
	6	12	34.3
	7	12	34.3
	8	3	8.6
	9	2	5.7
	Total	35	100.0

Biểu đồ tần số điểm kiến thức TN và ĐC 7

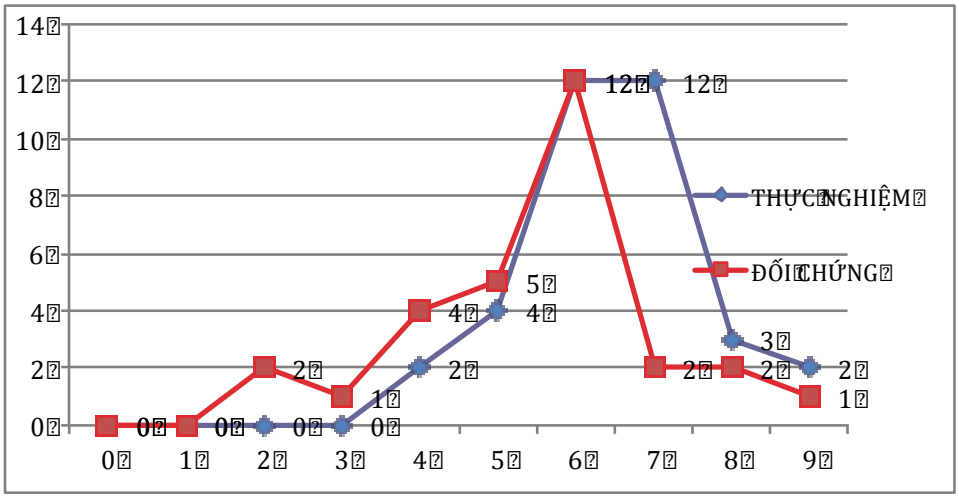

BẢNG 4.4. Bảng điểm bài kiểm tra kĩ năng

Lớp	Số HS	Độ lệch chuẩn	Điểm TB
Lớp 7A1 TN	35	1.305	6.34
Lớp 7A2 ĐC	29	1.581	5.00

P = 0,001<0,05

Biểu đồ so sánh độ lệch chuẩn và điểm trung bình kiểm tra kĩ năng TN và ĐC 7

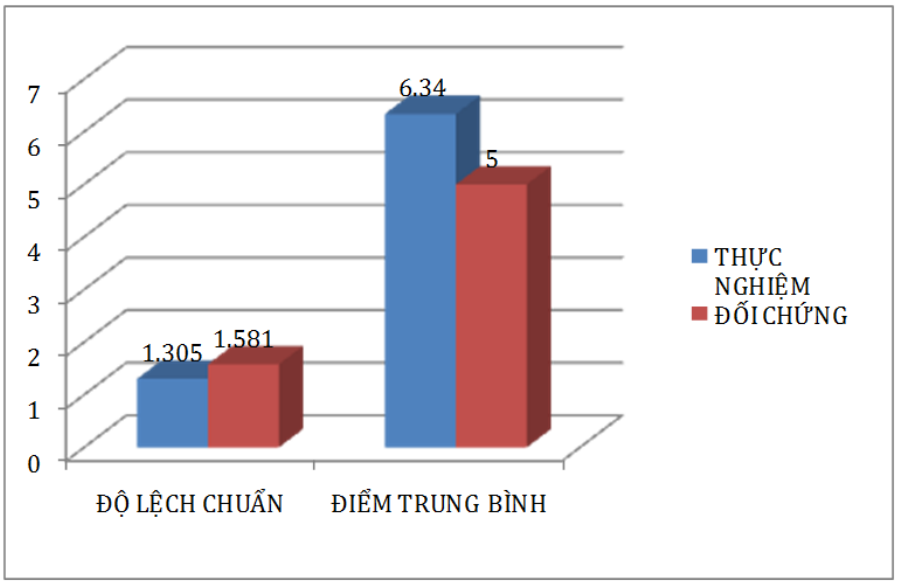

Bảng 4.4.1. Bảng tần số điểm bài kiểm tra kĩ năng lớp ĐC 7

		Tần số	%
Loại điểm	2	1	3.4
	3	3	10.3
	4	8	27.6
	5	8	27.6
	6	4	13.8
	7	3	10.3
	8	1	3.4
	9	1	3.4
	Total	29	100.0

BẢNG 4.4.2. Bảng tần số điểm bài kiểm tra kĩ năng TN lớp 7

		Tần số	%
Loại điểm	4	3	8.6
	5	6	17.1
	6	10	28.6
	7	10	28.6
	8	4	11.4
	9	2	5.7

BẢNG 4.4.2. Bảng tần số điểm bài kiểm tra kĩ năng TN lớp 7

		Tần số	%
Loại điểm	4	3	8.6
	5	6	17.1
	6	10	28.6
	7	10	28.6
	8	4	11.4
	9	2	5.7
	Total	35	100.0

Biểu đồ tần số điểm kĩ năng ĐC và TN lớp 7

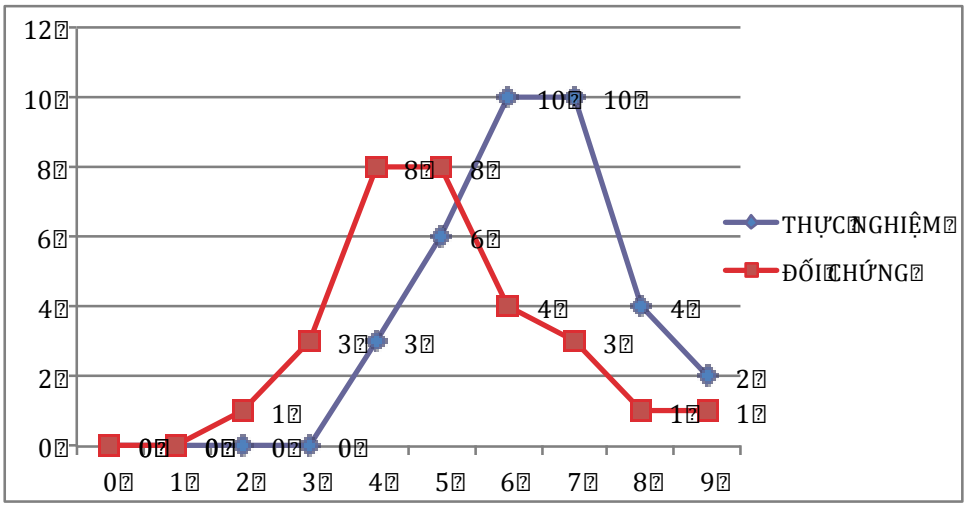

Khối 12: NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

(Trường THPT Tân Trào – Tuyên Quang)

Đề kiểm tra: Phụ lục 4.3

BẢNG 4.5. Bảng điểm bài kiểm tra kiến thức

Lớp	Số HS	Độ lệch chuẩn	Điểm TB
Lớp 12C5 TN	40	1.339	6.45
Lớp 12C8 ĐC	42	1.570	5.79

P = 0,043<0,05

Biểu đồ so sánh độ lệch chuẩn và điểm trung bình kiến thức TN và ĐC lớp 12

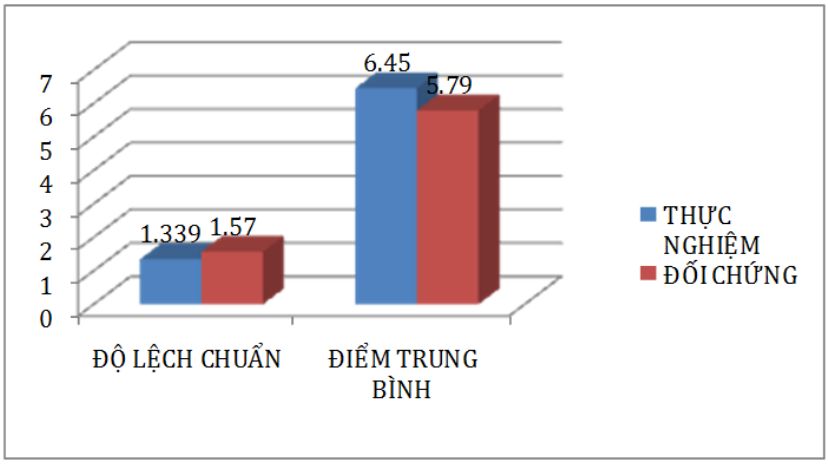

Bảng 4.5.1. Bảng tần số điểm kiến thức đối chứng 12

		Tần số	%
Loại điểm	2	2	4.8
	3	1	2.4
	4	5	11.9
	5	6	14.3
	6	17	40.5
	7	6	14.3
	8	3	7.1
	9	2	4.8
	Total	42	100.0

BẢNG 4.5.2. Bảng tần số điểm kiến thức thực nghiệm 12

		Tần số	%
Loại điểm	4	3	7.5
	5	6	15.0
	6	13	32.5
	7	9	22.5
	8	6	15.0
	9	3	7.5
	Total	40	100.0

Biểu đồ tần số điểm kiếnthức TN và ĐC lớp 12

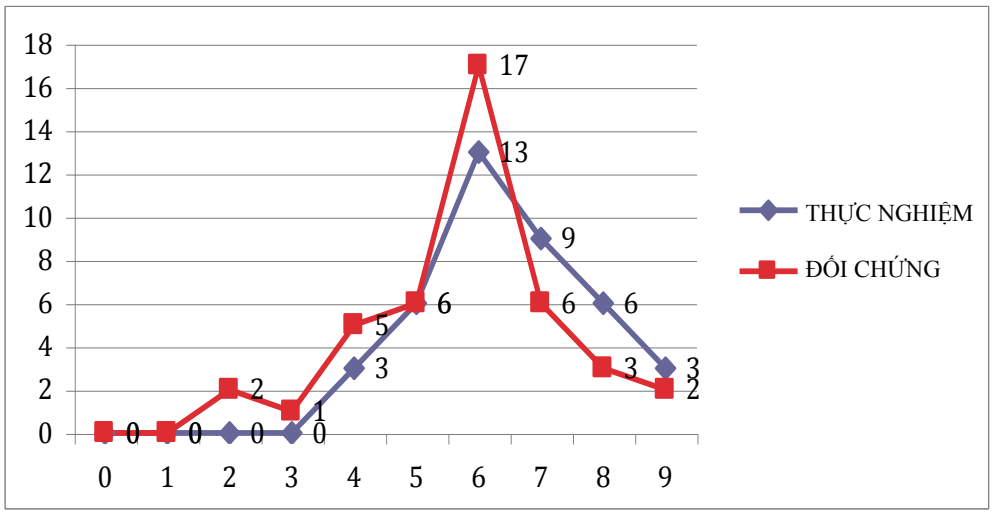

Biểu đồ so sánh độ lệch chuẩn và điểm trung bình kĩ năng TN và ĐC lớp 12

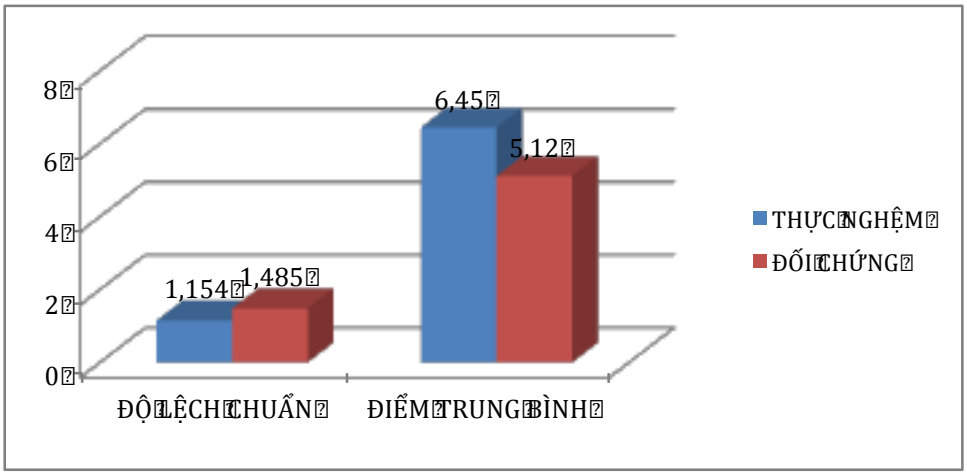

BẢNG 4.6.2. Bảng tần số điểm kĩ năng thực nghiệm 12

		Tần số	%
Loại điểm	4	2	5.0
	5	5	12.5
	6	14	35.0
	7	13	32.5
	8	4	10.0
	9	2	5.0
	Total	40	100.0

Biểu đồ tần số điểm kĩ năng ĐC và TN lớp 12

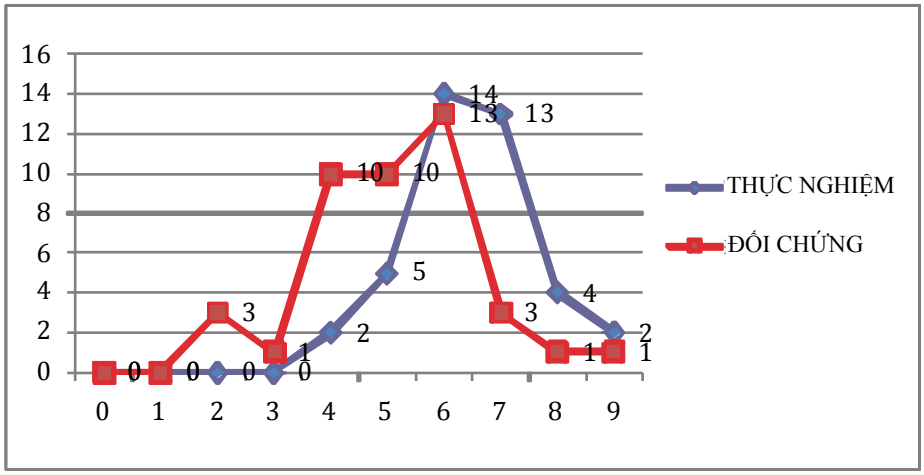

Với các bảng biểu phân tích và so sánh kết quả như trên có thể thấy kết quả bài kiểm tra của lớp TN đã có khá hơn kết quả bài kiểm tra lớp ĐC.

Về điểm kiến thức, sự chệnh lệch không nhiều, do ở lớp ĐC, với nội dung và phương pháp dạy của GV, kết quả đã đảm bảo về mặt kiến thức. HS tiếp nhận được kiến thức theo yêu cầu chung.

Về phần kĩ năng, kết quả rèn luyện kĩ năng thể hiện rõ hơn khi HS đọc hiểu các văn bản mới cùng loại. Vì vậy, với phần kiểm tra đọc hiểu văn bản mới, theo câu hỏi và bài tập phù hợp với yêu cầu TN, nhóm HS tham gia TN đã có kết quả kiểm tra khá hơn lớp ĐC.

4.3.3.2.Nhận xét, đánh giá kết quả thực nghiệm

Hiệu quả của các đề xuất (biện pháp tác động) không đơn giản chỉ là biểu hiện qua bảng điểm kết quả kiểm tra. Kết quả bài kiểm tra không phản ảnh hiệu quả của một giờ dạy TN. Các biện pháp đề xuất đã được gửi cho GV dạy các lớp thuộc đối tượng thực nghiệm nghiên cứu và vận dụng vào các giáo án các tiết dạy học đọc hiểu văn bản thuộc loại hình văn học kí trước các tiết dạy thực nghiệm. Bởi vì, chúng tôi quan niệm kĩ năng là kết quả của một quá trình rèn luyện, thực hành. Tiết dạy TN là minh hoạ cho một số chiến lược, biện pháp đọc hiểu văn bản đề xuất trong luận án.

Với các hoạt động hướng dẫn cụ thể thông qua hệ thống hoạt động học tập, hệ thống câu hỏi, bài tập rèn kĩ năng, HS đã hình dung và làm quen với một số hoạt động rèn kĩ năng. Từ đó giúp HS dần dần hình thành các phản xạ học tập có điều kiện để hình thành và rèn luyện kĩ năng học tập.

Kết quả bài kiểm tra bước đầu đã thể hiện được một phần nào đó hiệu quả, tính khả thi, tác động của các đề xuất trong luận án.

Mỗi bài kiểm tra sau tác động (sau giờ dạy thực nghiệm) bao gồm hai nội dung: kiểm tra kết quả tiếp thu kiến thức, kết quả đọc hiểu văn bản trong SGK dưới vai trò hướng dẫn của GV và kiểm tra kĩ năng vận dụng tri thức, kĩ năng tiếp nhận được từ hoạt động trên lớp để thực hiện hoạt động đọc hiểu một văn bản cùng loại, không có trong chương trình SGK, không có sự gợi ý hướng dẫn của GV.

Mỗi bài kiểm tra lấy thang điểm 20. Phần 1 (gọi là điểm kiểm tra kiến thức): 10 điểm; phần 2 (gọi là điểm kiểm tra kĩ năng): 10 điểm.

Qua bảng điểm và kết quả xử lí số liệu ở các bảng kết quả trên, chúng tôi rút ra một số nhận định, đánh giá như sau:

*** Kết quả điểm phần kiểm tra kiến thức:**

Kết quả bài kiểm tra kiến thức cho thấy không có sự chênh lệch quá lớn giữa lớp TN và lớp ĐC, song vẫn cho thấy các giải pháp mà luận án dề xuất khi vận dụng đã có hiệu quả làm cải thiện chất lượng dạy học bộ môn. Bởi vì, với mục tiêu dạy kiến thức, các hình thức tổ chức và phương pháp, biện pháp dạy học truyền thống đã thực hiện khá tốt. Từ quan điểm và cách dạy học ấy, GV sẽ cố gắng hết sức truyền đạt kiến thức, cách hiểu, kiến thức tích luỹ của mình cho HS. Cho nên dù ít đọc văn bản, ít tư duy bằng chính trí tuệ và cảm xúc của mình, HS vẫn có thể nắm được một số nội dung thông tin, giá trị nghệ thuật của văn bản qua cách cảm, cách hiểu của GV hoặc của chuyên gia trình bày trong các tài liệu tham khảo.

Tuy nhiên, do chủ động, tích cực tham gia hoạt động đọc, trực tiếp tiếp xúc với văn bản, có hứng thú với hoạt động đọc và tư duy bằng chính tâm hồn và trí tuệ của bản thân nhờ sự tác động của các phương pháp, hình thức học tập và biện pháp phù hợp nên ở lớp TN, HS có thể chủ động tiếp nhận "giao tiếp" với tác giả quan tác phẩm nên chủ động tiếp nhận kiến thức, lâu bền hơn.

Chính vì vậy, trong bài kiểm tra kiến thức về VB vừa đọc trong chương trình, kết quả có chênh lệch song độ chênh ấy không quá lớn giữa lớp TN và lớp ĐC.

*** Kết quả điểm phần kiểm tra kĩ năng**

Kết quả phần này có sự chênh lệch rất rõ giữa nhóm TN và nhóm ĐC:

Lớp	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 12
ĐTB bài kiểm tra KN của nhóm ĐC	4.73	5.00	5.12
ĐTB bài kiểm tra KN của nhóm TN	6.37	6.34	6.45

Bởi vì, VB đọc hiểu là VB hoàn toàn mới không có trong SGK. HS phải tự đọc văn bản, vận dụng các KNĐH đã có để đọc hiểu một văn bản cùng thể loại với văn bản được học trong SGK. HS sẽ không có tài liệu tham khảo trực tiếp về văn bản đó nên không thể ỷ lại, học thuộc hay chép lại.

Ở lớp ĐC, các em chưa được rèn luyện kĩ năng đọc hiểu một cách tự giác nên khi đọc một văn bản mới, HS lúng túng.

Ở lớp TN, HS đã được rèn luyện KNĐH trong một số giờ đọc hiểu các văn bản cùng loại, trong đó có giờ dạy TN nên HS đã bước đầu có KNĐH. HS có sự vận dụng các kĩ năng đó để ĐHVB mới nên không bị bỡ ngỡ. Yêu cầu của việc dạy kĩ năng là dạy cách học, cách đọc để HS có thể tự giác, chủ động đọc hiểu các văn bản mà không bị lệ thuộc vào kết quả đọc hiểu của GV hoặc chuyên gia.

Kết quả đã cho thấy, bước đầu vận dụng các đề xuất trong luận án vào các hoạt động thực nghiệm đã cho kết quả khả quan. Nếu có điều kiện thực hiện một cách bài bản, kĩ càng, đầy đủ hơn các chiến lược đọc hiểu, các bài tập rèn kĩ năng đọc hiểu thì việc dạy học sẽ thực sự có hiệu quả hơn trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo những thế hệ "người đọc có kĩ năng".

Tiểu kết chương 4

Để kiểm chứng hiệu quả tác động của những đề xuất trong luận án, chúng tôi đã tiến hành các hoạt động thực nghiệm và bước đầu đã cho kết quả tốt. Việc lựa chọn đối tượng, địa bàn thực nghiệm đã được cân nhắc và lựa chọn một cách tương đối hợp lí, đảm bảo cơ cấu vùng miền (miền núi, thành phố), tính chất, loại hình giáo dục (dân lập, công lập), phân bố cấp lớp (THCS, THPT).

Quá trình TN đã được tiến hành hai vòng để có thể kiểm chứng, thay đổi, sửa chữa cho phù hợp với thực tế dạy học hiện nay. TN ở vòng 2 cũng đã có tính đến tính chất quá trình của hoạt động rèn luyện KNĐH nên mỗi lớp lựa chọn dạy TN vòng 2 không chỉ vận dụng các giải pháp đề xuất của luận án trong 1 tiết dạy TN, mà đã có sự trao đổi với GV trực tiếp giảng dạy tiến hành để có sự vận dụng trong các tiết học trước hoặc sau tiết TN. Có thể kết quả TN chưa thể hiện được hết ưu, nhược điểm của các giải pháp song đã cho kết quả rằng các đề xuất đó có tính khả thi và có khả năng tác động đến việc hình thành và rèn luyện kĩ năng ĐHVB cho HS.

Kết quả TN được thể hiện qua một số ý kiến đánh giá của GV và kết quả bài kiểm tra của HS sau TN cho thấy: Nếu vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp các giải pháp đề xuất của tác giả luận án trong việc dạy học ĐHVB kí, sẽ góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo những thế hệ bạn người đọc không chỉ có KNĐH văn bản kí mà còn nâng cao năng lực tự đọc, tự học của HS.

KẾT LUẬN

1. Hiện trạng chất lượng dạy học bộ môn Ngữ văn trong tình hình chung HS "thừa kiến thức, thiếu kĩ năng" đã đặt ra nhu cầu bức thiết về đổi mới phương pháp, quan điểm dạy học bộ môn.

Tình trạng HS lười đọc văn bản hoặc đọc văn bản nhưng ỷ lại, phụ thuộc vào suy nghĩ, quan điểm cảm nhận của GV và tài liệu tham khảo vẫn đang là tình trạng khá phổ biến. Thực trạng này cũng biểu hiện rõ trong cách kiểm tra đánh giá còn nặng về kiểm tra kiến thức học thuộc lòng. Từ cách đánh giá ấy đã tác động ngược trở lại cách dạy, cách ôn thi,… khiến cho đổi mới phương pháp dạy học rơi vào vòng quẩn quanh. Quan điểm đổi mới giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực đã chỉ ra một hướng đi đúng đắn cho việc thay đổi, cải tiến phương pháp dạy học bộ môn. Thay vì chú trọng mục tiêu dạy kiến thức cần chuyển hướng sang chú ý dạy kĩ năng, dạy cách tự đọc, tự học cho HS. Những năm gần đây, vấn đề dạy kĩ năng đã được chú ý song do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan mà chất lượng dạy học vẫn còn nhiều vấn đề. Thực trạng HS chán văn, rời xa môn Ngữ văn, học yếu môn Ngữ văn vẫn còn rất phổ biến. Bởi vậy, cần tiếp tục có các công trình nghiên cứu một cách cụ thể các phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức dạy học tập trung vào mục tiêu hình thành và rèn luyện kĩ năng tự học cho HS.

Trên cơ sở nghiên cứu kĩ những cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn của vấn đề dạy học đọc hiểu văn bản và rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí, chúng tôi nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp dạy học hướng đến mục tiêu rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí, từ đó phát huy vai trò tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập của HS.

2. Đối với bất kì một hoạt động nào, muốn đạt được hiệu quả người thực hiện cần phải có những hiểu biết cơ bản về đối tượng và cách thức tác động phù hợp, hiệu quả nhất lên đối tượng đó. Đó chính là tri thức về đối tượng và kĩ năng thực hiện hoạt động. ĐHVB là một hoạt động tư duy có tính chất đặc thù, song cũng tuân theo nguyên tắc chung của mọi hoạt động. Bởi vậy, trong dạy học Ngữ văn, để thực hiện được mục tiêu giúp HS thực hiện có hiệu quả hoạt động ĐHVB thì theo nguyên tắc chung đó, cũng phải giúp HS có được tri thức về văn bản và các kĩ năng đọc hiểu cơ bản. Bởi vậy, vấn đề quan trọng trong quan điểm đổi mới giáo dục hiện nay chính là bên cạnh mục tiêu dạy kiến thức cần chú ý đến mục tiêu hình thành và

rèn luyện kĩ năng học tập cho HS. Trong dạy học Ngữ văn, một trong những nhóm KNHT cơ bản là nhóm kĩ năng ĐHVB. KNĐH là yếu tố cơ bản cấu thành năng lực ĐHVB. Và mỗi loại hình VB đòi hỏi những nội dung kiến thức và KNĐH phù hợp.

3. Kí là một trong bốn loại hình văn học, bên cạnh tự sự, trữ tình và kịch, có những đặc điểm riêng về mặt thể loại. Kí là loại hình văn học phức tạp, năng động, nhanh nhạy bắt kịp hơi thở của thời đại, nên kí có lịch sử phát triển khá sôi động trong mỗi thời kì phát triển của đời sống văn. Cũng vì vậy, kí là loại hình văn học nóng hổi hơi thở cuộc sống và gần gũi, cập nhật các vấn đề của thực tế cuộc sống hơn các loại hình văn học khác. Đọc hiểu văn bản kí, bởi vậy, không chỉ là một nội dung học tập bộ môn quan trọng mà còn là hoạt động thiết thực đối với HS. Hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho HS là giúp các em có kĩ năng cơ bản để tự học, biết cách tiếp nhận và xử lí thông tin thuộc nhiều lĩnh vực của cuộc sống.

Với những đặc trưng riêng về mặt loại hình, hoạt động đọc hiểu văn bản kí đòi hỏi hệ thống kĩ năng đọc hiểu phù hợp. Nội dung của văn bản kí là kết quả sự kết hợp nội dung thông tin sự thật và thông tin hư cấu, tính chất báo chí và văn học, vấn đề đời sống và nghệ thuật,… nên kĩ năng đọc hiểu văn bản kí gồm hai nhóm kĩ năng xử lí thông tin sự thực và tiếp nhận thông tin nghệ thuật. Bởi vậy, bám sát đặc trưng thể loại để hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí là tư tưởng dạy học cơ bản được chọn làm cơ sở khoa học của luận án. Lâu nay, hoạt động dạy học đọc hiểu văn bản tuy đã quan tâm đến đặc trưng thể loại, từ nội dung chương trình SGK đến hệ thống quan điểm tư tưởng chỉ đạo song việc vận dụng vào thực tế dạy học còn rất nhiều hạn chế. Vấn đề đặt ra là cần tìm ra các giải pháp thay thế hiệu quả để khắc phục tình trạng HS yếu kém về kĩ năng, thiếu chủ động, tự giác, lười tư duy trong học tập. Đó là tiền đề cơ sở thực tiễn để chúng tôi đi sâu nghiên cứu các giải pháp rèn kĩ năng ĐHVB cho HS, trong đó, đặc biệt chú ý tập trung vào mục tiêu rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí.

4. Từ kết quả tìm hiểu hiện trạng kĩ năng ĐHVB của HS và nghiên cứu các vấn đề lí luận, luận án đã nghiên cứu thực nghiệm, rút kinh nghiệm và đề xuất một số giải pháp hướng đến mục tiêu nâng cao kĩ năng ĐHVB kí cho HS. Từ đó thực hiện mục tiêu hình thành và phát triển năng lực đọc hiểu – một trong những năng lực mục tiêu của môn học Ngữ văn và là năng lực quan trọng cấu thành năng lực tự học cho HS.

Để thực hiện mục tiêu này, luận án đã xác định một hệ thống kĩ năng đọc hiểu văn bản kí, từ đó đề xuất hai giải pháp cơ bản để rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí cho HS phổ thông, đó là: xây dựng các chiến lược đọc hiểu văn bản và thiết kế hệ thống bài tập đọc hiểu văn bản phù hợp với mục tiêu hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản kí.

Hệ thống kĩ năng đọc hiểu được đề xuất trên cơ sở đặc trưng loại hình văn bản kí. Từ hệ thống kĩ năng đó, nghiên cứu đề xuất các chiến lược đọc hiểu cùng các dạng bài tập tương ứng, phù hợp với mục tiêu rèn luyện hệ thống kĩ năng cơ bản. Những chiến lược đề xuất là hệ thống kế hoạch hoạt động dạy và học cơ bản để thực hiện mục tiêu nâng cao kĩ năng tự đọc, tự học, góp phần phát triển năng lực đọc hiểu, năng lực tự học và các năng lực, phẩm chất khác của HS. Các chiến lược và hệ thống bài tập đòi hỏi phải có sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo sao cho phù hợp với các hoạt động dạy học, bài học cụ thể.

5. Các giải pháp đề xuất đã được vận dụng vào thực tế dạy học qua một số giờ dạy ở một số lớp học thuộc hai đối tượng vùng miền thuộc khu vực miền núi và khu vực thành phố (Hà Nội). Sau khi vận dụng và nhận được kết quả cũng như ý kiến đóng góp của một số GV đứng lớp tham gia dự giờ hoặc trực tiếp tham gia dạy thực nghiệm vận dụng các giải pháp đề xuất, chúng tôi đã xác định được hiệu quả của các đề xuất. Tiếp tục vận dụng các chiến lược và các dạng bài tập đọc hiểu vào các hoạt động dạy học ĐHVB kí, vào một số tiết dạy thực nghiệm vòng 2, kết quả thực nghiệm bước đầu đã cho thấy các giải pháp đề xuất có tính khả thi và có hiệu quả.

Tuy nhiên, kĩ năng không thể được hình thành qua một vào hoạt động hay một số tiết học thực nghiệm mà là kết quả của một quá trình học tập, rèn luyện lâu dài. Bởi vậy, kết quả thu được từ nghiên cứu này chỉ là những xác nhận được đầu mang tính chất định hướng cho các hoạt động nghiên cứu và thực tiễn dạy học tiếp theo. "Mọi lý thuyết chỉ là màu xám…", kĩ năng là năng lực đã được hiện thực hoá, thể hiện trình độ, hiệu quả thực hiện các hoạt động học tập của HS, bởi vậy, dù thực hiện theo con đường nào, thì tiền đề cơ sở đầu tiên vẫn là hoạt động thực tế của HS. HS trực tiếp tham gia hoạt động đọc hiểu, tích cực, chủ động thực hiện các hoạt động tư duy mới là điều kiện quan trọng nhất để thực hiện thành công mục tiêu nâng cao kĩ năng đọc hiểu văn nói riêng và kĩ năng tự học nói chung.

Bởi vậy, để phát huy được hiệu quả của nghiên cứu, chúng tôi có một số khuyến nghị sau:

1. Về nội dung chương trình, tài liệu học tập

- Nội dung CT nên có tính chất mở để GV và HS có thể lựa chọn những nội dung học tập phù hợp, trong đó có việc lựa chọn các loại văn bản gần gũi, phù hợp với từng đối tượng HS.

- Tài liệu học tập nên định hướng tổ chức biên soạn theo quan điểm hướng dẫn GV và HS tổ chức các hoạt động học tập tự đọc, tự học, thay cho các loại tài liệu đọc hộ, cảm thụ thay đang phổ biến hiện nay.

- Lựa chọn ngữ liệu đọc hiểu đảm bảo vừa có tính truyền thống song cần gần gũi với đời sống, tâm lí của lứa tuổi HS.

2. Về hình thức tổ chức các hoạt động học tập, phương pháp dạy học

- Cần tổ chức các hoạt động học tập phong phú, đa dạng, năng động phù hợp với lứa tuổi HS, tăng cường các hoạt động học tập theo hướng cho HS vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống học tập mới.

- Các hoạt động học tập, hướng dẫn học tập cần tăng cường mối liên hệ với thực tế cuộc sống, để môn Ngữ văn tuy là môn học có nội dung và tính chất nghệ thuật song không xa rời thực tế và thiếu ý nghĩa đối với cuộc sống thực tiễn của HS.

- Với loại hình văn học kí, nên định hướng hoạt động tư duy của HS trong đọc hiểu văn bản theo quan điểm tiếp cận văn hoá, bởi kí là loại hình văn học đậm chất văn học nhìn từ mọi phương diện.

- Phương pháp dạy học cần chú ý hơn nữa đến việc phát huy tinh thần tự học, chủ động sáng tạo của HS, tăng cường các hoạt động tổ chức, hướng dẫn cách học thay cho hoạt động giảng giải, nhồi nhét kiến thức. Đặc biệt chú ý đến việc hình thành và rèn luyện kĩ năng học tập cho HS.

- Với môn Ngữ văn, trước hết nội dung và phương pháp dạy học cần đảm bảo yếu tố, tính chất nghệ thuật của bộ môn. Dù rèn luyện kĩ năng gì, cung cấp kiến thức công cụ gì cũng phải đảm bảo không khí nghệ thuật cho hoạt động đọc hiểu văn bản Ngữ văn, tránh tình trạng vì quá chú ý mục tiêu rèn kĩ năng học tập mà làm giảm chất nghệ thuật của môn học.

3. Về kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn

Cần cải tiến mục đích kiểm tra, đánh giá và cách ra đề. Bên cạnh nội dung kiểm tra kiến thức (khoảng từ 30 - 50%), cần chú ý tăng cường các loại câu hỏi và bài tập vận dụng kĩ năng. Đó là lựa chọn các văn bản tương đồng (về loại hình, thể loại, đề tài,…) để HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã được học mà tự đọc hiểu, tự đi tìm ý nghĩa văn bản và tham gia "đồng sáng tạo" với tác giả.

Tuy nhiên, để những giải pháp đề xuất của các nhà nghiên cứu cũng như những nỗ lực đổi mới giáo dục thực sự có sự tác động một các hiệu quả đối với thực tế dạy học ở nhà trường phổ thông thì điều quan trọng nhất vẫn là ý thức tự giác, chủ động học tập của HS và sự tâm huyết, có trách nhiệm và tích cực sẵn sàng đổi mới của GV.

Những đề xuất luận án là kết quả bước đầu nghiên cứu của chúng tôi và đã được kiểm chứng qua thực nghiệm. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả hơn nữa, cần có sự vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo trên cơ sở lựa chọn những giải pháp phù với từng đối tượng học sinh, nội dung học tập, đặc điểm tính chất của hoạt động dạy học,… Dù vận dụng như thế nào thì điều quan trọng nhất là luôn chú ý tổ chức để học sinh được chủ động, tự giác tham gia hoạt động học tập. Chỉ khi trực tiếp tham gia một cách chủ động, tích cực thì mới có thể rèn luyện và nâng cao kĩ năng học tập.

CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1. *Lê Hồng Mai (2014), Tùy bút từ sông Đà của Nguyễn Tuân đến sông Hương của Hoàng Phủ Ngọc Tường*, Tạp chí Tản Viên Sơn, số 11, tr. 61 - 63

2. *Lê Hồng Mai (2015), Kí trong chương trình Ngữ văn mới*, Tạp chí Dạy và học ngày nay, số 02, tr. 45-53

3. *Lê Hồng Mai (2015), Thiết kế bài tập rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản trong dạy học Ngữ văn theo hướng tiếp cận năng lực*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 48 (109), số 48 (109), tr. 31-34

4. *Lê Hồng Mai (2015), Vận dụng các kĩ năng đọc hiểu cơ bản vào việc đọc hiểu đọc hiểu văn bản kí ở trường phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, kì 2, số 3, tr.35-39

5. *Lê Hồng Mai (2015), Quy trình rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản văn học cho học sinh phổ thông, Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 114, tr. 33- 34, 44.

6. *Lê Hồng Mai (2015), Xây dựng chiến lược đọc hiểu - con đường hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản cho HS phổ thông*, Tạp chí Khoa học, ĐHSP Hà Nội, số 2, tr.114 – 122.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mortimer J. Adler, Charles Van Doren (2013, Hải Nhi dịch), *Phương pháp đọc sách hiệu quả*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội
2. Trần Lê Bảo (2009), "Giải mã văn hóa trong tác phẩm văn học", Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, (số 2/2009), tr 68-78
3. Vũ Bằng (2000), *Tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội
4. Hoàng Hòa Bình (2013), "Từ đổi mới mục tiêu giáo dục đến đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn", in trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
5. Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Minh Thuyết (2013), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt nhìn từ Tiểu học*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
6. Hoàng Hòa Bình (chủ biên, 2014), *Dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Pisa Việt Nam – Pisa và các dạng câu hỏi, NXBGD VN
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2013), *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam*, Bộ Giáo dục và Đào tạo - NXB Đại học sư phạm.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), Đề án đổi mới chương trình và sách giáo khoa phổ thông, (Nguồn: http://www.moet.gov.vn)
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), "Hướng dẫn ôn thi tốt nghiệp THPT năm 2014 đối với môn Ngữ văn", Công văn số: 1933 /BGDĐT-GDTrH ngày 15/4/2014.
11. Bộ Quốc phòng – Trung tâm tư điển bách khoa quân sự (2007), *Từ điển thuật ngữ quân sự*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội
12. Tony Buzan (2014), *Hướng dẫn kĩ năng học tập theo phương pháp Buzan*, NXB Tổng hợp TP. HCM – Công ti Nhân Trí Việt.
13. Tony Buzan (2014), *Tốc độ đọc hiểu để thành công*, NXB Tổng hợp TP. HCM – Công ti Nhân Trí Việt, TP. Hồ Chí Minh.
14. Nguyễn Huệ Chi (1983), *Mấy vẻ mặt thi ca Việt Nam (thời kì cổ - cận đại),* NXB Tác phẩm mới, Hà Nội

15. Trần Đình Chung (2002), *Hệ thống câu hỏi đọc hiểu văn bản văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

16. Nguyễn Viết Chữ (2010), *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

17. Lê Đức Dục (2000). "Hoàng Phủ Ngọc Tường – người lễ độ với thiên nhiên", Tạp chí *Cửa Việt*, (65), tr 95 – 98.

18. Đức Dũng (2003), *Kí văn học và kí báo chí*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.

19. Phan Huy Dũng (2014), "Về việc vận dụng lý thuyết liên văn bản vào dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông", Nguồn: http://khoaspnv.vinhuni.edu.vn

20. Hồ Ngọc Đại (2000), *Tâm lí học dạy học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội

21. Trần Thanh Đạm (Chủ biên, 1976), *Vấn đề giảng dạy văn chương theo loại thể*, NXB Giáo dục, Hà Nội

22. Đỗ Ngọc Đạt (2000), *Bài giảng lý luận dạy học hiện đại*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội

23. Trịnh Bá Đĩnh (Chủ biên, 2009), Văn học Việt Nam thế kỉ XX, Tạp văn và các thể kí Việt Nam 1945 – 1975, NXB Văn học, Hà Nội.

24. Hà Minh Đức (1980), *Kí viết về chiến tranh cách mạng và xây dựng CNXH*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội

25. Nguyễn Minh Đức, *Xu hướng đánh giá: Dựa trên năng lực học sinh*, Báo *Giáo dục và Thời đại*, ngày 30.4.2013

26. Văn Giá (2014), "*Văn chương Vũ Bằng dưới góc nhìn văn hóa – khởi đầu và đi tiếp*", vietvan.vn, tháng 2/2014.

27. Hà Nguyễn Kim Giang (2007), *Phương pháp đọc diễn cảm*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội

28. Christian Grüning (2013), (Nhóm HANU09 dịch), *Đọc sách siêu tốc*, NXB Từ điển Bách khoa – Công ty Cổ phần Sách Thái Hà, Hà Nội.

29. Trần Thanh Hà (2007), *Tam diện tuỳ bút*, NXB Tri thức, Hà Nội.

30. Nguyễn Thị Hồng Hà (2010), *Đặc trưng tùy bút Nguyễn Tuân*, NXB Văn học, Hà Nội.

31. Lê Bá Hán – Trần Đình Sử – Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên, 2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

32. Nguyễn Thị Hạnh (2013), "Một số cơ sở khoa học để xác định nội dung học tập trong Chương trình môn Ngữ văn ở trường phổ thông sau 2015", Tạp chí Khoa học Giáo dục, (số 96).

33. Nguyễn Thị Hạnh (2014), "Xây dựng chuẩn năng lực đọc hiểu cho môn Ngữ văn của chương trình giáo dục phổ thông sau 2015 ở Việt Nam", Tạp chí *Khoa học ĐHSP TPHCM*, (số 56 năm 2014), tr 88 - tr 97.

34. Lý Trạch Hậu (2002), *Bốn bài giảng mĩ học*, NXB ĐHQG, Hà Nội.

35. Phó Đức Hoà – Ngô Quang Sơn (2011), *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường tương tác*, NXBĐHSP, Hà Nội.

36. Nguyễn Thái Hòa (2004), "Vấn đề đọc hiểu và dạy đọc hiểu", Thông báo Khoa học của trường ĐHSP Hà Nội, (số 5), tháng 4/2004.

37. Nguyễn Trọng Hoàn (2002), *Tiếp cận văn học*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

38. Nguyễn Trọng Hoàn (2006), *Đọc hiểu văn bản Ngữ văn 6*, NXB Giáo dục, Hà Nội

39. Tô Hoài (1977), *Sổ tay viết văn*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội

40. Bùi Mạnh Hùng (2011), "Để Ngữ văn trở thành môn học phát triển năng lực tư duy", Báo *Tia sáng*, ngày 19/5/2011

41. Lê Văn Hồng, Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thàng (2001), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

42. Nguyễn Thúy Hồng (2012), "Khung năng lực chủ chốt của chương trình đánh giá quốc tế PISA", *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (số 81/2012)

43. Ngô Minh Hiền (2011), "Tuỳ bút – một thể loại văn xuôi trữ tình – tự sự của văn học Việt Nam hiện đại", Tạp chí *Khoa học và Công nghệ*, Đại học Đà Nẵng, số 1 (42).2011.

44. Hoàng Ngọc Hiến (1998), *Tập bài giảng nghiên cứu văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội

45. Dương Thị Hồng Hiếu (2014), "Bản chất của hoạt động đọc văn và việc dạy đọc văn bản văn học trong nhà trường", Tạp chí *Khoa học*, ĐHSP TP.HCM (số 56. 2014).

46. Bùi Mạnh Hùng, (2011), "Để Ngữ văn trở thành môn học phát triển năng lực tư duy", Báo *Tia sáng*, ngày 19/5/2011

47. Nguyễn Thanh Hùng (2002), *Đọc và tiếp nhận văn chương*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

48. Nguyễn Thanh Hùng (2011), *Kĩ năng đọc hiểu Văn*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

49. Đặng Thành Hưng (2004), "Hệ thống kĩ năng học tập hiện đại", Tạp chí *Giáo dục* (số 2/78).

50. Đặng Thành Hưng (chủ nhiệm đề tài, 2005), Cơ sở lý luận và khung chuẩn của hệ thống kĩ năng học tập hiện đại ở các cấp học phổ thông - Đề tài cấp Viện, Viện KHGD Việt Nam (Nguồn: http://www.vnies.edu.vn).

51. Đặng Thành Hưng (2013), "Kĩ năng dạy học và tiêu chí đánh giá", Tạp chí *Khoa học Giáo dục,* (88), 2013, tr.59.

52. Minh Hương (1994), *Nhớ... Sài Gòn*, tập một, NXB TP. Hồ Chí Minh

53. Nguyễn Thị Thanh Hương (2001), *Dạy học Văn ở trường phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

54. Phạm Thị Thu Hương (2012), *Đọc hiểu và chiến thuật đọc hiểu văn bản trong nhà trường phổ thông,* NXB Đại học sư phạm, Hà Nội

55. Phạm Thị Thu Hương (2013), "Dạy học Ngữ văn ở phổ thông - Một cái nhìn hướng ra thế giới", in trong "Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông Việt Nam, Bộ GD&ĐT, NXB ĐHSP.

56. Nguyễn Thị Huyền, (2012), *Say mê học tập để đạt thành tích cao*, NXB Văn hóa thông tin.

57. Duy Khán (2012), *Tuổi thơ im lặng*, NXB Kim Đồng, Hà Nội

58. Thạch Lam (1988), *Tuyển tập*, NXB Văn học, Hà Nội

59. Lê Nguyên Long (2000), *Thử đi tìm những phương pháp dạy học hiệu quả*, NXBGD, Hà Nội.

60. Phan Trọng Luận (Chủ biên, 1998), *Phương pháp dạy học Văn*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

61. Phan Trọng Luận (2002), *Văn học giáo dục thế kỉ 21*, NXB Đại học Quốc gia.

62. Phan Trọng Luận (2003), *Văn chương bạn đọc sáng tạo*, NXB ĐHQG, Hà Nội.

63. Phương Lựu (chủ biên, 2004), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

64. Nguyễn Đăng Mạnh, Nguyễn Văn Long (Đồng chủ biên, 2002), *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập III, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

65. Nguyễn Đăng Mạnh (Chủ biên, 2003) *Từ điển tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam dùng trong nhà trường*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

66. Trần Thùy Mai (2002), "Kí văn hóa của Hoàng Phủ Ngọc Tường", Tạp chí *Sông Hương*, (số 161 - 07 - 2002).

67. Hoàng Thị Mai (2011), "Đọc hiểu văn bản hay lí thuyết dạy đọc hiểu văn bản" (trích từ *Văn học nhà trường - Những điểm nhìn* do GS. Phan Trọng Luận chủ biên), NXB ĐHSP, Hà Nội

68. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2015), *Lí luận dạy học hiện đại, cơ sở đổi mới mục tiêu và phương pháp dạy học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

69. Michael L. Kamil (2014), "Phát triển chuẩn cốt lõi chung liên bang" (CCSS), (Báo cáo tại Hội thảo "Đổi mới chương trình theo định hướng năng lực từ khái niệm đến tổ chức thực hiện" do Bộ GD&ĐT – Chương trình phát triển giáo dục Nga và Wold Bank Group tổ chức tại Hà Nội tháng 7 năm 2014).

70. Tôn Thảo Miên (Tuyển chọn và giới thiệu, 2001), *Nguyễn Tuân về tác giả và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

71. Tôn Thảo Miên (tuyển chọn và giới thiệu, 2001), *Nguyễn Tuân về tác giả và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

72. Trần Văn Minh (2011), *Thể loại tùy bút trong văn học Việt Nam từ 1930 - 1975*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh

73. Nguyễn Thị Ngọc Minh (2013), *Kí như một loại hình diễn ngôn, Luận án tiến sĩ Ngữ văn*, Đại học sư phạm Hà Nội.

74. Nguyễn Thị Ngọc Minh (2014), "Lí luận văn học như là sự đa dạng của chiến lược đọc: đề xuất đổi mới chương trình lí luận văn học ở các trường ĐHSP", Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM, (số 56 năm 2014).

75. Nguyễn Đăng Na (tuyển chọn và giới thiệu, 2002), *Văn xuôi tự sự Việt Nam thời trung đại, tập hai,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

76. Hoài Nam (2015), "Tản văn – từ một cái nhìn lướt", Báo *An ninh thế giới online*, ngày 30.1.2015 (Nguồn: antgct.cand.com.vn)

77. Nguyễn Thị Hồng Nam (2012), "Sử dụng nhật kí đọc sách trong dạy đọc hiểu văn bản", Trang thông tin điện tử của Bộ môn SP Ngữ văn, Đại học Cần Thơ.

78. Nguyễn Thị Hồng Nam (2012), "Thiết kế và sử dụng câu hỏi hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản", Trang TTĐT của Bộ môn Sư phạm Ngữ văn của ĐH Cần Thơ.

79. Dư Ngọc Ngân, Jeong Mu Young (2014), "Việc rèn luyện kĩ năng cho học sinh trong sách giáo khoa Ngữ văn trung học ở Hàn Quốc", Tạp chí *Khoa học* ĐHSP TP.HCM, (số 56 năm 2014), tr 126 - tr 133.

80. Phạm Thành Nghị (2010), *Giáo trình tâm lí học giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

81. Phan Trọng Ngọ (Chủ biên, Dương Diệu Hoa, Nguyễn Thị Mùi (2000), *Tâm lí học hoạt động và khả năng vận dụng vào lĩnh vực dạy học*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

82. Lã Nguyên (2012), *Lí luận văn học, những vấn đề hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

83. Primacôpxki. A.P (1976), *Phương pháp đọc sách,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

84. Vũ Ngọc Phan (2000), *Vũ Ngọc Phan toàn tập, tập 4*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội

85. Phan Quang (2014), "Thép Mới – cây bút tài hoa", Tạp chí *Người làm báo*, (ngày 19/1/2014).

86. Raphael T.E, Hiebert E.H, (Lê Công Tuấn, Nguyễn Văn Lợi dịch, Nguyễn Thị Hồng Nam dịch, 2008), *Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

87. Rez. I.A. (Phan Thiều dịch, 1983), *Phương pháp luận dạy học Văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

88. Trần Đình Sử (1998), *Dẫn luận thi pháp học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

89. Trần Đình Sử (2001), *Đọc văn học văn*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

90. Trần Đình Sử (2003), "Đọc hiểu văn bản – một khâu đột phá trong nội dung và phương pháp dạy học Văn hiện nay", *Thông tin Khoa học sư phạm*, số 1, tháng 8/2003).

91. Trần Đình Sử (2005), "Môn Văn – thực trạng và giải pháp", Báo *Văn nghệ*, ngày 14/2/1998.

92. Trần Đình Sử (chủ biên, 2008), *Giá trình lí luận văn học*, tập II: Tác phẩm và thể loại văn học, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

93. Trần Đình Sử (2013), "Văn bản văn học: ngôn từ, thông báo, ý nghĩa và những ngả đường đọc hiểu", *(Trò chuyện với giáo viên nhân khai giảng năm học 2013 – 2014, Lưu hành nội bộ).*

94. Trần Hữu Tá, Nguyễn Huệ Chi (chủ biên, 2005), *Từ điển văn học (Bộ mới)*, NXB Thế giới, Hà Nội

95. Mai Văn Tạo (2002), *Tuyển tập kí Mai Văn Tạo,* NXB Văn nghệ, TP. HCM

96. Đỗ Ngọc Thống (2011), "Xây dựng chương trình phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực", Tạp chí *Tia sáng*, ngày 9/6/2011]

97. Đỗ Ngọc Thống (2014), "Hiện trạng dạy học Ngữ văn trong nhà trường ở Việt Nam", (Báo cáo tại Hội thảo "Đổi mới chương trình theo định hướng năng lực từ khái niệm đến tổ chức thực hiện" do Bộ GD&ĐT – Chương trình phát triển giáo dục Nga và Wold Bank Group tổ chức tại Hà Nội tháng 7 năm 2014)

98. Đỗ Ngọc Thống (2002), *Đổi mới việc dạy và học môn Ngữ văn ở Trung học cơ sở*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

99. Nguyễn Văn Thuấn (2010 - 2013), "Dẫn luận ngắn về lí thuyết liên văn bản", Trang Thông tin điện tử của Khoa Ngữ văn, ĐHSP Huế, ngày 17/22014.

100. Đỗ Lai Thúy (2009), "Tiếp cận văn học từ hệ thống văn hóa", Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật,* (số 305), tháng 11- 2009.

101. Nguyễn Xuân Thức (Chủ biên, 2013), *Giáo trình tâm lí học đại cương*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

102. Nguyễn Cảnh Toàn (2012), *Xã hội học tập, học tập suốt đời và các kĩ năng tự học*, NXB Dân trí, Hà Nội.

103. Nguyễn Tuân (1982), *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, NXB Văn học, Hà Nội.

104. Nguyễn Văn Tùng (2012), *Lí luận văn học và đổi mới đọc hiểu tác phẩm,* NXBGDVN, Hà Nội

105. Hoàng Phủ Ngọc Tường (2002), *Tuyển tập Hoàng Phủ Ngọc Tường*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

106. Hoàng Phủ Ngọc Tường (2007), *Miền cỏ thơm*, NXB Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.

107. Đinh Phan Cẩm Vân (2014), "Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử và vấn đề dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển năng lực", Tạp chí *Khoa học*, ĐHSP TPHCM, (số 56 năm 2014).

108. Vũ Trọng Rỹ (1994), *Một số vấn đề lý luận về rèn luyện kĩ năng học tập cho học sinh*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

109. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Nhóm nghiên cứu (2008), "Chương trình đánh giá học sinh quốc tế (PISA) và vấn đề tham gia của Việt Nam", Tạp chí *Khoa học giáo dục* (số 29).

110. Nhiều tác giả (2000), *Nghệ thuật viết truyện ngắn và kí*, NXB Thanh niên, Hà Nội.

111. Nhiều tác giả (2003), *Sông Hương, dòng chảy văn hoá*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội

112. Một số trang web, trang thông tin điện tử về văn học như: vanVn.net; nhavanhue.org.vn, vietvanmoi.vn…

Tài liệu tiếng Anh

113. W.D. Adkins (2012), "How to Improve College Reading Skills", http://www.eHow.com

114. Carter, R. & Long, Michael N. (1991), Teaching literature…, Longman, New York.

115. John Langan, (2008), Ten steps to improving college reading skills, http://www.ehow.com: Improving your reading skills

116. Langer, Judith A. (1992), Literature Instruction, a focus on students response, National Council of teachers of English

117. Langer, Judith A. (1995), Envisioning Literature, Teachers College Press, New York

118. Moss, Joy F. (2014), Literature, Literacy and Comprehension strategies in the Elementary school, Nguồn: http://secure.ncte.org

119. Rosenblatt, Louise M. (1978), The Reader, The Text, The Poem: The transactional theory of literary work, Southern Illinois University Press

120. Rosenblatt, Louise M. (1970), Literature as exploration, Heinemann, London.

121. Martha Rapp Ruddell (2005), Teaching content reading and writing, Nguồn: Amazon.com

122. [Smith, F. (2004), *Understanding reading*, Lawrence Erlbaum Associates Publishers, New Jersey, 6th ed

123. Comprehension Skills, Strategies & Best Practices (Nguồn: http://www.benchmarkeducation.com

PHỤ LỤC

Phục lục 3.1: Hình ảnh một số trang văn bản minh hoạ đánh dấu, ghi chú khi đọc hiểu

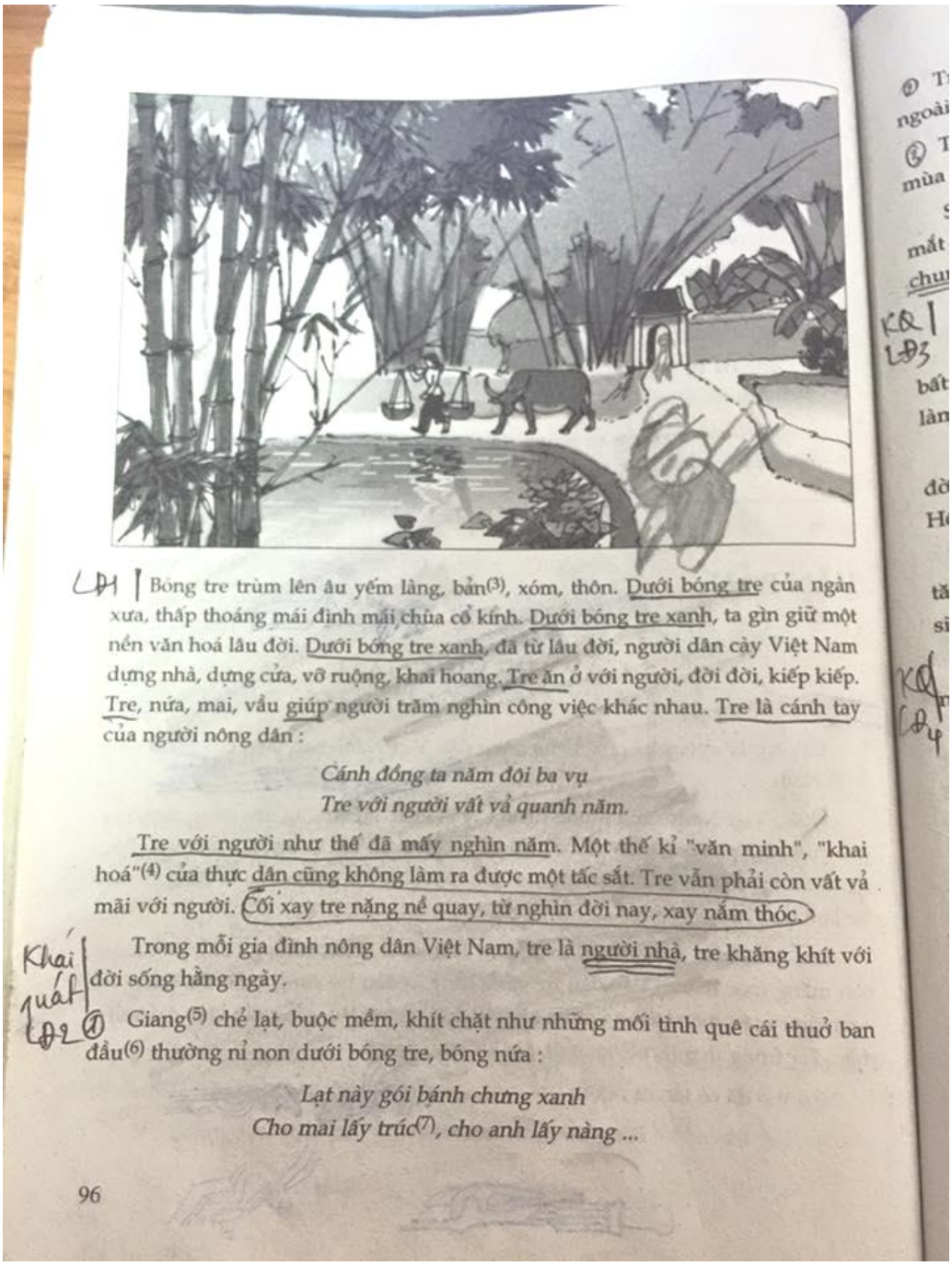

Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản[3], xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân :

Cánh đồng ta năm đôi ba vụ
Tre với người vất vả quanh năm.

Tre với người như thế đã mấy nghìn năm. Một thế kỉ "văn minh", "khai hoá"[4] của thực dân cũng không làm ra được một tấc sắt. Tre vẫn phải còn vất vả mãi với người. Cối xay tre nặng nề quay, từ nghìn đời nay, xay nắm thóc.

Trong mỗi gia đình nông dân Việt Nam, tre là người nhà, tre khăng khít với đời sống hằng ngày.

Giang[5] chẻ lạt, buộc mềm, khít chặt như những mối tình quê cái thuở ban đầu[6] thường nỉ non dưới bóng tre, bóng nứa :

Lạt này gói bánh chưng xanh
Cho mai lấy trúc[7], cho anh lấy nàng ...

Tre còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ. Các em bé còn có đồ chơi gì nữa ngoài mấy que chuyền đánh chắt[8] bằng tre.

Tuổi già hút thuốc làm vui. Vớ chiếc điếu cày tre là khoan khoái. Nhớ lại vụ mùa trước, nghĩ đến những mùa sau, hay nghĩ đến một ngày mai sẽ khác ...

Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay[9], nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thuỷ.

Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất.

Người xưa có câu : "Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng". Tre là thẳng thắn, bất khuất ! Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc.

Buổi đầu, không một tấc sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn ngàn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông[10] đã dựng nên thành đồng Tổ quốc[11] ! Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu !

(...) Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê. Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng rung lên man mác khúc nhạc đồng quê.

Diều bay, diều lá tre bay lưng trời ...

Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời ...

Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh diều.

Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, của tre ...

"Tre già măng mọc". Măng mọc trên phù hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam, lứa măng non của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Các em, các em rồi đây lớn lên, sẽ quen dần với sắt, thép và xi măng cốt sắt.

Nhưng, nứa, tre sẽ còn mãi với các em, còn mãi với dân tộc Việt Nam, chia vui sẻ ngọt của những ngày mai tươi hát, còn mãi với chúng ta, vui hạnh phúc, hoà bình.

Tre còn là nguồn vui duy nhất của tuổi thơ. Các em bé còn có đồ chơi gì nữa ngoài mấy que chuyền đánh chắt[8] bằng tre.

Tuổi già hút thuốc làm vui. Vớ chiếc điếu cày tre là khoan khoái. Nhớ lại vụ mùa trước, nghĩ đến những mùa sau, hay nghĩ đến một ngày mai sẽ khác ...

Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay[9], nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thuỷ.

Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất.

Người xưa có câu : "Trúc dẫu cháy, đốt ngay vẫn thẳng". Tre là thẳng thắn, bất khuất ! Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu của ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng ta đánh giặc.

Buổi đầu, không một tấc sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn ngàn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông[10] đã dựng nên thành đồng Tổ quốc[11] ! Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động ! Tre, anh hùng chiến đấu !

(...) Nhạc của trúc, nhạc của tre là khúc nhạc của đồng quê. Nhớ một buổi trưa nào, nồm nam cơn gió thổi, khóm tre làng rung lên man mác khúc nhạc đồng quê.

Diều bay, diều lá tre bay lưng trời ...

Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời ...

Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh diều.

Trời cao lồng lộng, đồng ruộng mênh mông hãy lắng nghe tiếng hát giữa trời cao của trúc, của tre ...

"Tre già măng mọc". Măng mọc trên phù hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam, lứa măng non của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Các em, các em rồi đây lớn lên, sẽ quen dần với sắt, thép và xi măng cốt sắt.

Nhưng, nứa, tre sẽ còn mãi với các em, còn mãi với dân tộc Việt Nam, chia ùi sẻ ngọt của những ngày mai tươi hát, còn mãi với chúng ta, vui hạnh phúc, oà bình.

Phụ lục 3.2a

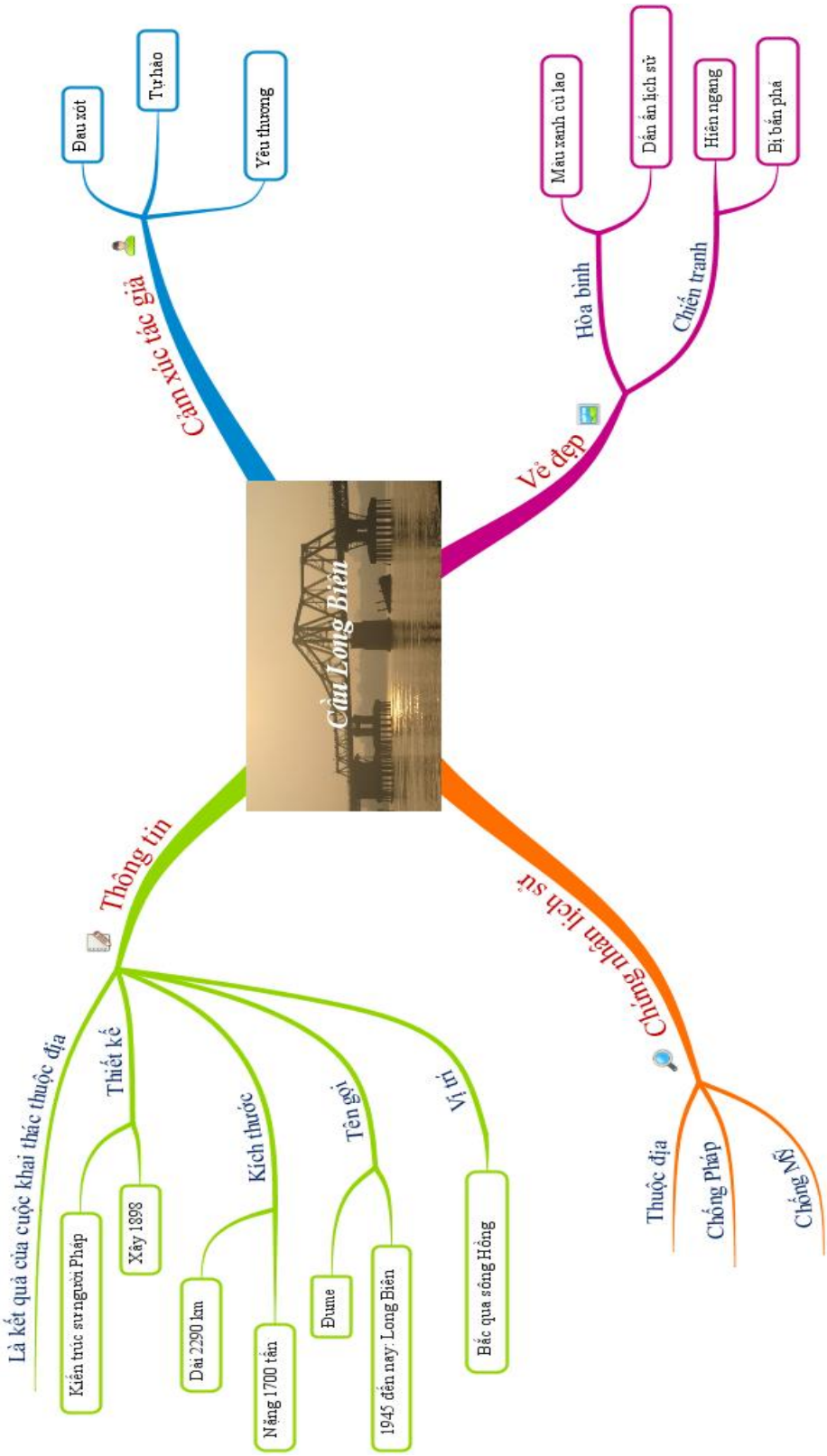
Cầu Long Biên
Cảm xúc tác giả
Đau xót
Tự hào
Yêu thương
Vẻ đẹp
Hòa bình
Màu xanh cổ kính
Dấu ấn lịch sử
Chiến tranh
Hiên ngang
Bị bắn phá
Thông tin
Là kết quả của cuộc khai thác thuộc địa
Thiết kế
Kiến trúc sư người Pháp
Xây 1898
Kích thước
Dài 2290 km
Nặng 1700 tấn
Tên gọi
Đume
1945 đến nay: Long Biên
Vị trí
Bắc qua sông Hồng
Chứng nhân lịch sử
Thuộc địa
Chống Pháp
Chống Mỹ

Phụ lục 3.2b.

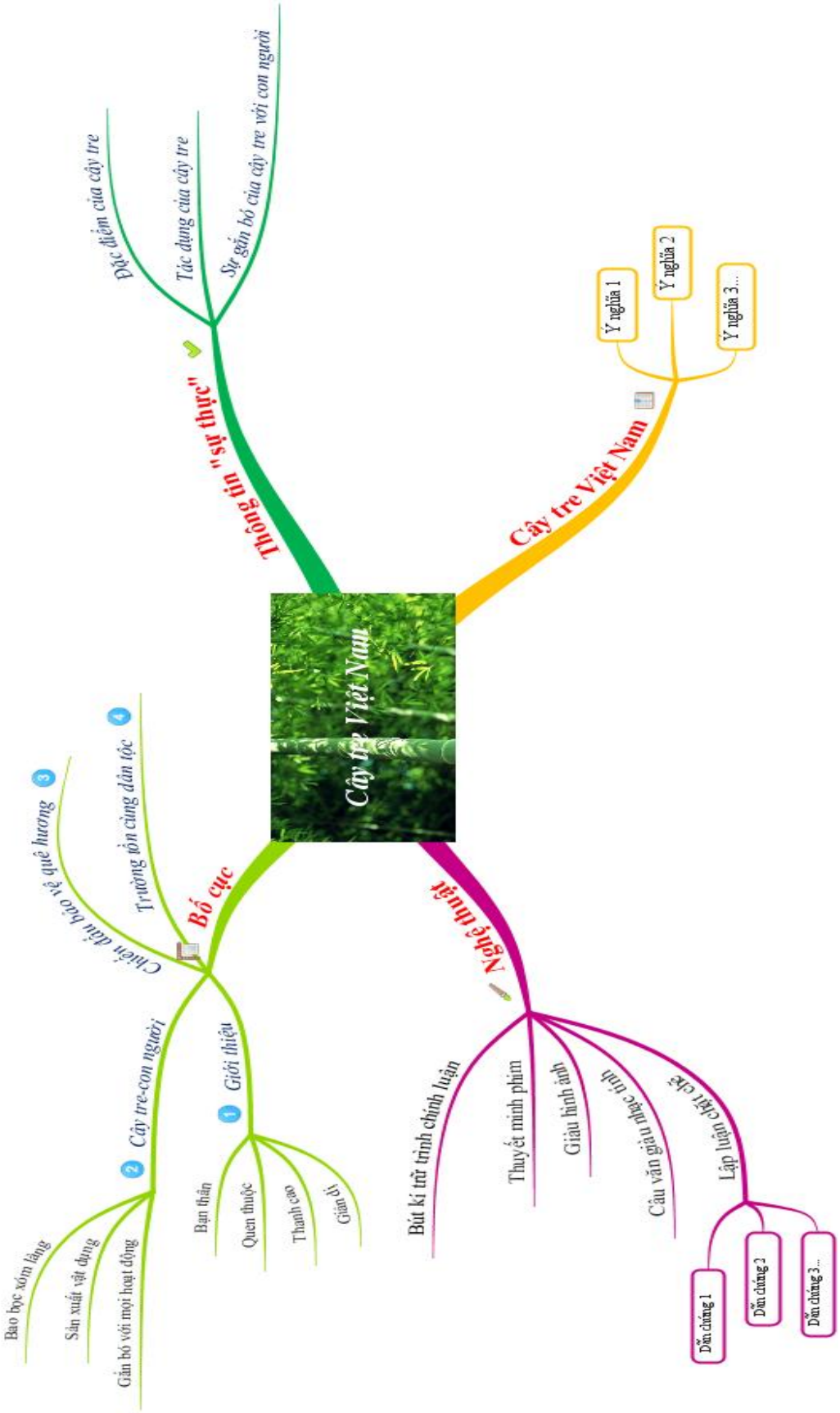
Cây tre Việt Nam
Thông tin "sự thực"
Đặc điểm của cây tre
Tác dụng của cây tre
Sự gắn bó của cây tre với con người
Cây tre Việt Nam
Ý nghĩa 1
Ý nghĩa 2
Ý nghĩa 3...
Bố cục
1 Giới thiệu
Bạn thân
Quen thuộc
Thanh cao
Giản dị
2 Cây tre-con người
Bao bọc xóm làng
Sản xuất vật dụng
Gắn bó với mọi hoạt động
3 Chiến đấu bảo vệ quê hương
4 Trường tồn cùng dân tộc
Nghệ thuật
Bút kí trữ tình chính luận
Thuyết minh phim
Giàu hình ảnh
Câu văn giàu nhạc tính
Lập luận chặt chẽ
Dẫn chứng 1
Dẫn chứng 2
Dẫn chứng 3 ...

Phụ lục 4.1: Đề kiểm tra sau thực nghiệm bài "Cây tre Việt Nam"

Phần 1: (Thời gian: 30 phút)

Câu 1: Đọc kĩ văn bản sau đó liệt kê một số chi tiết chứng minh sự gắn bó không thể tách rời giữa cây tre và con người Việt Nam?

……..

……..

Câu 2: Đọc đoạn văn sau rồi trả lời các câu hỏi:

"*… Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời , người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người , đời đời, kiếp kiếp. Tre, nứa, mai, vầu giúp người trăm nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân…"*

(Cây Tre Việt Nam - Thép Mới)

a. Gạch dưới các từ ngữ cho em biết tre được nhân hoá như một con người?

b. Gạch chân bộ phận trạng ngữ của các câu sau: "*Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang*."

c. Tìm và đánh dấu câu trong đoạn có cấu trúc là "câu trần thuật đơn có từ *là*"?

……..

Câu 3: Dựa vào bài văn hãy lí giải: Tại sao các nhà làm phim lại lựa chọn cây tre để làm phim nói về những đức tính tốt đẹp và tinh thần chiến đấu bất khuất, bền bỉ, kiên cường của người Việt Nam?

……..

……..

……..

Câu 4: Ngày nay, sắt thép đã nhiều hơn tre nứa. Luỹ tre xanh đang dần dần trở nên mờ xa, cả ở những làng quê. Hãy trình bày suy nghĩ của em về vấn đề này?

……..

……..

……..

……..

Câu 5: Em hãy giới thiệu tên một số vật dụng làm bằng tre mà em biết? Qua đó rút ra đặc điểm chung của các loại vật dụng đó?

……..

……..

Câu 6: Ngoài cây tre, người Việt Nam còn gắn bó với những loại cây nào?

……..

……..

Phần 2: *(Bài làm ở nhà)*

BT1*: Đọc văn bản sau:*

Cây thốt nốt – biểu tượng văn hoá của người Khmer

Đối với người Khmer, thốt nốt không phải là một loài thực vật thuần túy mà là một loại cây đặc biệt, có tính biểu trưng rất cao. Do vậy, sẽ không có gì ngạc nhiên khi thấy cây thốt nốt luôn hiện hữu và là một phần không thể tách rời trong đời sống của người Khmer.

Thốt nốt là loại cây có nguồn gốc từ Châu Phi, thân gỗ, cao, vững chãi, dễ trồng và sống rất lâu. Xét về giá trị kinh tế, loại cây này không cho hiệu quả cao, thua xa cây dừa. Tuy nhiên, xét về mặt biểu tượng, ý nghĩa văn hóa thì thốt nốt lại vượt trội hơn hẳn các loại cây khác.

Có thể nói, trong đời sống thường nhật, người Khmer chưa bao giờ tách khỏi cây thốt nốt. Từ nó, người ta có thể làm ra rất nhiều sản phẩm độc đáo như: đường thốt nốt, chè thốt nốt, đũa thốt nốt, quạt thốt nốt, thậm chí còn chế biến được cả bia thốt nốt,... Sự xuất hiện của cây thốt nốt nhiều khi như là dấu hiệu để nhận biết nơi

đó có người Khmer sinh sống. Và việc họ trồng nó cũng đơn giản vì nó là cái gốc văn hóa của họ.

Cây thốt nốt còn được xem là biểu tượng cho đức tính nhẫn nại, chịu khó của người Khmer. Dù cho quanh năm phải làm trên những cánh đồng cháy nắng, mùa màn thất bát nhưng họ vẫn hài lòng với cuộc sống của mình. Cũng như cây thốt nốt, dù đất đai khô cằn, khí hậu khắc nghiệt nhưng cây vẫn vươn mình lên không trung, đương đầu với nắng và gió. Mặc cho sự vật đổi dời, cây thốt nốt vẫn thủy chung với vùng đất mà mình đang sống, vẫn cho trái ngọt, vẫn che chở và gắn bó với người Khmer từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Không những vậy, nếu có ai đó đã từng ngắm những cây thốt nốt sẽ nhận ra rằng, tuy có hình thức không đẹp (lớp da thì xù xì lại sạm đi vì nắng, lá không dài và cũng không uốn cong, trái nhỏ với màu đen đặc biệt) nhưng đó lại là một vẻ đẹp hết sức mộc mạc, đáng yêu. Rõ ràng, cây thốt nốt không sặc sỡ như đỗ quyên, không "thanh khiết" như cây thông, không "sang trọng" như cây tùng, không "dịu dàng" như cây liễu,... nhưng vẫn nhận được sự trân trọng của tất cả mọi người. Điều này làm ta liên tưởng đến hình ảnh những người Khmer chân chất, rất giản đơn nhưng lại vô cùng thân thiện. Người Khmer không chú trọng lắm đến hình thức bên ngoài, nét đẹp của họ thường được bộc lộ từ bên trong. Họ nói chuyện như mở hết lòng, chân tình và ấm áp. Họ giúp người như chính bản thân, không bận chi thua thiệt. Nói chung, từ lời ăn, tiếng nói, cách ăn mặc, cư xử,… ở họ đều toát lên một nét giản dị đến kì lạ, sự chất phác đến không ngờ. Với họ, một hình thức giản đơn, một tâm hồn trong sáng là cái cốt lõi của mỗi con người.

Cây thốt nốt sẽ vẫn là một biểu tượng văn hoá, sẽ luôn tồn tại trong từng kí ức người Khmer và mãi mãi trong lòng dân tộc Khmer.

(Nguồn: Báomới.com)

Thực hiện các yêu cầu sau:

1- Xác định bố cục và tóm tắt nội dung văn bản bằng cách lập dàn ý.

……..

2- Đọc kĩ văn bản và gạch chân (đánh dấu hoặc ghi chú) các từ ngữ, hình ảnh câu, đoạn văn trực tiếp nói về:

- Đặc điểm của cây thốt nốt: nguồn gốc, hình dáng, sức sống của cây thốt nốt.

- Giá trị của cây thốt nốt: giá trị kinh tế và giá trị văn hoá (sự gắn bó của cây thốt nốt đối với người Khmer…)

- Phẩm chất, tính cách nổi bật của người Khmer.

……..

3- Tìm và ghi lại những điểm tương đồng giữa cây thốt nốt và người Khmer?

……..

4- Nhận xét về sự khác nhau trong cách viết của bài văn "Cây thốt nốt" và "Cây tre Việt Nam"?

……..

BT 2: Dựa vào nội dung bài "Cây tre Việt Nam" của Thép Mới, em hãy viết một đoạn thơ (hoặc bài thơ ngắn) thuộc thể thơ năm chữ với nhan đề "Bạn tre của em".

……..

BT3: Viết đoạn văn từ 5 – 7 câu giới thiệu về một loài cây gắn bó với cuộc sống của người dân quê em.

……..

Phụ lục 4.2: Đề kiểm tra sau thực nghiệm

(Đọc hiểu văn bản "**Một thứ quà của lúa non: Cốm – Thạch Lam**")

Phần 1: *(Thời gian làm bài: 30 phút tại lớp)*

1. Bằng những thông tin em nhận được từ văn bản "*Một thứ quà của lúa non: Cốm*" hãy thuyết trình để thuyết phục mọi người rằng: "Cốm là một món quà tinh khiết và trang nhã"?

……..

……..

2. Ghi lại 2 – 3 câu văn của Thạch Lam trực tiếp bình luận về cốm?

……..

3. Đặc điểm nổi bật trong phong cách nghệ thuật Thạch Lam thể hiện trong bài văn?

……..

4. Theo em, qua việc ca ngợi cốm – một thứ quà vặt đặc sắc của Hà Nội, tác giả muốn thể hiện điều gì?

……..

……..

5. Trình bày ngắn gọn ý kiến của em về vai trò của việc giới thiệu và bảo tồn những món quà đặt sản mang hương vị quê hương ở mọi miền đất nước?

……..

……..

Phần 2: (Bài làm ở nhà)

BT1: Đọc kĩ văn bản sau:

Chuyện Cơm Hến

Người Huế ăn giống như học bài học cuộc đời, phải nếm đủ vị mặn, lạt, chua, cay, ngọt, bùi... không chê vị nào; lại còn tỏ ra thích thú với hai vị mà thiên hạ đều sợ là cay và đắng. Nhưng lạ nhất là thói ăn cay, đến nỗi chính tôi cũng không hiểu sao mình ăn cay đến như vậy.

Tôi xin giới thiệu một ngày "hạnh phúc trời hành" của dân Huế tôi, bắt đầu bằng món cơm hến.

Trước hết, nói về cơm. Người Việt mình ăn cơm kiểu nào cũng phải nóng, duy chỉ cơm hến nhất thiết phải là cơm nguội. Hình như người Huế muốn bày tỏ một quan niệm rằng trên đời chẳng có một vật gì đáng phải bỏ đi, nên bày ra món cá lẹp kẹp rau mưng, và món cơm nguội với những con hến nhỏ lăn tăn làm sốt ruột người chế biến món ăn, gọi là cơm hến. Hến ở Huế, ngon nhất là hến cồn, do đó cái gò nổi chiếm vị trí "Tả Thanh Long" rất mực sang trọng trong Dịch Lý của kiến trúc kinh thành, dân chỉ gọi nôm na là Cồn Hến…

Mặt hến là vị chủ của cơm hến, xào kèm theo bún tàu (miến), măng khô và thịt heo thái chỉ. Món thứ ba trong cơm hến là rau sống. Chỉ một nhúm thôi, nhưng rau sống là thân chuối hoặc bắp chuối xắt mảnh như sợi tơ, trộn lẫn với môn bạc hà, khế và rau thơm thái nhỏ, có khi còn điểm thêm những cánh bông vạn thọ vàng, nhìn tươi mắt và có thêm mùi hương riêng.

Nước luộc hến được múc ra từ chiếc nồi bung bốc khói nghi ngút, bằng chiếc

gáo làm bằng sọ dừa xinh xắn, cho vào đầy một cái tô đã gồm đủ cơm nguội, hến xào, rau sống và được gia thêm đủ vị đồ màu. Nước hến có giã thêm gừng, màu trắng đùng đục. Vâng, mê nhất cái màu đùng đục ấy, ăn cơm hến mà chê nước đục là... dại!

Bộ đồ màu của cơm hến là nhiêu khê nhất thiên hạ. Đây là bảng liệt kê các món gia vị mà tôi từng quan sát được ở một gánh cơm hến, chắc có thể coi là "lý tưởng", như sau: 1. Ớt tương, 2. Ớt màu, ớt dầm nước mắm 3. Ruốc sống, 4. Bánh tráng nướng bóp vụn, 5. Muối rang, 6. Hạt đậu phụng rang mỡ, giã hơi thô thô, 7. Mè rang, 8. Da heo rang giòn, 9. Mỡ và tóp mỡ, 10. Vị tinh. Tất cả được đựng trong những thẩu, những vịm bày trên một cái trẹc, o bán cơm hến lấy ra bằng những chiếc gáo mù-u nhỏ xíu, bàn tay thoăn thoắt mỗi thứ một ít như là rây... nước thánh!

Tôi nhớ lần ấy, chiều mưa râm ri cữ tháng Mười một, tôi ngồi ăn cơm hến ở nhà Bửu Ý ở đường Hàng Me. Đây là lần đầu tiên, tôi ăn một tô cơm hến bằng tất cả tâm hồn. Thấy chị bán hàng phải cho quá nhiều thứ trong bát cơm nhỏ, công thế mà chỉ bán có năm đồng bạc, tôi thấy làm ái ngại hỏi chị:

- Lời lãi bao nhiêu mà chị phải công kỹ đến thế. Chỉ cần ba bốn thứ, vừa vừa thôi, có đỡ mất công không?

Chị nhìn tôi với đôi mắt giận dỗi rất lạ:

- Nói như cậu thì... còn chi mà là Huế!

Chị gánh hàng đi, dáng gầy mỏng manh, chiếc áo dài đen cũ kỹ, chiếc nón cời và tiếng rao lanh lảnh, bây giờ tôi mới phát hiện thêm vị thứ mười lăm, là lửa. Vâng, một bếp lửa chắt chiu, ấp ủ đi trong mưa suốt mùa đông, bền bỉ theo bước chân người...

Huế, tháng 11 năm 2005

Theo Hoàng Phủ Ngọc Tường, (Nguồn: nhavanhue.org.vn)

Thực hiện các yêu cầu:

1. Đọc và tóm tắt nội dung bài kí bằng hình thức sơ đồ tư duy?

……..

2. Bài kí trên đã cho em thêm hiểu biết gì về xứ Huế?

……..

3. Tìm những từ ngữ, hình ảnh, câu văn trong bài viết trực tiếp thể hiện bản sắc Huế?

……..

……..

4. Tìm câu văn, đoạn văn trực tiếp thể hiện suy nghĩ, lời bàn luận của nhà văn về cơm hến?

……..

……..

BT2: Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một thứ quà đặc trưng của quê hương.

……..

Phụ lục 4.3: Đề kiểm tra sau thực nghiệm

(Sau bài Đọc hiểu văn bản "Người lái đò Sông Đà" của Nguyễn Tuân)

Phần 1: *(Thời gian làm bài 30 phút)*

1. Tóm tắt văn bản Người lái đò sông Đà bằng một sơ đồ dàn ý?

……..

2. Ghi lại một số hình ảnh, câu văn, biện pháp tu từ đặc sắc trong văn bản?

……..

3. Xác định các chi tiết chính trong văn bản thể hiện hai phương diện "hung bạo" và "trữ tình" của Sông Đà?

……..

4. Chọn trong văn bản một số dẫn chứng thể hiện đặc điểm nổi bật trong phong cách nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Tuân: tài hoa, uyên, bác và rất nghệ sĩ

……..

5. Sau khi ĐHVB "Người lái đò sông Đà" của Nguyễn Tuân em có suy nghĩ gì về cuộc sống, về vẻ đẹpc on người trong lao động?

…….

Phần 2: *(Bài làm ở nhà)*

BT1: *Đọc kĩ văn bản sau:*

BƠI NGƯỢC SÔNG HỒNG

"Bơi ngược sông Hồng", không phải tôi đang mơ màng cảm hứng lập tứ một

bài thơ hay đang muốn mở đầu một bút ký đề tài lịch sử. "Bơi ngược sông Hồng", tôi đang nói, đang dùng nghĩa đen của mệnh đề đơn giản ấy!

Nơi tôi cố mà bơi ngược sông Hồng là nơi một dòng chảy đang xói vào bờ. Để chống lở người ta đã phải xây một kè đá ra chính giữa dòng sông, đã phải đóng ven bờ hàng dãy dài những cọc bê tông cốt thép, mỗi cọc cao hàng chục mét, đã phải đổ hàng núi đá dọc theo mép nước. Người ta đã có thể hạn chế sức mạnh hung hãn của dòng nước nhưng vẫn chưa thể uốn nắn được nó. Nhất thủy, nhì hỏa, dòng sông vẫn chảy xiết như ngàn đời nay vẫn chảy!

Nơi ấy vốn là một bờ lau rậm rạp ngăn giữa dòng nước đỏ ngầu và mùa màng xanh ngát nơi đất bãi. Bờ lau ấy bị tấn công từ hai phía, một bên là sự xâm thực của con sông và một bên là sự khai khẩn của con người. Trong một ngày đẹp trời con người đã mở được lối ra với dòng sông và con sông đã cuốn trôi đi vô vàn những lau sậy để tạo ra một bến lở. Rồi có một ngày, có một người đầu tiên xuống tắm, xuống vùng vẫy bơi lội với dòng sông...

Đấy là một bãi tắm bên bờ dải đất phù sa màu mỡ nổi lên ở chính giữa sông Hồng đoạn chảy qua Hà Nội (từ dưới cầu Chương Dương, phường Phúc Tân - Hoàn Kiếm tới phường Nhật Tân, Tây Hồ) mà từ lâu đã được gọi là Bãi Giữa. Một bãi tắm dân dã, tự nhiên, miễn phí bên dòng sông thao thiết chảy gọi mời những ai yêu thiên nhiên hoang dã, thích một chút phiêu lưu, mạo hiểm. Xin bạn một lần ra bơi ở sông Hồng! Dòng nước bạn đã gặp mỗi lần qua cầu Sông Cái, là cảm hứng sống, cảm hứng thi ca của bao thê hệ, sẽ ôm lấy cơ thể bạn. Xin bạn đằm mình vào hiện tại và... bơi ngược sông Hồng.

Với sức chảy hiện nay ở cái nơi tôi vừa mô tả, thực ra bạn không thể bơi ngược dòng sông. Bạn phải cố hết mình để sông không cuốn bạn về xuôi, để bạn trụ được tại một chỗ trên mặt nước và cảm nhận sông đang chảy, đang vuốt ve da thịt mình. Trong một khái niệm chuyển động tương đối bạn đang bơi ngược sông Hồng! Chỉ thế thôi cũng đã xứng đáng với công lao lặn lội ra với dòng sông, xứng đáng với một chút lòng dũng cảm mà bạn đã thể hiện!

Đấy là những người biết bơi, còn những người không biết bơi thì sao? Theo lẽ thường, những người không biết bơi tốt nhất không nên xuống nơi nước đang chảy xiết!

Nhưng bầu trời trên sông Hồng không phải bao giờ cũng xanh trong để khi thả

mình theo dòng nước bạn có thể nhìn suốt đến tận cầu Chương Dương, ngắm dãy phố lô nhô của "thành phố" Gia Lâm bên bờ Bắc, hay khi ngửa mình nhìn mây trắng nhởn nhơ bay lúc chiều về cùng vầng trăng thượng tuần như một nét mày phía chân trời thượng nguồn. Sông Hồng còn là một cái rốn giông bão. "Sông Hồng, sông Hồng mùa mưa lũ/ tôi qua sông trong tiếng hú đại ngàn/ tôi qua sông trong ầm ào thác đổ/ đường tôi đi cắt ngang thành phố/ thành phố có sông Hồng hùng vĩ sau lưng!" Đấy chỉ là cảm nhận khi ta băng qua cầu Long Biên phía trên cơn lũ đầy cuồng nộ. Còn khi bạn có mặt bên bờ Bãi Giữa trong cơn giông thì tình thế khó khăn hơn nhiều. Cơn giông đen rầm đằng Tây, cơn giông đen rầm đằng Đông, cả bầu trời đang sập xuống! Những mái nhà dựng tạm bằng các tấm phế liệu nhặt nhạnh trong thành phố của cư dân đất bãi chỉ là những tổ chim tội nghiệp bằng rơm rác, những nhà "thủy tọa" dựng trên các phao kết bằng thùng phuy trông còn thảm hại hơn. Tôi đã thấy những người đàn bà (không hiểu sao chỉ thấy đàn bà) Bãi Giữa, quần áo xác xơ, tất bật kéo dây cáp, đóng cọc chằng "nhà nổi", can trường trèo lên vá víu mái nhà trong khi những con chó gầy ướt lướt thướt tru lên sợ hãi. Cơn lốc ập đến, mặt sông Hồng đen thẫm cuộn sóng, cơn cuồng phong hất tung những chiếc lều lên không rồi quật xuống, chúng chỉ là mấy cái diều giấy trong tay thiên tai hung dữ!

Thế mà chỉ hôm sau thôi, khi tôi lò dò ra Bãi Giữa thì mọi sinh hoạt dường như vẫn như hôm qua, như mấy hôm trước. Các quán nước vẫn mở hàng, những người đàn bà đất bãi lại mưu sinh bằng những quán hàng xập xệ nhưng vô cùng chân tình và ấm cúng của mình còn những người đàn ông đen đúa, vạm vỡ đang vực lại nhà cửa, vườn cây đổ nát. Tôi hỏi thế hôm qua, lúc cơn giông các bác ở đâu? Còn ở đâu nữa, ở ruộng rau, vườn chuối, đang ở nơi chăn thả trâu bò, ở trên thuyền câu, thuyền lưới, ở các góc chợ, vỉa hè trong thành phố bên sông... Những con người trôi dạt về đây từ nhiều nơi, họ đã sống qua những đêm không điện, những mùa bão lũ, vượt qua bao tai nạn ở đời, vượt qua cái nghèo đeo đẳng, vượt qua sự vô tâm và ghẻ lạnh của người đời để trụ lại trên trên mảnh đất mầu mỡ nhưng đầy ẩn họa, rất gần mà rất xa thành phố đô hội và ồn ã. Họ phải sống, phải bơi ngược sông Hồng!

Đến đây tôi mới nhận ra rằng chuyện bơi ngược một dòng sông, nhất là sông Hồng, dòng sông biểu tượng, tự thân đã không bao giờ chỉ là chuyện vùng vẫy để

vượt sức cản của dòng nước chảy xuôi mà thôi. Những suy ngẫm khi bơi trên dòng nước đã chảy qua Đất Nước này hàng triệu năm khiến cho câu chuyện thành đa nghĩa. Và vì thế hằng ngày bạn lại ra sông với một niềm vui mới, một hào hứng mới. Câu chuyện của những người dân khát đất bám trụ trên Bãi Giữa đầy bất trắc là chuyện của ngày hôm nay mà cứ như là chuyện của ngàn năm trước khi những người đầu tiên đi mở đất...

Sông Hồng bồi đắp nên đồng bằng Bắc Bộ, làm nên cái nôi của một nền văn minh, một nền văn hoá đặc sắc lâu đời, của một xã hội tạo nên nhà nước sớm nhất Đông Nam Á! Sông Hồng là chứng nhân lịch sử hình thành và phát triển dân tộc và quốc gia Việt. Mỗi hành vi dù là nhỏ nhất trong cư xử với dòng sông không thể là ngẫu nhiên, là tùy hứng. Vì thế "bơi ngược sông Hồng" chỉ là nghĩa đen thôi, thật lòng mà nói là chưa trọn vẹn!

Những đêm không đèn mưa phùn gió bấc, nằm trong túp lều xơ xác của mình không biết người dân đất bãi đã nghe sông Hồng chia sẻ những gì? Những người đi chơi sông như tôi làm sao mà biết được nhưng tôi nghĩ răng họ nghe thấy những nỗi niềm mà khi ta đọc những vần thơ hào sảng chắc gì đã nghe thấy được. Thế mà có một người đã viết điều đó, anh là một nhạc sĩ không chuyên nhưng những ca từ của anh là câu thơ về sông Hồng ấn tượng nhất: "*Đêm lặng nghe trong gió tiếng sông Hồng thở than...*"

Trích "**Ký sự sông Hồng"** của Nghiêm Huyền Vũ

(Nguồn: VanVn.net, 04-07-2015)

Thực hiện các yêu cầu sau:

1. Đọc và thực hiện các thao tác đánh dấu ghi chú các từ ngữ, câu, đoạn hoặc chi tiết, hình ảnh có ý nghĩa quan trọng trong văn bản?

2. Lập sơ đồ tư duy tóm tắt nội dung và khái quát ý nghĩa của văn bản.

3. Chọn một số chi tiết hoặc câu văn, đoạn văn trong bài mà em thích nhất và phân tích ý nghĩa nghệ thuật của các chi tiết hoặc câu văn đó?

……

4. Theo em, nội dung của bài viết có đúng chỉ giới thiệu việc "bơi ngược sông Hồng" theo nghĩa đen thôi hay không?

BT2: Viết một đoạn văn với nhan đề : "Dòng sông quê hương".